

SACHHOC.COM

130 ĐỀ THI

HỌC SINH GIỎI

MÔN

NGỮ VĂN

9

Chuyên đề

NGHỊ LUẬN VĂN HỌC



SACHHOC.COM

Thể
loại
tự sự



SACHHOC.COM

Thể loại
trữ tình



SACHHOC.COM

Ý kiến
văn học



SACHHOC.COM

So sánh
văn học

SACHHOC.COM

130 ĐỀ THI

**HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 9
CHUYÊN ĐỀ: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

NGHI LUẬN VĂN HỌC

ĐỀ SỐ 1

Những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp qua truyện ngắn “*Làng*” của nhà văn Kim Lân.

GỢI Ý LÀM BÀI

A/ Yêu cầu về kĩ năng:

Đúng thể văn nghị luận, bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lí, bài viết không sai lỗi chính tả, bố cục 3 phần.

B/ Yêu cầu về kiến thức:

Cần làm rõ các nội dung sau:

I- Mở bài:

- Kim Lân thuộc lớp các nhà văn đã thành danh từ trước Cách mạng Tháng 8 – 1945 với những truyện ngắn nổi tiếng về vẻ đẹp văn hoá xứ Kinh Bắc. Ông gắn bó với thôn quê, từ lâu đã am hiểu người nông dân. Đi kháng chiến, ông tha thiết muốn thể hiện tinh thần kháng chiến của người nông dân
- Truyện ngắn *Làng* được viết và in năm 1948, trên số đầu tiên của tạp chí Văn nghệ ở chiến khu Việt Bắc. Truyện nhanh chóng được khẳng định vì nó thể hiện thành công một tình cảm lớn lao của dân tộc, tình yêu nước, thông qua một con người cụ thể, người nông dân với bản chất truyền thống cùng những chuyển biến mới trong tình cảm của họ vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

II- Thân bài

1. *Truyện ngắn Làng biểu hiện một tình cảm cao đẹp của toàn dân tộc, tình cảm quê hương đất nước.* Với người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến thì tình yêu làng xóm quê hương đã hoà nhập trong tình yêu nước, tinh thần kháng chiến. Tình cảm đó vừa có tính truyền thống vừa có chuyển biến mới.
2. *Thành công của Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lí chung ấy trong sự thể hiện sinh động và độc đáo ở một con người, nhân vật ông Hai.* ở ông Hai tình cảm chung đó mang rõ màu sắc riêng, in rõ cá tính chỉ riêng ông mới có.
 - a. *Tình yêu làng, một bản chất có tính truyền thống trong ông Hai.*
 - Ông hay khoe làng, đó là niềm tự hào sâu sắc về làng quê.
 - Cái làng đó với người nông dân có một ý nghĩa cực kì quan trọng trong đời sống vật chất

và tinh thần.

b. Sau cách mạng, đi theo kháng chiến, ông đã có những chuyển biến mới trong tình cảm.

- Được cách mạng giải phóng, ông tự hào về phong trào cách mạng của quê hương, về việc xây dựng làng kháng chiến của quê ông. Phải xa làng, ông nhớ quá cái không khí “đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá...”; rồi ông lo “cái chòi gác,... những đường hầm bí mật...” đã xong chưa?

- Tâm lí ham thích theo dõi tin tức kháng chiến, thích bình luận, náo nức trước tin thắng lợi ở mọi nơi “Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng cũng vậy, hôm nay dăm khẩu, ngày mai dăm khẩu, tích tiểu thành đại, làm gì mà thằng Tây không bước sớm”.

c. Tình yêu làng gắn bó sâu sắc với tình yêu nước của ông Hai bộc lộ sâu sắc trong tâm lí ông khi nghe tin làng theo giặc.

- Khi mới nghe tin xấu đó, ông sững sờ, chưa tin. Nhưng khi người ta kể rành rọt, không tin không được, ông xấu hổ lảng ra về. Nghe họ chì chiết ông đau đớn cúi gằm mặt xuống mà đi.

- Về đến nhà, nhìn thấy các con, càng nghĩ càng tủi hổ vì chúng nó “cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi”. Ông giận những người ở lại làng, nhưng điểm mặt từng người thì lại không tin họ “đổ đốn” ra thế. Nhưng cái tâm lí “không có lửa làm sao có khói”, lại bắt ông phải tin là họ đã phản nước hại dân.

- Ba bốn ngày sau, ông không dám ra ngoài. Cai tin nhục nhã ấy choán hết tâm trí ông thành nỗi ám ảnh khủng khiếp. Ông luôn hoảng hốt giật mình. Không khí nặng nề bao trùm cả nhà.

- Tình cảm yêu nước và yêu làng còn thể hiện sâu sắc trong cuộc xung đột nội tâm gay gắt: Đã có lúc ông muốn quay về làng vì ở đây tủi hổ quá, vì bị đẩy vào bế tắc khi có tin đồn không đâu chứa chấp người làng chợ Dầu. Nhưng tình yêu nước, lòng trung thành với kháng chiến đã mạnh hơn tình yêu làng nên ông lại dứt khoát: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”. Nói là như vậy nhưng thực ra thì lòng ông đau như cắt.

- Tình cảm đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ được bộc lộ một cách cảm động nhất khi ông chúi nỗi lòng vào lời tâm sự với đứa con út ngây thơ. Thực chất đó là lời thanh minh với cụ Hồ, với anh em đồng chí và tự nhủ mình trong những lúc thử thách căng thẳng này:

+ Đứa con ông bé tí mà cũng biết giơ tay thề: “ ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!” nữa là ông - bố của nó.

+ Ông mong “Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông”.

+ Qua đó, ta thấy rõ:

Tình yêu sâu nặng đối với làng chợ Dầu truyền thống (chứ không phải cái làng đồ đồn theo giặc).

Tấm lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng với kháng chiến mà biểu tượng của kháng chiến là cụ Hồ được biểu lộ rất mộc mạc, chân thành. Tình cảm đó sâu nặng, bền vững và vô cùng thiêng liêng : có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.

d. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí trĩu nặng được trút bỏ, ông Hai tột cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.

- Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí “Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước” của người nông dân lao động bình thường.

- Việc ông kể rành rọt về trận chống càn ở làng chợ Dầu thể hiện rõ tinh thần kháng chiến và niềm tự hào về làng kháng chiến của ông.

3. Nhân vật ông Hai để lại một dấu ấn không phai mờ là nhờ nghệ thuật miêu tả tâm lí tính cách và ngôn ngữ nhân vật của người nông dân dưới ngòi bút của Kim Lân.

- Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống thử thách bên trong để nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

- Miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại.

Ngôn ngữ của Ông Hai vừa có nét chung của người nông dân lại vừa mang đậm cá tính nhân vật nên rất sinh động.

III- Kết bài:

- Qua nhân vật ông Hai, người đọc thấm thía tình yêu làng, yêu nước rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân lao động bình thường.

- Sự mở rộng và thống nhất tình yêu quê hương trong tình yêu đất nước là nét mới trong nhận thức và tình cảm của quần chúng cách mạng mà văn học thời kháng chiến chống Pháp đã chú trọng làm nổi bật. Truyện ngắn Làng của Kim Lân là một trong những thành công đáng quý.

ĐỀ SỐ 2

Cảm nhận của em về nét đẹp đạo lý ân nghĩa, thủy chung của con người Việt Nam được thể hiện trong hai bài thơ *Bếp lửa* (Bằng Việt) và *Ánh trăng* (Nguyễn Duy).

GỢI Ý LÀM BÀI

Yêu cầu về kĩ năng:

- Bài làm phải được tổ chức thành bài làm văn hoàn chỉnh.
- Biết vận dụng kĩ năng nghị luận về một bài thơ (đoạn thơ); kĩ năng phân tích, tổng hợp.
- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy; hạn chế lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở những hiểu biết về giá trị nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ *Bếp lửa* (Bằng Việt) và *Ánh trăng* (Nguyễn Duy), học sinh có thể tổ chức bài làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu khái quát hai tác phẩm và vấn đề cần nghị luận: nét đẹp đạo lý ân nghĩa, thủy chung của con người Việt Nam.

2/ Thân bài: Trình bày cảm nhận và suy nghĩ về đạo lý ân nghĩa, thủy chung của con người Việt Nam trong hai bài thơ:

+ Bài thơ *Bếp lửa*, đạo lý ân nghĩa thủy chung được thể hiện trong tình yêu thương và lòng biết ơn bà - thông qua hình tượng nghệ thuật bếp lửa nồng ấm (luôn nhớ về những năm tháng tuổi thơ xa cha mẹ, sống bên bà, trong tình yêu thương chăm sóc của bà; xót xa, thương cảm, thấu hiểu những gian nan, cơ cực của cuộc đời bà; khẳng định công lao to lớn của bà, ngọn lửa từ tay bà nhóm lên trở thành ngọn lửa thiêng liêng kì diệu trong tâm hồn cháu, toả sáng và sưởi ấm suốt cuộc đời cháu...)

+ Bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy, đạo lý ân nghĩa thủy chung được thể hiện qua tâm tình của nhân vật trữ tình - thông qua hình tượng nghệ thuật vầng trăng tình nghĩa (thái độ, tình cảm của nhân vật trữ tình đối với quá khứ gian lao, tình nghĩa, đối với thiên nhiên đất nước bình dị, hiền hậu)

Khái quát: Ân nghĩa, thủy chung luôn là truyền thống đẹp của dân tộc, truyền thống ấy bao trùm cách sống, cách ứng xử của con người Việt Nam trong mọi quan hệ. Từ mối quan hệ gia đình trong bài *Bếp lửa* đến mối quan hệ với quá khứ, với lịch sử, với nhân dân và đất nước trong bài *Ánh trăng*.

3/ Kết bài : Khẳng định nét đẹp đạo lý ân nghĩa thủy chung trong hai bài thơ và nêu ấn tượng của bản thân.

ĐỀ SỐ 3

Nhà thơ Huy Cận nói về bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* của mình như sau: “*Bài thơ của tôi là một cuộc chạy đua giữa con người và thiên nhiên, và con người đã chiến thắng*”.

(Trích “*Nhà văn nói về tác phẩm*”, NXB Văn học).

Dựa vào nội dung bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* (Huy Cận), em hãy làm rõ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI:

I. Yêu cầu về kĩ năng : Kết cấu bài làm chặt chẽ, hợp lí, văn diễn đạt mạch lạc, sáng rõ, có cảm xúc. Đảm bảo viết đúng chính tả, ngữ pháp.

II. Yêu cầu về kiến thức:

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác bài thơ, nêu nhận định của tác giả về bài thơ.

2/ Thân bài:

- Giải thích nhận định của tác giả: Bài thơ là cuộc chạy đua giữa con người và thiên nhiên và con người đã chiến thắng.

- Chứng minh: Biểu hiện của cuộc chạy đua (Dựa vào khí thế ra khơi, đánh cá và trở về của những người lao động)

Thời gian diễn ra các hoạt động của đoàn thuyền đánh cá cũng là thời gian vận động của thiên nhiên vũ trụ từ hoàng hôn đến bình minh. Không gian nghệ thuật trong bài thơ là khung cảnh biển cả, mở rộng ra là cả vũ trụ bao la với mặt trời, trăng, sao. Giữa không gian rộng lớn ấy là hình ảnh đoàn thuyền đánh cá và con người lao động vừa nổi bật, vừa hài hòa với khung cảnh thiên nhiên, vũ trụ.

+ Khí thế ra khơi của đoàn thuyền: Ra đi khi hoàng hôn buông xuống, sóng cài then, đêm sập cửa - thiên nhiên đang trong trạng thái nghỉ ngơi khi một ngày khép lại thì con người bắt đầu công việc của mình: ra khơi. Họ mang theo âm hưởng tiếng hát hào hứng và sôi nổi, nói lên niềm vui và sự hăng say của những người lao động mới làm chủ thiên nhiên đất nước, làm chủ cuộc đời mình.

+ Cảnh đánh cá trên biển: Bốn khổ thơ giữa tác giả đã làm nổi bật vẻ kỳ vĩ của thiên nhiên trời biển và nổi lên trên cảnh ấy là bức tranh sinh động, khẩn trương của ngư dân. Những hình ảnh *lái gió, buồm trắng, dàn đan thế trận, mây cao biển bằng, dò bụng biển* đã nâng tầm vóc con người lên cao hòa nhập với vũ trụ, cả đoàn thuyền lướt tới với tất cả sức mạnh chinh phục biển cả, chinh phục thiên nhiên.

Thực tế thì công việc rất vất vả, nặng nề, hoàn cảnh làm việc đầy thử thách: thời gian là suốt đêm, không gian là biển rộng mênh mông, nhưng dưới ngòi bút của Huy Cận, không gian đã hiện lên với vẻ đẹp lãng mạn: âm thanh tiếng hát gọi cá hòa trong nhịp gõ thuyền, động tác *“kéo xoắn tay chùm các nặng”* và đặc biệt là những khoang thuyền đầy ắp cá *vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông* – thành quả sau một đêm lao động.

Lời thơ đồng điệu, nhịp điệu trầm hùng, cách gieo vần linh hoạt, đặc biệt là bút pháp lãng mạn khiến cho bức tranh lao động trên biển mang một vẻ đẹp khỏe khoắn, tươi sáng và tràn đầy chất thơ. Dường như con người và thiên nhiên đã thực sự hòa nhập vào nhau, hỗ trợ cho nhau, tạo thành sức mạnh trong công cuộc chinh phục biển cả...

+ Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về: Đoàn thuyền đánh cá trở về với tiếng hát diễn tả sự phấn khởi của những con người chiến thắng đang trở về với những con thuyền đầy ắp cá. Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời – một hình ảnh thơ đẹp đầy sức gọi bởi lẽ chạy đua cùng mặt trời cũng là chạy đua với thời gian.

3/ Kết bài: Khẳng định nhận định và khái quát giá trị ý nghĩa của bài thơ:

Với bút pháp lãng mạn, những liên tưởng độc đáo, mới lạ, những hình ảnh đẹp, tráng lệ, bài thơ là một khúc ca hùng tráng, phấn khởi về thiên nhiên và con người. Thiên nhiên tươi sáng, khoáng đạt, bao la, rộng lớn nhưng lại rất gần gũi với con người. Đứng trước vũ trụ, những con người lao động vốn rất bình dị ấy bỗng lớn dậy, mạnh mẽ và rất tự tin trong tư thế của một vị chủ nhân làm chủ biển cả. Bài thơ thực sự là một cuộc chạy đua giữa thiên nhiên và con người, và con người đã chiến thắng.

ĐỀ SỐ 4

Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sỹ mang trong lòng.

(*Tiếng nói văn nghệ* - Nguyễn Đình Thi, Ngữ văn 9, Tập hai, NXBGD, 2016)

Bằng những hiểu biết về bài thơ Nói với con – Y Phương, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học, Lý lẽ rõ ràng, dẫn chứng xác thực, văn viết giàu cảm xúc, diễn đạt trôi chảy, bố cục ba phần rõ ràng, cân đối, trình bày sạch đẹp; ít sai lỗi câu, từ, chính tả.

II/ Yêu cầu về kiến thức: đảm bảo được các ý sau:

1. Giải thích nhận định

- Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác: Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm. Tác phẩm nghệ thuật là nơi kí thác, gửi gắm tình cảm, tâm tư, chiêm nghiệm của người nghệ sĩ.
- Tác phẩm vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng: Tác phẩm lay động cảm xúc, đi vào nhận thức, tâm hồn con người cũng qua con đường tình cảm. Người đọc như được sống cùng cuộc sống mà nhà văn miêu tả trong tác phẩm với những yêu ghét, buồn vui.

=> Nhận định nêu lên giá trị, chức năng của tác phẩm văn học.

2. Chứng minh nhận định qua tác phẩm “Nói với con”

2.1 Giới thiệu tác giả, tác phẩm “Nói với con”:

Y Phương là một trong những nhà thơ dân tộc Tày nổi tiếng của văn học Việt Nam hiện đại. Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.

- “*Nói với con*” là một trong những thi phẩm đặc sắc làm nên tên tuổi của ông, được viết vào năm 1980.

2.2 Chứng minh nhận định qua tác phẩm “Nói với con”:

2.2.1: Tác phẩm là kết tinh tư tưởng của người sáng tác.

a. Người cha nói với con về cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con:

- Cội nguồn sinh thành, nuôi dưỡng con trước hết là gia đình: Qua lối miêu tả giản dị, người cha nói với con: gia đình chính là cội nguồn tinh thần, nuôi dưỡng con, là cái nôi cho con những yêu thương, ươm ấp đầu đời.

- Cội nguồn sinh thành, nuôi dưỡng con còn là quê hương:

“Người đồng mình yêu lắm con ơi

...Con đường cho những tấm lòng”

Cùng với gia đình, truyền thống văn hóa, nghĩa tình quê hương đã nuôi dưỡng con khôn lớn, trưởng thành.

- Con còn lớn khôn từ những kỉ niệm êm đềm, hạnh phúc nhất của cha mẹ:

“Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới

“Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới

Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời”

+ “Ngày cưới” – “ngày đẹp nhất”: vì cha mẹ không chỉ tìm thấy nhau mà còn gắn bó khăng khít; là ngày minh chứng cho tình yêu, hạnh phúc; là hình ảnh của một gia đình đầm áp, yêu thương.

+ Từ đó, con được sinh ra, lớn lên trong những điều kì diệu nhất, đẹp đẽ nhất trong đời. Con là quả ngọt của tình yêu của cha mẹ, là hạnh phúc của gia đình.

b. Những phẩm chất cao quý của người đồng mình và lời khuyên của cha:

- Người đồng mình bản lĩnh vững vàng, ý chí kiên cường.

- Tác giả khái quát lên vẻ đẹp truyền thống của người miền cao:

+ Hình ảnh “người đồng mình”: vóc dáng, hình hài nhỏ bé, “thô sơ da thịt”, họ chỉ có đôi bàn tay lao động cần cù nhưng chẳng mấy ai nhỏ bé, yếu hèn. Họ dám đương đầu với gian lao, vất vả, họ lớn lao về ý chí, cao cả về tinh hồn.

+ Công lao vĩ đại của người đồng mình: “*đục đá kê cao quê hương*” – xây dựng quê hương, tạo nên ruộng đồng, dựng lên nhà cửa, bản làng, làm nên giá trị vật chất, tinh thần cho quê hương. “*Làm phong tục*” – tạo nên bao nền nếp, phong tục đẹp, làm nên bản sắc riêng của cộng đồng.

Lời thơ tràn đầy niềm tự hào về vẻ đẹp của người đồng mình. Nhấn nhủ con phải biết kế thừa, phát huy những truyền thống đó.

- Từ đó, người cha khuyên con biết sống theo những truyền thống của người đồng mình:

+ Điệp từ “*sống*” khởi đầu 3 dòng thơ liên tiếp, tô đậm mong ước thiết tha, mãnh liệt của cha dành cho con.

+ Ẩn dụ “*đá*” “*thung*” chỉ không gian sống của người miền cao, gọi lên những nhọc nhằn, gian khó, đói nghèo. Người cha mong con “*không chê*” tức là biết yêu thương, trân trọng quê hương mình.

+ So sánh “*như sông*” “*như suối*”: lối sống hồn nhiên, trong sáng, mạnh mẽ, phóng khoáng, vượt lên mọi gập ghềnh của cuộc đời.

+ Đối “*lên thác xuống ghềnh*”: cuộc sống không dễ dàng, bằng phẳng, cần dũng cảm đối mặt, không ngại ngần.

Cha khuyên con tiếp nối tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra của người đồng mình và cả lòng can đảm, ý chí kiên cường của họ.

- Để rồi, bài thơ khép lại bằng lời dặn dò vừa ân cần, vừa nghiêm khắc của người cha:

+ H/a “*thô sơ da thịt*” được nhắc lại để nhấn mạnh những khó khăn, thử thách mà con có thể gặp trên đường đời, bởi con còn non nớt, con chưa đủ hành trang mà đời thì gập ghềnh, gian khó.

+ Dầu vậy, “*không bao giờ nhỏ bé được*” mà phải biết đương đầu với khó khăn, vượt qua thách thức, không được sống yếu hèn, hẹp hòi, ích kỉ. Phải sống sao cho xứng đáng với cha mẹ, với người đồng mình. Lời nhắn nhủ chứa đựng sự yêu thương, niềm tin tưởng mà người cha dành cho con.

2. 2.2: Tác phẩm văn học là sợi dây truyền sự sống mà tác giả mang trong lòng.

Từ bài thơ *Nói với con*, nhà thơ Y Phương đã truyền vào trái tim người đọc:

- Luôn yêu quý, tự hào về quê hương.

- Ý thức cống hiến, xây dựng quê hương giàu đẹp.

- Trong cuộc sống phải giữ được bản lĩnh vững vàng, tự tin vượt qua mọi khó khăn, trở ngại.

- Ý thức bảo tồn những vốn văn hóa đẹp đẽ, truyền thống lâu đời của dân tộc.

3. Tổng kết vấn đề

ĐỀ SỐ 5

Cảm nhận của em về hình tượng anh bộ đội cụ Hồ trong hai tác phẩm “*Đồng chí*” của Chính Hữu và “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật (Ngữ văn 9 - tập 1). Từ đó, em có suy nghĩ gì về dấu ấn sáng tạo nghệ thuật của mỗi tác giả?

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu kỹ năng:

Biết cách làm bài nghị luận văn học. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

1. Mở bài:

- Chính Hữu và Phạm Tiến Duật đều là những nhà thơ trực tiếp tham gia kháng chiến nên những sáng tác của các anh về người lính đều rất chân thực tiêu biểu là bài “*Đồng chí*” và “*về Bài thơ tiểu đội xe không kính*”

- Hình ảnh anh bộ đội trong hai tác phẩm có những điểm chung song họ cũng có những nét riêng.

- Ở mỗi bài thơ, dấu ấn sáng tạo nghệ thuật của mỗi nhà thơ được thể hiện rất sâu đậm.

2. Thân bài:

a. Cảm nhận về hình tượng anh bộ đội cụ Hồ qua hai tác phẩm:

*** Điểm chung:**

- Đó là những con người mộc mạc, bình dị, chân chất, đời thường từ cách cảm, cách nghĩ song ở họ toát lên những phẩm chất cao đẹp: Tình đồng chí, đồng đội keo sơn, tinh thần lạc quan, lòng quả cảm, đức hy sinh và lòng yêu nước nồng nàn.

- Họ mang trong mình những phẩm chất chung của anh bộ đội cụ Hồ qua các thời kỳ: bình dị mà vĩ đại; sống có lý tưởng; cái cao cả vĩ đại được bắt nguồn từ những gì bình dị nhất.

*** Nét riêng:**

- *Người lính trong "Đồng chí"*

+ Đậm chất mộc mạc, bình dị, chất phác, ra đi từ những luống cày, thửa ruộng; từ những miền quê nghèo khó ...(*dẫn chứng*).

+ Theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc, những người nông dân mặc áo lính vượt lên những gian khổ, thiếu thốn; khám phá một tình cảm mới mẻ, đáng trân trọng: Tình đồng chí (*dẫn chứng*).

Vẻ đẹp của người lính bước lên từ đồng ruộng tiêu biểu cho vẻ đẹp của anh bộ đội cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

- *Người lính trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính"*

+ Đậm chất ngang tàng, ngạo nghễ; tâm hồn phóng khoáng, trẻ trung, tinh nghịch, yêu đời; của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa (*dẫn chứng*).

+ Sự hoà quyện giữa phong thái người nghệ sỹ và tinh thần người chiến sỹ (*dẫn chứng*).

- Nét riêng ấy đã thể hiện sự phát triển trong nhận thức, khám phá của các nhà thơ về hình tượng anh bộ đội cụ Hồ. Đó là sự trưởng thành của người lính đi qua hai cuộc trường chinh và là sự lớn lên về tầm vóc dân tộc được tôi luyện trong lửa đạn chiến tranh.

b. Dấu ấn sáng tạo của mỗi nhà thơ:

* *Chính Hữu với bài "Đồng chí"*

- Ngôn từ: Mộc mạc, bình dị, quen thuộc, không phải thô sơ mà được tinh lọc từ lời ăn tiếng nói dân gian (*dẫn chứng*).

- Hình ảnh: Đậm chất hiện thực nhưng giàu sức biểu cảm, hàm súc cô đọng (*dẫn chứng*).

- Giọng điệu: Tâm tình, thủ thủ, thâm thúy, sâu lắng.

- Phong cách thiên về khai thác nội tâm, tình cảm.

* *Phạm Tiến Duật với "Bài thơ về tiểu đội xe không kính"*.

- Ngôn từ: Giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khoẻ khoắn mang đậm phong cách của người lính lái xe (*dẫn chứng*).

- Hình ảnh: Chân thực nhưng độc đáo, giàu chất thơ (*dẫn chứng*).

- Giọng điệu: Lạ, ngang tàng, tinh nghịch, dí dỏm, vui tươi. Những câu thơ như câu văn xuôi, như lời đối thoại thông thường.

- Phong cách: khai thác hiện thực, khai thác chất thơ từ sự khốc liệt của chiến tranh.

3. Kết bài

- Vẻ đẹp và giá trị trường tồn của hai tác phẩm.

- Suy nghĩ về lớp trẻ hôm nay.

ĐỀ SỐ 6

Nhận xét về “*Chuyện người con gái Nam Xương*” trích trong “*Truyền kì mạn lục*” của Nguyễn Dữ. Nhà phê bình Đồng Thị Sáo cho rằng *hạnh phúc trong cuộc đời Vũ Thị Thiết là một thứ hạnh phúc vô cùng mong manh, ngắn ngủi. Mong manh như sương như khói và ngắn ngủi như kiếp sống của đoá phù dung sớm nở, tối tàn.*

Em hãy phân tích “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ để làm sáng tỏ nhận xét trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu kỹ năng: HS viết được một bài văn với bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; các ý trong phần thân bài được sắp xếp hợp lí; lập luận chặt chẽ rõ ràng; trình bày sạch đẹp, ít mắc lỗi về từ câu, lỗi chính tả, diễn đạt lưu loát.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

1. Mở bài:

- Dẫn dắt, trích dẫn yêu cầu của đề bài.

2. Thân bài:

* Giải thích ý nghĩa của lời nhận xét

- Nhận xét của nhà phê bình Đồng Thị Sáo đã đề cập đến hạnh phúc. Đó là một khái niệm trừu tượng. Mỗi người có những cách cảm nhận khác nhau về hạnh phúc. Song có thể hiểu hạnh phúc là một trạng thái tinh thần mà con người thoả mãn những ước mơ, hy vọng của mình.

- *Hạnh phúc mong manh và ngắn ngủi*: Hạnh phúc không tồn tại bền vững, không tồn tại lâu dài. Nó chỉ thoáng qua trong cuộc đời con người rồi tan vỡ nhanh chóng.

* Chứng minh lời nhận xét

- Khẳng định nhận xét trên là đúng, vì “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ kể về người phụ nữ nhan sắc, đức hạnh nhưng cuộc đời của nàng lại không được hưởng niềm hạnh phúc lâu dài, bền vững.

- *Niềm hạnh phúc của Vũ Thị Thiết trong cuộc sống dương thế thật mong manh, ngắn ngủi*:

+ Vũ Thị Thiết tên thường gọi là Vũ Nương. Người con gái đẹp người, đẹp nết nhưng lại lấy phải Trương Sinh người chồng ít học, đa nghi. Trương Sinh xin mẹ trăm lạng vàng cưới về làm vợ. Vũ Nương không được quyền tự quyết định hạnh phúc của mình.

+ Cuộc sum vầy chưa được bao lâu Trương Sinh phải lên đường tòng quân. Vũ Nương chưa được hưởng niềm hạnh phúc trọn vẹn đã phải sớm sống trong cảnh chia li.

+ Những ngày vắng chồng Vũ Nương chỉ chiếu bóng của mình trên tường nói là cha Đản - đây là cách nói son cùng thủy tận về chữ “đồng” trong đạo vợ chồng. Vậy mà đời Vũ Nương tan nát hạnh phúc lại bắt đầu từ đây.

+ Bé Đản - ngây thơ, trong trắng làm tưởng cái bóng của mẹ là cha thật của mình - bé hoàn toàn vô tội nhưng lại là tác nhân trực tiếp gây ra sự tan nát hạnh phúc của cuộc đời người mẹ thân yêu của nó.

+ Cuộc đời làm dâu, làm vợ, làm mẹ của Vũ Nương thật ngắn ngủi. Trương Sinh trở về tưởng rằng nàng sẽ được hưởng niềm vui hạnh phúc sum họp bên chồng con, gia đình. Nhưng Trương Sinh vì ghen tuông mù quáng nên chàng đã nghe lời con trẻ nghi oan cho Vũ Nương. Trương Sinh đã mắng nhiếc, đánh, đuổi Vũ Nương đi, buộc nàng phải tìm đến cái chết. Trương Sinh là một kẻ giết vợ vô tình và tự tàn phá niềm hạnh phúc mong manh của gia đình.

+ Nguyên nhân của niềm hạnh phúc mong manh, ngắn ngủi: Nguyên nhân trực tiếp là lời nói hồn nhiên vô tư của đứa con, là tính đa nghi, hay ghen của anh chồng Trương Sinh; nguyên nhân sâu xa là do chiến tranh phong kiến và chế độ nam quyền đã cướp đi quyền được hưởng hạnh phúc của người phụ nữ. Đó chính là giá trị hiện thực của truyện.

- *Niềm hạnh phúc của Vũ Thị Thiết trong cuộc sống ở thủy cung cũng mong manh, chỉ là ảo ảnh.*

+ Sau khi gieo mình xuống bến Hoàng Giang, Vũ Nương được các nàng tiên rẽ một được nước đưa xuống thủy cung sống sung sướng. Vũ Nương ngồi trên kiệu hoa giữa dòng nói những lời từ biệt với Trương Sinh rồi biến mất. Đây là những chi tiết kì ảo tạo một kết thúc có hậu cho câu chuyện, thể hiện ước mơ về lẽ công bằng. Nhưng hạnh phúc đó cũng chỉ mong manh, hư vô không có thật trong cuộc đời.

+ Những yếu tố kì ảo, hoang đường về cuộc sống sung sướng, hạnh phúc của Vũ Nương ở thủy cung vừa thể hiện giá trị nhân đạo vừa thể hiện giá trị hiện thực.

- *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ đã gửi đến chúng ta một bức thông điệp có được hạnh phúc gia đình đã khó, gìn giữ hạnh phúc hạnh phúc ấy càng khó hơn. Nếu ta không biết trân trọng, nâng niu, gìn giữ hạnh phúc thì hạnh phúc thật mong manh, ngắn ngủi.

3. Kết bài:

+ Khẳng định lại vấn đề.

+ Rút ra bài học liên hệ.

ĐỀ SỐ 7

Điều còn lại mà chiến tranh không thể lấy đi trong tác phẩm “*Chiếc lược ngà*” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng

- Bài làm có bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài hoàn chỉnh, mạch lạc.
- Biết vận dụng linh hoạt các phép lập luận đã học.
- Diễn đạt trong sáng, giàu cảm xúc.

- Không mắc lỗi về câu, từ, chính tả.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Bài làm có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, trích dẫn ý kiến.

2/ Thân bài:

a/ Giải thích:

- + Điều còn lại: những điều thiêng liêng có giá trị vượt lên trên sự hủy diệt của chiến tranh, vượt lên trên thời gian để tồn tại vĩnh cửu.
- + Tính chất của chiến tranh: tàn khốc, hủy diệt, gây ra sự sinh ly tử biệt.
- + Trong truyện “Chiếc lược ngà”, chiến tranh đã tàn phá thân thể, lấy đi sinh mạng, gây ra đau thương, chia cắt tình cảm của con người.

b/ Những điều còn lại mà chiến tranh không thể lấy đi trong tác phẩm “Chiếc lược ngà”:

- Lí tưởng sống cao đẹp, lòng yêu nước (người chiến sĩ cách mạng không đánh mất mình, luôn kiên định với lí tưởng sống cao đẹp).
- + Sẵn sàng từ giã vợ trẻ, con thơ để lên đường theo tiếng gọi của Tổ quốc.
- + Nén tình riêng để tiếp tục ra đi sau những ngày nghỉ phép.
- + Hiến dâng trọn vẹn tuổi thanh xuân cho đất nước.
- + Thế hệ sau lại tiếp bước thế hệ cha anh.
- Chiến tranh không thể lấy đi tình người, tình đồng chí, đồng đội, tình làng xóm, tình cảm gia đình.

HS phải phân tích kĩ tình phụ tử của cha con anh Sáu

- Chiến tranh không thể lấy đi niềm tin của con người
- + Anh Sáu và bé Thu đều có niềm tin ngày đất nước hòa bình
- + Tác giả tin vào sự kết nối tình cảm của những người còn sống: mối quan hệ giữa bác Ba và bé Thu.

3/ Kết bài: Đánh giá, khẳng định lại vấn đề:

- + Khẳng định, đề cao vẻ đẹp của con người đó là chất nhân văn trong tác phẩm.
- + Truyền cho bạn đọc lòng yêu nước, tự hào về con người Việt Nam.

ĐỀ SỐ 8

“Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng...” (Nguyễn Đình Thi, *Tiếng nói của văn nghệ*). Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy nói về “ánh sáng riêng” mà truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long đã “rọi vào” tâm hồn em.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Đảm bảo là một văn bản nghị luận văn học có bố cục 3 phần rõ ràng, kết cấu chặt chẽ. Biết phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc quá năm lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

II/ Yêu cầu về kiến thức: Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cơ bản đáp ứng được những nội dung sau:

1. Giải thích nhận định:

- “*Tác phẩm lớn*”: tác phẩm mang dấu ấn của từng giai đoạn, từng thời kì, mở ra trước mắt người đọc những hiểu biết phong phú về cuộc sống xã hội con người, hướng con người đến những điều tốt đẹp. Vẻ đẹp thẩm mĩ của tác phẩm làm lay động bao trái tim người đọc và có sức sống lâu bền với thời gian.

- “*Ánh sáng*” của tác phẩm: là cảm xúc, tâm sự, tấm lòng, tinh thần của thời đại... mà nhà văn đã chuyển hoá vào trong tác phẩm.

- “*rọi vào bên trong*”: là khả năng kì diệu trong việc tác động vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm của ta, chiếu toả soi rọi vào sâu thẳm tâm trí ta, làm thay đổi mắt ta nhìn, óc ta nghĩ...

- Mỗi tác phẩm mang một ánh sáng riêng in đậm dấu ấn, phong cách riêng của nhà văn, từ cách đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, bày tỏ quan điểm, cách nhìn cuộc sống đều mang nét riêng độc đáo.

2. Chứng minh qua “*Lặng lẽ Sa Pa*”:

- Lặng lẽ Sa Pa là một truyện ngắn nhẹ nhàng, trong trẻo, giàu chất thơ của Nguyễn Thành Long. Đây là một tác phẩm đẹp từ nội dung đến hình thức nghệ thuật. Trong tác phẩm nhà văn đã xây dựng được những hình tượng nhân vật độc đáo, giàu lí tưởng tiêu biểu cho phẩm chất của con người Việt Nam trong công cuộc lao động xây dựng quê hương đất nước.

- Trước hết về giá trị nội dung: có thể xem tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ, hi sinh nhưng cũng thật trong sáng đẹp đẽ.

+ Ánh sáng người đọc đón nhận từ tác phẩm trước hết là âm vang của cuộc gặp gỡ giữa ông hoạ sĩ, cô kĩ sư nông nghiệp và anh thanh niên khí tượng. Ở những con người này ánh lên những phẩm chất tốt đẹp đã thành bản chất bền vững, những quan niệm đạo đức trong sáng, cao cả và một ý chí kiên định cách mạng, tất cả đã được tôi luyện trong thử thách của chiến tranh, nay đang được tiếp tục củng cố, phát huy trong công cuộc xây dựng xã hội mới. (Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng).

+ Tác phẩm rơi vào trong lòng người đọc những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống của lao động tự giác về con người và về nghệ thuật. Cuộc sống của mỗi người chỉ thật sự có ý nghĩa khi mọi việc làm của họ đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu mến tự hào về mảnh đất mình đang sống. Con người cần phải biết sống có lý tưởng, say mê với công việc, hiểu được ý nghĩa công việc mình làm. Vẻ đẹp của con người lao động chính là mảnh đất màu mỡ để người nghệ sĩ ươm mầm. (Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng).

- Về giá trị nghệ thuật: thứ ánh sáng đặc biệt của Lặng lẽ Sa Pa mà người đọc cảm nhận được toả ra từ chất thơ bàng bạc xuyên suốt tác phẩm.

+ Chất thơ trong cốt truyện, chất thơ thấm đượm trong bức tranh phong cảnh thiên nhiên. Mỗi câu mỗi chữ khắc hoạ bức tranh thiên nhiên đều giàu sức tạo hình, rực rỡ sắc màu, nhịp điệu êm ái như một bài thơ. Cảm xúc trước cảnh mới lạ ấy truyền cho người đọc những rung động thẩm mĩ về vẻ đẹp của tác phẩm, làm dấy lên ước muốn một lần được đặt chân lên Sa Pa. (Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng).

+ Chất thơ trong nét đẹp tâm hồn của nhân vật, trong ngôn ngữ và giọng điệu kể chuyện nhẹ nhàng trong sáng. Ngôn ngữ truyện như dòng nước mát trôi vào tâm trí người đọc, khơi gợi bao khao khát về một vùng đất lặng lẽ mà thơ mộng. (Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng).

- Ánh sáng toả ra từ Lặng lẽ Sa Pa là một thứ ánh sáng rất riêng. Nó đem lại cho người đọc những cảm nhận mới mẻ thâm trầm, sâu sắc: Lặng lẽ Sa Pa - mới đọc tên, ngỡ nhà văn nói về một điều gì... im ắng, hắt hiu, giá lạnh; nhưng kì diệu thay trong cái lặng lẽ của Sa Pa vẫn ngân lên những âm thanh trong sáng, vẫn ánh lên những sắc màu lung linh, lan toả hơi ấm tình người và sự sống. Từ đó làm cho người đọc thấy tin yêu cuộc sống, bồi đắp lí tưởng sống cao đẹp - sống cống hiến dựng xây quê hương đất nước.

3. Đánh giá và liên hệ bản thân:

- Tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm nghệ thuật lớn là con đẻ tinh thần của nhà văn. Nó được tạo ra bằng quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc và sáng tạo.

- Tác phẩm lớn sẽ chiếu tỏa, soi rọi; có khả năng giáo dục, cảm hóa sâu sắc tới nhận thức và hành động của bạn đọc nhiều thế hệ (liên hệ bản thân).

ĐỀ SỐ 9

Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

Bằng những hiểu biết về văn học giai đoạn này, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Đảm bảo là một văn bản nghị luận văn học có bố cục 3 phần rõ ràng, kết cấu chặt chẽ. Biết phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc quá năm lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

II/ Yêu cầu về kiến thức: Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cơ bản đáp ứng được những nội dung sau:

1/ Mở bài:

- Nêu được hiện thực của đất nước ta từ 1945 đến 1975. Hiện thực đó đã tạo nên vóc dáng người chiến sĩ và vóc dáng của con người mới xây dựng CNXH.

- Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động mới hoà quyện tạo nên vẻ đẹp của con người dân tộc Việt Nam. Và điều này đã làm nên hơi thở, sức sống của văn học thời kì 1945 - 1975.

2/ Thân bài:

-Hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc:

+ Họ là những con người nổi bật với lòng yêu nước, ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, với tình đồng đội cao cả, sắt son, tinh thần lạc quan:

+ Họ là những con người ở mọi tầng lớp, lứa tuổi như: người nông dân mặc áo lính (Đồng chí của Chính Hữu), những chàng trai trí thức vừa rời ghế nhà trường (Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật), là em bé liên lạc (Lượm của Tố Hữu)...

+ Họ là những người lính, người chiến sĩ có lòng yêu nước sâu sắc, có ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. (dẫn chứng).

- Hoàn cảnh sống chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ song họ luôn có tinh thần lạc quan và tinh đồng chí, đồng đội cao đẹp... (dẫn chứng).

- Hình ảnh người lao động mới: họ xuất hiện với tư cách là những người làm chủ cuộc sống mới, họ lao động, cống hiến một cách hăng say, hào hứng, sẵn sàng hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình vì những lí tưởng cao cả và tương lai đất nước:

+ Người lao động trong "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy cận mang nhịp thở tươi vui, hăm hở, hoà mình cùng trời cao biển rộng: họ ra khơi với niềm hân hoan trong câu hát, với ước mơ trong công việc, với niềm vui thắng lợi trong lao động. Đó là những con người mang tầm vóc vũ trụ, hăm hở ra khơi bằng tất cả sức lực và trí tuệ của mình.(Dẫn chứng).

+ "Lặng lẽ SaPa" của Nguyễn Thành Long mang nhịp thở của người lao động mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lí tưởng, say mê, miệt mài trong công việc, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước. Cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp (Dẫn chứng)

3/ Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị và những đóng góp của Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 đã đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử và thời đại. Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động đã kết tinh thành sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam thế kỉ XX.

ĐỀ SỐ 10

Vẻ đẹp trong lối sống, tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long và nhân vật Phương Định trong “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Đảm bảo một văn bản nghị luận có bố cục rõ ràng, hợp lí; tổ chức sắp xếp hệ thống các ý một cách logic, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; chữ viết rõ ràng, cẩn thận; không mắc lỗi dùng từ cơ bản...
- Phải huy động những hiểu biết về văn học, đời sống, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ thái độ, chủ kiến của mình để làm bài.
- Có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng, phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

II. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu sơ lược về đề tài viết về những con người sống, cống hiến cho đất nước trong văn học.
- Nêu tên 2 tác giả và 2 tác phẩm cùng những vẻ đẹp của anh thanh niên và Phương Định.

2/ Thân bài:

a. Vẻ đẹp của 2 nhân vật trong hai tác phẩm:

*** Vẻ đẹp trong cách sống:**

- *Nhân vật anh thanh niên: trong Lặng lẽ Sa Pa.*

+ Hoàn cảnh sống và làm việc : một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất...

+ Anh đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định.

+ Anh đã vượt qua sự cô đơn vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người.

+ Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người.

+ Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học...

- *Cô thanh niên xung phong Phương Định:*

+ Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom.

+ Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm...

*** Vẻ đẹp tâm hồn:**

- *Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa:*

+ Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.

- + Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người.
 - + Khiêm tốn thành thực cảm thấy công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé.
 - + Cảm thấy cuộc sống không cô đơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện.
- => Là người nhân hậu, chân thành, giản dị.

- *Cô thanh niên Phương Định:*

- + Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên.
- + Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình.
- + Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình.

-> Các tác giả miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao thượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ.

3/ Kết bài:

- Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu.
- Liên hệ với người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn qua bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật
- Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc.
- Liên hệ với lối sống, tâm hồn của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

ĐỀ SỐ 11

Có ý kiến cho rằng: “*Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu là một bức tranh tráng lệ, cao cả, thiêng liêng về người chiến sĩ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.* Em hãy phân tích bài thơ để làm sáng tỏ.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kỹ năng: Làm đúng thể loại nghị luận văn học, có kỹ năng làm bài văn giải thích kết hợp với chứng minh, xây dựng hệ thống lập luận chặt chẽ, logic, văn viết trong sáng, giàu cảm xúc.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

1/ Mở bài:

- Bài thơ ra đời năm 1948, khi Chính Hữu là chính trị viên đại đội thuộc Trung đoàn Thủ đô, là kết quả của những trải nghiệm thực, những cảm xúc sâu xa của tác giả với đồng đội trong chiến dịch Việt Bắc.

- Nêu nhận xét chung về bài thơ (như đề bài đã nêu)

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý nghĩa lời nhận định: Lời nhận định trên đã đánh giá chính xác sự thành công của bài thơ “Đồng chí”.

+ Bởi lẽ, nói tới bức tượng đài tráng lệ là nói tới hình ảnh của một người nào đó được khắc hoạ để bền vững với núi sông, trường tồn với thời gian. Còn nói tới sự tráng lệ là nói tới vẻ đẹp rực rỡ, lộng lẫy.

Như vậy, lời nhận định trên đã khẳng định rằng, nhà thơ chính Hữu đã xây dựng được hình ảnh người chiến sĩ hiện lên trong bài thơ với vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng. Hình tượng nghệ thuật ấy được xây dựng bằng ngôn từ sống mãi với thời gian, sống mãi trong tâm trí bạn đọc.

2.2. Chứng minh:

a. Trước hết người đọc cảm nhận được vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng của người chiến sĩ là tình đồng chí xuất phát từ cơ sở của sự hình thành tình đồng chí.

- Xuất thân nghèo khổ: Nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá

- Chung lí tưởng chiến đấu: Súng bên súng, đầu sát bên đầu

- Chia sẻ mọi khó khăn, gian lao cũng như buồn vui của cuộc đời người lính: “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”

Kết thúc đoạn là dòng thơ chỉ có một từ : Đồng chí (một nốt nhấn, một sự kết tinh cảm xúc).

b. Vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng của người chiến sĩ còn được thể hiện ở tình đồng chí gắn bó với nhau trong cuộc sống gian lao:

- Họ cảm thông chia sẻ tâm tư, nỗi nhớ quê: nhớ ruộng nương, lo cảnh nhà gieo neo (ruộng nương... gửi bạn, gian nhà không ... lung lay), từ “mặc kệ” chỉ là cách nói có vẻ phớt đời, về tình cảm phải hiểu ngược lại), giọng điệu, hình ảnh của ca dao (bến nước, gốc đa) làm cho lời thơ càng thêm thấm thiết.

- Cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng nguy hiểm: những chi tiết đời thường trở thành thơ, mà thơ hay (tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh,...) ; từng cặp chi tiết thơ sóng đôi như hai đồng chí bên nhau : áo anh rách vai / quần tôi có vài mảnh vá ; miệng cười buốt giá / chân không giày ; tay nắm / bàn tay.

Kết đoạn cũng quy tụ cảm xúc vào một câu: Thương nhau tay nắm lấy bàn tay (tình đồng chí truyền hơi ấm cho đồng đội, vượt qua bao gian lao, bệnh tật).

c. Đặc biệt vẻ đẹp cao cả, thiêng liêng của tình đồng chí còn được thể hiện thật lãng mạn, thơ mộng khi họ sát cánh bên nhau trong chiến hào chờ giặc

- Cảnh chờ giặc căng thẳng, rét buốt : đêm, rừng hoang, sương muối.

- Họ càng sát bên nhau vì chung chiến hào, chung nhiệm vụ chiến đấu, chủ động trong tư thế: chờ giặc.

- Cuối đoạn mà cũng là cuối bài cảm xúc lại được kết tinh trong câu thơ rất đẹp: Đầu súng trăng treo (như bức tượng đài người lính, hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất của tình đồng chí, cách biểu hiện thật độc đáo, vừa lãng mạn vừa hiện thực, vừa là tinh thần chiến sĩ vừa là tâm hồn thi sĩ,...)

3/ Kết bài :

- Khẳng định ý nghĩa lời nhận định....

- Đề tài dễ khô khan nhưng được Chính Hữu biểu hiện một cách cảm động, sâu lắng nhờ biết khai thác chất thơ từ những cái bình dị của đời thường.
- Đây là một sự cách tân so với thơ thời kì kháng chiến công Pháp viết về người lính.
- Viết về bộ đội mà không tiếng súng nhưng tình cảm của người lính, sự hi sinh của người lính vẫn cao cả, hào hùng...

ĐỀ SỐ 12

“Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp”. Hãy khám phá “xứ sở của cái đẹp” qua văn bản *Đoàn thuyền đánh cá* (Huy Cận, Ngữ văn 9, tập 1).

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...) 3.0
- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp. Hành văn lưu loát, trong sáng, có cảm xúc.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

1. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận
- Trích dẫn ý kiến

2. Thân bài

2.1. Giải thích khái quát vấn đề

- Nhà văn chân chính là nhà văn luôn đặt mục đích sáng tác vào con người và cuộc sống. Đem ngòi bút của mình phục vụ đời sống và có ích cho con người.
- Xứ sở của cái đẹp trong tác phẩm văn học được thể hiện ở hai phương diện nội dung và 2 hình thức.
 - + Vẻ đẹp nội dung là vẻ đẹp của tự nhiên và con người trong lao động, chiến đấu, các lĩnh vực khác... mà nhà văn mang tới cho người đọc.
 - + Vẻ đẹp hình thức là khả năng xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động, độc

đáo, hấp dẫn. Là khả năng kết cấu chặt chẽ, tình huống hợp lí và khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện...

=> Nội dung, hình thức đẹp không chỉ đem lại cho người đọc những rung cảm thẩm mĩ mà còn làm cho con người yêu cuộc sống, khao khát hướng tới những gì đẹp để tốt lành cho cuộc đời.

Để người đọc cảm nhận được xứ sở của cái đẹp đó thì nhà văn chân chính là người dẫn đường cho người đọc khám phá cảm nhận. Đó là niềm vui, niềm hạnh phúc của nhà văn.

2.2. Chứng minh qua văn bản Đoàn thuyền đánh cá của nhà văn Huy Cận

a. Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá được thể hiện ở trước hết ở phương diện nội dung :

a.1. Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá được thể hiện ở vẻ đẹp của thiên nhiên vùng biển Hạ Long :

- + Đó là cảnh thiên nhiên bao la, bát ngát, hùng vĩ khiến cảnh lao động thêm hùng tráng.
- + Thiên nhiên kì ảo, thơ mộng khiến cảnh lao động trở lên thi vị
- + Thiên nhiên đầy sức sống, ấm áp, gần gũi với con người
- + Thiên nhiên giàu có ban tặng bao loài cá với vẻ đẹp long lanh và rực rỡ làm nên kết quả tốt đẹp của người lao động, ...

(Lấy được dẫn chứng, phân tích)

-> Tất cả làm nên một bức tranh thiên nhiên đẹp kì lạ, hấp dẫn gọi ra cho ta bao liên tưởng và yêu mến.

a.2. Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá còn được thể hiện ở vẻ đẹp hấp dẫn của con người:

- + Làm chủ cuộc đời, làm chủ biển trời quê hương, miệt mài, hăng say lao động, không quản ngày đêm làm giàu cho quê hương, đất nước.
- + Tâm hồn phơi phới lạc quan.
- + Lao động đạt kết quả tốt đẹp.
- + Hình ảnh họ được khắc họa trong sự hòa hợp với thiên nhiên, nổi bật ở vị trí trung tâm, gắn với đoàn thuyền đánh cá, trong lao động tập thể hào hùng, đầy niềm vui. Tâm vóc của họ được phóng to trên nền vũ trụ, mang kích thước vũ trụ. Vẻ đẹp của họ vừa thực, vừa lãng mạn. (Lấy được dẫn chứng, phân tích)

-> Tất cả đã tạo nên xứ sở của cái đẹp: thiên nhiên đẹp, con người đẹp

b. Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá không chỉ đẹp về nội dung mà còn đẹp về nghệ thuật, được thể hiện:

- Cảm hứng vũ trụ và cảm hứng lãng mạn cách mạng đã tạo cho bài thơ có nhiều hình ảnh độc đáo, vừa thực, vừa ảo, vừa rộng lớn, tráng lệ, lung linh như những bức tranh sơn mài..
- Bài thơ cũng là một khúc ca, khúc ca về lao động, về thiên nhiên đất nước giàu đẹp. Khúc ca ấy phơi phới, khỏe khoắn, mạnh mẽ, được tạo nên bởi âm hưởng, giọng điệu của bài thơ. Các yếu tố lời thơ, nhịp điệu, vần, ... góp phần làm nên âm hưởng ấy. Cách gieo vần có nhiều biến hóa, linh hoạt...
- Bút pháp phóng đại khoa trương đạt hiệu quả thẩm mỹ và tạo dấu ấn riêng cho bài thơ...
- Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ: liệt kê gợi sự giàu có của biển khơi, các hình ảnh ẩn dụ... nghệ thuật nhân hóa gợi một không gian sống động, lung linh, kì ảo mà gần gũi, âm áp

3. Kết bài:

- Cái đẹp trong tác phẩm văn học đa dạng, phong phú được khơi nguồn kết tinh từ cuộc sống.
- Đời sống tự nhiên ấy được khúc xạ qua ánh sáng, cảm quan, quá trình lao động cực nhọc, sáng tạo, mê say của nhà văn để có được sức hấp dẫn, những giá trị đẹp của con người, làm cho con người sống tốt hơn.
- Yêu cái đẹp của văn chương là chúng ta yêu tấm lòng của nhà văn. Họ là những kĩ sư tâm hồn đốt cháy mình để có được ánh sáng, niềm vui dẫn ta đến bến bờ xứ sở của cái đẹp trong cuộc sống.

ĐỀ SỐ 13

"Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp."
Hãy khám phá "xứ sở của cái đẹp" qua bài thơ "Sang thu" của Hữu Thỉnh (Ngữ văn 9, tập 2)

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về kĩ năng

- Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận.
- Bố cục hợp lý chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

II/ Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến.

- "*nhà văn chân chính*": là nhà văn luôn đặt cái đích vào con người, cuộc sống, đem ngòi bút của mình phục vụ đời sống, có ích cho con người.

- "*xứ sở của cái đẹp*": đó là cái đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời mà nhà văn phản ánh trong tác phẩm, gợi những rung cảm thẩm mỹ, làm cho con người thêm mến yêu cuộc sống, thêm khao khát hướng tới những gì đẹp đẽ, tốt lành của cuộc đời.

-> Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường cho bạn đọc khám phá những vẻ đẹp của cuộc sống thông qua các sáng tác văn học. Nhận định trên đã khẳng định về vai trò của nhà văn và tác phẩm với đời sống.

2.3. "*Xứ sở của cái đẹp*" trong bài thơ "*Sang thu*"

* *Vẻ đẹp của thiên nhiên lúc sang thu*

- Đó là phút giao mùa cuối hạ, đầu thu ở vùng quê đồng bằng Bắc bộ trong trẻo, dịu nhẹ với những tín hiệu sang thu rất mơ hồ, mong manh: hương ổi sánh lại, gió thu se se, làn sương giăng mắc nơi đầu thôn ngõ xóm...

- Nhà thơ cảm nhận tinh tế sự vận động của thiên nhiên nhẹ nhàng mà rõ rệt: từ khu vườn với những hình ảnh vừa cụ thể vừa vô hình (hương ổi, sương, gió, ngõ) mở rộng đến không gian rộng lớn, bao la (dòng sông, bầu trời, cánh chim, đám mây), cảnh thu đi dần vào tâm tưởng lắng đọng suy tư (nắng, mưa, sấm, hàng cây).

-> Bức tranh thiên nhiên mùa thu được thi sĩ cảm nhận tinh tế qua nhiều yếu tố, bằng nhiều giác quan đem đến cho người đọc sự rung cảm, tình yêu với vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

***Vẻ đẹp của những suy tư, chiêm nghiệm**

- Từ tâm trạng ngỡ ngàng, say sưa có chút băng khuâng, tiếc nuối nhà thơ kín đáo thể hiện những suy ngẫm, triết lý về đời người: khi con người từng trải thì cũng vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời (*Sấm cũng bớt bất ngờ - Trên hàng cây đứng tuổi*). Thiên nhiên sang thu hay cũng chính là đời người đã sang thu.

- Bài thơ còn gợi những liên tưởng sâu xa về thế sự. Đất nước lúc đó vừa qua thời đạn bom bước vào cuộc sống hòa bình. Những tháng năm sôi động hào hùng lắng lại, thay vào đó là nhịp sống mới. Lối sống của con người cũng có nhiều thay đổi, trời đất sang thu và đất nước cũng sang thu.

***Vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật**

- Thể thơ năm chữ.

- Ngôn ngữ thơ giản dị, hàm súc, tự nhiên.

- Hình ảnh thơ đẹp, sáng tạo, giàu sức gợi qua các biện pháp tu từ...

* Sang thu, khúc giao mùa nhẹ nhàng, thơ mộng, băng khuâng mà cũng thâm thì triết lí, góp một tiếng thơ đậm thắm về mùa thu quê hương, đất nước.

3/ Kết bài: Đánh giá, khái quát vấn đề

- Cái đẹp trong tác phẩm văn học được nhà văn khơi nguồn, kết tinh từ cuộc sống luôn có sức hấp dẫn với người đọc, bồi đắp những giá trị tốt đẹp cho con người.

- Xứ sở của cái đẹp trong bài thơ "Sang thu" chính là vẻ đẹp của thiên nhiên, của tình đời làm nên giá trị của thi phẩm và khẳng định tài năng của nhà thơ Hữu Thỉnh.

ĐỀ SỐ 14

Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao và Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng lại có những khám phá sáng tạo riêng, độc đáo.

Bằng cảm nhận về tình cha con trong hai tác phẩm, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng: Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, có năng lực cảm thụ, phân tích, so sánh tốt, kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận. Bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

II. Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1. Mở bài:

- Dẫn dắt vấn đề: Có thể đi từ tình cha con trong văn học.
- Nêu vấn đề: Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao và Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng lại có những khám phá sáng tạo riêng, độc đáo.

2/ Thân bài:

2.1. Cảm nhận về tình cha con qua hai tác phẩm

2.1. 1. Tình cha con trong "Lão Hạc"

- Giới thiệu khái quát về nhân vật lão Hạc.
 - Tình thương của lão Hạc dành cho con bộc lộ qua nhiều chi tiết:
 - + Lão luôn day dứt vì không có tiền cưới vợ cho con. Bao tình thương yêu, lão gửi gắm qua con chó Vàng- kỉ vật duy nhất còn lại của đứa con. Cách lão gọi "cậu Vàng", cách lão chăm sóc, trò chuyện, cung nựng...con chó Vàng, nỗi đau đớn khi lão phải bán đi con chó cho ta thấy rõ điều đó.
 - + Ở nhà, tuy sức tàn lực kiệt nhưng lão vẫn cố gắng bòn vườn, tích cóp tiền cho con về cưới vợ và có chút vốn làm ăn. Lão thà chịu đói khổ chứ nhất quyết không tiêu vào số tiền dành dụm của con.
 - + Lão thà chết chứ nhất định không chịu bán mảnh vườn của con.
- => Lão Hạc là một người cha rất mực thương con, hết lòng vì con.

2.1.2. Tình cha con trong "Chiếc lược ngà"

- Giới thiệu khái quát về nhân vật ông Sáu, bé Thu
- Biểu hiện tình cha con của ông Sáu:
 - + Khi ở chiến trường, ông Sáu mong mỗi đến chấy lòng được gặp con.

+ Khi mới gặp lại con, ông vô cùng xúc động (chú ý phân tích những chi tiết về hành động, ngoại hình, tâm trạng...).

+ Cố tìm cách gần gũi, làm thân, chăm sóc con trong những ngày nghỉ phép mà không được, ông Sáu vô cùng khổ tâm, day dứt.

+ Khi con cất tiếng gọi ba, ông Sáu xúc động rơi nước mắt. Người cha ấy đã mang vào chiến trường một mong ước giản dị của con: "Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba".

+ Ở chiến trường, ông dồn hết tâm huyết để làm cho con một cây lược. Khi kiếm được khúc ngà, mặt ông "hớn hờ như đứa trẻ được quà", những lúc rỗi, ông "ngồi tựa lưng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc". Khi chiếc lược đã hoàn thành, ông tỉ mỉ gò công khắc từng nét chữ: "Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Nâng niu, trân trọng như một vật báu, ông thường xuyên "lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng mượt". Có thể nói, lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân sáng tạo ra một tác phẩm thiêng liêng, cao quý. Cây lược ngà đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc mà đậm thắm, đơn sơ mà thật kì diệu.

+ Kỉ vật thiêng liêng chưa kịp trao thì ông Sáu đã hi sinh. Tàn lực cuối cùng ông dồn lên đôi mắt và đưa tay vào túi, móc cây lược ra đưa cho người bạn chiến đấu thân thiết nhất, như muốn nói, như muốn chuyển giao sự sống, chuyển giao ước nguyện cuối cùng của người cha cho người đồng chí: hãy tiếp tục làm tròn bổn phận của một người cha, hãy gìn giữ mãi tình cha con ruột thịt. Ông Sáu đã hi sinh, nhưng tình cha con không bao giờ chết. Chiến tranh khốc liệt có thể cướp đi sinh mạng, nhưng không thể cướp đi tình cha con cao quý, sâu nặng. Nó sẽ sống mãi trong chiếc lược ngà mà ông đã kì công làm cho con.

- Tình cha con của bé Thu:

+ Đằng sau sự bướng bỉnh, cương quyết không nhận cha của bé Thu ẩn chứa một tình yêu cha tha thiết, một niềm kiêu hãnh rất đỗi trẻ thơ: tin rằng cha của em rất đẹp. Em chỉ yêu cha khi tin chắc đó là cha của mình.

+ Tâm trạng ân hận của em khi biết rõ sự thật qua lời kể của bà ngoại.

+ Đỉnh cao của tình cha con là buổi sáng tiễn đưa ông Sáu lên đường (chú ý phân tích những chi tiết về vẻ ngoài, hành động, tiếng thét xé lòng...của bé Thu).

2.2. Điểm gặp gỡ và sự sáng tạo trong cách thể hiện tình cha con của hai tác phẩm

2.2.1. Điểm gặp gỡ

- Hai người cha, hai thời đại, hai cảnh ngộ khác nhau nhưng họ có chung một phẩm chất: yêu thương con nhất mực. Lão Hạc quỳn sinh để dành lại mảnh vườn cho con. Ông Sáu dồn tình yêu thương vào việc làm chiếc lược ngà. Cả hai nhân vật đều là biểu tượng sáng ngời cho tình phụ tử sâu nặng: dành cho con tất cả, thậm chí sẵn sàng hi sinh tất cả vì con.

- Để khắc họa tình cha con, cả hai tác phẩm đều xây dựng được những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, tình huống truyện độc đáo, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.

2.2.2. Điểm độc đáo, sáng tạo

- Ở "Lão Hạc", Nam Cao khám phá tình cha con của người nông dân Bắc Bộ trước Cách mạng tháng 8 trước thử thách khốc liệt của cái đói và miếng ăn, của cảnh ngộ khốn cùng, qua đó, tác giả thể hiện niềm tin bất diệt vào vẻ đẹp, bản chất lương thiện của họ.

- Ở "Chiếc lược ngà", Nguyễn Quang Sáng khắc sâu chủ đề về tình cha con của người chiến sĩ cách mạng miền Nam trong thử thách khốc liệt của chiến tranh trên cả hai phương diện: tình cha với con và ngược lại, từ đó cho người đọc thấy những nỗi đau tột cùng mà chiến tranh gây ra cho cuộc sống con người.

- Cùng viết về tình cha con nhưng ở "Lão Hạc", Nam Cao chọn nhân vật tôi - ông giáo là người trần thuật lại câu chuyện. Nhân vật tôi mang hình bóng cái tôi của tác giả đã đi từ dừng dung, nghi ngờ đến ngạc nhiên, thấu hiểu. Có lúc, tác giả còn xen vào những lời bình luận trữ tình ngoại đề. Giọng điệu trần thuật của tác phẩm, do đó, cũng mang tính chất đa thanh: vừa dừng dung lạnh lùng, vừa đầm thắm yêu thương, vừa xót xa bi phẫn... Hành trình nhận thức của nhân vật tôi cũng chính là hành trình mà người đọc khám phá những vẻ đẹp nhân cách cao cả của lão Hạc.

- Trong khi đó, ở "Chiếc lược ngà", Nguyễn Quang Sáng để nhân vật tôi là người bạn chiến đấu lâu năm với ông Sáu kể lại câu chuyện cảm động về tình cha con. Do đó, câu chuyện được kể lại bằng giọng điệu thân mật, dân dã, thể hiện sự cảm thông, thấu hiểu của tình bạn, tình đồng chí, giàu tính nhân văn.

- Truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng thấm đẫm chất Nam Bộ. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật rất tinh tế, đặc biệt là tâm lí của trẻ thơ. Truyện của Nam Cao giàu chất trữ tình và triết lí.

3/ Kết bài:

- Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm có những sáng tạo độc đáo trên là do: bản chất của văn học (phải không ngừng sáng tạo), do sự khác biệt của thời đại, mục đích sáng tác, đặc điểm sáng tác của hai tác giả.
- Ý nghĩa của sự tương đồng và khác biệt trong việc thể hiện tình cha con ở hai tác phẩm:
 - + Sự tương đồng: góp phần làm nên chất nhân bản, nhân văn của văn học.
 - + Sự khác biệt làm nên vẻ đẹp phong phú, đa dạng của văn học.
- Thành công của hai tác phẩm là xây dựng được hình tượng những người cha mẫu mực. Trong tình cảnh éo le, tình cha con càng thấm thiết, sâu nặng, để lại trong lòng người đọc những xúc động sâu xa, những giá trị nhân bản đẹp đẽ, thiêng liêng.
- Bài học cho người sáng tác và tiếp nhận.

ĐỀ SỐ 15

Tinh thần nhân đạo trong văn học trước hết là tình yêu thương con người"

(Đặng Thai Mai – "Trên đường học tập và nghiên cứu" - NXB Văn học 1969).

Chứng minh ý kiến trên qua tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ. (SGK, Ngữ văn 9, tập I)

GỢI Ý LÀM BÀI

Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng làm nổi bật được trọng tâm nội dung nghị luận: Tinh thần nhân đạo trong "Chuyện người con gái Nam Xương":

1. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm
- Giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn câu nói.

2. Thân bài: Làm rõ các vấn đề

2.1. Giải thích:

- Giá trị nhân đạo là giá trị cơ bản của một tác phẩm văn học chân chính được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc của nhà văn đối với nỗi đau của con người, sự nâng niu, trân trọng của nhà văn trước những nét đẹp trong tâm hồn và niềm tin vào khả năng vươn dậy của con người trong hoàn cảnh khốn cùng. Đồng thời, đó là sự xót thương đồng cảm, sẻ chia với số phận đau khổ; là sự lên án tố cáo những thế lực bất công chà đạp lên quyền sống của con

người; là những ước mơ khát vọng về một xã hội công bằng bác ái, tôn trọng phẩm giá của con người.

2.2. Chứng minh qua tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.

*Tinh thần nhân đạo - tình yêu thương con người Nguyễn Dữ trân trọng, ngợi ca, đề cao vẻ đẹp của người phụ nữ qua hình tượng nhân vật Vũ Nương: Vũ Nương có đầy đủ vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: công, dung, ngôn, hạnh. Xét về phương diện nào cũng đẹp:

- Là một người vợ: Đối với chồng, nàng là người vợ rất mực dịu dàng, đảm thắm, giàu tình yêu thương chồng và thủy chung nhất mực. (d/c)

- Là một người con: Đối với mẹ chồng, nàng hết lòng phụng dưỡng mẹ chồng, là người con hiếu thảo. (d/c)

- Đối với con: Là người mẹ tốt giàu lòng yêu thương con...

- Là một người phụ nữ: Nàng là người phụ nữ đảm đang, trọng danh dự và nhân phẩm, tình nghĩa và giàu lòng vị tha. (d/c)

* Tinh thần nhân đạo - tình yêu thương con người: thể hiện ở thái độ cảm thông đau xót: Am hiểu tâm lí nhân vật, thương cảm cho nỗi đau của người phụ nữ nên nhà văn đã thể hiện nỗi đau đớn của nhân vật sâu sắc.

- Nàng Vũ có đầy đủ phẩm chất đáng quý và lòng tha thiết hạnh phúc gia đình, tận tụy vun đắp hạnh phúc lại chẳng được hưởng hạnh phúc cho xứng với sự hi sinh của nàng.

- Chờ chồng đăng đẳng, chồng về chưa một ngày vui, sóng gió đã nổi lên từ một nguyên cớ rất vu vơ.

- Nàng hết mực van xin chàng nói rõ mọi nguyên cớ để cởi tháo mọi nghi ngờ; hàng xóm rõ nỗi oan của nàng nên kêu xin giúp, tất cả đều vô ích. Đến cả lời than khóc xót xa tột cùng ... mà người chồng vẫn không động lòng. (d/c)

- Con người trong trắng bị xúc phạm nặng nề, bị dập vùi tàn nhẫn, bị đẩy đến cái chết oan khuất (d/c).

* Tinh thần nhân đạo - tình yêu thương con người được thể hiện qua thái độ lên án những thế lực đen tối chà đạp lên khát vọng chính đáng của con người.

- Chiến tranh phong kiến phi nghĩa

- Những tư tưởng lạc hậu của xã hội phong kiến suy tàn (trọng nam khinh nữ, đạo tòng phu,...) gây bao nhiêu bất công. Hiện thân của nó là nhân vật Trương Sinh, người chồng ghen tuông hồ đồ, mù quáng, gia trưởng, vũ phu.

* Tinh thần nhân đạo - lòng yêu thương con người: là khát vọng và ước mơ về một cuộc sống công bằng, quyền được hưởng hạnh phúc gia đình của con người đặc biệt là người phụ nữ.

- Khát vọng hạnh phúc của con người:

- Ước mơ về cuộc sống tốt đẹp, bình đẳng, quyền được hưởng hạnh phúc của con người:

* Tinh thần nhân đạo của truyện còn thể hiện ở bài học nhân sinh sâu sắc mà Nguyễn Dữ muốn gửi đến bạn đọc muôn đời: Bài học giữ gìn và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Có hạnh phúc đã là sự may mắn nhưng giữ gìn, duy trì hạnh phúc còn khó hơn. Vợ và chồng dù có yêu nhau đến mấy mà chẳng biết tính của nhau thì bi kịch sớm muộn cũng xảy ra. Và điều quan trọng hơn hết để có được hạnh phúc là phải thực sự hiểu được nhau, tôn trọng lẫn nhau và tránh xa những ngộ nhận đáng tiếc.

2.3. Đánh giá:

3/ **Kết bài:** Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 16

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, trong bài Việt Bắc, Tố Hữu đã viết:

*"Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?
Phố đông còn nhớ bản làng
Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?"*

(Việt Bắc - Tố Hữu)

Những dòng thơ trên gợi cho em liên tưởng đến lời tâm sự của tác giả nào trong một bài thơ mà em đã học ở chương trình Ngữ văn lớp 9, tập 1? Em hãy chỉ rõ điểm đồng điệu giữa ý thơ của Tố Hữu và tâm sự của nhà thơ đó. Hãy phân tích niềm tâm sự sâu kín của tác giả trong bài thơ em đã tìm được.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Làm đúng kiểu bài nghị luận văn học.
- Bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát trôi chảy
- Không mắc các lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, lỗi dùng từ

II/ Yêu cầu về nội dung:

1/ Mở bài : Giới thiệu được ý thơ của Tố Hữu và bài thơ tương đồng trong chương trình lớp 9 đó là bài "Ánh trăng" của Nguyễn Duy

2/ Thân bài:

Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng yêu cầu đảm bảo được một số ý sau:

2.1. Điểm đồng điệu giữa ý thơ của Tố Hữu và Nguyễn Duy trong bài "Ánh trăng"

- Đều là những lời nhắc nhở về đạo li ân nghĩa thủy chung.
 - + Ở những dòng thơ của Tố Hữu: là lời nhắc nhở với những người cán bộ kháng chiến khi từ Việt Bắc về xuôi ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp vừa kết thúc. (Khi sự lãng quên chưa xảy ra mà mới chỉ là dự cảm).
 - + Ở bài "Ánh trăng": Là lời tâm sự tự bạch, tự thú với chính mình, với mọi người khi giật mình nhận ra bản thân đã từng có lúc lãng quên quá khứ khi được sống trong hòa bình (Đã ba năm sau khi kháng chiến chống Mĩ).
- => Có lẽ từ chiến tranh sang hòa bình, từ gian khổ sang an lạc, có không ít người lãng quên quá khứ, quên những người đã từng gắn bó, đùm bọc, sẻ chia .vì thế điểm đồng điệu của hai bài thơ chính là nhắc nhở mọi người về đạo lí uống nước nhớ nguồn, ân nghĩa thủy chung với quá khứ

2.2. Phân tích tâm sự sâu kín của Nguyễn Duy qua bài "Ánh trăng"

*** Hoàn cảnh ra đời bài thơ:**

- Cuộc kháng chiến đã khép lại ba năm, sống trong thời bình không mấy ai nhớ lại những kỉ niệm gian khổ thời quá khứ, "ánh trăng giản dị như một niềm ân hận trong tâm sự sâu kín của nhà thơ.
- Đó là hình ảnh quen thuộc và còn vừa là niềm thơ vừa là biểu tượng đã qua của một đời người gắn bó với kỉ niệm.

*** Tâm sự của tác giả về những ngày tháng làm bạn với ánh trăng:**

- Nhớ về kỉ niệm đã qua: Kỉ niệm thuở ấu thơ gắn liền với không gian "đồng, sông, bể" đến thời chiến tranh gian khổ
- > Vàng trăng là biểu tượng của thiên nhiên tươi mát, là biểu tượng nghĩa tình, nguồn cội, biểu tượng của quá khứ nghĩa tình. (Phân tích)

*** Tâm sự sâu kín về những ngày lãng quên vàng trăng trong hiện tại**

Lí do: do hoàn cảnh sống thay đổi. Con người lãng quên vàng trăng, quên quá khứ. Người và trăng trở nên xa lạ trăng trở thành người dưng.

- > Đó là sự lãng quên của một lớp người. Nhà thơ không phê phán ánh điện của gương mà cốt yếu làm sao để giá trị vật chất không điều khiển được con người.

*** Niềm ân hận của tác giả và "tấm lòng" của vàng trăng**

- Sự bắt gặp lại hình ảnh vàng trăng trong một tình huống bất ngờ "mất điện" -> Sự đối diện trong khoảnh khắc con người đã nhận ra sự bạc bẽo, vô tình của mình.

- > đó chính là sự ân hận, sám hối. (Phân tích)

- Hình ảnh trăng trở về nguyên vẹn "Tròn vành vạnh" là hình ảnh thiên nhiên tròn đầy, hình ảnh quá khứ vĩnh hằng hay đó chính là tấm lòng của vàng trăng.

- Tâm sự sâu kín của nhà thơ không dừng lại ở đó. Điều ông muốn nói là con người phải tự mình bước qua những lỗi lầm của mình biết tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

- Vàng trắng ở đây không chỉ là quá khứ vẹn nguyên, là vẻ đẹp tự nhiên, vĩnh hằng mà ánh trăng còn là bạn, là nhân chứng nghĩa tình - đó là nhân dân, đồng đội của những người lính.

-> Tấm lòng của nhân dân ta là vô cùng rộng lớn, luôn bao dung và tha thứ nhưng cũng nghiêm khắc nhắc nhở mỗi con người về đạo lí ân nghĩa thủy chung, đạo lí "uống nước nhớ nguồn". (Phân tích)

*** Nghệ thuật góp phần thể hiện chủ đề:** Thể thơ năm chữ, lời thơ giản dị mộc mạc, kết cấu theo dòng thời gian. Chỉ viết hoa chữ cái đầu mỗi khổ làm cho bài thơ có dáng dấp như một câu chuyện kể, lời tâm tình thủ thỉ của tác giả về nỗi lòng sâu kín của mình.

3/ Kết bài:

Khẳng định lại đạo lí sống ân nghĩa thủy chung luôn là đạo lí tốt đẹp từ xưa đến nay. Bài "ánh trăng" không chỉ là câu chuyện riêng của tác giả mà là câu chuyện, là vấn đề đặt ra đối với mỗi chúng ta.

ĐỀ SỐ 17

Trong văn bản "*Tiếng nói văn nghệ*", Nguyễn Đình thi có viết: "*Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy*". Qua văn bản "*Lặng lẽ Sa Pa*" của Nguyễn Thành Long, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về hình thức:

- Thể loại: Thuộc kiểu bài chứng minh một vấn đề về văn học.
- Bố cục: Cân đối, kết cấu chặt chẽ.
- Diễn đạt: Văn viết phải lưu loát, đúng chính tả, đúng ngữ pháp; trình bày sạch đẹp, rõ ràng, có cảm xúc.
- Phương pháp: Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận về một vấn đề văn chương thông qua việc phân tích một tác phẩm truyện để là rõ vấn đề (luận điểm rõ ràng, có sức thuyết

phục, biết cách trích dẫn chứng và phân tích các dẫn chứng đã nêu, biết kết hợp yếu tố biểu cảm trong nghị luận...).

II/ Về nội dung: Đề văn nhằm đánh giá kiến thức thí sinh về một tác phẩm cụ thể đồng thời ở một mức độ nào đó, đánh giá sự hiểu biết của các em về góc độ lí luận văn học, đó là tác dụng của nghệ thuật, cái hay của thơ ca. Ở đề này cái chính là hiểu và lấy văn bản "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long để làm sáng tỏ quan niệm của Nguyễn Đình Thi về văn học nghệ thuật: *"Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy"*.

Học sinh có thể viết bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo nắm được và làm toát lên những nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài: Dẫn dắt giới thiệu vấn đề: Nhận định trên đã nói lên chức năng nhận thức, chức năng thẩm mĩ và chức năng giáo dục của nghệ thuật, của văn chương (tác dụng của nghệ thuật, văn chương.)

2/ Thân bài:

***Giải thích một cách khái quát nhận định:**

- Nghệ thuật là một loại hình độc đáo thể hiện cuộc sống qua các hình tượng, nét vẽ, màu sắc, hình khối, âm thanh Nghệ thuật được tác giả nói ở đây nên hiểu là nghệ thuật văn chương.

- Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta: Nghệ thuật khác với những bài thuyết giảng đạo lí, mà các tác phẩm nghệ thuật là con đẻ của người nghệ sĩ, trong đó các nhà văn gửi gắm những suy tư, ước vọng của mình đến với độc giả. Tư tưởng trong tác phẩm nghệ thuật là thứ tư tưởng nấu mình.

- Nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta là: Các tác phẩm văn chương tác động vào nhận thức, tâm tư, tình cảm của người đọc, giúp người đọc hiểu được hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm và qua sự rung động mà tác phẩm đem lại người tiếp nhận sẽ nhận thức rõ cái đẹp, cái đúng, cái sai trong thực tế cuộc sống, từ đó có những tình cảm yêu cái tốt đẹp, ghét cái xấu xa sai trái...

- Khiến chúng ta tự phải bước đi lên đường ấy: Từ những tình cảm tốt đẹp mà tác phẩm nghệ thuật đem lại, người đọc sẽ có hành động phù hợp như kế thừa, phát huy, noi theo những điều tốt đẹp, đấu tranh, phê phán cái xấu xa, lỗi thời, hèn kém...

*** Chứng minh nhận định qua văn bản "lặng lẽ Sa Pa":**

- Lặng lẽ Sa pa giúp cho người đọc thấy nghị lực phi thường và những phẩm chất cao đẹp của các nhân vật trong truyện mà tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên đã giúp người đọc thấy rõ những phẩm chất cao đẹp của người lao động mới trong thời kì xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền nam mà thêm trân trọng yêu mến những con người đó:

+ Một con người có nghị lực phi thường: trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống anh vẫn vượt lên để hoàn thành tốt nhiệm vụ (Dẫn chứng + phân tích)

+ Anh có lí tưởng đúng đắn: "Mình sinh ra ở đây, mình vì ai mà làm việc"...

+ Anh biết tìm niềm vui trong công việc nhàm chán của mình với suy nghĩ "Mình với công việc là đôi ai bảo là một mình được"....

+ Anh ham học hỏi, nghiên cứu khoa học (Dẫn chứng + phân tích)

+ Anh là người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc "Một giờ sáng vẫn thức dậy đi ốp" mặc dù thời tiết ở Sa Pa rất lạnh giá...

+ Anh còn biết cải thiện cuộc sống, đã trồng rau, trồng hoa, nuôi gà....

+ Anh còn là người rất khiêm tốn, khi người họa sĩ muốn vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn (Dẫn chứng + phân tích)

- Vẻ đẹp anh thanh niên đã có sức lan tỏa đến cô kĩ sư, ông họa sĩ (Dẫn chứng + phân tích)

- Các nhân vật khác như: Cô kĩ sư, ông họa sĩ, bác lái xe, ông kĩ sư nông học, anh cán bộ sét, anh cán bộ khí tượng ở đỉnh cao hơn bốn ngàn mét.... đều say mê cống hiến cho đất nước.

- Qua nhân vật anh thanh niên người đọc thấy rõ vẻ đẹp tâm hồn của anh thanh niên, thấy được ý thức công dân của mình trong cuộc sống.

- Người đọc khâm phục những đức tính cao đẹp của anh thanh niên để từ đó học tập noi gương, có hành động đúng trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay...

3/ Kết bài: Khẳng định nhận định: đánh giá thành công của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa"

- Truyện đã góp phần cổ vũ, động viên nhân dân ta trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đồng thời cũng là bức thông điệp gửi đến mọi người ý thức công dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Thổi bùng trong ta lòng yêu đất nước và ý thức cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho đất nước.

- Ý kiến của Nguyễn Đình Thi là hoàn toàn đúng đắn có ý nghĩa khẳng định sức mạnh của nghệ thuật nói chung, của văn chương nói riêng.

(Lưu ý: Học sinh có thể viết đan xen giữa các yếu tố biểu cảm trong bài song phải có lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ nhận định).

ĐỀ SỐ 18

"Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng (...) Nhưng văn học không phản ánh máy móc, thụ động như một tấm gương mà thông qua tư tưởng, tình cảm, cách nhìn, cách đánh giá của từng nhà văn"

(SGK Ngữ văn 9 – Tập 2, Trang 115)

Phân tích hình tượng người lính trong hai bài thơ "Đồng chí" (Chính Hữu) và "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" (Phạm Tiến Duật) để làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Có kiến thức lý luận văn học về một trong những đặc điểm nội dung cơ bản của tác phẩm văn học là hình tượng nghệ thuật.
- Phân tích được vẻ đẹp của hình tượng người lính qua từng bài thơ để làm rõ vấn đề trên.
- Bố cục chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, giàu cảm xúc.
- Không mắc lỗi về câu, từ, chính tả.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể có những cách lập luận khác nhau song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn nhận định

2. Thân bài:

a/ Giải thích nhận định:

- Hình tượng là phương tiện của văn học để phản ánh hiện thực. Đó là bức tranh sinh động về con người và cuộc sống.

- Hình tượng văn học vừa chứa nội dung hiện thực (trực tiếp miêu tả cuộc sống), vừa mang nội dung tư tưởng (biểu hiện lý tưởng, cách nhìn, cách nghĩ, cảm xúc của mỗi cá nhân nhà văn). Nghĩa là vừa có tính chung sâu sắc, vừa mang tính riêng độc đáo.

Bởi vậy: phân tích hình tượng văn học là làm nổi bật vẻ đẹp con người, cuộc sống được thể hiện qua đó; phát hiện sự đóng góp riêng của nhà văn trong việc chọn lựa các yếu tố để xây dựng hình tượng.

b. Phân tích hình tượng người lính trong hai bài thơ để làm sáng tỏ nhận định:

b1: Vẻ đẹp chung của hình tượng:

Chân dung người lính là biểu tượng cao đẹp của con người Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh với các phẩm chất đáng quý

- Có trái tim yêu nước cháy bỏng.
- Có lý tưởng cao đẹp, chiến đấu, hy sinh vì độc lập dân tộc.
- Đoàn kết, gắn bó trong tình đồng chí, đồng đội keo sơn.
- Dũng cảm, kiên cường vượt qua mọi gian khó, hiểm nguy để sống, chiến đấu và chiến thắng.

b2: Sự phát hiện riêng của hai nhà thơ:

*** "Đồng chí" (Chính Hữu)**

- Vẻ đẹp giản dị, mộc mạc của người nông dân mặc áo lính trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Tình đồng chí, đồng đội hòa quyện với tình giai cấp.
- Sự thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ của nhà thơ trước hoàn cảnh và tình cảm của người lính.
- Những chi tiết, hình ảnh, cấu tứ đặc sắc, giàu giá trị gợi tả, gợi cảm, biểu trưng. (Quê hương anh ... làng tôi, đôi người xa lạ ... đôi tri kỷ, ruộng nương ... gian nhà ... giếng nước gốc đa, anh với tôi..., áo anh ... quần tôi, thương nhau tay nắm lấy bàn tay, đứng cạnh bên nhau ... đầu súng trăng treo)

*** "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" (Phạm Tiến Duật)**

- Vẻ đẹp dũng cảm, hiên ngang, trẻ trung, yêu đời, mang đậm chất "lính" của người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ.

- Tình đồng chí, đồng đội gắn với đời sống và tâm hồn phơi phới, sôi nổi, tinh nghịch, ngang tàng của thế hệ Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước.
- Tình cảm yêu quý, tự hào, gắn bó của nhà thơ đối với những người lính.
- Những chi tiết, hình ảnh đặc sắc cùng giọng điệu, ngôn từ và lối thơ văn xuôi khắc đậm hình tượng người lính (Xe không có kính...kính vỡ, nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng ... nhìn nhau mặt lấm cười ha ha, bắt tay qua cửa kính vỡ rồi, võng mắc chông chênh ... Lại đi, lại đi ... Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước: chỉ cần trong xe có một trái tim)

c. Đánh giá:

- Nhận định trên hoàn toàn đúng đắn...
- Cả hai bài thơ "Đồng chí" (Chính Hữu) và "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" (Phạm Tiến Duật) đều xây dựng hình tượng đẹp về người lính trong những năm tháng chiến tranh nhưng không phản ánh máy móc, thụ động như một tấm gương mà thông qua tư tưởng, tình cảm, cách nhìn, cách đánh giá của từng nhà thơ. Các nhà thơ đã khắc tạc nên chân dung anh bộ đội cụ Hồ thời kháng chiến...

3/ Kết bài:

- Những đặc sắc về nghệ thuật...
- Khẳng định tài năng, sự đóng góp của hai nhà thơ trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam.

ĐỀ SỐ 19

Bàn về khả năng tác động của tác phẩm văn học đến tâm hồn con người, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã cho rằng: *Mỗi tác phẩm như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi...*

(Tiếng nói của văn nghệ - SGK Ngữ văn 9, tập 2, trang 14)

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Từ bài thơ Ánh trăng (Nguyễn Duy) hãy phân tích và làm rõ ánh sáng riêng mà tác phẩm này đã soi rọi vào tâm hồn em.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng

- Kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về lí luận văn học, khả năng cảm thụ thơ, kĩ năng tạo lập văn bản để làm bài.

- Học sinh có thể cảm nhận và trình bày theo những cách khác nhau, nhưng phải rõ hệ thống luận điểm, có lí lẽ, lập luận chặt chẽ, căn cứ xác đáng.
- Diễn đạt trong sáng; dùng từ đặt câu chuẩn xác.

II. Yêu cầu về kiến thức

1/ Mở bài: Dẫn dắt vấn đề, trích dẫn câu nói của Nguyễn Đình Thi.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến

- Soi rọi vào tâm hồn: Làm bừng sáng, thức tỉnh những điều lương thiện, những điều tốt đẹp trong tâm hồn người đọc.
 - Ánh sáng riêng: Là những điều tốt đẹp nhất (những điều chân - thiện - mỹ) được gửi gắm qua mỗi tác phẩm...
 - Không bao giờ nhòa đi: Không phai nhạt, không thể mất đi, nó được khắc sâu và trở thành ánh sáng của tâm hồn
- => Ý kiến của Nguyễn Đình Thi đã khẳng định sự tác động mạnh mẽ của tác phẩm văn học: Thức tỉnh tâm hồn con người, hướng con người những điều tốt đẹp nhất
- => Đây là chức năng giáo dục, chức năng cảm hóa của văn học.

2.2. Phân tích, làm rõ vấn đề qua bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy

*** Khái quát về tác phẩm:**

- Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: Khi chiến tranh kết thúc, người lính (Nguyễn Duy) trở về với cuộc sống đời thường.
- Đề tài: Bài thơ khai thác đề tài về đời sống nội tâm của người lính trong thời bình, giữa cuộc sống đời thường.
- Hai hình tượng nghệ thuật trung tâm là ánh trăng và người lính đã góp phần thể hiện được tư tưởng chủ đề của tác phẩm: Lối sống thủy chung tình nghĩa, không thờ ơ bạc bẽo với quá khứ, biết trân trọng giá trị của quá khứ

*** Ánh sáng riêng từ bài thơ Ánh trăng:**

- Hình ảnh vầng trăng gắn với những kỉ niệm tuổi thơ, gắn với kỉ niệm một thời lính chiến của nhà thơ đã đánh thức những kỉ niệm, những kí ức trong lòng mỗi người, đánh thức

những cảm xúc trong trẻo, đẹp dễ nhất trong mỗi chúng ta về thời quá khứ... (HS phân tích hình ảnh vầng trăng trong hai khổ thơ đầu)

- Những tâm sự mà Nguyễn Duy gửi gắm qua bài thơ đã làm thức tỉnh trong lòng người đọc nhiều điều thấm thía:

+ Giữa bộn bề lo toan của cuộc sống đời thường, giữa những vội vã gấp gáp của nhịp sống hiện đại, nhưng con người vẫn nên có những khoảnh khắc sống chậm lại để nhìn lại quá khứ...

+ Không được thờ ơ, phũ phàng với quá khứ. Sống với ngày hôm nay nhưng không thể hoàn toàn xóa sạch kí ức của ngày hôm qua..., luôn thủy chung, giữ trọn vẹn nghĩa tình với quá khứ, trân trọng những điều thiêng liêng đẹp dễ trong quá khứ... (HS phân tích các khổ thơ 3, 4, 5, 6)

+ Dám dũng cảm đối diện với chính bản thân mình, đối diện với lương tâm mình để nhìn nhận rõ những sai lầm. Khoảnh khắc lương tâm thức tỉnh là khi sự thánh thiện, lối sống tình nghĩa, thủy chung được thức tỉnh trong tâm hồn; sự vô tình vô nghĩa, thái độ sống thờ ơ vô cảm, thậm chí sự vô ơn, bạc bẽo... bị đẩy lùi (HS phân tích cái giật mình của nhà thơ trong câu thơ cuối)

* **Liên hệ:** Gắn vấn đề Nguyễn Duy đặt ra trong bài thơ vào cuộc sống đương thời và liên hệ với bản thân:

- Trong cuộc sống hiện đại đương thời, nhịp sống vội vàng, gấp gáp, con người có nhiều toan, bận rộn... nên đôi khi thờ ơ với quá khứ, thậm chí sống nhanh, sống gấp, thờ ơ với cả những gì thân thuộc đang diễn ra ngay xung quanh mình. (cả vô tình và cả hữu ý) (HS lấy dẫn chứng và phân tích)

- Liên hệ bản thân, rút ra bài học sâu sắc, thấm thía.

3/ Kết bài: Tổng kết, khái quát lại vấn đề

- Khẳng định sự đúng đắn của ý kiến, khẳng định chức năng giáo dục, chức năng cảm hóa tâm hồn con người là chức năng quan trọng nhất của văn học...

- Khẳng định giá trị của bài thơ Ánh trăng: Có tính giáo dục, có sức mạnh làm thức tỉnh tâm hồn người đọc => Điều này làm nên giá trị nhân văn của tác phẩm

"Có thể nói thiên nhiên trong Truyện Kiều cũng là một nhân vật, một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không có mặt và luôn luôn thấm đượm tình người." (Hoài Thanh)

Bằng những hiểu biết của em về các đoạn trích đã học trong Truyện Kiều, hãy làm rõ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài, có kĩ năng làm bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết chặt chẽ, luận điểm, luận cứ rõ ràng; diễn đạt sáng rõ, lưu loát, có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và đặt câu...

II/ Yêu cầu về kiến thức: HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau, có thể có những cảm nhận riêng, miễn là phù hợp với yêu cầu của đề và cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến:

"...thiên nhiên trong Truyện Kiều cũng là một nhân vật, một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không có mặt và luôn luôn thấm đượm tình người" có nghĩa là:

- Nhà phê bình Hoài Thanh muốn nói đến sự có mặt của thiên nhiên xuyên suốt, chân thực, sinh động và ấn tượng với bạn đọc như những gì Nguyễn Du xây dựng về con người...

- Điều đó có nghĩa thiên nhiên là đối tượng thứ nhất, có vẻ đẹp tự thân, hiện lên chân thực, có hồn, thể hiện tình yêu cái đẹp và tạo vật của thi hào Nguyễn Du... Thiên nhiên còn là đối tượng để Nguyễn Du ngụ tình...

=> Nguyễn Du đã thể hiện tình yêu thẩm thiết với thiên nhiên, tạo vật và qua thiên nhiên, thể hiện tình yêu thẩm thiết với con người, cuộc sống...

2.2. Chứng minh:

** Thiên nhiên - một thế giới tuyệt đẹp hiện lên trong Truyện Kiều, được nhìn qua tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, thấm đượm yêu thương của Nguyễn Du:*

- Đó là cảnh buổi sáng mùa xuân đẹp đẽ, tinh khôi, tràn đầy sức sống hay khung cảnh hoàng hôn thật đẹp, thật thanh khiết nhưng phảng phất buồn trong "Cảnh ngày xuân".

- Đó là bức tranh thiên nhiên mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp nơi lầu Ngưng Bích trong "Kiều ở lầu Ngưng Bích"

(HS cần chọn lựa dẫn chứng tiêu biểu để phân tích, tránh sa vào liệt kê dẫn chứng.)

=> Có thể nói, ngòi bút của Nguyễn Du rất tinh tế khi tả cảnh. Khi miêu tả, bao giờ Nguyễn Du cũng nắm được cái thần của cảnh với những nét đặc trưng riêng => Qua cách miêu tả thiên nhiên, Nguyễn Du cho thấy một tâm hồn thiết tha yêu thiên nhiên, một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, tài hoa... => Sáng tác của Nguyễn Du đã hướng người đọc mở rộng lòng mình với tạo hoá, với cái đẹp...

** Thiên nhiên còn là đối tượng để Nguyễn Du bày tỏ tình cảm với con người, thể nên thiên nhiên ấy thấm đượm tình người:*

- Bức tranh mùa xuân là xúc cảm đẹp của nội tâm hai nàng Kiều và cũng là ước vọng của Nguyễn Du về tuổi trẻ, hạnh phúc, sự bình an. (Phân tích làm rõ cách Nguyễn Du tả hình ảnh chim én, hình ảnh cỏ non, hình ảnh hoa lê trắng, cảnh lễ hội..., nỗi buồn tan cuộc, cõi lòng vẩn vương...=> tất cả được tái hiện một cách đặc biệt gợi cảm, thấm thía qua đảo ngữ, qua dùng từ láy, qua cách chấm phá, điểm xuyết...)

- Bức tranh thiên nhiên nơi lầu Ngưng Bích hoang vắng, rợn ngợp hòa với lòng người cô quạnh, tủi thẹn, bế bång. Những non xa, trăng gần; những cát vàng, bụi hồng, cồn nọ không làm nên vẻ đẹp của lầu Ngưng Bích mà đó là không gian mang tính nghệ thuật, làm nổi bật sự cô đơn tuyệt đối của Kiều.

- Bức tranh đầy ám ảnh, thấp thòm, lo âu ở 8 câu cuối trong đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là sự đồng cảm cùng nàng Kiều bé nhỏ, cô đơn, hãi hùng, kinh sợ trước sóng gió cuộc đời...

=>Tả cảnh ngụ tình là một trong những bút pháp nghệ thuật quen thuộc và hiệu quả của các nhà văn, nhà thơ từ xưa tới nay. Những bức tranh thiên nhiên trong Truyện Kiều trở thành đối tượng để Nguyễn Du miêu tả và khắc họa số phận, tính cách, nhất là nội tâm nhân vật, khiến cho nhân vật của ông hiện lên thật sinh động, chân thực, đem đến sự đồng cảm sâu sắc...

3. Đánh giá:

- Thiên nhiên trong "Truyện Kiều" trở thành nhân vật bên cạnh con người và hài hòa với nội tâm con người

Thiên nhiên luôn luôn có mặt, trở thành đối tượng góp phần thể hiện sâu sắc những nghĩ suy của Nguyễn Du về con người, đồng thời thể hiện sâu sắc bút pháp nghệ thuật của tác giả...

- Cho thấy tâm hồn yêu thiên nhiên tha thiết và sự tài hoa, tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du
=> Ngòi bút Nguyễn Du đã đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong nền thơ ca dân tộc...

3/ Kết bài: Khẳng định tài năng của Nguyễn Du và thành công của "Truyện Kiều".

ĐỀ SỐ 21

Khi bàn đến ngôn ngữ "Truyện Kiều" Hoài Thanh có viết:

"Người đọc xưa nay vẫn xem "Truyện Kiều" như một hòn ngọc quý cơ hồ không thể thay đổi, thêm bớt một tí gì, như một tiếng đàn lạ gần như không một lần lỡ nhịp ngang cung." Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Dựa vào "Truyện Kiều" hãy làm rõ tài năng ngôn ngữ của Nguyễn Du và lý giải vì sao Nguyễn Du có được những thành tựu ấy.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài nghị luận về tác phẩm văn học, vận dụng nhuần nhuyễn các phép lập luận: Giải thích, chứng minh.
- Bố cục rõ ràng, chặt chẽ, văn viết mạch lạc, từ ngữ trong sáng.
- Không mắc lỗi về câu, lỗi diễn đạt, lỗi chính tả thông thường.

II/ Yêu cầu về kiến thức: HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau, có thể có những cảm nhận riêng, miễn là phù hợp với yêu cầu của đề và cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài: Dẫn dắt vấn đề, giới thiệu câu nói của Hoài Thanh.

2/ Thân bài:

*** Giải thích ý kiến của Hoài Thanh:** *"hòn ngọc quý cơ hồ không thể thay đổi"*. Truyện Kiều ngôn ngữ đẹp đến mức hoàn thiện.

- "Một tiếng đàn lạ gần như không một lần lỡ nhịp ngang cung". Ngôn ngữ truyện Kiều phong phú, chính xác, sáng tạo, đầy biến hoá.

- Đây là lời đánh giá rất cao về truyện Kiều, về tài năng của Nguyễn Du qua cách diễn đạt giàu hình ảnh nghệ thuật so sánh: Nguyễn Du là bậc thầy về ngôn ngữ.

*** Chứng minh tài năng ngôn ngữ của Nguyễn Du trong truyện Kiều:**

- Dẫn chứng qua tài năng khắc hoạ chân dung nhân vật (Thuý Kiều, Thuý Vân, Mã Giám Sinh, Từ Hải, Kim Trọng...). Tả tâm trạng của "trăng", của "tiếng đàn"... trong từng hoàn cảnh, tình huống của truyện.
- Lý giải nguyên nhân thành công: kế thừa và phát huy những khuynh hướng sáng tạo ngôn ngữ khác biệt như ngôn ngữ dân tộc đặc biệt là thành ngữ, tục ngữ, ca dao.
- Ngôn ngữ trong truyện Kiều mang một phong cách, một cá tính nghệ thuật đưa ông lên bậc thầy về ngôn ngữ và cho đời nhiều bài học quý về sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật.
- Truyện Kiều không những được người Việt Nam yêu mến mà còn được nhân loại ngưỡng mộ.

3/ Kết bài: Khẳng định tài năng ngôn ngữ của Nguyễn Du và thành công của "Truyện Kiều".

ĐỀ SỐ 22

Tại Đại hội lần thứ IX Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam ngày 09/01/2016, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu:

“Mỗi tác phẩm văn học, nghệ thuật thực sự có giá trị, phải có sức lay động công chúng, độc giả bằng trách nhiệm, tấm lòng, trái tim của người nghệ sĩ ... Mỗi văn nghệ sĩ cần bám sát hiện thực cuộc sống để sáng tạo, làm sao cho mỗi tác phẩm của mình phản ánh chân thực cuộc sống, làm cho người đọc sau khi gấp sách lại đều cảm thấy mạch đời đập dưới bìa sách đóng như mạch máu đập dưới làn da”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua việc phân tích tác phẩm Chiếc lược ngà của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng: Nắm vững kỹ năng làm bài văn nghị luận văn học. Bố cục hợp lí, lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo, dẫn chứng tiêu biểu. Diễn đạt, hành văn trong sáng, lời văn đẹp, ấn tượng.

II. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài: Dẫn dắt vấn đề, ý kiến của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng:

“Mỗi tác phẩm văn học, nghệ thuật thực sự có giá trị, phải có sức lay động công chúng, độc giả bằng trách nhiệm, tấm lòng, trái tim của người nghệ sĩ ... Mỗi văn nghệ sĩ cần bám sát hiện thực cuộc sống để sáng tạo, làm sao cho mỗi tác phẩm của mình phản ánh chân thực cuộc sống, làm cho người đọc sau khi gấp sách lại đều cảm thấy mạch đời đập dưới bìa sách đóng như mạch máu đập dưới làn da”.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

- Mỗi tác phẩm văn học, nghệ thuật thực sự có giá trị, phải có sức lay động công chúng: Tác phẩm văn học, nghệ thuật chỉ thực sự có giá trị khi nó làm cho người đọc thấy rung cảm, xúc động và đánh thức ở họ những tư tưởng, tình cảm cao đẹp.
- Trách nhiệm, tấm lòng, trái tim của người nghệ sĩ: Quý trọng nghề nghiệp và có bản lĩnh của người sáng tạo, có tình cảm nhân văn cao đẹp đặc biệt là tình thương yêu con người => những phẩm chất cần có của người nghệ sĩ.
- Mỗi văn nghệ sĩ cần bám sát hiện thực cuộc sống để sáng tạo, làm sao cho mỗi tác phẩm của mình phản ánh chân thực cuộc sống: Nhiệm vụ của nhà văn là phải sáng tạo nên những tác phẩm văn học có giá trị hiện thực.
- Làm cho người đọc sau khi gấp sách lại đều cảm thấy mạch đời đập dưới bìa sách đóng như mạch máu đập dưới làn da: Bạn đọc sau khi thưởng thức tác phẩm có những rung cảm sâu sắc với những vấn đề của hiện thực cuộc sống được nhà văn phản ánh trong tác phẩm. => Ý kiến trên đã khẳng định vai trò và nhiệm vụ quan trọng của nhà văn trong quá trình sáng tạo nghệ thuật nhằm tạo ra những tác phẩm văn học có sức lay động lòng người và mang giá trị hiện thực sâu sắc.

2.2. Phân tích tác phẩm Chiếc lược ngà để làm sáng tỏ ý kiến trên.

a. Truyện ngắn Chiếc lược ngà (1966) là một tác phẩm có giá trị, có sức lay động trái tim độc giả.

** Nhà văn đã thể hiện một cách cảm động tình cha con thấm thiết, sâu nặng trong hoàn cảnh chiến tranh.*

- Tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha: Bé Thu là con gái đầu lòng cũng là đứa con duy nhất của ông Sáu. Em sống thiếu vắng người cha từ khi chưa đầy một tuổi. Sau hơn bảy năm xa cách, cha con mới được gặp lại. Tình thương cha của bé bộc lộ qua hai tình huống:

+ Tình huống thứ nhất: Thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ông Sáu là cha.

- + Tình huống thứ hai: Thái độ và hành động của bé Thu khi nhận ông Sáu là cha.
- Tình cha con sâu nặng và cao đẹp của ông Sáu: Ông Sáu là người cha có tình thương con rất sâu nặng. Tình thương ấy bộc lộ qua hai tình huống:
 - + Tình huống thứ nhất: Tình cảm của ông Sáu khi gặp lại con sau hơn bảy năm xa cách (Thí sinh phân tích tình cảm của ông Sáu dành cho con khi xuống cập bến, trong những ngày nghỉ phép, lúc chia tay).
 - + Tình huống thứ hai: Tình yêu con tha thiết của ông còn được thể hiện rất sâu sắc khi ông ở khu căn cứ: Day dứt ân hận vì đã đánh con, nhớ lời dặn của con ông dồn hết tâm trí và công sức để làm chiếc lược ngà, chiếc lược trở thành vật thiêng liêng đối với ông Sáu, trước lúc hi sinh ông đã nhờ người bạn chiến đấu của mình trao lại chiếc lược ngà cho con gái...
- * Truyện ngắn Chiếc lược ngà là một tác phẩm có giá trị còn bởi từ khi ra đời cho đến nay các thế hệ độc giả vẫn không thôi hành trình đồng sáng tạo với nhà văn. Tác phẩm đã góp phần không nhỏ trong việc nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ và đánh thức ở nhiều thế hệ học sinh những phẩm chất, tình cảm cao đẹp: Thí sinh nêu được một (một số) ý kiến của độc giả bàn về sức sống của tác phẩm Chiếc lược ngà.

Ví dụ:

- Ngày ấy, mình đang là cậu học sinh cấp 3, đã từng đọc truyện ngắn "Chiếc lược ngà", rất ấn tượng với văn phong Nam bộ, với cuộc kháng chiến vừa qua, thể hiện trong truyện ngắn này. (nhà văn Bùi Anh Tấn)
- Bông cẩm thạch vẫn tươi Mùa gió chướng/Người quê hương luôn nhớ Chiếc lược ngà. (Câu đối tại đám tang nhà văn ngày 13/2/2014)
- Điều duy nhất mà chúng tôi muốn nói trước khi đọc Chiếc lược ngà, đây là một tác phẩm viết về chiến tranh. Vì vậy, người đọc cần đặt mình trong bối cảnh của câu chuyện. Và hãy đừng quên rằng đã một thời Việt Nam chìm trong tiếng súng. Lịch sử sẽ phán xét về cuộc chiến tranh này. Nhưng giá trị nghệ thuật và lịch sử của những tác phẩm văn học thì luôn vĩnh hằng với thời gian. (Trần Thanh Phong)

b. Tác phẩm "Chiếc lược ngà" có giá trị hiện thực, khiến độc giả sau khi gấp sách lại vẫn cảm nhận được cuộc sống, không khí nóng bỏng của thời đại như đang diễn ra trước mắt.

- Phản ánh chân thực cuộc sống, cuộc chiến đấu của con người Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ.

- Hiện thực về những tội ác mà đế quốc Mỹ đã gây ra cho đồng bào Nam Bộ nói riêng và nhân dân ta nói chung.

- Hiện thực về vẻ đẹp con người Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ: tình yêu quê hương đất nước, tình cảm gia đình, tình đồng đội...

=> Giúp độc giả hiểu hơn về cuộc chiến tranh và con người Việt Nam trong chiến tranh.

c. Nguyễn Quang Sáng đã sáng tạo nên truyện ngắn có giá trị này bằng trách nhiệm, tấm lòng, trái tim của người nghệ sĩ.

** Trách nhiệm của nhà văn Nguyễn Quang Sáng:*

- Sáng tạo hình thức nghệ thuật phù hợp với nội dung tác phẩm: Xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí; xây dựng cốt truyện khá chặt chẽ, lựa chọn nhân vật kể chuyện thích hợp; miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế và sâu sắc, nhất là đối với nhân vật bé Thu; ngôn ngữ truyện mang đậm chất địa phương Nam Bộ.

- Đóng góp mới mẻ: Trong khi các nhà văn cùng thời thường viết về những con người lí tưởng hiện ra giữa chiến trường lửa đạn thì nhà văn lại hướng ngòi bút của mình ca ngợi tình cảm cha con trong chiến tranh đầy cảm động.

- Làm tròn sứ mệnh của một nhà văn trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh: Nhà văn là chiến sĩ, trực tiếp cầm súng chiến đấu và viết nên tác phẩm từ những trải nghiệm thực tế của mình.

** Tấm lòng, trái tim của nhà văn Nguyễn Quang Sáng:*

- Ông rất am hiểu tâm lí trẻ thơ, có tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ. Trân trọng và ngợi ca những tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam trong chiến tranh. Căm ghét chiến tranh bởi chiến tranh đã gây ra bao đau khổ, mất mát cho con người...

- Viết truyện ngắn này tác giả muốn khẳng định: Điều còn lại mà chiến tranh không thể lấy đi là vẻ đẹp tâm hồn của con người Việt Nam (lòng yêu nước nồng nàn, lí tưởng sống, chiến đấu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước; tình đồng chí; tình cảm gia đình, tình cha con thấm thiết, sâu nặng, bất tử) mà bom đạn quân thù không thể nào tàn phá được. "Câu chuyện viết về tình cha con của những người kháng chiến, những người cách mạng. Nhưng đó cũng là tình phụ tử muôn đời. Truyện không dài, tình tiết không li kì, tư tưởng cũng không phức tạp. Nó chân thực và giản dị, vì thế mà cảm động. Ấy là cốt cách của một truyện hay". (Chu Văn Sơn).

3. Kết bài

- Ý kiến của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng hoàn toàn đúng đắn và có thể được coi là ngọn nền soi đường cho các văn nghệ sĩ hôm nay và mai sau.
- Bằng trách nhiệm, tấm lòng, trái tim của người cầm bút và những nhận thức về thực tế cuộc sống, Nguyễn Quang Sáng đã làm nên một Chiếc lược ngà có sức lay động bạn đọc nhiều thế hệ, có giá trị hiện thực sâu sắc.
- Bạn đọc phải biết trân trọng sản phẩm sáng tạo của nhà văn, có tình yêu tha thiết với cái đẹp, không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết, tích lũy kinh nghiệm tiếp nhận, chủ động và sáng tạo khi tiếp nhận tác phẩm ... để có những phát hiện mới về tác phẩm trên tầm cao của kiến thức, của tình yêu, say mê và rung cảm mãnh liệt đối với văn chương, đáp ứng được mong mỏi của các nhà văn *"Viết ngắn thôi, nhưng cuộc sống phải dài!"* (Nguyễn Minh Châu).

ĐỀ SỐ 23

Trong văn bản *"Tiếng nói của văn nghệ"*, Nguyễn Đình Thi viết:

"Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình gộp vào đời sống chung quanh".

(Ngữ Văn 9, Tập II, Tr 12,13 - NXB GD 2005)

Qua *"Bài thơ về tiểu đội xe không kính"*, em hãy làm sáng tỏ *"điều mới mẻ"*, *"lời nhắn nhủ"* mà nhà thơ Phạm Tiến Duật muốn đem *"gộp vào đời sống"*.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng

- Bố cục bài rõ ràng, lập luận thuyết phục bằng việc phân tích các dẫn chứng cụ thể để làm sáng rõ luận điểm.
- Văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc; ít mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.

II. Yêu cầu về nội dung

Bài làm đúng kiểu văn nghị luận, các ý có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề, ý kiến của Nguyễn Đình Thi.

2/ Thân bài:

a/ Giải thích sơ lược đoạn văn của Nguyễn Đình Thi:

-Nội dung của một tác phẩm nghệ thuật là hiện thực cuộc sống và những khám phá, phát hiện riêng của người nghệ sĩ.

- Những khám phá, phát hiện ấy chính là điều mới mẻ góp phần quan trọng tạo nên giá trị của một tác phẩm nghệ thuật và mang theo thông điệp của người nghệ sĩ.

-"Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật đã thể hiện được "điều mới mẻ" và "lời nhắn nhủ" của riêng nhà thơ trên cơ sở "vật liệu mượn ở thực tại".

+ "Vật liệu mượn ở thực tại" trong tác phẩm là hiện thực cuộc kháng chiến chống Mỹ với nhiều khó khăn, gian khổ và tinh thần chiến đấu, đời sống tình cảm của những người lính trên tuyến đường Trường Sơn

b/ Điều mới mẻ:

+Nhà thơ đã khám phá ra vẻ đẹp riêng của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mỹ từ chính những khó khăn, gian khổ của hiện thực:

+ Phong thái ung dung, tự tin và tinh thần dũng cảm, hiên ngang, bất chấp bom đạn, coi thường gian khổ, hiểm nguy, luôn hướng về phía trước.

+ Tâm hồn trẻ trung, sôi nổi, nét tinh nghịch đáng yêu của những người lính trẻ; niềm lạc quan phơi phới vượt lên hiện thực khốc liệt của chiến tranh.

+ Trong gian khổ, tình đồng chí, đồng đội được thể hiện cũng thật vô tư, tinh nghịch mà chân thành.

+ Trái tim mang tình yêu Tổ quốc là sức mạnh thôi thúc tinh thần, ý chí quyết tâm chiến đấu vì miền Nam, tình yêu đó mạnh hơn tất cả đạn bom, cái chết.

(so sánh với hình ảnh người lính trong thời kì chống Pháp)

=> Vẻ đẹp của họ có sự kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa cái vĩ đại phi thường với cái giản dị đời thường

+Điều mới mẻ thể hiện trong nghệ thuật của bài thơ: nhan đề lạ, sáng tạo ra một hình ảnh thơ độc đáo, giọng điệu và ngôn ngữ thơ rất đặc sắc, rất gần với lời nói thường ngày, đậm

chất văn xuôi; sự đối lập giữa cái không và cái có... để thể hiện chân thực và sinh động vẻ đẹp của những người lính.

c/ Lời nhắn nhủ: (Đây cũng là tư tưởng chủ đề của tác phẩm) Hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ mãi là biểu tượng đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Họ chính là những con người đã góp phần làm nên những trang sử vẻ vang của dân tộc, sức mạnh và tinh thần chiến đấu của họ đã khẳng định một chân lí của thời đại: sức mạnh tinh thần có thể chiến thắng sức mạnh vật chất.

3/ Kết bài:

ĐỀ SỐ 24

Nhà văn Nguyễn Dữ đã kết thúc Chuyện người con gái Nam Xương bằng chi tiết Vũ Nương hiện về gặp chồng rồi sau đó biến mất.

Có ý kiến cho rằng: *giả như nhà văn để Vũ Nương trở về trần gian sống hạnh phúc cùng chồng con thì kết thúc của truyện sẽ có ý nghĩa hơn.* Có người lại nhận xét: *cách kết thúc của tác giả như vậy là hợp lí.*

Suy nghĩ của em về hai ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Biết cách làm một bài nghị luận văn học: hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, hình ảnh.
- Biết kết hợp các thao tác lập luận, bố cục hợp lí, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.

II. Yêu cầu về kiến thức

1/ Mở bài: *Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề*

2/ Thân bài:

Bàn luận

2.1. Nêu tình huống và những tình tiết chính dẫn đến kết thúc của truyện

2.2. Về ý kiến: *"Giả như nhà văn để Vũ Nương trở về trần gian sống hạnh phúc cùng chồng con thì kết thúc của truyện sẽ có ý nghĩa hơn"*

- Đây là cách kết thúc thường gặp trong các truyện cổ dân gian, thể hiện quan niệm ở hiền gặp lành, cái thiện thắng cái ác của người lao động, thể hiện niềm tin, niềm lạc quan của họ. Đó cũng là truyền thống nhân đạo của dân tộc, cũng là một trong những nội dung của văn học trng đại Việt Nam.

- Cách kết thúc truyện như vậy có thể chấp nhận được vì không trái với tinh thần nhân đạo của văn học. Tuy nhiên điều này sẽ ảnh hưởng tới giá trị hiện thực và logic phát triển của cốt truyện

2.3. Về kết thúc của nhà văn

- Kết thúc truyện Chuyện người con gái Nam Xương đã thể hiện được tinh thần nhân đạo và khát vọng của con người về cuộc sống: Vũ Nương không chết, nàng được sống một cuộc sống sung sướng, hạnh phúc dưới thủy cung, nàng hiện hồn về gặp Trương Sinh là để minh oan, để khẳng định tình cảm thủy chung của mình.

- Kết thúc truyện còn cho thấy sự vận dụng sáng tạo truyện dân gian của nhà văn. Tác giả đã sử dụng yếu tố hoang đường kì ảo và lối kể chuyện dân gian để thể hiện tư tưởng của mình. Bên cạnh giá trị nhân đạo, truyện còn có giá trị hiện thực sâu sắc. Nếu tác giả để cho Vũ Nương trở về với cuộc sống thực tại thì nàng cũng không thể có được hạnh phúc với một người chồng đa nghi, độc đoán cùng những định kiến nặng nề của xã hội đương thời.

- Kết thúc truyện như vậy là hoàn toàn hợp lí vì nó vừa thể hiện được tư tưởng của tác giả, vừa đảm bảo tính logic của cốt truyện đồng thời phản ánh một cách chân thực, khách quan số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

3/ Kết bài: Đánh giá khái quát

Cách kết thúc câu chuyện của nhà văn không chỉ góp phần tạo nên sức sống của tác phẩm mà còn khẳng định tài năng của tác giả.

ĐỀ SỐ 25

Bàn về bài thơ Bếp lửa (Bằng Việt) có ý kiến cho rằng: "*Bài thơ biểu hiện một triết lý thâm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người, đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời*". Em hãy phân tích bài thơ để làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Biết cách làm một bài nghị luận văn học: hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, hình ảnh.
- Biết kết hợp các thao tác lập luận, bố cục hợp lí, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.

II. Yêu cầu về kiến thức

1/ Mở bài: Khái quát tác giả, tác phẩm, dẫn lời nhận xét.

2/ Thân bài:

a/ Giải thích lời nhận định: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người: Là những người thân trong gia đình, bạn bè, những kỷ niệm, một cây lược, một chiếc bút... gắn bó sâu sắc với ta. Điều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời": Trở thành điểm tựa, nguồn động lực, cho ta sức mạnh trong mỗi bước đường đời.

b/ Trong bài thơ Bếp lửa, những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ là bà, là bếp lửa. Từ thuở khi cháu còn nhỏ (lên 4 tuổi) bà cháu và bếp lửa đã gắn bó với nhau....

- Bà với tình yêu thương, đức hy sinh, niềm tin yêu cuộc sống; Bếp lửa với sự ấm nồng, thân thiết đã là chỗ dựa cho cháu, nhen lên trong cháu những tâm tình, những niềm tin.

+ Khi cháu lớn lên, học tập và công tác nơi xa, bà và bếp lửa vẫn là điểm tựa, là nguồn động viên là nơi nâng đỡ...

+ Suy rộng ra, điều tạo ra sức tỏa sáng, sự nâng đỡ người cháu trong bài thơ còn là quê hương, đất nước.

3/ Kết bài:

- Khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung:

+ Bài thơ kết hợp trữ tình, tự sự và tính triết lý; hình ảnh thơ đẹp...

+ Bài thơ ngợi ca vẻ đẹp của người bà – người phụ nữ Việt Nam. Gợi lòng biết ơn, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước.

- Gợi mở bài học có được từ vấn đề trên.

ĐỀ SỐ 26

Phân tích những thành công về nghệ thuật miêu tả, khắc họa nhân vật của thi hào Nguyễn Du qua các đoạn trích Truyện Kiều em đã học và đọc thêm.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về kỹ năng:

- Học sinh nhận thức được yêu cầu về kiểu bài, nội dung, giới hạn...
- Biết làm bài văn nghị luận văn học: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trong sáng, biểu cảm; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu...

II/ Về nội dung:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải bám sát yêu cầu của đề là nêu bật được những thành công về nghệ thuật miêu tả, khắc họa nhân vật của thi hào Nguyễn Du qua các đoạn trích Truyện Kiều đã học.

1/ Mở bài:

Dẫn dắt và đưa được vấn đề nghị luận – thành công về nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du qua các đoạn trích Truyện Kiều.

2/ Thân bài:

2.1. Nghệ thuật miêu tả, khắc họa nhân vật

a/ *Khắc họa chân dung nhân vật chính diện (Thúy Kiều, Thúy Vân) bằng bút pháp ước lệ, tượng trưng (phân tích, chứng minh qua Chị em Thúy Kiều)*

- Thúy Vân có vẻ đẹp tươi tắn, đoan trang, phúc hậu. Vẻ đẹp như dự báo trước số phận yên ổn của nàng sau này (thua, nhường)

- Thúy Kiều đẹp sắc sảo mặn mà, lại còn có tài năng hơn người trong quan niệm thẩm mỹ thời phong kiến: cầm, kì, thi, họa. Nàng còn là một cô gái có tâm hồn phong phú, sâu sắc, nhạy cảm. Sắc đẹp, tài năng, tâm hồn của Kiều qua ngòi bút của Nguyễn Du đã dự báo trước tương lai số phận đau khổ bất hạnh của nàng (ghen, hờn...)

b/ *Khắc họa tính cách nhân vật qua miêu tả ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động (phân tích, chứng minh qua Mã Giám Sinh mua Kiều):* Mã Giám Sinh là nhân vật phản diện, được khắc họa bằng bút pháp tả thực. Hắn là một con buôn lưu manh, giả danh một Giám sinh đi hỏi vợ. Về tính danh thì mập mờ. Về diện mạo thì trai lơ. Ngôn ngữ cộc lốc, hành động thô bỉ, xác xược, vô lễ, ti tiện. Hắn lạnh lùng vô cảm trước những đau khổ của con người. Người đọc sẽ nhớ mãi chân dung tên lái buôn họ Mã với những chi tiết đắt giá tột, cò kè...

c/ *Miêu tả nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (phân tích, chứng minh qua Kiều ở lầu Ngưng Bích):* Đoạn thơ là "một bức tranh tâm tình đầy xúc động". Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của thi hào trong đoạn thơ cho ta cảm nhận sâu sắc nỗi buồn tủi, cô đơn, lo sợ... của nàng Kiều trước ngoại cảnh rộng lớn, heo hút, mịt mờ... Nghệ thuật độc thoại nội tâm biểu lộ nỗi nhớ da diết của Kiều trong cảnh "bên trời góc bể bơ vơ"

d/ *Khắc họa tính cách nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại (Thúy Kiều báo ân báo oán).*

+ Qua lời Kiều nói với Thúc Sinh, Hoạn Thư cho thấy nàng là người sắc xảo, trọng ân nghĩa, bao dung, vị tha

+ Lời đối đáp của Hoạn Thư bộc lộ rõ tính cách "khôn ngoan", "quỷ quái tinh ma" của nhân vật này.

2.2.Đánh giá chung

- Thúy Vân, Thúy Kiều, những nhân vật chính diện được Nguyễn Du tôn vinh và được khắc họa bằng bút pháp ước lệ cổ điển. Họ là những nhân vật lí tưởng, được mô tả với những chi tiết chọn lọc, ngôn ngữ trang trọng phù hợp với cảm hứng tôn vinh, ngưỡng mộ con người.
 - Nhân vật phản diện như Mã Giám Sinh được khắc họa bằng bút pháp tả thực, ngôn ngữ trực diện. Nhân vật này gắn với cảm hứng phê phán, tố cáo xã hội của Nguyễn Du.
 - Tôn trọng truyền thống nghệ thuật trung đại nhưng Nguyễn Du cũng in dấu ấn cá nhân trong việc khắc họa chân dung các nhân vật. Nhiều nhân vật của ông đã đạt tới mức điển hình hóa, chính vì vậy người ta thường nói: tài sắc như Thúy Kiều, ghen như Hoạn Thư, đẽu như Sở Khanh, mặt sắt (Hò Tôn Hiến)...
- Qua khắc họa chân dung mà thể hiện tính cách, tư cách nhân vật cùng cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du trước cuộc đời và con người.

3/Kết bài:

- Khẳng định tài năng nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du thể hiện qua các đoạn trích Truyện Kiều đã học.
- Có thể nêu ý nghĩa, tác dụng của vấn đề hoặc bộc lộ cảm nghĩ sâu sắc của mình qua phân tích...

ĐỀ SỐ 27

Nhà thơ Trần Đăng Khoa cho rằng: "*Thơ hay là thơ giản dị, xúc động và ám ảnh*". Bằng hiểu biết của mình và dựa vào ý kiến của Trần Đăng Khoa, em hãy chứng minh rằng: Bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy là một bài thơ hay.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về kỹ năng:

- Biết cách làm một bài nghị luận văn học: hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, hình ảnh.
- Biết kết hợp các thao tác lập luận, bố cục hợp lí, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.

II/ Yêu cầu về kiến thức

Đây là một đề văn nhằm đánh kiến thức thí sinh về một tác phẩm cụ thể đồng thời ở một mức độ nào đó đánh giá sự hiểu biết của các em về góc độ lí luận văn học đó là cái hay của thơ ca. Tuy nhiên. từ xưa đến nay có rất nhiều quan niệm về thi ca, nhưng ở đề này cái chính là hiểu và lấy bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy để làm sáng tỏ quan niệm của Trần Đăng Khoa: Thơ hay là thơ cùng một lúc phải đạt cả ba phẩm chất: giản dị, xúc động và ám ảnh.

Học sinh có thể viết bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo nắm được và làm toát lên những nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài: Dẫn dắt vấn đề, trích dẫn ý kiến của Trần Đăng Khoa.

Một bài thơ hay là bài thơ có sự kết hợp của các yếu tố: giản dị, xúc động và ám ảnh. Ba yếu tố này cùng một lúc được thể hiện hoà quyện trong bài thơ. Nó là kết tinh tình cảm nồng cháy và lí trí một cách nhuần nhuyễn mang tính nghệ thuật của nhà thơ.

2/ Thân bài:

a/ Thế nào là giản dị, xúc động và ám ảnh trong thơ?

- Giản dị trong thơ: Học sinh biết phân biệt được giản dị không phải là đơn giản. Giản dị để làm nên cái hay của một bài thơ là kết quả của quá trình tinh luyện. Nó thể hiện ở đề tài, ngôn ngữ, trong đặt câu, hiệp vần, trong sử dụng hình ảnh và nội dung thể hiện...

- Xúc động: Trước hết là sự xúc động của chính nhà thơ. Thơ là tiếng lòng của thi nhân trong một sự dồn nén cao độ của cảm xúc. Từ tiếng lòng của thi nhân, bằng thơ và qua thơ tạo sự giao cảm và hội ngộ về cảm xúc giữa độc giả và nhà thơ từ đó thấy được thơ và sự giao hoà giữa thế giới riêng tư của cá nhân và xã hội. Thơ đem đến cho người đọc những rung cảm đẹp góp phần nâng cao và bồi dưỡng tâm hồn con người.

- Ám ảnh: Những cảm xúc về vấn đề tác giả thể hiện trong bài thơ phải thực sự có sức gợi: Gợi cho người đọc những trăn trở, nghĩ suy; để lại trong tâm hồn người đọc những cảm xúc không thể nào quên

b/ Bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy là một bài thơ hay bởi đó là một bài thơ đã hội tụ đầy đủ cả ba yếu tố: giản dị, xúc động và ám ảnh

- Bằng sự cảm thụ tác phẩm, học sinh chứng minh cái giản dị, xúc động và ám ảnh được thể hiện trong bài thơ qua đề tài, chủ đề, câu tứ, ngôn ngữ, hình ảnh hình tượng ... của bài thơ

- Bài thơ có nội dung chủ đề rất quen thuộc, đã trở thành đạo lí của dân tộc: "Uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ

- Để thể hiện nội dung chủ đề nhà thơ chọn trăng – hình ảnh thiên nhiên đẹp đẽ, hồn nhiên, khoáng đạt, tươi mát, làm biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, cho vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống, gợi nhắc con người cùng có thái độ sống ân nghĩa, thủy chung.

- Cả bài thơ có sáu khổ thơ được viết theo thể ngũ ngôn rất bình dị tạo giọng điệu tâm tình sâu lắng, tự nhiên như một lời tự nhắc nhở, đồng thời cũng là sự sẻ chia, gợi nhắc với mọi người

- Bài thơ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tự sự với trữ tình. Từ câu chuyện của người lính – nhân vật trữ tình trong bài thơ, người đọc cảm nhận được những cảm xúc sâu lắng, xúc động, những trăn trở suy nghĩ mà tác giả muốn gửi gắm.

- Kết cấu, giọng điệu của bài thơ có tác dụng làm nổi bật chủ đề, tạo tính chân thực, bình dị, có sức truyền cảm sâu sắc, gây ấn tượng mạnh cho người đọc.

3/ Kết bài: Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ tự nhiên, chân thành và thấm thía qua cách chọn lọc các hình ảnh, chọn tình huống, lựa chọn từ ngữ.

ĐỀ SỐ 28

Trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600 mét, có một anh cán bộ khí tượng kiêm vật lý địa cầu sống một mình, bốn bề chỉ có cây cỏ mây mù lạnh lẽo và một số máy móc khoa học. Nhưng khi gặp ông họa sĩ già anh vẫn khẳng định: "*Cháu sống thật hạnh phúc*".

(*Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long)

Ngoài biển khơi xa, trong đêm tối, có những con người vẫn háo hức ra đi trong tiếng hát. Họ đã "*Ra đậu dầm xa dò bụng biển/ Dàn đan thế trận lưới vây giăng*".

(*Đoàn thuyền đánh cá* - Huy Cận)

Núi cao biển xa, chân trời góc bể nhưng những người lao động ấy vẫn nhiệt tình, âm thầm mang sức lao động của mình cống hiến cho Tổ quốc.

Dựa vào hai tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long và *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận, hãy làm sáng tỏ vẻ đẹp của người lao động mới?

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng trình bày: Đúng kiểu bài nghị luận văn học, có bố cục rõ ràng, hợp lí; tổ chức sắp xếp ý một cách lôgic, chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; chữ viết rõ ràng, không quá ba lỗi chính tả và không mắc lỗi dùng từ cơ bản

II/ Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể viết theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo những ý sau:

1. Mở bài:

Nêu đúng vấn đề và giới hạn - vẻ đẹp của người lao động mới trong hai tác phẩm: "*Đoàn thuyền đánh cá*" của Huy Cận và "*Lặng lẽ SaPa*" của Nguyễn Thành Long.

2. Thân bài:

*** Bối cảnh lịch sử và hoàn cảnh sáng tác.**

- Sau chiến thắng chống thực dân Pháp, miền Bắc nước ta bắt tay ngay vào công cuộc xây dựng CNXH. Một không khí phấn khởi, hăng say lao động kiến thiết đất nước dấy lên khắp mọi nơi.

- "Đoàn thuyền đánh cá" - Huy Cận (1958), "Lặng lẽ Sa Pa" - Nguyễn Thành Long (1970) đều là kết quả của những chuyến đi thực tế mà các tác giả sống trực tiếp cùng với những con người lao động. Hình tượng người lao động đã được khắc họa rõ nét trong hai tác phẩm. Họ thuộc đủ mọi lớp người, mọi lứa tuổi, với những nghề nghiệp khác nhau, làm việc ở những vùng khác nhau nhưng đều có chung những phẩm chất cao đẹp.

Luận điểm 1: *Công việc, điều kiện làm việc của họ đầy gian khó, thử thách.*

- Người ngư dân trong bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" ra khơi khi thiên nhiên, vũ trụ vào trạng thái nghỉ ngơi. Đánh cá trên biển là một công việc rất vất vả và nguy hiểm.

- Những người ngư dân đã hòa nhập với thiên nhiên bao la và trở thành hình ảnh sáng đẹp.

- Trong "Lặng lẽ SaPa": Anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét. Anh sống một mình, xung quanh anh chỉ có cây cỏ, mây mù lạnh lẽo và một số máy móc khoa học. Cái gian khổ nhất với anh là sự cô độc. Công việc của anh là "đo gió, đo mưa, dự báo thời tiết".

- Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác. Mỗi ngày anh đo và báo số liệu về trạm bốn lần. Nửa đêm, đúng giờ "ốp" dù mưa tuyết, gió rét thế nào thì vẫn phải trở dậy làm việc.

Luận điểm 2: *Trong điều kiện khắc nghiệt như vậy nhưng những người lao động ấy vẫn nhiệt tình, hăng say, mang hết sức lực của mình để cống hiến cho Tổ quốc.*

- Những người ngư dân là những con người lao động tập thể. Họ hăm hở:

Ra đàu dậm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng."

Họ làm việc nhiệt tình, hăng say trong câu hát.

- Anh thanh niên có những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về công việc. Anh hiểu việc mình làm có ý nghĩa quan trọng "phục vụ sản xuất...". Công việc tuy lặp lại đơn điệu song anh vẫn rất nhiệt tình, say mê, gắn bó với nó (qua lời anh nói với ông họa sĩ).

Luận điểm 3: *Đó còn là những con người sống có lí tưởng và tràn đầy lạc quan. Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong công việc lao động đầy gian khổ.*

- Đánh cá trong đêm đầy vất vả, nguy hiểm, người ngư dân đã thu về thành quả thật tốt đẹp. Họ ra đi, làm việc và trở về đều trong câu hát. Hình ảnh thơ cuối bài rạng rỡ niềm vui, tin tưởng, hi vọng của người lao động. Họ vui say lao động vì một ngày mai "huy hoàng".

- Lí tưởng sống của anh là vì nhân dân, vì đất nước. Chính từ suy nghĩ: "mình sinh ra.... vì ai mà làm việc?" mà anh đã vượt lên nỗi "thèm người" để gắn bó với đỉnh Yên Sơn trong công việc thầm lặng.

- Trong cái lặng im của Sa Pa ấy, không phải chỉ có anh thanh niên mà còn có cả thế giới những người "làm việc và lo nghĩ cho đất nước" qua lời anh kể như: ông kĩ sư vườn rau, đồng chí cán bộ nghiên cứu lập bản đồ sét... Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong lao động cống hiến.

*** Đánh giá:**

- Người lao động vô danh trong hai tác phẩm đủ mọi thành phần, lứa tuổi, nghề nghiệp, dù ở núi cao hay biển xa đều là những người nhiệt tình, say mê công việc, sống có lí tưởng.

- Họ là điển hình cao đẹp của con người lao động mới, con người trưởng thành trong công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

3. Kết bài.

Khẳng định thành công của các tác giả trong việc khắc họa hình ảnh người lao động và nêu cảm nghĩ hoặc liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 29

Những nét đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam qua hình ảnh người lính trong tác phẩm "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" của Phạm Tiến Duật và nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn "*Lặng lẽ Sa Pa*" của Nguyễn Thành Long.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Bài viết đủ 3 phần: Mở bài - thân bài - kết bài

- Vận dụng được kĩ năng làm bài nghị luận.

- Lập luận chặt chẽ, luận điểm rõ ràng, lí lẽ thuyết phục, cảm nhận chân thành, diễn đạt mạch lạc, trình bày sạch, chữ rõ ràng.

II. Yêu cầu về kiến thức:

1/ Mở bài: Giới thiệu chung (đề tài tuổi trẻ là tương lai đất nước, hai tác phẩm đều viết về sự cống hiến của tuổi trẻ đối với đất nước trong KC chống Mỹ, nêu luận đề về đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam)

2/ Thân bài: Cần nêu được các ý sau:

a) Hai nhân vật: Anh thanh niên "*Lặng lẽ Sa Pa*" và người lính lái xe "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" có những điểm khác nhau:

- *Hoàn cảnh sống khác nhau:*

+ Anh thanh niên sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét, quanh năm làm bạn với cỏ cây mây núi Sa Pa.

+ Người lính lái xe Trường Sơn trên những chiếc xe không kính, hồng hóc, mắt mắt tới trần trụi trong những năm kháng chiến chống Mĩ.

- *Công việc khác nhau:*

+ Anh thanh niên trong mặt trận xây dựng CNXH: Làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn, góp phần vào dự báo thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu.

+ Người lính lái xe trực tiếp đối mặt với hiểm nguy trong chiến tranh chống Mĩ, chở lương thực, vũ khí, đạn dược ra chiến trường, phục vụ chiến đấu.

b) Tuy hoàn cảnh sống và công việc khác nhau nhưng ở họ đều có những vẻ đẹp chung:

- *Nhiệt tình, dũng cảm cống hiến cho Tổ quốc, cho nhân dân.*

+ Anh thanh niên vượt lên hoàn cảnh sống đặc biệt, nhiệt tình, say mê, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công việc. (phân tích d/c)

+ Người lính lái xe Trường Sơn bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. (phân tích d/c)

- *Lí tưởng sống đẹp*

+ Anh thanh niên quan niệm: hạnh phúc là được sống có ích, được phục vụ Tổ quốc, nhân dân. (phân tích d/c)

+ Người lính lái xe có lí tưởng chiến đấu cao đẹp: vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. (phân tích d/c)

- *Đời sống nội tâm phong phú*

+ Anh thanh niên cởi mở, hiếu khách, sống sôi nổi, hồn nhiên với những thú vui lành mạnh. (phân tích d/c)

+ Những người lính lái xe tinh nghịch, lạc quan, yêu đời (phân tích d/c)

c) Suy nghĩ của bản thân

- Vấn đề cống hiến của tuổi trẻ: hai nhân vật đã cho thấy sự cống hiến của họ trong quá khứ để làm nên đất nước hôm nay.

- Thế kỉ XXI có những yêu cầu với thế hệ trẻ giống hôm qua nhưng cũng có những yêu cầu khác (do bối cảnh lịch sử, xã hội, thời đại ...)

- Dù ở hoàn cảnh nào tuổi trẻ hôm nay cũng luôn hiểu rõ: Cống hiến (trong mọi điều kiện và hoàn cảnh) là mục đích của tuổi trẻ.

- Trong thực tế có những bạn trẻ chỉ nghĩ đến hưởng thụ mà quên mất phải cống hiến ...

- Nét đẹp của hai nhân vật là tấm gương, là hành trang vào đời của tuổi trẻ hôm nay.

3/ Kết bài: Khẳng định vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam; thành công của hai tác phẩm trong việc xây dựng hình tượng tiêu biểu cho vẻ đẹp ấy.

ĐỀ SỐ 30

Hình ảnh Thúy Kiều qua hai đoạn trích "*Chị em Thúy Kiều*" và "*Kiều ở lầu Ngưng Bích*" (trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về hình thức:

- Bài viết đủ 3 phần: Mở bài - thân bài - kết bài

- Vận dụng được kĩ năng làm bài nghị luận.

- Lập luận chặt chẽ, luận điểm rõ ràng, lí lẽ thuyết phục, cảm nhận chân thành, diễn đạt mạch lạc, trình bày sạch, chữ rõ ràng.

II/ Yêu cầu về nội dung: Học sinh cơ bản đảm bảo các nội dung:

1. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả (Nguyễn Du), tác phẩm (Truyện Kiều).
- Khái quát các đặc điểm của nhân vật: tài sắc, tâm đức vẹn toàn nhưng cuộc đời, số phận lại bất hạnh, ngang trái.
- Giới hạn phân tích (hai đoạn trích).

2. Thân bài: Phân tích lần lượt các đặc điểm của nhân vật

a/ Tài sắc, tâm đức vẹn toàn:

- *Sắc đẹp*: Bút pháp ước lệ tượng trưng, nghệ thuật tả người, các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hóa... đã vẽ lên một vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà vượt trội hơn cả thiên nhiên, khiến thiên nhiên phải hèn ghen, đố kị... (học sinh đưa dẫn chứng để phân tích).
- *Tài năng*: các biện pháp liệt kê, các động từ, tính từ giàu sắc thái gợi tả, biểu cảm.... đã khắc họa hình ảnh một cô gái đa tài, đa cảm, thông minh thiên bẩm; tài nào cũng ở độ xuất chúng, đỉnh cao..... (học sinh đưa dẫn chứng để phân tích).
- *Tâm đức vẹn toàn*:
 - + Ngoan ngoãn, đức hạnh, sống đúng nền nếp gia phong.... (dẫn chứng).
 - + Thủy chung son sắt, hiếu thảo, giàu lòng vị tha, đức hi sinh: Bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, Kiều quên đi cảnh ngộ của bản thân gửi trọn nỗi nhớ về Kim Trọng (dẫn chứng), về cha mẹ, gia đình (dẫn chứng)

- Cuộc đời, số phận bất hạnh, ngang trái:

- + Dứt duyên với Kim Trọng, bán mình cứu cha và em, rơi vào kiếp sống đoạn trường.
- + Cuộc sống cô đơn, bơ vơ, tội nghiệp nơi lầu Ngưng Bích không người trò chuyện, tâm sự (dẫn chứng).
- + Tâm trạng đau khổ, buồn bã, lo lắng, sợ hãi, tuyệt vọng nơi cửa bể chiều hôm.... (dẫn chứng).

b/ Đánh giá khái quát:

- Đặc sắc về nghệ thuật (bút pháp ước lệ tượng trưng, sử dụng từ ngữ, các điển tích, điển cố....., nghệ thuật tả người, tả cảnh ngụ tình....).
- Khái quát về nội dung (khắc họa hình ảnh nhân vật Thúy Kiều với vẻ đẹp, tài sắc, tâm đức vẹn toàn nhưng cuộc đời, số phận lại có nhiều bất hạnh, ngang trái).

- Hình ảnh và cuộc đời của Thúy Kiều là tiêu biểu cho người phụ nữ trong xã hội Phong kiến.
- Nguyễn Du ca ngợi, trân trọng vẻ đẹp của Kiều đồng thời đồng cảm với nỗi bất hạnh của nàng. Chính vì thế Truyện Kiều mang giá trị nhân đạo cao cả, sống mãi với thời gian.

3. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề đã phân tích.
- Công hiến, đóng góp của tác giả, sức sống của tác phẩm.
- Cảm xúc, suy ngẫm của người viết về nhân vật, tác phẩm.

ĐỀ SỐ 31

Tình cảm gia đình qua hai tác phẩm: "*Bếp lửa*" của Bằng Việt, "*Chiếc lược ngà*" của Nguyễn Quang Sáng.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về hình thức

- Viết đúng thể loại nghị luận về tác phẩm văn học.
- Bố cục ba phần đảm bảo rõ ràng mạch lạc, lập luận chặt chẽ.
- Trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, đúng chính tả, ngữ pháp.

II/ Yêu cầu về nội dung

Học sinh có thể kết cấu bài theo từng nội dung, hoặc có thể phát biểu cảm nhận về từng tác phẩm, nhưng phải đạt được những nội dung chính sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, giới thiệu vấn đề nghị luận: tình cảm gia đình trong hai tác phẩm.

2/ Thân bài:

2.1. Nét chung ở cả hai tác phẩm

- Ca ngợi tình cảm gia đình sâu nặng, gắn bó, không gì có thể chia cắt.
- Là tình cảm riêng của mỗi con người nhưng không hề bé nhỏ cô đơn vì luôn ít nhiều gắn với tình cảm yêu nước.

- Là tình cảm lớn mang tầm nhân loại, nhưng không chung chung trừu tượng, mà được thể hiện bằng những chi tiết, sự việc, cảm xúc rõ ràng cụ thể.

2.2. Biểu hiện sinh động phong phú qua từng tác phẩm

Bếp lửa: Một tác phẩm trữ tình, là tình cảm bà cháu, qua cảm xúc của người cháu đã trưởng thành khi nhớ về bà. Cần phân tích được:

- Hình ảnh người bà, người mẹ Việt Nam qua hồi ức của người cháu.
- Tình yêu thương chăm sóc che chở của bà với cháu.
- Lòng thương nhớ ngưỡng mộ biết ơn của cháu với bà.

Chiếc lược ngà: Là một tác phẩm tự sự, ở đó ta bắt gặp tình cảm cha con qua cái nhìn của người thứ ba, trong những tình huống éo le và độc đáo. Cần phân tích được:

- Tình cảm yêu quý bền vững không dễ gì thay đổi của cô bé ngây thơ, hồn nhiên nhưng bướng bỉnh và đầy bản lĩnh đối với người cha bộ đội.
- Tình thương con cao đẹp của người cha hết lòng vì con mà không có điều kiện chăm sóc con.

3/ Kết bài:

Khẳng định tình cảm gia đình trong hai tác phẩm: là động lực, là cội nguồn của lòng yêu nước.

ĐỀ SỐ 32

Có ý kiến cho rằng, *đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tính người trong đó*

Từ cảm nhận về bài thơ *Nói với con* của Y Phương, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

GỢI Ý LÀM BÀI:

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Học sinh phải nắm vững kĩ năng làm bài nghị luận văn học, vận dụng tốt các thao tác giải thích, phân tích, bình luận và chứng minh một vấn đề qua tác phẩm cụ thể.
- Bố cục rõ ràng, chặt chẽ, khoa học, hợp lí. Diễn đạt trôi chảy, lưu loát, văn viết giàu hình ảnh và cảm xúc. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

- Học sinh phải biết vận dụng kiến thức lí luận văn học và kiến thức về một tác phẩm để giải thích, bình luận và chứng minh vấn đề.

- Học sinh có thể đưa ra những ý kiến, trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần chính xác, hợp lý, rõ ràng, thuyết phục và nêu được các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Giới thiệu vấn đề: *Có ý kiến cho rằng, đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tính người trong đó*

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích

- Câu thơ hay: là sản phẩm lao động sáng tạo của nhà thơ, kết tinh những tư tưởng, tình cảm mà nhà thơ muốn gửi gắm qua hình thức phù hợp.
 - Đọc: là hành động tiếp nhận và thưởng thức của người đọc.
 - Tình người: là tư tưởng, tình cảm, cảm xúc tạo nên giá trị nội dung của thơ.
- => Quan niệm nhấn mạnh giá trị của thơ là những tư tưởng, tình cảm được biểu hiện trong thơ. Tình cảm, cảm xúc càng sâu sắc, mãnh liệt, lớn lao càng khiến thơ lay động lòng người.

2.2. Bàn luận

- Đối tượng của thơ là thế giới tâm hồn, tình cảm của con người. Câu thơ, bài thơ bao giờ cũng biểu đạt tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ.
- Cảm xúc càng mãnh liệt, càng thăng hoa thì thơ càng có nhiều khả năng chinh phục, ám ảnh trái tim người đọc.
- Với người đọc, đến với bài thơ là để trải nghiệm một tâm trạng, một cảm xúc và kiếm tìm sự đồng điệu của tâm hồn.
- Tuy nhiên, nói "không thấy câu thơ" không có nghĩa là câu thơ không tồn tại mà hình thức biểu hiện đó đã đồng nhất với nội dung tình cảm của tác phẩm.

2.3. Chứng minh

a. Tình người trong bài thơ "Nói với con":

* Thể hiện qua lời cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng:

- Con lớn lên trong tình yêu thương, trong sự nâng niu và mong chờ của cha mẹ.
- Con trưởng thành trong cuộc sống lao động, nghĩa tình của quê hương.

* Thể hiện qua lời cha nói với con về những đức tính cao đẹp của người đồng mình:

- Ca ngợi người đồng mình sống vất vả mà mạnh mẽ, bền bỉ, gắn bó, chung thủy; có ý chí tự lực tự cường, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng nghị lực, niềm tin.
- Cha mong con biết sống nghĩa tình, thủy chung với quê hương; biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách; có một nhân cách cao đẹp, sức sống hồn nhiên, khoáng đạt, mạnh mẽ.
- Cha dặn dò con phải biết giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương và có ý chí vươn lên trong cuộc sống.

=> Qua lời tâm tình của cha với con, nhà thơ Y Phương đã diễn tả xúc động, thấm thía tình cha con. Tình cảm ấy đã hòa quyện với tình yêu quê hương, đất nước. Từ đó khơi dậy mạch nguồn đạo lý truyền thống của dân tộc.

b. Hình thức biểu đạt:

- Thể thơ: tự do, nhịp thơ linh hoạt.
- Từ ngữ, hình ảnh: cụ thể, mộc mạc mà có tính khái quát, giàu chất thơ, rất tiêu biểu cho cách tư duy của người miền núi.
- Biện pháp nghệ thuật: điệp từ, điệp cấu trúc, so sánh, đối lập,...
- Giọng điệu: tâm tình, thiết tha, thâm thúy.

2.4. Đánh giá

- Nói với con của nhà thơ Y Phương là một bài thơ hay. Bài thơ đã thể hiện được tình cảm gia đình, quê hương, dân tộc chân thành, sâu sắc, thâm thúy qua hình thức nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn.
- Bài học đối với người sáng tác và người thưởng thức, tiếp nhận:
 - + Người sáng tác: người làm thơ bên cạnh sự sâu sắc, mãnh liệt của tình cảm, sự phong phú của cảm xúc cần nghiêm túc, công phu trong lao động nghệ thuật.
 - + Người đọc: không ngừng trau dồi tri thức để hiểu và đồng cảm với tác giả.

3/ Kết bài: Khẳng định giá trị của bài thơ.

ĐỀ SỐ 33

“Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sỹ mang trong lòng”.

(“Tiếng nói của văn nghệ” - Nguyễn Đình Thi - Ngữ văn 9 - tập 2)

Hãy làm rõ điều đó trong bài thơ “ *Mùa xuân nho nhỏ*” của nhà thơ Thanh Hải (Ngữ văn 9 – tập 2).

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng :

- Biết kết hợp nhiều thao tác lập luận để viết một bài văn nghị luận văn học.
- Bài viết có bố cục rõ ràng, trình bày chặt chẽ, dùng từ đặt câu đúng, diễn đạt trong sáng, giàu tính biểu cảm và sức thuyết phục.
- Có kĩ năng cảm thụ về tác phẩm văn học.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Trích dẫn ý kiến của Nguyễn Đình Thi

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định:

Ý kiến trên là sự khẳng định các giá trị đồng thời của tác phẩm văn chương.

- *Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác*: Tác phẩm là đứa con tinh thần của nhà văn, là nơi nhà văn gửi gắm những tình cảm sâu sắc nhất, những cảm xúc chân thành nhất, những khát vọng mãnh liệt nhất về con người và cuộc sống.

- *Tác phẩm vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sỹ mang trong lòng*:

Tác phẩm là cầu nối giữa nhà văn với bạn đọc. Nhà văn tự quan sát thế giới hiện thực, rồi từ đó tái hiện, tái tạo một đời sống riêng trong tác phẩm của mình. Đến lượt mình, tác phẩm lại đưa đời sống cá biệt ấy đến với cuộc đời chung, với mọi người, tạo ra sự đồng cảm, đồng điệu, tiếng nói tri âm, tri kỉ giữa tác giả với các thế hệ bạn đọc.

2.2. Làm rõ vấn đề trên trong tác phẩm: “Mùa xuân nho nhỏ”

- “*Mùa xuân nho nhỏ*” là tiếng nói chân thành, tha thiết của nhà thơ Thanh Hải: tiếng nói của một tâm hồn nghệ sỹ tinh tế, nhạy cảm, yêu say mê vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời; tiếng nói của một con người yêu, gắn bó sâu nặng với cuộc đời, với quê hương đất nước.

- Bài thơ là tiếng lòng náo nức, là khát vọng mãnh liệt, là ước nguyện chân thành được dâng hiến những gì đẹp đẽ nhất cuộc đời mình cho quê hương, cho cuộc đời chung.

- Với sự chân thành của cảm xúc, sự tinh tế, giàu sức biểu cảm của ngôn từ và hình ảnh, “*Mùa xuân nho nhỏ*” đã tạo nên một sự cộng hưởng giữa nhà thơ với độc giả để rồi trở thành tiếng hát của muôn người, tiếng hát của lý tưởng sống cao đẹp, cái “Tôi” riêng của người nghệ sỹ đã hòa vào cái “Ta” chung của cuộc đời, làm thức dậy trong mỗi con người ý thức về một lẽ sống đẹp.

→ “*Mùa xuân nho nhỏ*” là sự kết tinh, chắt lọc của tâm hồn thơ Thanh Hải, một tiếng nói nhỏ nhẹ, khiêm nhường mà có sức lay động, mà làm xao xuyến lòng người.

Lời thơ cất cánh từ cảm xúc, tình cảm riêng của cái “Tôi” trữ tình đã có sức tác động mạnh mẽ đến tâm hồn tình cảm mỗi con người.

3/ Kết bài: Khẳng định ý kiến của Nguyễn Đình Thi.

Suy nghĩ của em về anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của nhà văn Nguyễn Thành Long .

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Học sinh phải nắm vững kĩ năng làm bài nghị luận văn học, vận dụng tốt các thao tác giải thích, phân tích, bình luận và chứng minh một vấn đề qua tác phẩm cụ thể.
- Bố cục rõ ràng, chặt chẽ, khoa học, hợp lí. Diễn đạt trôi chảy, lưu loát, văn viết giàu hình ảnh và cảm xúc. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, giới thiệu nhân vật anh thanh niên.

2/ Thân bài:

- Đó là một chàng trai có phẩm chất đáng quý, một con người bình thường, sống trong hoàn cảnh sống hết sức đặc biệt nhưng ở anh luôn có ý thức về công việc, luôn có tinh thần trách nhiệm cao về nghề nghiệp của mình, luôn tìm đến niềm vui để cân bằng đời sống tinh thần. (có các nội dung cụ thể như sau và có dẫn chứng)

+ Sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600 m.

+ Anh hiểu và thành thạo công việc.

+ Công việc, đặc biệt là lúc 1 giờ sáng.

+ Ý thức về công việc và lòng yêu nghề, thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình.

+ Anh tìm hạnh phúc từ công việc. Anh phát hiện đám mây khô nhờ đó mà “ không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng.”

+ Dù đang một mình, nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao người khác làm việc, làm việc vì con người, vì cuộc sống, nên không còn thấy cô đơn nữa và “khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được ?”

+ Anh tìm đến sách làm người bạn tâm tình, tổ chức cuộc sống một cách ngăn nắp, tươi tắn như: trồng hoa, nuôi gà...

- Sự cởi mở chân thành, rất quý trọng tình cảm của mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện cùng mọi người.

+ Đào biểu vợ Bác lái xe củ tam thất khi nghe tin bác ốm.

+ Mời khách nhiệt tình, hái hoa tặng cô gái.

+ Trò chuyện cởi mở với mọi người.

- Dù anh chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, nhưng bằng những chi tiết tiêu biểu, tác giả đã phát họa được chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, ý nghĩa của công việc.

- Anh là một điển hình cho những người lao động đang thầm lặng cống hiến sức mình cho tổ quốc.

- Tác giả thành công nghệ thuật xây dựng tình huống truyện đó là cuộc gặp gỡ tình cờ giữa các nhân vật và khắc họa bức chân dung nhân vật chính một cách tự nhiên, để lại tình cảm tốt đẹp trong lòng người đọc.

- Khơi gợi những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống, của lao động tự giác về con người và nghệ thuật.

3. Kết bài

ĐỀ SỐ 35

Có người cho rằng: *Chiếc lược ngà* là truyện thuộc loại đọc thời nào cũng hay vì nó không phải là truyện của một thời mà là của muôn thời- chuyện tình cảm, tình nghĩa của con người.

Phân tích truyện ngắn “ *Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng để làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về hình thức

- Học sinh biết vận dụng các kĩ năng làm bài nghị luận về một tác phẩm văn học.

- Có dẫn chứng cụ thể khi phân tích chứng minh các luận điểm, có bình giá một số chi tiết quan trọng làm nổi bật yêu cầu của đề.

- Bố cục bài văn rõ ràng, mạch lạc có đủ 3 phần mở bài – thân bài- kết luận. Luận điểm được trình bày rõ, đảm bảo tính liên kết.

- Lời văn diễn đạt trong sáng.

II/ Yêu cầu về nội dung

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, trích dẫn ý kiến: “*Chiếc lược ngà* là truyện thuộc loại đọc thời nào cũng hay vì nó không phải là truyện của một thời mà là của muôn thời- chuyện tình cảm, tình nghĩa của con người”.

2/ Thân bài:

2.1/ Cần hiểu được đúng lời nhận xét về tác phẩm. Truyện ngắn *Chiếc lược ngà* không chỉ là câu chuyện đơn thuần viết về tình cảnh éo le, những mất mát của con người trong chiến tranh. “*Chiếc lược ngà*” đã trở thành câu chuyện muôn thời- chuyện tình cảm, tình nghĩa của con người vì nó là câu chuyện cảm động về tình cha con cao đẹp, sâu nặng, tình đồng đội thấm thiết. Câu chuyện đã khẳng định một chân lí vĩnh hằng: tình cảm gia đình, tình cha con, tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, sâu nặng nhất vượt lên trên trở ngại, thậm chí cả chiến tranh... Thông điệp này mãi còn có giá trị muôn đời.

2.2/ - Phân tích và chứng minh tình cảm cha con cảm động trong tác phẩm:

+ Tình yêu cha sâu sắc và mãnh liệt của bé Thu dành cho cha.

+ Tình yêu thương con sâu sắc của anh Sáu dành cho bé Thu.

- Phân tích tình đồng đội của bác Ba dành cho anh Sáu :

+ Là người bạn thân thiết của Anh Sáu, bác Ba không chỉ là người chứng kiến toàn bộ câu chuyện mà còn luôn bày tỏ sự xúc động, đồng cảm, chia sẻ với cha con anh Sáu

+ Hoàn thành tâm niệm của anh Sáu là trao lại cây lược cho Thu và tình cảm giống như tình cha con đã được nảy nở giữa bác Ba với bé Thu.

2.3/ Đánh giá chung:

Truyện ngắn “*Chiếc lược ngà*” thể hiện tình cha con cao đẹp, sâu nặng, tình đồng đội thấm thiết của con người Việt Nam trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Tác phẩm ra đời vào năm 1966, thời điểm cuộc chiến tranh chống Mỹ đang diễn ra ác liệt có mất mát, đau đớn, yêu thương, nhưng toàn bộ câu chuyện thấm đẫm tình người cao đẹp. Cảm hứng nhân văn sâu sắc của nhà văn đã tạo nên sức hấp dẫn riêng cho tác phẩm. Người đọc không chỉ thấm thía những mất mát hi sinh lạnh lùng của người lính mà còn trân trọng những con người xông pha nơi trận mạc tâm hồn vẫn chan chứa yêu thương. Câu chuyện hướng người đọc đến những tình cảm cao đẹp, biết căm ghét chiến tranh, biết sống hết mình vì những gì tốt lành đang hiện hữu.

3/ Kết bài: Thành công của tác giả và truyện ngắn *Chiếc lược ngà*.

ĐỀ SỐ 36

Có ý kiến cho rằng: “ *Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là một cách thể hiện độc đáo phẩm chất anh hùng của những con người lao động quên mình vì sự nghiệp xây dựng đất nước.* ”

Em hiểu thế nào về ý kiến trên ? Hãy làm sáng tỏ qua truyện ngắn Lặng Lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long (Ngữ Văn 9, tập một).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng :

- Học sinh biết vận dụng các kĩ năng làm bài nghị luận về một tác phẩm văn học.
- Bố cục bài văn rõ ràng, mạch lạc có đủ 3 phần mở bài – thân bài- kết luận. Luận điểm được trình bày rõ, đảm bảo tính liên kết.
- Lời văn diễn đạt trong sáng.

II . Yêu cầu về kiến thức :

1/ **Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm, trích dẫn ý kiến.

2/ **Thân bài:**

a. Giải thích ý kiến trên :

- *Độc đáo trong nghệ thuật* thể hiện : Cốt truyện, tình huống, cách xây dựng nhân vật .
- *Độc đáo trong nội dung* thể hiện : Phẩm chất anh hùng toát lên từ các nhân vật là sự anh hùng bình dị, thầm lặng không ồn ào, khoa trương, sự anh hùng lặng lẽ .

b . Làm sáng tỏ ý kiến của đề bài qua tác phẩm **Lặng lẽ Sa pa** :

- Nhân vật anh thanh niên : Sự anh hùng lặng lẽ của anh được bộc lộ ở hoàn cảnh sống và làm việc, những khó khăn phải vượt qua, những nét tính cách phẩm chất đáng mến, những suy nghĩ đúng đắn về cuộc sống, về công việc, đó là lòng yêu nghề, ý thức công việc, hạnh phúc khi sự đóng góp của mình góp phần xây dựng đất nước, anh tự hiểu mình cùng với bao người khác làm việc, làm việc vì cuộc sống, vì con người . Vẻ đẹp và ý nghĩa của những công việc thầm lặng ...

- Những nhân vật phụ và những nhân vật xuất hiện gián tiếp trong tác phẩm đều mang phẩm chất anh hùng lạng lẽ: Bác lái xe, Nhà họa sĩ, Cô kĩ sư, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét ...

c . Đánh giá , tổng hợp :

- Truyện ngắn Lặng lẽ sa pa là một cách tôn vinh những con người lao động bình thường, thầm lặng nhưng vô cùng cao đẹp .

- Sự cống hiến âm thầm lặng lẽ của họ đã góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp .

3/ Kết bài: Liên hệ rút ra bài học cho bản thân, thế hệ trẻ hôm nay

ĐỀ SỐ 37

Vẻ đẹp con người Việt Nam qua một số tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại trong chương trình Ngữ văn 9.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về kỹ năng: HS biết xây dựng luận điểm và lựa chọn, phân tích tác phẩm để làm rõ luận đề. Hành văn, diễn đạt trong sáng, có cảm xúc. Kết cấu bài hoàn chỉnh, chặt chẽ; không mắc những lỗi thông thường về chính tả, ngữ pháp, dùng từ.

II/ Về kiến thức: HS trên cơ sở nắm chắc các tác phẩm đã học, biết phân nhóm (theo luận điểm) các tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại trong chương trình. Ngữ văn 9 để làm rõ luận đề đã nêu ở đề bài.

Cụ thể, bài làm cần đạt được những ý sau:

1. Mở bài: Nêu được vấn đề cần nghị luận.

2. Thân bài:

a.Vẻ đẹp của tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ: yêu nước, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì Tổ quốc, vì cách mạng... (Lựa chọn, phân tích, dẫn chứng qua các tác phẩm: Làng (Kim Lân), Đồng chí (Chính Hữu), Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật), ...

b. Vẻ đẹp của tinh thần lao động hăng say, với tinh thần làm chủ... góp phần xây dựng đất nước. (Phân tích, dẫn chứng qua các tác phẩm: Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận), Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)...)

c. Vẻ đẹp tâm hồn của con người Việt Nam trong đời sống tình cảm: lòng kính yêu đối với lãnh tụ; tình đồng chí, đồng đội; tình cảm cha – con, tình mẹ – con, tình bà – cháu... (Lựa chọn, phân tích, dẫn chứng qua các tác phẩm: Đồng chí (Chính Hữu), Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật) Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng), Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ (Nguyễn Khoa Điềm), Bếp lửa (Bằng Việt), Ánh trăng (Nguyễn Duy)...

3. Kết bài: Khẳng định nền văn học Việt Nam hiện đại đã lưu giữ, phát huy những tinh hoa và bản sắc của tâm hồn dân tộc. Góp phần bồi đắp tâm hồn, tính cách... cho các thế hệ Việt Nam ở hiện tại và tương lai.

ĐỀ SỐ 38

Có ý kiến cho rằng: “ Văn bản lặng lẽ Sa Pa, hiện lên bên trong vẻ đẹp của núi rừng Sa Pa là những con người âm thầm lặng lẽ lao động sáng tạo dệt nên mùa xuân thắng lợi của đất nước”. Bằng sự hiểu biết về văn bản “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long(Ngữ văn 9- tập 1), hãy trình bày cảm nhận của em về ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng :

- Học sinh biết vận dụng các kĩ năng làm bài nghị luận về một tác phẩm văn học.
- Bố cục bài văn rõ ràng, mạch lạc có đủ 3 phần mở bài – thân bài- kết bài. Luận điểm được trình bày rõ, đảm bảo tính liên kết.
- Lời văn diễn đạt trong sáng.

II . Yêu cầu về kiến thức :

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu được vấn đề nghị luận(ý kiến của đề bài)

2/ Thân bài

2.1. Giải thích ý kiến của đề bài:

-Lặng lẽ Sa Pa: Vẻ đẹp của núi rừng thơ mộng với nhiều hoa lá ,cây cỏ xanh tươi, đầy sức sống.

- Lặng lẽ Sa Pa: Hiện lên những con người thầm lặng lao động sáng tạo cống hiến một phần công sức góp nên mùa xuân thắng lợi của đất nước

2.2.Xác định được các luận điểm, vận dụng kiến thức kĩ năng để trình bày cảm nhận của mình.

a.Hình ảnh Sa Pa với khung cảnh thơ mộng hiện ra qua nhiều chi tiết đặc sắc.

b.Nhân vật anh thanh niên được miêu tả và bình luận qua các luận điểm:

- Hai mươi bảy tuổi , vóc người nhỏ nhắn, nét mặt rạng rỡ, làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, được xem là người cô độc nhất thế gian.

- Là người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, luôn có sự sáng tạo và đem lại kết quả cao.

- Tính cách và tình cảm: Rất hiếu khách và từ tốn nhã nhặn với mọi người;khiêm tốn khi bác họa sĩ muốn vẽ mình; vô tư trong sáng trong việc thể hiện tình cảm với cô kĩ sư trẻ.

c.Những nhân vật khác trong đoạn trích:

Bác họa sĩ, cô kĩ sư, bác kĩ sư trồng rau, anh nghiên cứu sét... những con người cần mẫn nhiệt tình , sáng tạo, đầy tinh thần trách nhiệm trong công việc .Tất cả đều đáng được ngưỡng mộ trân trọng

2.3.Tổng hợp đánh giá

- Cách kể chuyện tự nhiên linh hoạt, xây dựng tình huống hợp lí, xây dựng khái quát tên nhân vật qua cách gọi nhưng mang ý nghĩa sâu sắc

3/ Kết bài:

- Khẳng định vẻ đẹp của người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.

-Liên hệ.

ĐỀ SỐ 39

Phân tích hình ảnh người phụ nữ trong văn học cổ qua hai văn bản “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ và các đoạn trích văn bản “*Truyện Kiều*” của Nguyễn Du?

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng :

Biết làm thành thạo một bài văn nghị luận văn học, biết vận dụng những kĩ năng về tập làm văn: kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, biết dựng đoạn văn, chuyển ý, diễn đạt tốt.

II . Yêu cầu về kiến thức :

1/ Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Hình ảnh người phụ nữ trong văn học cổ ở trên hai phương diện đó là *vẻ đẹp và số phận bi kịch*.

2/ Thân bài:

Luận điểm 1: Số phận bi kịch của người phụ nữ.

- Nhân vật Vũ Nương: đau khổ, bất hạnh, oan khuất, tài hoa bạc mệnh, hồng nhan đa truân: không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi già dạy trẻ, bị chồng nghi oan, phải tìm đến cái chết (phân tích- dẫn chứng).
- Nhân vật Thúy Kiều: Bi kịch tình yêu, mối tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, bị coi là một món hàng, bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích trong hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp, đối diện với một tương lai lênh đênh vô định (phân tích- dẫn chứng).

Luận điểm 2: Vẻ đẹp của người phụ nữ.

- Chung thủy sắt son, hiếu thảo (phân tích- dẫn chứng).
- Tài sắc vẹn toàn - một tuyệt thế giai nhân, hiếu thảo, vị tha nhân hậu, bao dung, khao khát tự do công lý và chính nghĩa
(phân tích- dẫn chứng).

***Lưu ý:** học sinh có thể phân tích theo lần lượt từng luận điểm hoặc phân tích theo từng nhân vật: Ví dụ phân tích nhân vật Vũ Nương rồi phân tích nhân vật Thúy Kiều song ở mỗi nhân vật đều phải nổi bật rõ hai vấn đề là: vẻ đẹp và số phận bi kịch.

3/ Kết bài:

Khẳng định vấn đề: Hình ảnh người phụ nữ trong văn học cổ: *Hồng nhan bạc mệnh*, đúng như lời nhận xét của Nguyễn Du:

*Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*

(Truyện Kiều)

ĐỀ SỐ 40

Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai qua truyện ngắn Làng của nhà văn Kim Lân.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu chung: Học sinh biết làm một bài văn nghị luận có vận dụng yếu tố thuyết minh, kết hợp tốt các phép lập luận.

- Bài viết chặt chẽ, văn phong trong sáng, cảm thụ và phân tích sâu sắc tâm trạng, tình cảm nhân vật.

- Phân tích được những điểm nhấn thể hiện trong tác phẩm để giải quyết yêu cầu được đặt ra ở đề bài.

II/ Yêu cầu cụ thể:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả Kim Lân và tác phẩm “Làng”.
- Nêu nhận định của bản thân để dẫn dắt vấn đề nêu ở đề bài.

2/ Thân bài: Học sinh cần thể hiện được 1 trong số ý chính sau:

- Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi tản cư: luôn luôn nghĩ ngợi, tưởng nhớ về làng Chợ Dầu của mình, nghe ngóng tin tức về làng mình, về cuộc kháng chiến của đất nước; vui sướng đặc biệt khi nghe tin đồng bào mình lập được chiến công (qua dáng vẻ, giọng điệu, lời nói, hành động thể hiện ở câu, từ cụ thể)...
- Tình yêu làng, yêu nước của ông khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc: được miêu tả ở ngoại hình, hành động lời độc thoại, đặc biệt là khi trò chuyện với đứa con nhỏ, thể hiện tâm trạng đau đớn, thất vọng, tủi hổ cùng cực.
- Khi nghe tin làng được cải chính: Làng bị Tây đốt là bằng chứng cho việc làng không theo giặc: Ông nhẹ nhõm, vui sướng không sao tả xiết qua giọng điệu, thái độ khi nói chuyện với mọi người ...pha lẫn sự hãnh diện...
- Nhận định của bản thân em về làng quê đối với đời sống mỗi con người và nhấn mạnh tình yêu làng, yêu nước của ông Hai thể hiện trong tác phẩm. Đó cũng chính là truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam, đặc biệt là trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lược.

3/ Kết bài:

- Cảm nhận, khẳng định chung về tình yêu làng, yêu nước của con người Việt Nam (cụ thể là ông Hai trong tác phẩm).

- Có thể liên hệ bản thân em về tình yêu nước trong thời bình.

ĐỀ SỐ 41

Tình cha con sâu nặng trong cảnh ngộ éo le của ông Sáu và bé Thu (trích văn bản “*Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng – Ngữ văn 9, tập 1).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng :

Biết làm thành thạo một bài văn nghị luận văn học, biết vận dụng những kĩ năng về tập làm văn: kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, biết dựng đoạn văn, chuyển ý, diễn đạt tốt.

II . Yêu cầu về kiến thức :

1. Mở bài:

Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Quang Sáng, tác phẩm “*Chiếc lược ngà*”, nhân vật bé Thu, ông Sáu.

2. Thân bài:

- Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận ra cha, đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thâm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi.
- Gặp lại con sau nhiều năm xa cách với bao nỗi nhớ thương nên ông Sáu không kìm được nỗi vui mừng trong phút đầu nhìn thấy đứa con. Nhưng thật trớ trêu, đáp lại sự vô vấp của người cha, bé Thu lại tỏ ra ngờ vực, lạnh nhạt và ông Sáu càng muốn gần con thì đứa con càng tỏ ra lạnh nhạt, xa cách.
- Tâm lý và thái độ của bé Thu đã được biểu hiện qua hàng loạt các chi tiết mà người kể chuyện và thuật lại rất sinh động: hốt hoảng, mặt tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên khi mới gặp ông Sáu, chỉ gọi trống không với ông Sáu mà không chịu gọi ba; nhất định không nờ ông Sáu chắt nước nồi cơm to đang sôi, hắt cái trứng cá mà ông gấp cho ; bỏ về nhà bà ngoại khi bị ông Sáu tức giận đánh một cái, cố ý khua dây cột xuồng kêu ròn rảng thật to.
- Sự ương ngạnh của bé Thu hoàn toàn không đáng trách. Vì trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, bé Thu còn quá nhỏ để hiểu những tình thế khắc nghiệt, éo le của đời sống và người lớn cũng không ai kịp chuẩn bị cho nó đón nhận những khả năng bất thường nên nó không tin ông Sáu là ba nó do vết sẹo trên mặt ba nó, khác với ba nó trong tấm ảnh.

- Phản ứng tâm lý của bé Thu là hoàn toàn tự nhiên, nó còn chứng tỏ em có cá tính mạnh mẽ, tình cảm của em sâu sắc, chân thật.. Trong cái “cứng đầu” của em có ẩn chứa sự kiêu hãnh trẻ thơ về một tình yêu dành cho người cha “khác” – người trong tấm hình chụp chung với má nó.

- Trong buổi sáng cuối cùng, trước lúc ông Sáu phải lên đường, thái độ và hành động của bé Thu đột ngột thay đổi hẳn: lần đầu tiên Thu gọi tiếng “ba” và tiếng kêu như tiếng xé, nó vừa kêu vừa chạy xô tới ôm siết chặt lấy ba nó, hôn ba nó và không cho ba nó đi.

- Bé Thu có những hành động và tình cảm thay đổi như vậy là vì Thu đã được bà ngoại giải thích về vết sẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó. Sự nghi ngờ bấy lâu đã được giải tỏa và Thu nảy sinh một trạng thái như là ân hận, hối tiếc. Vì thế, trong giờ phút chia tay với cha, tình yêu và nỗi mong nhớ với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu nay bùng ra thật mạnh mẽ và hối hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận. Cảnh chia tay giữa bé Thu và ông Sáu thật cảm động.

- Bé Thu có tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ, nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi. Ở Thu có tính cách cứng cỏi đến mức tưởng như ương ngạnh, nhưng thật ra Thu vẫn là một đứa trẻ với tất cả nét hồn nhiên, ngây thơ của trẻ con.

- **Tác giả rất am hiểu tâm lý trẻ em và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ.**

3. Kết bài:

Khắc sâu diễn biến tâm lý bé Thu qua đạo trích. Đồng thời nhấn mạnh đây cũng là diễn biến tâm lý chung của mọi trẻ thơ.

ĐỀ SỐ 42

Cảm nhận của em về *vẻ nên thơ ở chốn Sa Pa lạnh lẽ* sau khi đọc áng văn xuôi *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.(SGK Ngữ văn 9-Tập 1)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng :

Biết làm thành thạo một bài văn nghị luận văn học, biết vận dụng những kĩ năng về tập làm văn: kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, biết dựng đoạn văn, chuyển ý, diễn đạt tốt.

II . Yêu cầu về kiến thức :

1.Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm. Từ những nét đặc sắc nghệ thuật của truyện mà nêu lên vấn đề phải phân tích: chất thơ trong áng văn xuôi này.

2.Thân bài:

a.Thiên nhiên Sa Pa nên thơ: Thể hiện ở ngôn ngữ miêu tả và sự rung động của nhà văn biểu hiện qua rung động của các nhân vật nhất là nhân vật hoạ sĩ:

- Thiên nhiên SaPa vốn sẵn vẻ thơ mộng.
- Cái đẹp ấy được tái hiện trong truyện bằng một thứ ngôn ngữ tạo hình, giàu chất thơ (rừng đào, đàn bò, nắng, mây, rừng cây...)
- Qua sự rung cảm của một tâm hồn tinh tế (mọi người nín bật, cảm thấy rục rĩ theo, hùng hực như bó đuốc...)

b.Cuộc sống con người ở chốn SaPa cũng rất nên thơ:

- Chất thơ trong thái độ đối với công việc, yêu công việc đến say đắm, giàu ước mơ (vươn tới những thành tích mới, thành tựu cao hơn...)
- Chất thơ trong tâm hồn các nhân vật: Biết say mê trong công việc nhìn bề ngoài có vẻ tẻ nhạt, say mê cuộc sống có vẻ âm thầm lẻ loi (nhạy cảm là tư chất quý của hoạ sĩ giúp họ phát hiện vẻ đẹp bất ngờ trong cái bình dị, cảm xúc trong sáng của anh thanh niên)
- Họ cùng tự làm cho cuộc sống nên thơ (hoa tết nở giữa mùa hè, căn nhà xinh xắn như một vãn thơ...)
- Chất thơ trong cách cư xử tế nhị nhẹ nhàng mà sâu lắng (cuộc chia tay của anh thanh niên với cô kỹ sư trẻ)

c.Vẻ nên thơ còn toát ra từ cuộc gặp gỡ tình cờ của ba nhân vật:

- Mỗi chi tiết của cuộc gặp gỡ đều rất nhẹ nhàng nên thơ.
- Những tình cảm, cảm xúc mới nảy nở trong hoạ sĩ và cô kỹ sư được miêu tả cũng lặng lẽ mà thấm thía.

3. Kết bài:

Khẳng định yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của truyện là chất trữ tình. Nó tô đậm thêm ý nghĩa sâu sắc của câu chuyện về những con người sống và làm việc trong im lặng mà không cô độc bởi sự gắn bó của họ với đất nước.

ĐỀ SỐ 43

Có ý kiến cho rằng: “*Cảnh vật và tâm trạng trong thơ Nguyễn Du bao giờ cũng vận động chứ không tĩnh tại*”.

Qua hai trích đoạn “*Cảnh ngày xuân*” và “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” (Truyện Kiều - Nguyễn Du), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Đảm bảo một văn bản nghị luận có bố cục rõ ràng, hợp lí; tổ chức sắp xếp hệ thống các ý một cách logic, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; chữ viết rõ ràng, cẩn thận; không mắc lỗi dùng từ cơ bản...
- Phải huy động những hiểu biết về văn học, đời sống, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ thái độ, chủ kiến của mình để làm bài.
- Có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng, phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

II/ Yêu cầu về kiến thức: HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:

1. Mở bài:

- *Truyện Kiều* là một sáng tác văn chương kiệt xuất của văn học Việt Nam. Tác phẩm không chỉ thể hiện tầm vóc lớn lao của chủ nghĩa nhân văn cao đẹp mà còn khẳng định tài năng nghệ thuật bậc thầy của Thi hào Nguyễn Du trên nhiều phương diện, đặc biệt là bút pháp tả cảnh, tả tâm trạng nhân vật.
- Cảnh vật, tâm trạng nhân vật dưới ngòi bút Nguyễn Du luôn có sự vận động trong suốt chiều dài tác phẩm. Bàn về vấn đề này, có ý kiến cho rằng: (dẫn ý kiến)

2. Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến:

- *Vận động* là sự thay đổi vị trí không ngừng của vật thể trong quan hệ với những vật thể khác; *Tĩnh tại* là cố định một nơi, không hoặc rất ít chuyển dịch.
- > Cảnh vật và tâm trạng nhân vật trong thơ Nguyễn Du luôn có sự chuyển biến, không tĩnh tại ở một thời điểm cụ thể, một không gian cố định, một trạng thái tâm lý bất biến. Cảnh luôn thay đổi đặt trong quan hệ với thời gian và tâm trạng con người đồng thời tâm trạng con người cũng luôn có sự vận động theo thời gian, không gian và cảnh ngộ.

2.2. Chứng minh

a. Cảnh vật trong thơ Nguyễn Du luôn vận động chứ không tĩnh tại.

- Nguyễn Du rất tinh tế khi tả cảnh thiên nhiên. Nhà thơ luôn nhìn cảnh vật trong sự vận động theo thời gian và tâm trạng nhân vật. Cảnh và tình luôn gắn bó, hòa quyện.

- *Sự vận động của cảnh thiên nhiên trong đoạn trích "Cảnh ngày xuân"*

+ Bức tranh thiên nhiên trong bốn câu mở đầu đoạn thơ là cảnh ngày xuân tươi sáng, trong trẻo, tinh khôi, mới mẻ và tràn đầy sức sống; hình ảnh quen thuộc nhưng mới mẻ trong cách cảm nhận của thi nhân, màu sắc hài hòa đến tuyệt diệu, từ ngữ tinh tế, nghệ thuật ẩn dụ, đảo ngữ... (*dẫn thơ và phân tích*)

+ Sáu câu cuối đoạn trích vẫn là cảnh thiên nhiên ngày xuân nhưng khi chiều về lại có sự thay đổi theo thời gian và theo tâm trạng con người. Cảnh vẫn mang cái thanh, cái dịu nhưng mọi chuyển động đều rất nhẹ nhàng, nhuốm màu tâm trạng: cảnh mênh mang, vắng lặng dần...qua việc sử dụng tinh tế, khéo léo những từ láy gợi hình, gợi cảm (*dẫn thơ và phân tích*).

- *Sự vận động của cảnh thiên nhiên trong đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích":*

+ Sáu câu mở đầu đoạn thơ là cảnh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích với vẻ đẹp hoang sơ, lạnh lẽo, vắng vẻ, mênh mông, rợn ngợp, đượm buồn: hình ảnh ước lệ (*núi, trăng, cồn cát, bụi hồng*), từ ngữ gợi hình gợi cảm (*bốn bề bát ngát, xa - gần, nọ - kia...*) (*dẫn thơ và phân tích*).

+ Tám câu thơ cuối đoạn trích vẫn là cảnh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích nhưng đã có sự vận động theo dòng tâm trạng con người. Ngòi bút điêu luyện của Nguyễn Du đã thể hiện khá sinh động bức tranh thiên nhiên với những cảnh vật cụ thể được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt sang đậm, âm thanh từ tĩnh đến động: hình ảnh ẩn dụ, ước lệ (*cửa bể chiều hôm, cánh buồm, con thuyền, ngọn nước, cánh hoa, nội cỏ, chân mây, sóng gió*); hệ thống từ láy gợi tả, gợi cảm (*thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, xanh xanh, âm âm*.)

- *Sự vận động của tâm trạng con người trong "Kiều ở lầu Ngưng Bích":*

+ Tâm trạng con người có sự biến đổi khá rõ rệt. Từ tâm trạng bề bàng, tủi hổ, nặng suy tư khi đối diện với chính nỗi niềm của mình nơi đất khách quê người, Thúy Kiều đã day dứt, dằn vò khi tưởng nhớ đến chàng Kim và lo lắng, xót xa khi nghĩ về cha mẹ.

+ Sự vận động trong tâm trạng càng thể hiện rõ từ nỗi nhớ về người thân Kiều trở lại với cảnh ngộ của chính mình để rồi càng đau đớn, tuyệt vọng, lo sợ, hãi hùng về tương lai mịt mờ, tăm tối của cuộc đời mình. (*Phân tích dẫn chứng để làm nổi bật nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật bằng ngôn ngữ độc thoại nội tâm, bút pháp tả cảnh ngụ tình, hình ảnh ẩn dụ ước lệ, điển cố điển tích, điệp ngữ, câu hỏi tu từ, các từ láy giàu sắc thái gợi tả gợi cảm...*)

b. Đánh giá khái quát

Tài năng tả cảnh, tả tình của Nguyễn Du là một trong những yếu tố quan trọng làm nên thành công về nghệ thuật của tác phẩm và góp phần thể hiện tấm lòng nhân đạo của nhà thơ trong sáng tác "*Truyện Kiều*". (Có thể liên hệ, mở rộng vấn đề)

3. Kết bài:

- Khẳng định lại những giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.
- Tầm vóc, vị thế của Nguyễn Du và những đóng góp của thi nhân trong văn đàn dân tộc.

ĐỀ SỐ 44

Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài...

(Ý nghĩa văn chương – Hoài Thanh, *Ngữ văn 7*, T2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, Tr.60)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* (Trích *Truyện kỳ mạn lục*) của Nguyễn Dữ và đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Trích *Truyện Kiều*) của Nguyễn Du.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng :

Viết được bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học với những yêu cầu cụ thể như sau:

- Kết hợp hài hòa giữa giải thích, trình bày lý luận và vận dụng thực tế phân tích tác phẩm chứng minh theo vấn đề nêu trong ý kiến.
- Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lô-gic, có sự cảm thụ, phân tích, lý giải qua tác phẩm, đoạn trích cụ thể đã cho ở đề bài.
- Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển; không mắc các lỗi về câu, dùng từ, chính tả.

II. Yêu cầu về kiến thức :

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận

- Vấn đề trung tâm của văn chương là vấn đề con người và nguồn gốc cốt yếu của văn chương chính là lòng thương người.
- Lòng thương người hay nói rộng ra là giá trị nhân đạo là phẩm chất cốt lõi, là tiêu chuẩn cho một tác phẩm văn học chân chính.

2/ Thân bài:

a. Giải thích ý kiến

- Hoài Thanh đã đưa ra vấn đề quan trọng, bản chất của văn chương, được coi là nguồn gốc cốt yếu của văn chương: *lòng thương người mà rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.*

Văn chương chính là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc, chỉ bật ra khi trong tim cuộc sống tràn đầy. Nói chuyện văn chương chính là chuyện của những tâm hồn đồng điệu.

- Lòng thương người, thậm chí thương cả muôn vật, muôn loài là tình cảm rộng lớn, cao cả, mang tầm nhân loại. Tình cảm ấy không chỉ là cội nguồn của văn chương mà còn là thước đo giá trị của tác phẩm văn chương chân chính. Giá trị đó chính là giá trị nhân đạo, là những ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm.

- Giá trị nhân đạo là một phẩm chất cao quý của tác phẩm văn học chân chính. Nói đến giá trị nhân đạo, đến ý nghĩa nhân văn là nói đến vấn đề con người, vấn đề nhân sinh đặt ra trong tác phẩm. Ở đó, con người luôn được đặt ở vị trí hàng đầu, trong mối quan hoài thường trực của các nhà văn.

- Biểu hiện của giá trị nhân đạo rất đa dạng song thường tập trung vào những mặt cụ thể sau: lòng thương yêu, sự cảm thông, xót xa trước những hoàn cảnh, những số phận bất hạnh; lên án, tố cáo các thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người; ngợi ca, đề cao những vẻ đẹp, phẩm giá cao quý; trân trọng, nâng niu khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc của con người.

b. Giá trị nhân đạo qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* và đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*.

- Tấm lòng yêu thương, đồng cảm, xót xa cho những số phận người phụ nữ tài sắc mà bất hạnh, gặp nhiều bi kịch trong cuộc đời: số phận của Kiều bị ném vào nhà chứa, rồi giam lỏng trong lầu Ngưng Bích với nỗi cô đơn, buồn tủi, thương thân, xót phận; là tình cảnh oan khiên nghiệt ngã của Vũ Nương, đến mức nàng phải dùng cái chết để chứng tỏ tấm lòng trong trắng, tiết hạnh của mình.

- Qua bi kịch thân phận của Kiều và Vũ Nương, cả hai nhà văn lên án, tố cáo xã hội phong kiến bất công, tàn bạo đã tước đi quyền sống, chà đạp lên con người. Đó là chiến tranh phi nghĩa, là chế độ nam quyền (*Chuyện người con gái Nam Xương*), là bọn quan lại tham lam, là lũ buôn thịt bán người không từ một thủ đoạn chỉ vì đồng tiền (*Truyện Kiều*).

- Khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp, phẩm chất cao quý của người phụ nữ, dù cuộc đời của họ truân chuyên, nhọc nhằn. Đó là lòng chung thủy, sự hiếu hạnh, giàu tình yêu thương, luôn sống vì người khác, nghĩ cho người khác của Kiều và Vũ Nương.

- Trân trọng, đề cao những khát vọng nhân văn của người phụ nữ: khát vọng về tình yêu, hạnh phúc, về một mái ấm gia đình bình dị, sum vầy.

c. Đánh giá về ý kiến của Hoài Thanh

- Ý kiến của Hoài Thanh về nguồn gốc, phẩm chất của văn chương là ý kiến đúng đắn, khoa học bởi nó đã nói lên đặc trưng, thuộc tính quan trọng nhất của văn học: Văn học là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc; văn học mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc

- “*Văn học là nhân học*” (M. Gorki).

- Tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* (Trích *Truyện kỳ mạn lục*) của Nguyễn Dữ và đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Trích *Truyện Kiều*) của Nguyễn Du đã thể hiện rõ nét quan niệm văn học của Hoài Thanh. Bởi cả hai đều là những tác phẩm mang giá trị nhân đạo cao cả, hướng tới con người, vì con người.

3/ Kết bài:

ĐỀ SỐ 45

Hãy phân tích bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận để làm rõ ý kiến: “*Đoàn thuyền đánh cá* là bài thơ đầy ánh sáng”.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kỹ năng:

- Biết cách làm bài nghị luận về một vấn đề của tác phẩm văn học – một bài thơ.
- Sử dụng tốt các thao tác nghị luận; phép lập luận; hành văn, diễn đạt trong sáng, có cảm xúc.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, ý kiến : “*Đoàn thuyền đánh cá* là bài thơ đầy ánh sáng”.

2/ Thân bài: Học sinh có thể có những cách trình bày riêng song phải hướng vào ý “**đầy ánh sáng**”.

a)Màn đêm buông xuống với hình ảnh “*mặt trời xuống biển*”:

“*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*”

Cái khối sáng đỏ rực, khổng lồ tưởng chừng bị mất đi trong bóng đêm và biển cả nhưng lại có một thứ ánh sáng mới đã lóe lên – niềm hy vọng, phần khởi về chuyển ra khơi :

“Đoàn thuyền đánh lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi.”

b)Cảnh đánh cá “đầy ánh sáng” trong đêm: Tiếng hát, không khí lao động, ... chính là nguồn sáng mang đến cho đêm lao động vẻ đẹp nên thơ, tráng lệ.

-Cảnh đêm trên biển phát sáng trong niềm hân hoan lao động:

“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng

Cá thu biển Đông như đoàn thoi

Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.”

(Phân tích các hình ảnh thơ: cá bạc, muôn luồng sáng)

-Không khí khẩn trương, sôi nổi là nguồn sáng chan hòa mặt biển. “Mây cao”, “biển bằng” bằng bạc ánh trắng. Tay lái con thuyền gắn với gió, cánh buồm thành “buồm trắng”. Con người lao động như tỏa sáng trong tư thế làm chủ thiên nhiên, biển cả:

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng,

Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng.”

-Khung cảnh thiên nhiên tràn đầy ánh sáng: ánh sáng của trăng, của sao... tạo nên vẻ đẹp lung linh sắc màu của các loài cá:

“Cá nhụ cá chim cùng cá đé,

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,

Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe.

Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.”

c) Cảnh đêm chấm dứt và ánh sáng mặt trời lúc bình minh hiện lên cùng với ánh sáng trắng lợi từ thành quả lao động của đoàn thuyền đánh cá sau chuyến ra khơi:

“Mặt trời đội biển nhô màu mới,

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.”

(Phân tích hình ảnh thơ: mặt trời, mắt cá huy hoàng)

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề: Niềm vui lao động xây dựng cuộc sống mới với ý thức làm chủ - làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc sống - chính là ánh sáng rực rỡ nhất của một bài thơ “đầy ánh sáng” - “Đoàn thuyền đánh cá”.

ĐỀ SỐ 46

Nhận xét về truyện “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long, có ý kiến cho rằng: “Tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ và hi sinh nhưng cũng thật trong sáng, đẹp đẽ. Từ hình ảnh những con người ấy gợi lên cho ta những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống, của lao động tự giác, về con người và về nghệ thuật”.

Qua truyện ngắn “*Lặng lẽ Sa Pa*”, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về kỹ năng: Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lí. Diễn đạt tốt, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

II/ Về nội dung:

Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng miễn sao phải phù hợp với yêu cầu của đề bài. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được những ý chính sau đây.

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nhận xét về truyện ngắn.

2/ Thân bài:

2.1/ Tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ và hi sinh nhưng cũng thật trong sáng, đẹp đẽ.

Qua các nhân vật với những công việc và lứa tuổi khác nhau, nhà văn muốn khái quát những phẩm chất cao đẹp của con người mới trong thời kì xây dựng Chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ cứu nước. Họ có những suy nghĩ đúng đắn, lặng lẽ cống hiến cho tổ quốc, tâm hồn trong sáng và giàu lòng nhân ái.

a/ Vẻ đẹp cao cả chung của các nhân vật.

- Ý thức trách nhiệm trước công việc : anh thanh niên, đồng chí cán bộ khoa học.

- Sống có lý tưởng, sẵn sàng cống hiến : anh thanh niên, cô kỹ sư trẻ (cô kỹ sư trẻ mới ra trường lần đầu tiên xa Hà Nội, dũng cảm lên nhận công tác tại Lai Châu. Cô là lớp thanh niên *thẻ ra trường đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì...*)
- Nhận thức sâu sắc ý nghĩa công việc: anh thanh niên, ông kỹ sư vườn rau, người cán bộ nghiên cứu khoa học...
- Yêu thích, say mê công việc, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, dám chấp nhận cuộc sống cô độc để làm việc, làm việc một cách kiên trì, tự giác bất chấp hoàn cảnh : anh thanh niên, ông kỹ sư vườn rau, người cán bộ nghiên cứu khoa học.

b/ Vẻ đẹp trong cuộc sống bình thường.

Tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên.

- Đó là con người sống, làm việc một mình trên đỉnh núi cao mà không cô đơn. Anh tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình trên trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động, giản dị (căn nhà nhỏ, giường cá nhân...). Anh sống lạc quan yêu đời- trồng hoa, nuôi gà, đọc sách.
- Đó là một người khiêm tốn: lặng lẽ hoàn thành công việc, không tự nhận thành tích về mình, luôn nhận thức được công việc của mình làm là những đóng góp nhỏ bé cho đất nước; ham mê học hỏi, phấn đấu bởi xung quanh anh có biết bao con người, bao tấm gương, bao điều đáng học (những ông kỹ sư vườn rau, anh cán bộ nghiên cứu sét...)
- Một con người sống cởi mở, tốt bụng, luôn quan tâm đến mọi người một cách chân thành, chu đáo: việc đi tìm củ tam thất cho vợ bác lái xe, đón ông họa sĩ già và cô kỹ sư trẻ thân tình, nồng hậu; hồn nhiên, yêu cuộc sống: thêm người, thêm chuyện trò ...

Khẳng định, khái quát: Tác phẩm thật sự là một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của người lao động bình thường mà cao cả. Họ chính là những thế hệ tiêu biểu cho lớp người mới, cho thanh niên Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước. Tuy không trực tiếp chiến đấu, song họ đã góp phần không nhỏ để xây dựng cuộc sống mới và góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến của dân tộc. Họ nối tiếp nhau xứng đáng là chủ nhân của đất nước này.

(Học sinh có thể trình bày trên cơ sở phân tích từng nhân vật để làm nổi bật ý tưởng chung, tuy nhiên , cần tập trung vào nhân vật trung tâm là anh thanh niên)

2.2/ Tác phẩm gợi lên những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống, của lao động tự giác về con người và về nghệ thuật.

- Cuộc sống của mỗi người chỉ thực sự ý nghĩa khi mọi việc làm , hành động của họ đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu và tự hào về mảnh đất mình đang sống.
- Con người biết sống có lý tưởng, say mê với công việc, hiểu được ý nghĩa của công việc mình làm . Con người cần tự nhìn vào chính bản thân để sống tốt đẹp hơn.
- Thông qua suy nghĩ của người hoạ sĩ : vẻ đẹp của con người và của cuộc sống chính là nguồn cảm hứng vô tận để người nghệ sĩ sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật có giá trị .

3/ **Kết bài:** Khẳng định vấn đề

ĐỀ SỐ 47

Nhận xét về văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, có ý kiến viết:

“ *Văn học của ta đã xây dựng và thể hiện sinh động hình ảnh của thế hệ trẻ*

“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” với ý thức ngày càng sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ trước dân tộc và nhân dân, trước Tổ quốc và lịch sử.”

Qua một số tác phẩm đã học, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Về kĩ năng:

- Biết cách làm bài văn nghị luận văn học có bố cục rõ ràng, đúng thao tác nghị luận, diễn đạt sáng rõ, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu.
- Xác định đúng vấn đề nghị luận: *Vẻ đẹp của hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ* và phạm vi tư liệu

Lưu ý: Về phạm vi tư liệu sử dụng cho bài viết, ngoài hai văn bản đã học ở học kì I lớp 9 là “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật và “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long, giám khảo cần khuyến khích cho những thí sinh có thêm những dẫn chứng ở các tác phẩm khác ở HKII hoặc ngoài chương trình cùng đề tài.

II. Về kiến thức

Bài viết cần trình bày được những nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam qua thực tế văn học chống Mĩ

- Trích ý kiến

2/ Thân bài

2.1. Khái quát chung

- Hoàn cảnh lịch sử: Hai mươi năm dân tộc Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Đó là cuộc chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt và hi sinh.

- Hình ảnh trung tâm của thời đại, niềm tự hào của dân tộc và cũng là hình ảnh trung tâm của văn học kháng chiến chống Mĩ đó là hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam- thế hệ đóng góp lớn công sức và xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và dựng xây đất nước:

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước

Mà lòng phơi phới dậy tương lai

- Bởi vậy văn học giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhiều tác phẩm thơ ca cũng như văn xuôi của các tác giả đã khắc họa sinh động hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ: Họ là những người lính lái xe Trường Sơn; những cô gái thanh niên xung phong trên chiến trường; những con người ngày đêm miệt mài lao động cống hiến cho đất nước...

- Họ đều là những thanh niên sống có lý tưởng cao đẹp, họ nguyện đem sức trẻ, tinh thần, trí tuệ...cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiệm vụ khác nhau nhưng họ cùng chung mục đích, lý tưởng là bảo vệ và xây dựng đất nước nên ở họ đều tỏa sáng những phẩm chất cao đẹp tuyệt vời.

2.2. Phân tích và chứng minh

Luận điểm 1: Đó là lớp thanh niên trẻ có lý tưởng cách mạng cao đẹp, có hoài bão ước mơ, sẵn sàng cống hiến sức trẻ cho đất nước

- Lý tưởng cao đẹp của những người lính lái xe Trường Sơn: Vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính”

- Nhân vật anh thanh niên dù tuổi đời còn rất trẻ nhưng anh đã ý thức được một cách sâu sắc về trách nhiệm của mình (một công dân) đối với quê hương đất nước, mà cao hơn là lý tưởng sống, lý tưởng cách mạng

“Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc?” (Lặng lẽ Sa Pa)

Luận điểm 2: Họ là những con người dũng cảm, gan dạ, đầy tinh thần trách nhiệm, coi thường hiểm nguy, vượt qua mọi gian khổ sẵn sàng hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ.

- Những người lính lái xe Trường Sơn với tinh thần dũng cảm và ý chí kiên cường vì sự nghiệp giải phóng đất nước đã giúp họ vượt qua sự nguy hiểm của bom đạn (sự ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ), vượt qua sự khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ

“Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi...”

“Không có kính ừ thì có bụi....”

“Không có kính ừ thì ướt áo...”

“Lại đi, lại đi trời xanh thêm.”

- Anh thanh niên với lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm đã giúp anh vượt qua nỗi cô đơn, vượt qua mọi gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ

“Cháu ở đây có nhiệm vụ đo nắng, đo mưa....xong việc trở vào là không thể nào ngủ lại được.”

c. Luận điểm 3: Ở họ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó thân thiết, sẵn sàng chia sẻ với nhau trong cuộc sống thiếu thốn, gian khổ và hiểm nguy.

- Những người lính lái xe Trường Sơn từ sự cùng chung nhiệm vụ, lý tưởng họ đã trở thành đồng đội của nhau, sẻ chia với nhau những gian khổ ở chiến trường, tình đồng đội đã tiếp thêm cho họ sức mạnh để vượt qua bom đạn hiểm nguy. Hơn thế họ còn coi nhau như anh em trong một gia đình

(Dẫn chứng và phân tích)

- Anh thanh niên có thể vượt qua nỗi cô đơn, vượt qua mọi sự gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ là vì anh luôn suy nghĩ anh không cô đơn mà luôn có đồng đội tiếp sức cho anh: “Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia”. Vì đồng đội mà anh luôn cố gắng trong công việc bởi anh luôn thấy những đóng góp của mình cho đất nước còn quá nhỏ bé so với họ (anh bạn trên đỉnh Phan-xi-păng, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, ông kĩ sư vườn rau Sa- Pa).

Luận điểm 4: Giữa những khó khăn ác liệt của cuộc sống họ vẫn tràn đầy tinh thần lạc quan, sự trẻ trung, lãng mạn của tuổi trẻ.

- Sự trẻ trung, ngang tàng, sôi nổi đậm chất lính của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn giữa chiến trường ác liệt. Thái độ bất chấp những gian khổ hiểm nguy

(Dẫn chứng và phân tích)

- Anh thanh niên, qua những lời anh tâm sự với ông họa sĩ và cô kĩ sư về cuộc sống một mình của anh, về công việc của anh ta thấy được ý chí nghị lực phi thường ở anh “...Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng...”. Không chỉ vậy, ngoài giờ làm việc còn trồng hoa, nuôi gà và đặc biệt là dành thời gian để đọc sách mở mang hiểu biết.

2.3. Đánh giá

- Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ hiện lên chân thực, sinh động trên các trang văn của các tác giả đã có sức thuyết phục với người đọc.

- Hình ảnh ấy không chỉ cho thấy tài năng của các tác giả mà còn cho chúng ta thấy sự am hiểu, trải nghiệm cuộc sống trong những năm kháng chiến ác liệt của các nhà văn, nhà thơ.

- Qua đó, chúng ta có thể hiểu thêm về lịch sử dân tộc, thêm tự hào và tiếp bước truyền thống các thế hệ cha anh.

3/ Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề

- Suy nghĩ của bản thân

ĐỀ SỐ 48

Trong bài viết " *Nguyễn Du, một nghệ sĩ lớn*", khi bàn đến ngôn ngữ " *Truyện Kiều*", Hoài Thanh có viết: " *Người đọc xưa nay vẫn xem " *Truyện Kiều*" như một hòn ngọc quý cơ hồ*

không thể thay đổi, thêm bớt một tí gì, như một tiếng đàn lạ gần như không một lần nào lỡ nhịp ngang cung"

Em hiểu ý kiến trên như thế nào?

Dựa vào "Truyện Kiều", hãy làm rõ tài năng ngôn ngữ của Nguyễn Du và lí giải Vì sao Nguyễn Du đạt được những thành công ấy.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu chung:

- Hiểu ý kiến của Hoài Thanh.
- Làm rõ được tài sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Du trong " Truyện Kiều, lí giải được một số nguyên nhân để Nguyễn Du đạt được trình độ ngôn ngữ thơ ca như vậy.
- Vận dụng kết hợp kiểu bài phân tích và chứng minh văn học; biết lựa chọn, phân tích những dẫn chứng tiêu biểu; thể hiện được năng lực cảm thụ văn học.

II/ Yêu cầu cụ thể:

Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách nhưng phải đảm bảo những ý chính sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, ý kiến của Hoài Thanh.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến của Hoài Thanh:

a. Giải thích các hình ảnh so sánh:

- " Truyện Kiều" như một hòn ngọc quý cơ hồ không thể thay đổi, thêm bớt":

Ngôn ngữ "Truyện Kiều" đẹp đến mức hoàn thiện.

- Như một tiếng đàn lạ gần như không một lần nào lỡ nhịp ngang cung":

Ngôn ngữ "Truyện Kiều" phong phú, chính xác, sáng tạo, đầy biến hóa.

b. Hoài Thanh đánh giá rất cao về ngôn ngữ " Truyện Kiều", về tài năng Nguyễn Du qua cách diễn đạt giàu hình ảnh bằng nghệ thuật so sánh khẳng định Nguyễn Du là bậc thầy về ngôn ngữ thơ ca.

2.2. Chứng minh tài năng ngôn ngữ của Nguyễn Du trong " Truyện Kiều":

- " Truyện Kiều" có nhiều con người, nhiều sự kiện, nhiều cảnh vật, nhiều tâm trạng... khác nhau, thậm chí đối lập lẫn nhau, nhưng Nguyễn Du có đầy đủ vốn ngôn ngữ để biểu đạt con người, sự kiện, tâm trạng:

+ Tả người: nhân vật chính diện, phản diện...

+ Tả cảnh

+ Tả tâm trạng

+ Những điểm tinh tế trong cách miêu tả ánh trăng, cảnh chiều, lòng người... trong từng hoàn cảnh, tình huống.

2.3. Lí giải nguyên nhân thành công của Nguyễn Du:

a. Nguyễn Du đã kế thừa, phát huy những khuynh hướng sáng tạo ngôn ngữ khác biệt:

- Tiếp tục kế thừa ngôn ngữ văn học dân gian, đặc biệt là thành ngữ, tục ngữ ca dao.

- Tiếp nhận ngôn ngữ văn học nước ngoài, từ hệ thống thuật ngữ, khái niệm triết học, Phật, Nho đến nguồn điển cố, thi liệu giàu có, phong phú của văn học Trung Quốc.

- Dù tiếp thu từ truyền thống hay từ ngoại lai, Nguyễn Du luôn có sáng tạo độc đáo.

b. Tài năng ngôn ngữ của Nguyễn Du qua quá trình học tập trau dồi, với sự học hỏi và sáng tạo độc đáo của Nguyễn Du, ngôn ngữ " Truyện Kiều" mang phong cách của một cá tính nghệ thuật, đưa Nguyễn Du lên vị trí bậc thầy trong ngôn ngữ thơ ca cổ điển, đồng thời để lại cho ngày nay nhiều bài học quý giá trong vận dụng và sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật nói chung và ngôn ngữ nói riêng.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề: Sự thành công của Truyện Kiều và đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

ĐỀ SỐ 49

“**Lặng lẽ Sa Pa**”- Một bài ca ca ngợi những con người có lẽ sống cao đẹp đang lặng lẽ quên mình cống hiến cho Tổ quốc. Em hãy viết một bài văn nghị luận để làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Học sinh phải xác định được đây là kiểu bài nghị luận văn học nhằm làm sáng tỏ một nhận định.
- Bố cục phải rõ ràng, chặt chẽ, văn phong trôi chảy và có chất văn.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

1. Mở bài

- Dẫn dắt vấn đề một cách trôi chảy, ấn tượng, khái quát được vẻ đẹp chung của những con người thầm lặng cống hiến

2. Thân bài

- Làm sáng tỏ vẻ đẹp của từng con người trong sự thầm lặng cống hiến
 - + Anh thanh niên là một con người yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc khi thấy công việc của mình gắn liền với công việc của nhiều người khác; Anh biết quan tâm đến mọi người, sống chân thành ,cởi mở, khiêm tốn...
 - + Ông kĩ sư vườn rau âm thầm tìm xem cách ong thụ phấn để rồi tự tay mình thụ phấn để cho rau su hào được nhiều hơn, ngon hơn ...
 - +Người cán bộ nghiên cứu sét cũng sẵn sàng hi sinh hạnh phúc riêng tư của đời mình, 11 năm mà không dám xa cơ quan một ngày, mãi mê trên hành trình đi tìm bản đồ sét cho đất nước...
 - + Họ là những con người luôn tự hỏi mình đã làm gì cho Tổ quốc, hi sinh quyền lợi của cái riêng mà vì cái chung, vì độc lập tự do vì hạnh phúc của nhân dân
- Khái quát vấn đề và liên hệ bản thân.

3. Kết bài

- Nêu cảm nghĩ của bản thân về những con người lao động thầm lặng

ĐỀ SỐ 50

Trong tiểu luận Tiếng nói của văn nghệ Nguyễn Đình Thi viết :

“ Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dùng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc.”

Hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng một bài thơ đã học trong chương trình ngữ văn lớp 9

(SGK Ngữ văn 9 tập 2, NXB Giáo dục 2005, trang 15)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Có kĩ năng nghị luận về một vấn đề văn học, có lí lẽ thuyết phục và thể hiện được sự cảm thụ thơ tinh tế.
- Bố cục hợp lí, rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Bài viết có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng đại thể có các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề, ý kiến của Nguyễn Đình Thi viết :

“ Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dùng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc.”

2/ Thân bài:

a. Bài thơ hay và việc đọc một bài thơ hay.

- Bài thơ hay có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc.

- Bài thơ hay tự nó có sức lôi cuốn kỳ lạ khiến ta không thể chỉ đọc một lần. Thơ hay đánh thức mỹ cảm trong ta khiến ta yêu thích, ngâm ngợi, ta như được chia sẻ, giải bày.
- Đọc nhiều lần để khám phá sự phong phú về nội dung tình cảm cũng như chiều sâu ý nghĩa của thơ (nhất là khi bài thơ có nhiều tầng ý nghĩa luôn khiến ta trăn trở, suy nghĩ)
- Đọc thơ không phải chỉ bằng trí tuệ hay cảm xúc, lý trí hay tình cảm, phải đọc bằng tất cả năng lực tinh thần của mình, bằng “*tất cả tâm hồn*” để cảm và hiểu cái hay cái đẹp của thơ.

b. Làm sáng tỏ nhận định.

- Bài thơ được chọn thuộc chương trình Ngữ văn lớp 9 đã được học.
- Bài thơ thực sự là một tác phẩm văn chương có giá trị.
- Học sinh cần làm rõ bài thơ hay ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật.

(Phân làm sáng tỏ nhận định phải gắn với ý giải thích ở trên một cách hợp lý)

3/ Kết bài: Kết thúc vấn đề.

ĐỀ SỐ 51

Đại văn hào Andersen có câu nói nổi tiếng: “*Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng câu chuyện do chính cuộc sống viết ra*”. Và chúng ta thấy rằng tác phẩm “*Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng chính là một câu chuyện cổ tích giữa đời thường, một truyện cổ tích hiện đại.

Qua câu nói của Andersen và hiểu biết về tác phẩm “*Chiếc lược ngà*”, hãy viết bài văn phân tích và nêu lên suy nghĩ của bản thân về câu chuyện cổ tích từ hiện thực cuộc đời ấy.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng

HS biết cách làm một bài văn nghị luận văn học; bố cục hợp lý, lập luận chặt chẽ, văn viết mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

II. Yêu cầu về kiến thức

HS có thể triển khai nghị luận theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần nổi bật các ý sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề, dẫn câu nói của Đại văn hào Andersen có câu nói nổi tiếng: *“Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng câu chuyện do chính cuộc sống viết ra”*.

2/ Thân bài:

a) Câu nói của Andersen: *“Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng câu chuyện do chính cuộc sống viết ra”*

- Cuộc sống đã thử thách cũng như tiếp thêm, làm tăng thêm tình yêu của những con người trong chính cuộc sống ấy, đó là những tình cảm cao quý: tình phụ tử, tình mẫu tử, tình bà cháu,...

- Những câu chuyện “*cổ tích*” trong cuộc sống đẹp không phải vì có sự xuất hiện của hình ảnh ông bụt, bà tiên, phép màu nhiệm,... như trong truyện cổ tích, mà nó đẹp nhờ những tình cảm thật sự giữa con người với con người, từ đó nuôi dưỡng trong tâm hồn mỗi con người ta những vẻ đẹp, những vẻ đẹp rất riêng và vô cùng thiêng liêng, cao quý.

b) Tình cảm của cha con ông Sáu đẹp như bức tranh cổ tích trong sự thử thách của chiến tranh:

- Chiến tranh đã chia cắt gia đình ông Sáu. Bé Thu lớn lên trong sự yêu thương của má, nhưng em chưa từng gặp ba, em chỉ biết ba qua tấm hình chụp chung với má.

- Chiến tranh vẫn không cắt được tình phụ tử thiêng liêng:

+ Bé Thu rất thương ba của mình: (HS phân tích, đưa dẫn chứng chứng minh cụ thể)

+ Ông Sáu luôn dành cho bé Thu một tình yêu thương đặc biệt: (HS phân tích, đưa dẫn chứng chứng minh cụ thể)

=> Chiến tranh chính là hiện thực đã góp phần tạo nên và nâng cao tình phụ tử thiêng liêng, cao quý của ông Sáu và bé Thu.

c) Suy nghĩ về câu chuyện cổ tích trong chiến tranh:

- Câu chuyện cổ tích về tình cha con được miêu tả cảm động ở hai phía: người cha, người cán bộ cách mạng và đứa con gái nhỏ.

- Đó là một tình cảm muôn thuở, có tính nhân bản và bền vững thể hiện trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh và trong cuộc sống nhiều gian khổ, hi sinh của người cán bộ cách mạng.

3/ Kết bài:

ĐỀ SỐ 52

Văn học luôn quan tâm số phận con người, nhưng mỗi tác giả lại có một cách khám phá, thể hiện riêng. Bằng cảm nhận của mình về hình ảnh cái bóng trên vách trong Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ) và hình ảnh chiếc lá trên tường trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng (O. Hen-ri), em hãy làm sáng rõ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng

HS biết cách làm một bài văn nghị luận văn học; bố cục hợp lí, lập luận chặt chẽ, văn viết mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

II. Yêu cầu về kiến thức

HS có thể triển khai nghị luận theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần nổi bật các ý sau:

1. Mở bài: Giới thiệu vài nét tiêu biểu về tác giả và tác phẩm.

2. Thân bài:

2.1. Giải thích, khẳng định ý kiến

- Khẳng định ý kiến đúng đắn vì xuất phát từ bản chất của sự sáng tạo văn chương.

Văn học luôn quan tâm số phận con người: Đối tượng của văn học là con người, trong đó văn học quan tâm nhất vẫn là vấn đề số phận.

- Mỗi nhà văn có cách khám phá, thể hiện riêng: Bản chất của văn học là sáng tạo, mỗi hình tượng cũng như tác phẩm bao giờ cũng là sự sáng tạo mang dấu ấn riêng của cá nhân nhà văn; thể hiện một cách nhìn, cách nghĩ, cách lí giải riêng về thân phận con người bằng những hình thức nghệ thuật độc đáo.

2.2. Cảm nhận các hình ảnh để làm sáng rõ ý kiến

a/ Hình ảnh chiếc bóng trên vách trong Chuyện người con gái Nam Xương:

* Tái hiện hình ảnh chiếc bóng trên vách

* Ý nghĩa:

- Chiếc bóng - hiện thân của lòng tốt, tình mẹ con, đạo vợ chồng

- Chiếc bóng cũng là nguyên nhân tạo nên bi kịch thâm đối với nhân vật Vũ Nương và đối với cái gia đình bé nhỏ của nàng.

- Chiếc bóng thức tỉnh Trương Sinh, giúp chàng nhận ra nỗi oan của vợ.

- Chiếc bóng thể hiện tư tưởng, tình cảm và quan niệm của tác giả đối với con người:

+ Sự thấu hiểu, cảm thương sâu sắc số phận những con người bất hạnh, nhất là người phụ nữ.

+ Gửi gắm những triết lí sâu sắc, thấm đẫm tinh thần nhân văn: Cuộc sống luôn đầy những yếu tố bất thường, con người không thể lường trước; thân phận con người

nói chung và người phụ nữ nói riêng: thân phận mỏng manh như chiếc bóng- mong manh dễ tan vỡ, khi còn, khi mất. Hạnh phúc, sự sống, ... có thể bị hủy hoại vì bất cứ lí do gì, bất cứ lúc nào....

* Về nghệ thuật: Tạo nên sự hàm súc, đa nghĩa đồng thời vừa thắt nút, mở nút tăng sức hấp dẫn cho tác phẩm.

b/ Hình ảnh chiếc lá trên tường trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng:

*Tái hiện hình ảnh chiếc lá trên tường

* Ý nghĩa:

- Thể hiện tình cảnh đáng thương của Giôn-xi: nghèo đói, bệnh tật nên tuyệt vọng, mất niềm tin vào cuộc sống

- Là kết tinh của hành động cao đẹp, vô tư, quên mình của người họa sĩ già.

- Là biểu tượng của lòng nhân ái, đức hi sinh, sức mạnh của niềm tin yêu cuộc sống.

- Thể hiện tư tưởng, tình cảm và quan niệm của tác giả về con người, cuộc sống,

Sự thấu hiểu, yêu thương của O.Hen-ri với số phận những nghệ sĩ nghèo nước Mỹ nói riêng và con người nói chung.

+ Đề cao lẽ sống nhân ái.

+ Khẳng định sức mạnh của nghệ thuật chân chính: Hướng về con người, nuôi dưỡng niềm tin, khát vọng sống, cứu rỗi con người...

* Về nghệ thuật: Chi tiết này tạo nên tình huống đảo ngược và một kết thúc bất ngờ cho tác phẩm

2.3. Đánh giá chung:

- Chiếu bóng trên vách và chiếc lá trên tường là những hình ảnh có thực từ đời sống được các tác giả đưa vào tác phẩm theo những cách riêng, thể hiện quá trình lao động nghệ thuật công phu, sáng tạo với dụng ý nghệ thuật riêng. Qua đó thể hiện sự quan tâm đến số phận con người, tấm lòng nhân đạo của các tác giả ...

3/ Kết bài: khẳng định vấn đề.

ĐỀ SỐ 53

“Một tác phẩm để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc chính là xây dựng thành công tình huống truyện và nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật”.

Bằng những hiểu biết của em về văn bản Làng của nhà văn Kim Lân, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Về hình thức

- Đảm bảo bố cục ba phần của bài văn nghị luận văn học.
- Bài viết mạch lạc, lập luận thuyết phục, lời văn trong sáng, giàu hình ảnh, kết hợp các phương pháp lập luận giải thích, chứng minh (chủ yếu) với đánh giá tổng hợp vấn đề, khả năng cảm thụ, khám phá tình huống truyện và nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật hấp dẫn.

II. Về nội dung

1/ Mở bài: Nêu được vấn đề cần nghị luận.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích khái niệm:

- Tình huống truyện lạ kiện, sự việc, hoàn cảnh xảy ra hết sức bất ngờ, gay cấn. Tác giả đặt nhân vật vào sự kiện đó nhằm bộc lộ mối quan hệ, bộc lộ khả năng ứng xử, thử thách phẩm chất, tính cách nhân vật, đưa câu chuyện lên cao trào và thể hiện chủ đề, nội dung tư tưởng tác phẩm.
- Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: là thủ pháp tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc diễn biến tâm trạng, tâm lý của nhân vật. Thủ pháp này là yếu tố quan trọng để tạo nên một nhân vật sống động, hấp dẫn.

2.2. Lập luận Chứng minh sự thành công tình huống truyện và nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật trong tác phẩm làng:

- Tình huống bất ngờ khi ông Hai nghe tin cả làng theo giặc giữa lúc tâm trạng phoir phoir nghe tin thắng trận, giữa lúc ông đang ngóng vọng, tự hào về làng.(0.25đ)
- Tâm trạng đau xót, tủi hổ dằn vặt, day dứt, lo lắng, bế tắc, tuyệt vọng. Từ chỗ yêu làng trở nên thù làng. Đặt nhân vật vào tình huống đầy căng thẳng, thử thách nhà văn muốn bộc lộ các mối quan hệ riêng chung trong con người của nhân vật. Đưa nhân vật lên cao trào để nhân vật tự bộc lộ cách ứng xử, phẩm chất, tính cách, lòng yêu làng, yêu nước thiết tha(1.5đ)

- Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhiều chiều, những cảm xúc, những diễn biến tâm trạng qua các mối quan hệ, qua các sự việc, tình huống nhỏ, qua trạng thái cảm xúc trực tiếp, qua đối thoại và độc thoại nội tâm(2.5đ)

=> Tình huống được giải quyết thông qua diễn biến tâm trạng nhân vật sinh động. Một người nông dân mộc mạc, giản dị cùng tình yêu làng yêu nước chân chất thật thà song để lại ấn tượng vô cùng sâu sắc, lớn lao. Đây cũng là bức thông điệp về tình yêu làng xóm, yêu quê hương đất nước cho mỗi người.(1đ)

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 54

Thái độ và hành động của hai nhân vật anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trong (Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long) và anh chiến sĩ lái xe trong (Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật) gợi cho em suy nghĩ gì về tuổi trẻ ngày nay.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Hình thức: Vận dụng nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt, các phép lập luận đã học. Văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, ít mắc lỗi diễn đạt.

II/ Về nội dung: Bài làm có thể có những bố cục khác nhau nhưng phải đúng kiểu văn bản nghị luận; các ý trình bày có thể không giống nhau nhưng trên cơ sở hiểu được hai văn bản “Lặng lẽ Sa Pa” và “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*”, đại thể cần nêu được các ý sau:

Hai nhân vật anh thanh niên (LLSP), anh chiến sĩ (BTVTĐXKK).

Người trẻ tuổi ở hai mặt khác nhau: xây dựng CNXH và chống Mỹ cứu nước.

Nhiệt tình, dũng cảm thực hiện nghĩa vụ của tuổi trẻ không vụ lợi.

Với ý chí và nghị lực của tuổi trẻ, với trách nhiệm và nghĩa vụ đối với đất nước họ lạc quan, yêu đời.

Suy nghĩ của bản thân:

Vấn đề cống hiến của tuổi trẻ. Hai nhân vật văn học đã cho thấy sự cống hiến to lớn đối với đất nước họ lạc quan, yêu đời.

Trong thế kỷ XXI có những yêu cầu với thế hệ trẻ giống hôm qua nhưng cũng có những yêu cầu khác (do bối cảnh lịch sử, xã hội, thời đại...).

Dù hoàn cảnh nào tuổi trẻ hôm nay cũng luôn phân biệt : cống hiến và hưởng thụ mà cống hiến (trong mọi điều kiện và hoàn cảnh) là mục đích quan trọng của tuổi trẻ. Nét đẹp của hai nhân vật là hành trang vào đời của tuổi trẻ hôm nay.

ĐỀ SỐ 55

Vẻ đẹp của người lao động mới qua hai tác phẩm “*Đoàn thuyền đánh cá*” (Huy Cận) và “*Lặng lẽ Sa Pa*” (Nguyễn Thành Long)

GỢI Ý LÀM BÀI

I- Yêu cầu về kĩ năng:

- HS có kĩ năng làm bài NLVH tổng hợp, biết kết hợp các phép lập luận như giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, biết khái quát để làm nổi bật vấn đề.
- Hiểu đúng vấn đề mà đề bài yêu cầu. Lập được các luận điểm phù hợp.
- Biết lựa chọn và phân tích dẫn chứng sao cho làm sáng rõ vấn đề.
- Không sa đà vào tình trạng diễn xuôi ý thơ hoặc kể lại chuyện.
- Văn viết có cảm xúc, diễn đạt trôi chảy; dùng từ, đặt câu chuẩn xác.
- Bố cục bài hoàn chỉnh, chặt chẽ.

II- Yêu cầu về nội dung kiến thức:

1/ Mở bài: Nêu đúng vấn đề và giới hạn: Vẻ đẹp của người lao động mới trong hai tác phẩm “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận và “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

2/ Thân bài:

2.1. Hoàn cảnh sáng tác hai tác phẩm:

- Sau chiến thắng thực dân Pháp, miền Bắc nước ta bắt tay vào công cuộc xây dựng CNXH. Một không khí phấn khởi, hăng say lao động dấy lên khắp mọi nơi để dựng xây cuộc sống mới và chi viện cho miền Nam đánh Mỹ. Niềm vui, niềm tin yêu dào dạt trước cuộc sống mới đang hình thành, đang thay da đổi thịt đã trở thành nguồn cảm hứng lớn của văn học lúc bấy giờ. Nhiều nhà thơ đã đi tới các miền đất xa xôi của Tổ quốc: miền núi, hải đảo, nhà máy, nông trường để sống và viết. Các tác phẩm “Đoàn thuyền đánh cá” - Huy Cận (1958), “Lặng lẽ Sa Pa” - Nguyễn Thành Long (1970) đều là kết quả của những chuyến đi thực tế, các tác giả đã trực tiếp chứng kiến cuộc sống của người lao động. Các tác giả đã ngợi ca khí thế lao động hăng say, lòng yêu đời của người lao động mới- những người đã được giải phóng, đang làm chủ bản thân, làm chủ cuộc đời và đất nước. Họ thuộc đủ mọi lớp người, mọi lứa tuổi, với những nghề nghiệp khác nhau, làm việc ở những vùng khác nhau nhưng đều có chung những phẩm chất cao đẹp.

2.2. Hình ảnh người lao động mới: (Đây là phần trọng tâm)

***Công việc, điều kiện làm việc của họ đầy gian khó, thử thách.**

- Người ngư dân trong bài thơ “*Đoàn thuyền đánh cá*” ra khơi khi thiên nhiên, vũ trụ vào trạng thái nghỉ ngơi. Đánh cá trên biển đêm là một công việc rất vất vả và nguy hiểm...
- Trong “*Lặng lẽ Sa Pa*”: Anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét. Anh sống một mình, xung quanh anh chỉ có cây cỏ, mây mù lạnh lẽo và một số

máy móc khoa học. Cái gian khổ nhất với anh là sự cô độc. Công việc của anh là “đo gió, đo mưa..dự báo thời tiết”. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác. Mỗi ngày anh đo và báo số liệu về trạm bốn lần. Nửa đêm, đúng giờ “ốp” dù mưa tuyết, gió rét thế nào thì vẫn phải trở dậy làm việc.

*** Trong điều kiện khắc nghiệt như vậy nhưng họ vẫn nhiệt tình, hăng say, mang hết sức lực của mình để cống hiến cho Tổ quốc.**

- Những ngư dân là những người lao động tập thể. Họ hăm hở: “ Ra đậu dầm xa dò bụng biển/ Dàn đan thế trận lưới vây giăng.”. Kiên cường, hòa nhập với thiên nhiên bao la với tư thế ngang tầm vũ trụ. Họ làm việc nhiệt tình, hăng say, đầy khí thế. (Phân tích dẫn chứng)

- Anh thanh niên am hiểu, thành thạo trong công việc. Anh hiểu việc mình làm có ý nghĩa quan trọng: phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu Công việc tuy lặp lại đơn điệu song anh vẫn rất nhiệt tình, say mê, gắn bó với nó, hoàn thành tốt nhiệm vụ. (Phân tích dẫn chứng)

*** Đó là những con người sống có lí tưởng và tràn đầy lạc quan, thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong lao động.**

- Người đánh cá ra đi, làm việc và trở về đều trong câu hát. Họ đã thu về thành quả thật tốt đẹp. Hình ảnh thơ cuối bài rạng rỡ niềm vui, niềm hi vọng của người lao động vì một ngày mai “huy hoàng”...

(Phân tích dẫn chứng)

- Người thanh niên trên đỉnh núi cao Yên Sơn thì tâm sự với ông họa sĩ: “Cháu sống thật hạnh phúc”. Chính từ suy nghĩ : “Mình sinh ra. vì ai mà làm việc?” mà anh đã vượt lên sự cô đơn để gắn bó với công việc thầm lặng.

(Phân tích dẫn chứng)

- Ở Sa Pa, không phải chỉ có anh thanh niên mà còn có cả một thế giới những người lao động “làm việc và lo nghĩ cho đất nước” qua lời anh kể như: anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi- păng, ông kĩ sư vườn rau, đồng chí cán bộ nghiên cứu lập bản đồ sét

2.3. Khái quát:

- Dù ở nơi núi cao hay biển xa nhưng những người lao động vẫn nhiệt tình, âm thầm mang sức lực của mình cống hiến cho Tổ quốc. Người lao động vô danh trong hai tác phẩm đủ mọi thành phần, lứa tuổi , nghề nghiệp... đều là những người nhiệt tình, say mê công việc, sống có lí tưởng. Họ là điển hình cao đẹp của con người lao động mới trưởng thành trong công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

- Khẳng định thành công của các tác giả trong việc khắc họa hình ảnh người lao động: Các tác giả đã ghi lại hình ảnh họ rất chân thực và sống động trong những trang viết thấm đẫm cảm hứng lãng mạn, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động; bộc lộ niềm vui, niềm tự hào trước đất nước và cuộc sống.

3/ Kết bài:

- Liên hệ thực tế cuộc sống, văn thơ, những suy nghĩ của bản thân...

- Mỗi chúng ta cần biết trân trọng những người lao động bình thường trong cuộc sống hàng ngày bởi chính họ đã dựng xây nên cuộc sống tươi đẹp này. Chúng ta học tập được ở họ những phẩm chất đáng quý...

*** Lưu ý:**

- Ngoài cách triển khai như trên, học sinh có thể lần lượt phân tích theo từng tác phẩm nhưng biết dùng lập luận tổng - phân - hợp (khái quát rõ vẻ đẹp nói chung của người lao động trong hai tác phẩm rồi mới chứng minh cụ thể, sau đó tổng hợp, nâng cao) để vấn đề được sáng tỏ.

ĐỀ SỐ 56

Vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ qua các tác phẩm văn học trung đại : Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ, Truyện Kiều của Nguyễn Du và Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga của Nguyễn Đình Chiểu.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Về hình thức:

- Bài làm đúng thể loại nghị luận văn học: Nghị luận chứng minh.
- Bảo đảm bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.
- Lập luận chặt chẽ.
- Trình bày bài sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, diễn đạt lưu loát.

II. Về nội dung:

Học sinh có thể trình bày theo các cách khác nhau nhưng bài viết cần theo định hướng sau:

1/ Mở bài: Nêu vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ qua ba tác phẩm: Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ, Truyện Kiều của Nguyễn Du và Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga của Nguyễn Đình Chiểu.

2/ Thân bài: Học sinh có nhiều cách thể hiện suy nghĩ của mình, song cần đảm bảo bảo các nội dung cơ bản sau:

a/ Giải thích: Vẻ đẹp tâm hồn: là vẻ đẹp thuộc về phẩm chất bên trong của người phụ nữ - vẻ đẹp không dễ gì nhìn thấy được.

b/ Chứng minh vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ qua các tác phẩm.

- Người phụ nữ trong ba văn bản mang những nét đẹp của người phụ nữ trong xã hội cũ: Công, dung, ngôn, hạnh.

+ Họ là những người phụ nữ đẹp, dịu dàng, hiền hậu: Vũ Nương “tính tình thủy mị, nét na lại thêm tư dung tốt đẹp”; Thúy Kiều “Làn thu thủy, nét xuân sơn/ Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”... Học sinh phân tích để thấy được vẻ đẹp của họ.

+ Họ là những người phụ nữ đảm đang, tháo vát: khi chồng đi lính, Vũ Nương một mình vừa lo chuyện gia đình, nuôi dạy con nhỏ, vừa chăm sóc mẹ chồng chu đáo. Thúy Kiều bán mình chuộc cha- phận nữ nhi nhưng gánh vác việc gia đình.... Học sinh phân tích để thấy được vẻ đẹp của họ.

+ Họ là những người phụ nữ thủy chung, nhân hậu và đầy tình yêu thương....

* **Vũ Nương:** Là người con hiếu thảo, Là người vợ thủy chung, thương yêu chồng con tha thiết.

+ Đối với mẹ chồng.

Là người hiếu thảo với mẹ chồng, nàng luôn “lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn”, lo thuốc thang, lễ bái thần phật khi mẹ ốm; lo “ma chay tế lễ” chu đáo như đối với cha mẹ đẻ mình khi mẹ mất. Học sinh phân tích được lời trăng trối của mẹ chồng trước khi chết để khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người con dâu hiếu thảo.

+ Đối với chồng:- Khi Trương Sinh ở nhà ‘Giữ gìn khuôn phép’ khi Trương sinh đi lính” gót liễu tường hoa chưa hề bén gót”

- Khi bị chồng nghi oan, không thể giải bày, đau khổ đến cùng cực, nàng đành nhảy xuống sông tự vẫn để bày tỏ tấm lòng trong trắng của mình

+ Đối với con: Chăm sóc con chu đáo, yêu thương con hết mực, bù đắp tình cảm cho con khi chồng vắng nhà(nàng thường chỉ bóng mình trên vách...)

*** Thuý Kiều:**

+ Là người con hiếu thảo: Gia đình bị vu oan, cha và em bị đánh đập, Kiều đã quyết định hi sinh mọi tình đầu đẹp để bán mình chuộc cha và em. Thuý Kiều đã đặt “chữ” hiếu lên trên chữ “tình”. Và khi bị Lừa vào lầu xanh nàng không nguôi nỗi nhớ về gia đình: Xót người tựa cửa hôm mai: quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ”. Nàng đã hình dung thấy hình bóng cha mẹ già cứ tựa cửa ngóng tin nàng. Kiều rất kính trọng tấm lòng cao cả ấy của mẹ dành cho mình . Bởi thế nàng lại càng day dứt tự trách mình. Không chăm lo phụng dưỡng cha mẹ già. Qua đó người đọc cảm nhận được tấm lòng hiếu thảo , lòng vị tha của nàng . Nàng như quên hẳn nỗi đau khổ trong hiện tại để sống trong tâm tưởng với người yêu với mẹ già.

+ Là người con gái trong trắng, thủy chung, giàu lòng vị tha: dù phải mười lăm năm lưu lạc, nàng không lúc nào nguôi nỗi nhớ chàng Kim, lúc nào cũng cảm thấy mình có lỗi khi tình yêu của hai người bị tan vỡ. Khi ở lầu Ngưng Bích Kiều đã “ Tưởng người dưới nguyệt chén đồng; tin sương luống những rày trông mai chờ”- Kiều nhớ lại những kỉ niệm đẹp của mối tình đầu trong sáng giữa nàng và Kim Trọng. Lời hẹn ước và chén rượu thề dưới đêm trăng sáng vàng vạc: Vàng trắng vàng vạc giữa trời; Đinh ninh hai mặt một lời song song”. Chén rượu thề còn đó mà nay mỗi người một ngả. Nàng còn hình dung thấy ở nơi Lưu Dương cách trở, chàng Kim Trọng cũng đang hướng về nàng “tin sương luống những rày trông mai chờ”. Đây chính là tiếng nói từ trong sâu thẳm trái tim của nàng. Trong lời thơ như có nhịp thốn thức của trái tim yêu thương đang rỏ máu . Nhớ thương tha thiết người mà mình yêu dấu. Càng nhớ về kỉ niệm của mối tình đầu trong sáng nàng lại càng đau đớn, xót xa.

*** Kiều Nguyệt Nga.**

- Một cô gái thủy mị, nết na, có học thức, cách xưng hô khiêm nhường:(quân tử- tiện thiếp), cách nói năng văn vẻ, mực thước, khuôn phép(làm con dâu dấm cãi cha, chút tôi liễu yếu đào tơ...), cách trình bày vấn đề rõ ràng, khúc triết vừa đáp ứng đầy đủ những lời thăm hỏi an cần của Vân Tiên, vừa bộc lộ chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình.

- Một con người đảm thắm, ân tình, cư xử có trước có sau. Với nàng Vân Tiên không chỉ cứu mạng mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng:” Lâm nguy chẳng gặp giải nguy- Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.”Nguyệt Nga coi đó là ơn trọng và áy náy, băn khoăn tìm cách trả ơn dù biết rằng có đền đáp bao nhiêu cũng chưa đủ.” Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng người”. Bởi vậy cuối cùng nàng đã tự nguyện gấn bó suốt đời với chàng hào hiệp ấy, dấm liễu mình để giữ trọn ân tình thủy chung với chàng.

c/Đánh giá: Các tác giả văn học trung đại đều rất thành công khi khắc họa về hình ảnh người phụ nữ trong xã hội xưa. Đó là cái nhìn tiến bộ, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Dữ, Nguyễn Du và Nguyễn Đình Chiểu những người phụ nữ hiện lên với vẻ đẹp chuẩn mực của xã hội xưa. Họ là hiện thân của những người phụ nữ đẹp trong văn học trung đại.

3/ Kết bài: Khẳng định, đánh giá lại vấn đề..

- Ngày nay vẻ đẹp đó luôn được tôn thờ và phát triển phù hợp với thời đại
- Nhà văn Nga A.Sê-khốp nhận định: *Sắc đẹp tâm hồn là sắc đẹp lâu dài và được quý trọng nhất*”.

ĐỀ SỐ 57

Từ những hiểu biết về hai bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải và "Viếng Lăng Bác" của Viễn Phương, em hãy phân tích để làm nổi bật những nét tương đồng và điểm khác biệt trong cách thể hiện niềm ước nguyện chân thành của mỗi nhà thơ.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kỹ năng:

- Biết cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm thơ.
- Bố cục đầy đủ, rõ ràng; cảm xúc chân thành, diễn đạt sáng tạo, trình bày sạch, đẹp; ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Bài viết có vài đoạn hay, đặc sắc.

II. Yêu cầu về kiến thức:

1/ Mở bài: Giới thiệu khái quát về nội dung nghị luận.

2/ Thân bài:

Phân tích - so sánh để làm nổi bật những nét tương đồng và điểm khác biệt....:

- Nêu khái quát nội dung chính của hai bài thơ

+ Mùa xuân nho nhỏ là tiếng lòng thiết tha yêu mến và gắn bó với đất nước cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ góp một mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.

+ Viếng lăng Bác thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

- Điểm giống nhau trong niềm ước nguyện của hai bài thơ:

Cùng có cảm xúc trước khung cảnh thiên nhiên, đất trời, trực tiếp đón nhận những điều tốt đẹp của cuộc sống (mùa xuân, đến lăng Bác) để rồi niềm ước nguyện được dâng lên. Những ước nguyện đó được thể hiện qua những từ ngữ gợi hình đồng điệu: làm con chim, làm cành hoa ... để có thể cống hiến

những phần tốt đẹp nhỏ bé của mình cho quê hương đất nước, cho Người đã hi sinh cả cuộc đời vì đất nước mà ai cũng phải kính trọng.

- Những điểm khác nhau trong cách thể hiện ước nguyện của mỗi nhà thơ:

+ Với Thanh Hải, Mùa xuân nho nhỏ thể hiện một quan niệm sống đẹp và đầy trách nhiệm của một con người. Nhà thơ thể hiện tình cảm xúc động, mãnh liệt song cũng hết sức khiêm nhường (Một nốt trầm xao xuyến, lặng lẽ dâng cho đời). Thể thơ 5 chữ với nhạc điệu trong sáng, tha thiết gần gũi với lời dân ca.

+ Ở Viễn Phương, có sự đồng nhất trong cảm xúc “nỗi nhớ thương” ngay cả khổ đầu cho đến khổ cuối đều nhắc đến hình ảnh “cây tre” thể hiện ước nguyện được tri ân Bác. Từ “trung hiếu” trong câu thơ phát triển từ tư tưởng trung hiếu thời phong kiến “tận trung với nước, tận hiếu với dân” nhưng lại thể hiện được tư tưởng, tình cảm mới của nhà thơ.

Giọng thơ phù hợp với nội dung tình cảm, hình ảnh thơ có nhiều sáng tạo kết hợp hình ảnh thực với hình ảnh ẩn dụ vừa gần gũi vừa sâu sắc.

- Biện pháp nghệ thuật: Đặc sắc trong hai khổ thơ sử dụng điệp từ, điệp ngữ. Phép tu từ ẩn dụ. Nhiều hình ảnh tươi sáng, giản dị, có ý nghĩa được đưa vào so sánh trong hai bài thơ.

(Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng mỗi ý trên đều phải được phân tích, minh họa bằng dẫn chứng cụ thể)

3/Kết bài: Khái quát lại nội dung phân tích - so sánh và đánh giá về sự thành công của mỗi tác giả.

ĐỀ SỐ 58

Trình bày cảm nhận của em về tình yêu quê hương, đất nước qua hai tác phẩm *Quê hương* của Tế Hanh (Ngữ văn lớp 8, tập 2) và *Nói với con* của Y Phương (Ngữ văn lớp 9, tập 2).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lời văn trong sáng; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo những nội dung sau:

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề:

- Quê hương, đất nước là nguồn cảm xúc dạt dào, phong phú cho các tác giả xưa và nay sáng tác. Nhiều tác giả đã có những tác phẩm thành công khi viết về đề tài này

- Hai nhà thơ Tế Hanh và Y Phương đều rất thành công khi nói về tình cảm của mình với quê hương qua hai bài thơ *Quê hương* và *Nói với con*. Hai nhà thơ một sinh ra ở miền biển, một sinh ra ở miền núi nhưng đều giống nhau ở một điểm, đó là lòng yêu mến thiết tha với quê hương, với con người của vùng quê mình.

2/ Thân bài:

2.1. Tình yêu quê hương, đất nước qua hai bài thơ:

a. Tình yêu quê hương, đất nước của các nhà thơ thể hiện qua sự rung động trước những vẻ đẹp tươi sáng, sinh động, chân thực của mỗi miền quê.

- Trong *Quê hương*, Tế Hanh yêu quê hương làng chài ven biển với khung cảnh “trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng”. Trên mặt biển những con thuyền với cánh buồm “giương to như mảnh hồn làng,” “rướn thân trắng” lướt nhẹ ra khơi để ngày hôm sau trên bến ồn ào, tập nập dân làng đón thuyền về đầy ắp cá. Cuộc sống làng chài thật thanh bình, ấm no. Hình ảnh quê hương “nước xanh, cá bạc, buồm vôi, con thuyền” trở thành biểu tượng quê hương trong lòng người xa quê như Tế Hanh.

- Trong *Nói với con*, người cha dặn con nhớ về thiên nhiên núi rừng, quê hương mộng mơ và nhân hậu. “Rừng cho hoa”, cho con những gì quý giá nhất, cho những con đường nối liền mọi miền quê. Quê hương là nơi rất giàu truyền thống, làm nên những phong tục, tập quán đẹp truyền lại muôn đời sau.

b. Tình yêu quê hương, đất nước thể hiện ở tình cảm thiết tha gắn bó với con người của quê hương.

- Trong bài thơ *Quê hương*, Tế Hanh đã nhớ về những chàng trai khỏe mạnh bơi thuyền đi đánh cá mỗi sớm mai, nhớ về dân làng tập nập đón ghe về đầy cá. Những người dân làng chài thân quen, gần gũi “Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng. Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.” Và con thuyền, vật vô tri vô giác cũng trở nên có hồn, một tâm hồn tinh tế “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm. Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.” Không có một tâm hồn tinh tế và tài hoa, nhất là nếu không có tấm lòng gắn bó sâu nặng với con người cùng cuộc sống lao động làng chài quê hương thì không thể có câu thơ xuất thần như vậy.

- Trong *Nói với con*, tình yêu quê hương, nguồn cội được thể hiện một cách sinh động, cụ thể, là niềm tự hào về “người đồng mình”:

+ Tự hào người đồng mình có tâm hồn lãng mạn, hào hoa, giàu chất thơ, giàu tình nghĩa “Đan lò cài nan hoa... những tấm lòng”.

+ Tự hào người đồng mình giàu ý chí, giàu nghị lực “Cao đo nỗi buồn, xa nuôi chí lớn”

+ Tự hào về sức sống mãnh liệt, sự cần cù, tinh thần lạc quan, sự hồn nhiên của người đồng mình “Sống trên đá... không lo cực nhọc”

+ Tự hào về tinh thần tự tôn dân tộc của người đồng mình “Người đồng mình tự đục đá...”

2.2. Nét riêng của mỗi nhà thơ, mỗi bài thơ :

- Cùng viết về đề tài quê hương, mỗi bài thơ đem đến cho người đọc cảm nhận về một vùng quê khác nhau.

+ Đó là hình ảnh của một làng chài ven biển trong thơ Tế Hanh, với những hình ảnh của sông nước “Nước vây quanh cách biển nửa ngày sông”, đó là hình ảnh của mái chèo, cánh buồm, bến sông, là những con cá tươi ngon thân bạc trắng. Con người làng chài cũng có nét riêng “Dân trai tráng bơi thuyền...”, “Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng. Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” đậm chất khoẻ khoắn của người vùng biển.

+ Với *Nói với con* của Y Phương, đó lại là hình ảnh của núi rừng với cỏ cây, hoa lá, với những con đường mòn, núi cao vách đá...Đó còn là hình ảnh những người dân miền núi với vẻ đẹp tâm hồn mộc mạc, chất phác nhưng cũng lãng mạn hào hoa, đầy nghị lực và lòng tự tôn dân tộc.

- Ngôn ngữ, nghệ thuật diễn đạt khác nhau:

+ Cùng là bài thơ trữ tình, *Quê hương* của Tế Hanh, phương thức biểu đạt chủ yếu là biểu cảm nhưng phần lớn số câu thơ lại là miêu tả. Miêu tả phục vụ cho biểu cảm, ngòi bút miêu tả thấm đậm cảm xúc chủ quan. Bài thơ có những so sánh đẹp, bay bổng, nhân hóa độc đáo như thổi linh hồn vào sự vật.

+ Trong *Nói với con*, cách diễn tả tình cảm và suy nghĩ bằng hình ảnh mang đậm màu sắc miền núi. Lời thơ cụ thể, mộc mạc mà khái quát, giọng điệu thiết tha trù mến.

2.3. Đánh giá:

- Đây là hai bài thơ thành công về đề tài quê hương đất nước thể hiện tình yêu quê hương giản dị mà sâu nặng, nhỏ bé mà lớn lao, chân thật mà tinh tế của hai tác giả. Cùng một đề tài, cùng một cảm xúc nhưng mỗi bài thơ lại in đậm dấu ấn riêng của từng nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật.

- Quê hương chính là điểm tựa tinh thần, là động lực cho mỗi con người vượt mọi khó khăn, gian khổ để dựng xây quê hương ngày càng tươi đẹp...

- Liên hệ tình yêu quê hương đất nước của học sinh hiện nay.

3/ Kết bài: khẳng định tình yêu quê hương của hai tác giả.

ĐỀ SỐ 59

Viết về mẹ, Chế Lan Viên gửi gắm:

*“Con dù lớn vẫn là con của mẹ,
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con”.*

(Con cò)

Nguyễn Duy tâm sự:

*“Ta đi trọn kiếp con người
Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru”*

(Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa).

Nguyễn Khoa Điềm cũng đã từng tự bạch:

*“Và chúng tôi một thứ quả trên đời.
Bảy mươi tuổi mẹ đợi chờ được hái
Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh”.*

(Mẹ và quả)

Nhưng B.Babbles lại nói: *“Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết”.*

Cảm nhận của em về người mẹ qua các ý kiến trên? Từ đó, trình bày những suy nghĩ của em về vai trò của người mẹ.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lời văn trong sáng; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

II/ Yêu cầu kiến thức

- Thấy được sự thể hiện phong phú về vai trò của người mẹ qua các ý thơ và nhận định.
- Thấy được vai trò quan trọng của người mẹ trong cuộc đời mỗi con người.

Yêu cầu cụ thể:

HS có thể có nhiều cách triển khai bài làm, nhưng cuối cùng hướng tới các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề:

- Vai trò của người mẹ qua các ý thơ và nhận định.
- Thấy được vai trò quan trọng của người mẹ trong cuộc đời mỗi con người.

2/ Thân bài:

2.1. Trình bày được cảm nhận về giá trị nội dung, nghệ thuật của các dẫn chứng đã nêu trong đề bài

a/Câu thơ của Chế Lan Viên:

- Điệp từ ngữ cặp hình ảnh "mẹ, con" "vẫn", lời thơ lục bát mang âm hưởng lời ru, chất triết lý nhưng trữ tình thiết tha...
- Hai câu thơ ngắn vừa thể hiện cảm xúc về tình mẹ của nhà thơ vừa thể hiện sự trải nghiệm để rút ra quy luật tình cảm của muôn đời con luôn cần có mẹ, mẹ luôn dõi theo con, mẹ là nguồn sức mạnh đỡ nâng tâm hồn con. Hai câu thơ không chỉ khái quát ý nghĩa của tình mẫu tử giản dị gần gũi, cao cả thiêng liêng, bất diệt mà còn tô đậm tiếng lòng thiết tha của mẹ đối với con, niềm xúc động dâng trào của con đối với mẹ. Sự cảm nhận trải nghiệm của nhà thơ cũng là sự đồng vọng của muôn người trong cuộc đời khi thấu nhận tình yêu bao la của mẹ đối với con bất chấp mọi biến thiên của cuộc đời...

b/ Câu thơ của Nguyễn Duy:

- Câu thơ tài hoa, đặc biệt là ở thể lục bát phẳng phát phong vị ca dao nhưng vẫn mang đậm chất triết lý ở các cặp ý đối nhau "đi trọn kiếp" với "không đi hết", "kiếp con người" với "lời mẹ ru"...

- Vẻ đẹp của hai câu thơ thể hiện ở cảm xúc vừa lắng đọng, vừa thiêng liêng nhưng thật triết lý. "Mấy lời mẹ ru" là biểu tượng cho tình cảm yêu thương vô bờ mà mẹ dành cho con. Cách nói "đi trọn kiếp...vẫn không đi hết..." khẳng định tình mẫu tử là vô cùng thiêng liêng, cao cả; là vô cùng, vô tận, không gì có thể đền đáp hết được.

c/ Câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm:

- Sự sâu sắc của tứ thơ kết hợp với những cách thể hiện và ngôn từ độc đáo tạo nên một chất suy tưởng riêng.

- Hai câu thơ cuối đầy ẩn ý, vừa là sự băn khoăn về trách nhiệm của bản thân, vừa là sự lo lắng về một điều tất yếu: "bàn tay mẹ mỏi" mang nhiều hàm ý. Có lẽ đó là điều đau xót nhất đối với mỗi người con, và càng đau xót hơn khi con vẫn còn là một thứ quả non xanh thì mẹ đã đi xa rồi. Những câu thơ là sự thức tỉnh trong tâm thức nhà thơ và người đọc.

d/ Câu nói của B.Babbles:

- Cách nói ngắn gọn, hàm súc, mang tính triết lý cao.

- Vai trò và cách dạy con đúng đắn của người mẹ để con tự lập trong cuộc sống.

2.2. Khẳng định cách nhìn về người mẹ không mâu thuẫn nhau

- Những lời thơ về hình ảnh người mẹ là lời tự bạch của chủ thể trữ tình (người con), là lời tự thú chân thành và cảm động của đứa con về sự lớn lao của tình mẫu tử trước bước đi lặng lẽ mà cũng thật nghiệt ngã của thời gian. Đồng thời, đây cũng là tiếng lòng, tấm lòng của con hướng về mẹ. Trong tình mẫu tử bao la vĩ đại kia, đứa con nào cũng chỉ là "một thứ quả non xanh" được chở che, nâng niu trong bàn tay mẹ, đứa con nào dù lớn đến đâu cũng "không đi hết mấy lời mẹ ru" "vẫn là con của mẹ"...

- Lời nói của B.Babbles lại nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giáo dục con cái biết sống chủ động, tích cực, không dựa dẫm. Người mẹ luôn dang rộng vòng tay để che chở, yêu thương nhưng cũng cần dạy con không ỷ lại, biết tự đứng và bước đi bằng chính đôi chân của mình, tức là làm cho "chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết"...

2.3. Nêu dẫn chứng chứng minh: Lúc bạn vừa lẫm chẫm tập đi, mẹ buông tay không giữ bạn để mong bạn có thể đi vững hơn. Mẹ luôn là người giúp ta giải quyết khó khăn nhưng

một lúc nào đó chúng ta sẽ phải tự làm lấy. Nếu ta vấp ngã, mẹ sẽ chỉ cho ta những chỗ sai để ta tự đứng lên trên đôi chân của mình. Sau mỗi lần như vậy, chúng ta có thể rút ra nhiều bài học cho bản thân. Để rồi sau này, trên đường đời dài rộng, nhiều chông gai sẽ có nhiều lần ta chùn bước bàn tay mẹ sẽ không chia ra để kéo ta dậy mà đến lúc đó chúng ta sẽ tự biết phải làm thế nào. Ngay trong cuộc sống hàng ngày cũng vậy, từ những việc nhỏ nhất mẹ cũng dạy cho ta làm từ nhỏ để chúng ta quen dần với việc tự lập...

2.4. Mở rộng

- Việc làm để đền đáp công ơn cha mẹ: Muốn giúp mẹ, muốn học cách tự lập...
- Phê phán những biểu hiện, những thái độ, hành vi chưa đúng với đạo lí làm con của một số người trong cuộc sống hiện nay.
- Giá trị của vấn đề trong cuộc sống hiện tại...
- Liên hệ, mở rộng đến những tình cảm gia đình khác.

3/ Kết bài: Kết luận vấn đề: Nhưng dù sao thì tình yêu thương mà mẹ dành cho chúng ta sẽ không bao giờ thay đổi. Một bài học quý giá học được ở Chế Lan Viên, Nguyễn Duy, Nguyễn Khoa Điềm và B. Ba-let.

ĐỀ SỐ 60

Ra-xum Ga-đa-tốp được mệnh danh là nhà thơ của mọi thời đại có dành cho báo *Nước Nga văn học* một cuộc trò chuyện, trong đó bày tỏ sâu sắc suy nghĩ của mình về văn học: “...*Nền tảng của bất kì tác phẩm nào phải là chân lí được khắc họa bằng tất cả tài nghệ của nhà văn. Cần phải hát đúng giai điệu về thời đại mình và phải miêu tả nó một cách trung thực bằng những hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo.*”

(Đọc hiểu văn bản, SGK Ngữ văn 9 – 2005, trang 160)

Em hiểu lời bàn trên như thế nào? Bằng sự hiểu biết của mình về hoàn cảnh lịch sử đất nước, con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, hãy làm sáng tỏ lời bàn ấy qua tác phẩm “*Đồng chí*” của Chính Hữu và “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Đảm bảo một văn bản nghị luận có bố cục rõ ràng, hợp lí; tổ chức sắp xếp hệ thống các ý một cách lôgic, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; chữ viết rõ ràng, cẩn thận; không mắc lỗi dùng từ cơ bản...

- Phải huy động những hiểu biết về văn học, đời sống, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ thái độ, chủ kiến của mình để làm bài.

- Có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng, phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

II. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận:

- Văn học nghệ thuật bao giờ cũng lấy chất liệu từ đời sống hiện thực khách quan. Người nghệ sĩ phải phản ánh hiện thực đó một cách vừa trung thực vừa sáng tạo.

- Dẫn lời nhận xét của Ra-xum Ga-đa-top

- Khái quát hoàn cảnh đất nước Việt Nam nửa cuối thế kỉ XX – đương đầu với TD Pháp và Đế quốc Mỹ. Văn học cách mạng đã hướng ngòi bút vào hiện thực ấy, ca hát về thời đại mình khổ đau mà vô cùng vĩ đại, trong đó có *Đồng chí* của Chính Hữu và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích khái niệm trong nhận định về mối quan hệ giữa cuộc sống - tác giả - tác phẩm

- *Chân lí* là sự phản ánh sự vật hiện tượng của hiện thực vào nhận thức của con người đúng như chúng tồn tại.

- *Văn học* là thư kí của cuộc sống hiện thực, là tấm gương phản chiếu hiện thực thông qua lăng kính chủ quan và sự sáng tạo của người cầm bút. Hiện thực được phản ánh phải trung thực, phù hợp với hoàn cảnh của thời đại: “... *Nền tảng của bất kì tác phẩm nào phải là chân lí được khắc họa bằng tất cả tài nghệ của nhà văn*”.

- Với tài năng của người nghệ sĩ, hiện thực cuộc sống được ghi lại trong tác phẩm bằng những hình ảnh hấp dẫn và sáng tạo để tác phẩm đó sống mãi với thời gian. Vì vậy, văn học thường mang nội dung cụ thể của thời đại mình.

2.2. Chứng minh nhận định của Ga-da-tôp: nền tảng chân lý qua hai tác phẩm **Đồng chí** (Chính Hữu), **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** (Phạm Tiến Duật)

- *Nền tảng chân lý của bài thơ Đồng chí* là hiện thực của đất nước trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp từ 1946 - 1954. Dân tộc ta tiến hành cuộc kháng chiến với bao khó khăn, gian khổ và thiếu thốn. Lực lượng chính là nông dân. Họ sẵn sàng hi sinh tất cả sức người sức của để giành lấy độc lập, tự do. Và bài **Đồng chí** được sáng tác năm 1948, sau chiến dịch Việt Bắc của quân và dân ta đánh thắng cuộc tiến công quy mô lớn của quân Pháp cuối năm 1947 lên khu căn cứ địa Việt Bắc. Chính Hữu – một nhà thơ, một người chiến sĩ lúc đó là chính trị viên đại đội thuộc trung đoàn Thủ đô, cùng đơn vị của mình tham gia chiến đấu suốt chiến dịch. Bài thơ ra đời là kết quả của những trải nghiệm thực và những cảm xúc sâu xa, mạnh mẽ của tác giả với những người đồng đội trong chiến dịch Việt Bắc.

- *Nền tảng chân lý của Bài thơ về tiểu đội xe không kính* là hiện thực của đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ năm 1954 đến 1975. Miền Bắc vừa xây dựng đất nước, vừa làm hậu phương vững chắc cho miền Nam. Giặc Mỹ đã gây ra cuộc chiến tranh hủy diệt, tàn khốc với dân tộc Việt Nam. Song cả dân tộc với tinh thần độc lập, tự do đã đoàn kết đứng dậy đấu tranh, quyết đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào. Đặc biệt là tinh thần của lớp thanh niên quyết “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” (Tố Hữu). Phạm Tiến Duật cũng là một nhà thơ - chiến sĩ có mặt trong đội ngũ trùng trùng điệp điệp ấy. Ông đã sáng tác **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** năm 1969, khi ông trực tiếp ngồi trên những chiếc xe không kính “hở hông hốc” (lời tác giả) cùng đoàn xe tiến thẳng vào miền Nam qua tuyến đường Trường Sơn.

=> Hai bài thơ đã phản ánh trung thành hiện thực chiến tranh của đất nước: khổ đau mà vĩ đại, bi tráng mà hào hùng. Khẳng định chân lý bất biến của dân tộc: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do!*” (Hồ Chí Minh)

2.3. Giai điệu về thời đại được phản ánh một cách chân thực, sinh động, hấp dẫn qua hai thi phẩm

- Bài thơ **Đồng chí** của Chính Hữu:

+ Giai điệu về thời đại được nhà thơ Chính Hữu khai thác từ hiện thực của cuộc chiến đấu đầy khó khăn gian khổ, hi sinh của người lính trong buổi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Hệ thống hình ảnh trong bài thơ từ hiện thực đó đi vào tác phẩm không hề tô vẽ. Cũng nhờ vậy mà vẻ đẹp đồng chí được tỏa sáng.

+ Đồng chí- họ là những người lính nông dân từ những vùng quê nghèo khó hội tụ về thành đồng chí đồng đội, đồng chí hướng, đồng nhiệm vụ cầm súng bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc. Buổi đầu xa lạ dễ rời thành “*tri kỉ*”, thành “*đồng chí*”, “*thương nhau tay nắm lấy bàn tay*” vượt lên tất cả.

+ Họ cùng chung cuộc sống gian nan, thiếu thốn: “*sốt run người vàng trán ướt mồ hôi*”, “*áo rách*”, “*quần vá*”, “*miệng cười buốt giá*”, “*chân không giày*”, “*rừng hoang sương muối*”.

+ Gian nan, thiếu thốn, hi sinh nhưng lí tưởng của người lính vô cùng cao đẹp. Đó là lí tưởng chiến đấu bảo vệ đất nước. Vẻ đẹp chân thực nhưng cũng rất hào hoa của người lính được nhà thơ thể hiện bằng hình ảnh nghệ thuật đầy sáng tạo: “*Đầu súng trăng treo*”. Bút pháp lãng mạn bay bổng ở hình ảnh kết thúc của bài thơ để lại ấn tượng, dư ba trong tâm hồn người đọc.

=> Hình ảnh người lính thể hiện lên chân thực, giản dị, gắn bó keo sơn trong mọi hoàn cảnh. Vất vả, gian nan nhưng họ vẫn lạc quan, vẫn tin ở thắng lợi cuối cùng. Bài thơ **Đồng chí** trở thành biểu tượng cho thơ ca kháng chiến chống Pháp.

- Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật

+ Giai điệu về thời đại được nhà thơ khai thác từ hiện thực những chiếc xe không kính và người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Giặc Mĩ bắn phá miền Bắc ác liệt với âm mưu hủy diệt, chặn đứng con đường huyết mạch nối liền hai miền Nam - Bắc. Dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù, những chiếc xe vận tải tiếp sức cho tiền tuyến đã bị biến dạng: không kính, không đèn, không mui... Song chẳng kẻ thù nào ngăn nổi bước ta đi, những chiếc xe vẫn ngày đêm băng qua bom đạn tiến thẳng ra mặt trận, đã trở thành biểu tượng của một dân tộc anh hùng, phản ánh đúng tính chất khốc liệt của cuộc chiến. Hình ảnh thơ trần trụi nhưng lại là hình ảnh độc đáo, đầy sáng tạo của nhà thơ. Nhờ đó mà bài thơ đã được lưu truyền rộng rãi trong công chúng, được nhiều người ưa thích.

+ Song cái giai điệu về thời đại mà nhà thơ Phạm Tiến Duật muốn ca hát, đó là vẻ đẹp hình tượng người chiến sĩ lái xe. Với tư thế ung dung, tinh thần lạc quan, yêu đời, thái độ coi thường hiểm nguy, thử thách, trẻ trung hồn nhiên, âm áp tinh thần đồng đội, ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam của người lính trẻ, nhà thơ đã tạc nên chân dung người lính - tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mĩ: bất khuất, kiên cường, kiêu hùng và lãng mạn.

=> Bài thơ vừa mang thanh khí của thời đại, vừa mang tầm vóc lịch sử. Đó là tiếng nói của cuộc sống hiện thực hào hùng, oanh liệt thời chống Mĩ. Nó là biểu tượng anh hùng tuyệt vời về người lính Trường Sơn. Bài thơ góp phần làm sống mãi hình ảnh thế hệ thanh niên thời đại Hồ Chí Minh gian khổ mà oanh liệt, “*Vang tự hào giữa thế kỉ hai mươi*” (Tố Hữu)

3/ Kết bài:

- Hai bài thơ là hai giai điệu minh chứng cho thực tế lịch sử; là bài ca ca ngợi về người lính giúp thế hệ sau thấy được thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ gian khổ, hi sinh nhưng rất anh hùng.

- Bằng tài năng, tâm huyết và sự sáng tạo, Chính Hữu và Phạm Tiến Duật đã góp mặt vào thơ ca kháng chiến hai thi phẩm - hai bài ca sống mãi với thời gian làm rung động lòng người. Vẻ đẹp của nó đã chứng minh cho nhận định của Ra-xum Ga-đa-tốp là hoàn toàn đúng đắn: *“hát đúng giai điệu về thời đại của mình”* và *“miêu tả một cách trung thực bằng hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo”*

ĐỀ SỐ 61

Tình yêu con qua những điều mong ước của mẹ, cha trong hai đoạn thơ:

- “ ...Mai khôn lớn, con theo cò đi học,

Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân.

Lớn lên, lớn lên, lớn lên...

Con làm gì?

Con làm thi sĩ!

Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ

Trước hiên nhà

Và trong hơi mát câu văn...”

(“Con cò” - Chế Lan Viên)

- “ ...Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc

Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục...”

(“**Nói với con**” - Y Phương)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Bài làm có bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài hoàn chỉnh, mạch lạc. Hệ thống các luận điểm, luận cứ rõ ràng, chặt chẽ.
- Biết vận dụng linh hoạt các phép lập luận đã học.
- Diễn đạt trong sáng, giàu cảm xúc.
- Không mắc lỗi về câu, từ, chính tả.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Bài làm có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu khái quát hai bài thơ.

- Dẫn hai đoạn thơ và nêu những điểm gặp gỡ của hai đoạn thơ đó.

2/ Thân bài:

*** Những điểm gặp gỡ:**

Sự quan tâm, tình yêu con được thể hiện qua những điều ước:

- + Ước con nên người.
- + Ước con có một tâm hồn tốt đẹp.
- + Ước con trưởng thành, sống có ích, sống hiên ngang với tình yêu và lòng tự hào về quê hương, cội nguồn, nói rộng hơn là với tổ quốc.

*** Sự khác biệt:**

- Ở đoạn thơ bài “Con cò”:

- + Người mẹ bên nôi muốn con lớn lên đến trường có tình mẹ, có quê hương nâng bước chân con thanh thoi tới cuộc đời tốt đẹp.

+ Ước con thành thi sĩ - thành người suốt đời ngợi ca quê hương, ngợi ca tình mẹ. Một cuộc đời ý nghĩa làm sao.

- Ở bài thơ “Nói với con”:

+ Người cha ước mơ con mình lớn lên dù hoàn cảnh sống có tốt hơn, cuộc đời no ấm hơn vẫn không quên lãng nguồn cội của mình, nghĩa tình thủy chung với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí, niềm tin của mình.

+ Ước mơ con có một nhân cách cao đẹp, một sức sống dào dạt vô tận, hồn nhiên, trẻ trung, khoáng đạt, mạnh mẽ *như sông, như suối*, biết hiến dâng cho Đất Mẹ muôn đời.

+ Ước mơ con biết ngẩng cao đầu luôn tự hào về con người quê hương của mình với phẩm chất cần cù, yêu lao động đã xác lập một bản sắc văn hóa đáng tự hào: “làm phong tục”.

- Với thể thơ tự do, âm điệu tha thiết trù mên, nhiều hình ảnh hàm súc, hai đoạn thơ thể hiện một truyền thống tình cảm tốt đẹp của dân tộc: Tình yêu, sự quan tâm sâu sắc đối với trẻ thơ qua những mong ước của mẹ, cha: ước mong con trưởng thành, có nhân cách cao đẹp, có tình yêu và lòng tự hào về quê hương.

3/ Kết bài : Kết luận vấn đề.

ĐỀ SỐ 62

“Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung tư tưởng, cảm xúc mà còn đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ.”
(Ngữ văn 9, tập 2, trang 200, NXB GD, 2004)

Em hãy làm sáng rõ nhận định trên qua tác phẩm Ánh trăng của Nguyễn Duy.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lời văn trong sáng; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo những nội dung sau:

1/ Mở bài: Dẫn dắt từ mối quan hệ giữa văn học và đời sống, trích dẫn nhận định và giới hạn qua tác phẩm Ánh trăng của Nguyễn Duy.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định.

- Khái niệm thơ hiện đại: được xác định từ đầu thế kỷ XX khi văn học tiếp thu, chịu ảnh hưởng của các trào lưu văn học phương Tây và ánh sáng cách mạng của Đảng soi đường. Đặc biệt, sau năm 1975 đất nước hoàn toàn thống nhất, thơ ca nói riêng và văn học nói chung có sự giao lưu, tiếp xúc, hội nhập với nền văn học thế giới.

Xã hội, con người, tư tưởng thay đổi theo thời đại. Việc phản ánh tâm tư, tình cảm mới đòi hỏi văn học, thơ ca hiện đại cũng phải thay đổi để phù hợp với sự tinh tế, nhạy cảm và phong phú đa dạng trong đời sống tinh thần của thế hệ, con người Việt Nam.

2.2. Chứng minh qua bài thơ Ánh trăng.

a. Hoàn cảnh ra đời của bài thơ:

Bài thơ được viết năm 1978, đất nước Việt Nam bước sang trang mới sau chiến thắng huy hoàng trong công cuộc bảo vệ đất nước. Bắc Nam sum họp một nhà. Ba năm trôi qua, con người Việt Nam vẫn ở trong trạng thái hưởng niềm vui chiến thắng nên nhiều khi quên mất quá khứ gần bó, vất vả đau thương. Và nhiều khi chợt nhận ra sự vô tình lãng quên của mình... “Ánh trăng” thể hiện những trăn trở, suy ngẫm của nhà thơ và xu hướng đổi mới của thơ ca Việt Nam hiện đại. Ánh trăng, một bài thơ nhỏ - một bài học lớn.

b. Bài thơ Ánh trăng thể hiện cái mới về nội dung, tư tưởng, cảm xúc.

- Bài thơ phản ánh tâm trạng của người chiến sĩ - một lớp người rất đông trong xã hội vừa trải qua giai đoạn chiến tranh ác liệt. Trong niềm vui hân hoan chiến thắng, cuộc sống hiện đại vẫn minh đôi khi con người đã lãng quên quá khứ của mình, lãng quên quá khứ vất vả đau thương của dân tộc. Dòng cảm xúc đó được thể hiện theo thời gian từ quá khứ đến hiện tại và nâng lên thành suy ngẫm mang tính triết lý.

- Kỷ niệm gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị hiền hậu trong quá khứ hiện về trong hai thời điểm của nhân vật trữ tình: thời thơ ấu và thời chiến tranh. Dù ở đâu trên quê hương, đồng, sông, rừng bể người lính vẫn gắn bó với ánh trăng với thiên nhiên như người bạn tri kỉ. Sự gắn bó ân tình, thủy chung ấy khiến con người nghĩ rằng cả cuộc đời sẽ không bao giờ quên người bạn tình nghĩa.

- Đạo lí sống nghĩa tình và thủy chung với quá khứ đã bị quên lãng một cách vô tình bởi hoàn cảnh sống hiện tại. Nơi đô thị, con người làm quen với tiện nghi hiện đại, văn minh “ánh điện, cửa gương” nên cứ vô tình quên lãng vầng trăng tri kỉ. Đêm nào trăng cũng sáng trên đầu nhưng bị mờ đi bởi ánh điện rực rỡ. Vô tình trăng và người cứ dừng dừng như người xa lạ, chưa hề quen biết với nhau dù trước đây là tri âm, tri kỉ.

- Một tình huống giản dị bình thường trong cuộc sống đã khiến nhân vật trữ tình tỉnh ngộ nhận ra sự thay đổi bội bạc đáng lên án đó của mình - thành phố mất điện. Giây phút ngắn ngủi bất ngờ nhưng thực sự có ý nghĩa như một bước ngoặt trong dòng tư tưởng của con người để giúp họ thay đổi.

- Việc đối diện với vầng trăng - người bạn tri kỷ đã giúp người lính nhớ về kỷ niệm xưa gắn bó, tươi đẹp và rồi ân hận, xúc động xôn xang. Nỗi ân hận được thể hiện trong dòng nước mắt rung rung, nhẹ nhàng xót xa. Chính mình đã đổi thay và bản thân không thể chấp nhận được.

- Con người suy ngẫm về mối quan hệ của trăng với mình và giạt mình, bừng tỉnh, xót xa... Dù thời gian qua đi, dù đất trời thay đổi, trăng vẫn nguyên vẹn, tình nghĩa thủy chung với con người, không hề trách cứ con người đã đổi thay. Trăng vẫn vị tha, nhân hậu tỏa sáng cho con người. Sự cao thượng của vầng trăng khiến con người thức tỉnh lối sống về đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc để sống tốt hơn, người hơn.

=> Ánh trăng không chỉ là chuyện của riêng nhà thơ, chuyện của một người mà có ý nghĩa với cả một thế hệ. Hơn thế, bài thơ còn có ý nghĩa với nhiều người, nhiều thời bởi tác phẩm đặt ra vấn đề thái độ đối với quá khứ, với những người đã khuất và đối với chính mình.

2.3. Bài thơ Ánh trăng thể hiện những đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ.

- Bài thơ như một câu chuyện riêng, có sự kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa tự sự và trữ tình.

- Giọng điệu tâm tình với nhịp thơ khi trôi chảy tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi ngân nga thiết tha cảm xúc (khổ 5), lúc lại trầm lắng biểu hiện suy tư (khổ cuối).

Kết cấu, giọng điệu của bài thơ có tác dụng làm nổi bật chủ đề, tạo nên tính chân thực, chân thành, sức truyền cảm sâu sắc cho tác phẩm, gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc.

- Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc. Đặc biệt hình ảnh ánh trăng là hình tượng đa nghĩa, vừa cụ thể vừa khái quát mang ý nghĩa triết lí sâu sắc.

- Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng sáng tạo. Mỗi khổ chỉ viết hoa chữ cái đầu dòng thứ nhất. Tác phẩm chỉ có một dấu chấm ở câu thơ cuối. Nghệ thuật viết câu, đặt câu, sử dụng dấu chấm câu đã diễn tả mạch cảm xúc dạt dào tuôn chảy liên mạch trong một tình huống bất ngờ, giản dị đời thường.

2.4.Đánh giá chung.

Ánh trăng của Nguyễn Duy là một sáng tác thể hiện rõ nét tinh thần đổi mới của thơ ca hiện đại. Đề tài trăng, thể thơ ngũ ngôn là nét truyền thống của Đường thi song bài thơ thể hiện cái mới trong việc phản ánh nội dung câu chuyện nhỏ của người chiến sĩ vừa trải qua chiến tranh, sống trong hòa bình, hiện đại. Ánh trăng mang vẻ đẹp hình tượng thiên nhiên, đồng thời cũng là biểu tượng của quá khứ - nhân dân, đất nước trong quá khứ và hiện tại, mãi mãi vẹn nguyên, vĩnh hằng, bất biến, thủy chung, nghĩa tình, bao dung, độ lượng. Con người hãy biết sống ân tình, thủy chung với quá khứ. Tác phẩm như lời giáo huấn đạo đức nhẹ nhàng nhưng rất sâu sắc. Ánh trăng là bài thơ của những phút giật mình, giật mình để thức tỉnh, để sống nhân văn hơn.

Từ những đổi mới và sáng tạo của bài thơ Ánh trăng trên hai phương diện nội dung, tư tưởng và hình thức nghệ thuật bình luận về mối quan hệ giữa cuộc sống - tác giả - tác phẩm: Nền tảng của bất kì tác phẩm nào phải là chân lí được khắc họa bằng tất cả tài nghệ của nhà văn. Cần phải hát đúng giai điệu về thời đại mình và phải miêu tả nó một cách trung thực bằng những hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo.

3/ Kết bài: Kết thúc vấn đề: Mối quan hệ giữa văn học và đời sống thông qua tác phẩm.

Có nhận định rằng: *"Từ những suy ngẫm của người cháu, bài thơ biểu hiện một triết lí sâu sắc: Những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng bước con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà, cha mẹ, từ những gì gần gũi và bình dị nhất"*. Qua bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt. Em hãy làm sáng rõ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI:

I. Yêu cầu về hình thức:

Trình bày rõ ràng, diễn đạt tốt, văn viết trong sáng, có cảm xúc. Biết cách làm bài văn nghị luận có bố cục hợp lí, bố cục chặt chẽ.

II. Yêu cầu về nội dung: Làm rõ được các yêu cầu cơ bản sau:

1/ **Mở bài** -Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh sáng tác.
- Nêu ngắn gọn hình ảnh trong bài thơ và nhận định nêu ở đề bài.

2/ Thân bài

2.1.Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng, cảm xúc về bà:

- Ba tiếng *"một bếp lửa"* được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh *"bếp lửa"* như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ. (Trích thơ dẫn chứng)

- Bếp lửa *"chờn vờn sương sớm"* là hình ảnh quen thuộc đối với mỗi gia đình Việt Nam trước đây mỗi buổi sớm mai. Hình ảnh bếp lửa thật ấm áp giữa cái lạnh chờn vờn *"sương sớm"*, thật thân thương với bao tình cảm *"ấp iu nồng đượm"*.

- Từ láy *"chờn vờn"* rất thực như gợi nhớ, gợi thương đến dáng hình bập bùng, chập chờn của ngọn lửa trong kí ức.

- Từ láy *"ấp iu"* gợi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng của người nhóm lửa, lại rất chính xác với công việc nhóm bếp cụ thể.

- Rất tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy tình yêu thương: Tình thương tràn đầy của cháu được bộc lộ một cách trực tiếp và giản dị. Đằng sau sự giản dị ấy là cả một tấm lòng, một sự thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của bà.

2.2.Kỉ niệm tuổi thơ bên cạnh bà là cuộc sống có nhiều gian khổ:

- Cái đói cơ hồ đã ám ảnh trong văn chương Việt Nam một thời, đói đến nỗi phải ăn đất sét (trong văn Ngô Tất Tố), những trăn trở về miếng ăn luôn dẫn vật trang viết của Nam Cao...
- *“Đói mòn đói mỏi”, “khô rạc ngựa gầy”*- những chi tiết thơ đậm chất hiện thực đã tái hiện lại hình ảnh xóm làng xơ xác, tiêu điều cùng những con người vật lộn mưu sinh. Trải qua cái đói quay, đói quắt Bằng Việt mới viết được những câu thơ chân thực đến thế!
- Ấn tượng nhất đối với cháu trong những năm đói khổ là mùi khói bếp của bà mùi khói đã hun nhèm mắt cháu để đến bây giờ nghĩ lại “sống mũi còn cay”.

2.3.Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt tám năm bên bà:

- *“Tám năm ròng cháu sống cùng bà”* – tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở, dưỡng nuôi tâm hồn từ tấm lòng của bà, cháu sống cùng bà vất vả, khó khăn nhưng đầy tình yêu thương (dẫn chứng)
- Kháng chiến bùng nổ, *“Mẹ cùng cha công tác bận không về”*, bà vừa là cha, lại vừa là mẹ. Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế để nhắc nhở cháu về truyền thống gia đình, về những đau thương mất mát và cả những chiến công của dân tộc. Bà luôn bên cháu, dạy dỗ, chăm sóc cho cháu lớn lên.
- Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà lại gợi thêm một kỉ niệm tuổi thơ – kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về (dẫn chứng)
- Tiếng chim tu hú bước vào thơ Bằng Việt như một chi tiết để gợi nhắc nhà thơ về những kỉ niệm ấu thơ được sống bên bà. Tiếng chim như giục giã, như khắc khoải một điều gì da diết khiến lòng người trôi dạt những hòa niệm, nhớ mong.
- Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến cả bài thơ nhuốm màu bằng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong chuyện cổ tích.

2.4.Động lại trong kỉ niệm của người cháu là:

- Chi tiết thơ đậm chất hiện thực, thành ngữ “cháy tàn cháy rụi” đem đến cảm nhận về hình

ảnh làng quê hoang tàn trong khói lửa của chiến tranh. Đặc biệt là lời dặn cháu của bà đã làm ngời sáng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ giàu lòng vị tha, giàu đức hi sinh (dẫn chứng).

- Bà là chỗ dựa cho cháu, là điểm tựa cho các con đang chiến đấu mà còn là hậu phương vững chắc cho cả tiền tuyến, góp phần vào cuộc kháng chiến chung của dân tộc. Tình cảm bà cháu hòa quyện trong tình yêu quê hương, Tổ quốc. (dẫn chứng)

- Hình ảnh bà và những kỷ niệm tuổi thơ luôn gắn với hình ảnh bếp lửa. Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, tác giả chuyển thành hình ảnh ngọn lửa trong lòng bà. Ngọn lửa là kỉ niệm ấm lòng, là niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu (dẫn chứng)

- Cùng với hình tượng “ngọn lửa”, các từ ngữ chỉ thời gian: “rồi sớm rồi chiều”, các động từ “nhen”, “ủ sẵn”, “chứa” đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời chiến. Điệp ngữ - ẩn dụ “một ngọn lửa” cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào (dẫn chứng)

=> Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, bài thơ đã gọi đến ngọn lửa với ý nghĩa trừu tượng, khái quát. Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

2.5.Suy ngẫm của người cháu về bà và hình ảnh bếp lửa:

- Nếu từ đầu bài thơ, hình ảnh bà và bếp lửa song hành thì đến đây hoà vào làm một, nhòe lẫn, tỏa sáng bên nhau.

- Cụm từ chỉ thời gian “đời bà”, “Mấy chục năm”, từ láy tượng hình “lặn đận”, hình ảnh ẩn dụ “nắng mưa” -> diễn tả cảm nhận của nhà thơ về cuộc đời gian nan, vất vả và sự tàn tảo, đức hi sinh, chịu thương, chịu khó của bà.

- Suốt cuộc đời, bà luôn chăm chút cho cháu cả về vật chất và tinh thần để cháu lớn lên. Bà là người nhóm lửa, cũng là người luôn giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng, tỏa sáng trong gia đình.

- Điệp ngữ “nhóm” được nhắc lại bốn lần với những ý nghĩa phong phú, gợi nhiều liên tưởng. Từ hành động, bà đã nhóm dậy những gì thiêng liêng, cao quý nhất của con người. Bà nhóm bếp lửa mỗi sớm mai là nhóm lên -> Nhờ ngọn lửa mà bà “ủ”, bà “nhen”, bà

“giữ”, cháu biết cách sống ân nghĩa, thủy chung, biết mở lòng ra với mọi người xung quanh, biết sẻ chia, gắn bó với xóm làng

- Trong tâm trí nhà thơ, bếp lửa và bà tuy bình dị nhưng ẩn giấu điều cao quý thiêng liêng. Cảm xúc dâng trào, tác giả đã phải thốt lên: “Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”. Hình ảnh bà và hình ảnh bếp lửa sáng đẹp lung linh trong tâm hồn nhà thơ

2.6. Nỗi nhớ bà, nhớ quê hương khôn nguôi, da diết:

- Điệp từ “trăm” mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ. Tuổi thơ đã lùi xa, cháu giờ đã lớn khôn, đã được chắp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có “khói trăm tàu”, “lửa trăm nhà”, “niềm vui trăm ngả”. Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau.

3/ Kết bài

- Khái quát nội dung ý nghĩa bài thơ
- Khẳng định lại nhận định và nêu được cảm nghĩ của mình về tình cảm gia đình đặc biệt là tình bà cháu.

ĐỀ SỐ 64

“Dù viết về cái gì, văn chương chân chính cũng hướng về con người. Viết về cái xấu để cảnh tỉnh con người, để báo động giúp con người sống với bản lĩnh tốt đẹp của mình. Viết về cái tốt để con người tự tin ở mình và đó chính là hành trang cần có ở con người trong cuộc hành trình tới tương lai.”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kỹ năng

- Biết viết một bài văn nghị luận văn học kết hợp nhiều thao tác lập luận.
- Bố cục rõ ràng, kết cấu bài viết chặt chẽ, dùng từ đặt câu đúng, diễn đạt trong sáng và giàu sức biểu cảm.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

1. Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề:

- Văn học là bức tranh về đời sống xã hội và con người. Văn học viết ra để phục vụ con người.

- Dẫn dắt vấn đề nghị luận

2. Thân bài:

2.1. Giải thích

- Thế nào là văn chương chân chính?

+ Văn chương chân chính là văn chương gần gũi, chuyên chú ở con người, phục vụ đời sống, có ích cho con người.

- Vì sao viết cái xấu, cái tốt đều nhằm hướng về con người...?

+ Văn chương là tấm gương phản chiếu hiện thực của cuộc sống nên nó phản ánh cả những điều xấu và điều tốt của hiện thực.

+ Viết về cái xấu với mục đích cảnh tỉnh, giúp con người nhận ra cái đúng – sai, tốt – xấu... để cải tạo con người.

+ Viết về cái tốt nhằm để ngợi ca, động viên khích lệ,...con người.

-> Đó là chức năng cao đẹp của văn chương.

2.2. Chứng minh qua bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy. Viết về cái gì thì thứ văn chương chân chính cũng hướng về con người.

- “Ánh trăng” của Nguyễn Duy mượn cảm hứng đề tài truyền thống của thơ ca từ cổ chí kim là vầng trăng. Bài thơ không chỉ thể hiện cảm xúc về vầng trăng đẹp mà qua đó còn hướng người đọc đến bài học nhân sinh.

- Viết về cái xấu để cảnh tỉnh con người, để báo động giúp con người sống với bản chất tốt đẹp của mình.

- “Ánh trăng” viết về sự đổi thay bội bạc của con người với quá khứ. Quá khứ đó là sự gắn bó nghĩa tình với thiên nhiên, nhân dân, đất nước trong những năm tháng gian lao của chiến tranh.

- Từ nhỏ đến lúc trưởng thành, trong khó khăn gian khổ con người gắn bó với ánh trăng như tri kỉ, tri âm. Vậy mà khi hoà bình với đầy đủ tiện nghi ở thành phố, con người đã vô tình quên lãng vầng trăng, thay đổi tới mức coi người tri kỉ như người dưng xa lạ, lãng quên quá khứ, quay lưng lại với nhân dân với những người đã đùm bọc sẻ chia trong những năm chiến tranh gian khổ. Đó là cái xấu đáng lên án của con người.

- Viết về cái tốt để con người tự tin ở mình, đó chính là hành trang để con người hướng tới tương lai.

- Bản tính tốt đẹp của nhân vật trong tác phẩm là dám nhìn thẳng vào sự thật, thấy cái xấu của mình để sửa chữa và sống tốt hơn.

- Người chiến sĩ trong “Ánh trăng” đã ân hận “rưng rưng”, “giật mình” bởi thái độ sống bạc nghĩa vừa qua của mình. Đó là giọt nước mắt hướng thiện.

3. Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 65

“Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp”. Hãy khám phá “xứ sở của cái đẹp” qua văn bản: “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long (sách giáo khoa Ngữ văn 9- tập 1).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Về kĩ năng

- Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận.

- Bố cục hợp lý chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

II. Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến

- “*nhà văn chân chính*”: là nhà văn luôn đặt cái đích vào con người, cuộc sống, đem ngòi bút của mình phục vụ đời sống, có ích cho con người.

- “*xứ sở của cái đẹp*”: đó là cái đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời mà nhà văn phản ánh trong tác phẩm, gợi những rung cảm thẩm mỹ, làm cho con người thêm mến yêu cuộc sống, thêm khao khát hướng tới những gì đẹp đẽ, tốt lành của cuộc đời.

->Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường cho bạn đọc khám phá những vẻ đẹp của cuộc sống thông qua các sáng tác văn học. Nhận định trên đã khẳng định về vai trò của nhà văn và tác phẩm với đời sống.

2.2. “*Xứ sở của cái đẹp*” trong văn bản: **Lặng lẽ Sa Pa**

a. Cảnh sắc thiên nhiên Sa Pa:

- Nắng đốt cháy rừng cây, mạ bạc con đèo.....

- Cây hoa tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng.

-Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luôn cả vào gầm xe.

=> Vài nét chấm phá điểm xuyết, nghệ thuật nhân hóa, so sánh

->Tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng, hữu tình. Miêu tả bức tranh thiên nhiên bằng ngôn ngữ trong sáng, mỗi chữ, mỗi câu như có đường nét, hình khối, sắc màu. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu mang âm hưởng một bài thơ về thiên nhiên đất nước.

b. Vẻ đẹp con người:

b.1. Nhân vật anh thanh niên:

****Hoàn cảnh sống và làm việc:***

-Lật từng trang văn của Nguyễn Thành Long, ta thấy anh thanh niên 27 tuổi sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ.

- Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu . Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng,tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu”. Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. “Nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ ốp thì cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm việc”.

- Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn...là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức “thèm người”, phải lặn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để được gặp gỡ, trò chuyện.

- Và anh đã vượt qua hoàn cảnh bằng những suy nghĩ rất đẹp,gian dị mà sâu sắc

****Vẻ đẹp trong tính cách người thanh niên.***

- Anh hiểu rằng, công việc mình làm tuy nhỏ bé nhưng liên quan đến công việc chung của đất nước, của mọi người.

- Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát,thúc giục anh vẫn luôn tự giác, tận tụy. Suốt mấy năm ròng rã ghi và báo “ốp”đúng giờ.

- Phải ghi và báo về nhà trong mưa tuyết lạnh cóng, gió lớn và đêm tối lúc 1h sáng, anh vẫn không ngần ngại.

-Và anh đã sống thật hạnh phúc khi được biết do kịp thời phát hiện đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta trên bầu trời Hàm Rồng.

- Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào. Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống. Hãy nghe anh tâm sự với ông họa sĩ: “[...] khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”. Qua lời anh kể và lời bộc bạch này, ta hiểu rằng anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thâm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ.

****Anh biết tạo ra một cuộc sống nền nếp văn minh và thơ mộng:***

- Sống một mình trên đỉnh núi cao, anh đã chủ động sắp xếp cho mình một cuộc sống ngăn nắp: “một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”. Cuộc sống riêng của anh “thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách”.

- Ngoài công việc, anh còn trồng hoa, nuôi gà, làm cho cuộc sống của mình thêm thi vị, phong phú về vật chất và tinh thần.

- Cuộc sống của anh không cô đơn, buồn tẻ vì anh có một nguồn vui đó là đọc sách. Anh coi sách như một người bạn để trò chuyện, để thanh lọc tâm hồn. Sách là nhịp cầu kết nối với thế giới nhộn nhịp bên ngoài. (khi bác lái xe đưa gói sách cho anh, anh “mừng quýnh” như bắt được vàng)

****Sự chân thành, cởi mở và lòng hiếu khách:***

Sống trong hoàn cảnh như thế sẽ có người dần thu mình lại trong nỗi cô đơn. Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi “thèm người”, lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo.

Biểu hiện:

- Tình thân với bác lái xe, thái độ ân cần chu đáo, tặng củ tam thất cho vợ bác vừa mới ốm dậy.

- Vui sướng cuống cuống khi có khách đến thăm nhà.

- Anh đón tiếp khách nồng nhiệt, ân cần chu đáo: hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người con gái chưa hề quen biết: “Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy”, pha nước chè cho ông họa sĩ.

-Anh trò chuyện cởi mở với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc, cuộc sống của mình, của bạn bè nơi Sa Pa lặng lẽ.

-Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

-Lưu luyến với khách khi chia tay, xúc động đến nỗi phải “quay mặt đi” và ấn vào tay ông họa sĩ già cái làn trứng làm quà, không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ “ốp”

-> Tất cả không chỉ chứng tỏ tâm lòng hiếu khách của người thanh niên mà còn thể hiện sự cởi mở, chân thành, nhiệt tình đáng quý.

***Sự khiêm tốn,thành thật:**

- Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé, anh vẫn còn thua ông bố vì chưa được đi bộ đội, trực tiếp ra chiến trường đánh giặc. Khi ông họa sĩ kí họa chân dung,anh từ chối, e ngại và nhiệt tình giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn anh nhiều (ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét...)

b.2 Nhân vật ông họa sĩ:

- Tuy không dùng cách kể ở ngôi thứ nhất nhưng hầu như người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ để quan sát và miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của chuyện. Từ đó, gửi gắm suy nghĩ về con người, về nghệ thuật.

-Ngay từ những phút ban đầu gặp gỡ anh thanh niên, bằng sự từng trải nghề nghiệp và niềm khao khát của người nghệ sĩ đi tìm đối tượng của nghệ thuật, ông đã xúc động và bối rối.

-Ông muốn ghi lại hình ảnh anh thanh niên bằng nét bút kí họa và “người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm cho ông nhọc quá”. Những xúc cảm và suy tư của nhân vật ông họa sĩ về người thanh niên và về những điều khác nữa được gợi lên từ câu chuyện của anh làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo nên chiều sâu tư tưởng.

b.3. Nhân vật cô kĩ sư

- Đây là cô gái dám rời Hà Nội, bỏ lại sau lưng “mối tình đầu nhạt nhẽo” để lên công tác ở miền cao Tây Bắc. Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, những điều anh nói, câu chuyện anh kể về những người khác đã khiến cô “bàng hoàng”, “cô hiểu thêm cuộc sống

một mình dừng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể, và về con đường cô đang đi tới”. Nhờ cái “bàng hoàng” ấy, cô mới nhận ra mối tình của mình bấy lâu nay nhạt nhẽo biết bao, cuộc sống của mình lâu nay tầm thường biết bao, thế giới của mình lâu nay nhỏ bé biết bao ! Khoảnh khắc bàng hoàng ấy chính là sự bùng dậy của những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi người ta bắt gặp được những ánh sáng đẹp để toả ra từ cuộc sống, từ tâm hồn người khác.

-Cùng với sự bàng hoàng ấy là *“một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. Không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô”*. Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Qua tâm tư của cô gái, ta nhận ra vẻ đẹp và sức ảnh hưởng của nhân vật anh thanh niên.

b.4 Bác lái xe:

- Bác lái xe là nhân vật xuất từ đầu truyện, nhưng cũng kịp thể hiện những nét đẹp trong tính cách. Là người rất yêu công việc, suốt 30 năm trong nghề lái xe mà vẫn luôn giữ được tính cởi mở, niềm nở có trách nhiệm với công việc, nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên và con người. Bác lái xe là cầu nối giữa anh thanh niên và cuộc đời (mua sách cho anh, dừng xe dưới chân đồi để anh trò chuyện, giới thiệu những người bạn mới cho anh). Bác lái xe cũng là người dẫn dắt truyện, kích thích sự tò mò của ông họa sĩ và cô kĩ sư về anh thanh niên – người cô độc nhất thế gian, người rất “thèm người”

=> Qua cảm xúc,suy nghĩ và thái độ cảm mến của bác lái xe, cô kĩ sư, ông họa sĩ, hình ảnh anh thanh niên được hiện ra càng rõ nét và đẹp hơn. Chủ đề của tác phẩm mở rộng thêm và gợi ra nhiều ý nghĩa. Bức chân dung nhân vật chính như được soi rọi nhiều luồng ánh sáng khiến nó thêm rạng rỡ và ánh lên nhiều màu sắc.

b.5 Trong tác phẩm, còn có những nhân vật không xuất hiện trực tiếp mà chỉ xuất hiện gián tiếp qua câu kể của anh thanh niên cũng góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm.

-Anh bạn đồng nghiệp lặng lẽ cống hiến trên đỉnh Phan-xi-păng cao 3142 mét.

- Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa hết lòng với công việc. Kiên trì, bền bỉ, làm việc trong âm thầm lặng lẽ “ngày này sang ngày khác”. Ông ngồi im trong vườn su hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa su hào. Và tự ông đi thụ phấn cho từng cây su hào để củ su hào

nhân dân toàn miền Bắc ăn được to hơn, ngọt hơn. Ông kĩ sư làm cho anh thanh niên cảm thấy cuộc đời đẹp quá! Công việc thâm lặng ấy chỉ những con người nơi mảnh đất Sa Pa mới hiểu hết được ý nghĩa của nó.

-Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét. Anh luôn ở trong tư thế sẵn sàng suốt ngày chờ sét “nửa đêm mưa gió,rét buốt,mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra”. Anh đã hi sinh hạnh phúc cá nhân vì niềm đam mê công việc để khai thác “của chìm nông, của chìm sâu” dưới lòng đất làm giàu cho Tổ quốc.

- Ông bố anh thanh niên xung phong đi bộ đội.

=>Dù không xuất hiện trực tiếp trong truyện mà chỉ gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên,song họ hiện lên với những nét tuyệt đẹp trong tâm hồn và cách sống. Họ là những người say mê công việc. Vì công việc làm giàu cho đất nước, họ sẵn sàng ghi sinh tuổi thanh xuân, hạnh phúc và tình cảm gia đình.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 66

“Tình thân nhân đạo trong văn học trước hết là tình yêu thương con người”
(Đặng Thai Mai – “Trên đường học tập và nghiên cứu” - NXB Văn học 1969)

Chứng minh ý kiến trên qua tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ. (SGK, Ngữ văn 9, tập I).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Về kĩ năng

- Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận.
- Bố cục hợp lý chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

II. Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: Tinh thần nhân đạo trong “*Chuyện người con gái Nam Xương*”:

2/ Thân bài:

a/ Tinh thần nhân đạo - tình yêu thương con người Nguyễn Dữ trân trọng, ngợi ca, đề cao vẻ đẹp của người phụ nữ qua hình tượng nhân vật Vũ Nương:

- Vũ Nương có đầy đủ vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: công, dung, ngôn, hạnh. Xét về phương diện nào cũng đẹp:

- Là một người vợ: Đối với chồng, nàng là người vợ rất mực dịu dàng, đằm thắm, giàu tình yêu thương chồng và thủy chung nhất mực.(d/c)

- Là một người con: Đối với mẹ chồng, nàng hết lòng phụng dưỡng mẹ chồng, là người con hiếu thảo. (d/c)

- Đối với con: Là người mẹ tốt giàu lòng yêu thương con...

- Là một người phụ nữ: Nàng là người phụ nữ đảm đang, trọng danh dự và nhân phẩm, tình nghĩa và giàu lòng vị tha. (d/c)

b/ Tinh thần nhân đạo - tình yêu thương con người: thể hiện ở thái độ cảm thông đau xót:

- Am hiểu tâm lí nhân vật, thương cảm cho nỗi đau của người phụ nữ nên nhà văn đã thể hiện nỗi đau đớn của nhân vật sâu sắc.

- Nàng Vũ có đầy đủ phẩm chất đáng quý và lòng tha thiết hạnh phúc gia đình, tận tụy vun đắp hạnh phúc lại chẳng được hưởng hạnh phúc cho xứng với sự hi sinh của nàng:

- Chờ chồng đăng đẳng, chồng về chưa một ngày vui, sóng gió đã nổi lên từ một nguyên cớ rất vu vơ.

- Nàng hết mực van xin chàng nói rõ mọi nguyên cớ để cởi tháo mọi nghi ngờ; hàng xóm rõ nỗi oan của nàng nên kêu xin giúp, tất cả đều vô ích. Đến cả lời than khóc xót xa tột cùng ..mà người chồng vẫn không động lòng. (d/c)

Con người trong trắng bị xúc phạm nặng nề, bị đập vùi tàn nhẫn, bị đẩy đến cái chết oan khuất (d/c).

c/ Tinh thần nhân đạo - tình yêu thương con người được thể hiện qua thái độ lên án những thế lực đen tối chà đạp lên khát vọng chính đáng của con người.

- Chiến tranh phong kiến phi nghĩa

- Những tư tưởng lạc hậu của xã hội phong kiến suy tàn (trọng nam khinh nữ, 2 đạo tông phu,...) gây bao nhiêu bất công. Hiện thân của nó là nhân vật Trương Sinh, người chồng ghen tuông hồ đồ, mù quáng, gia trưởng, vũ phu.

d/ Tinh thần nhân đạo - lòng yêu thương con người: là khát vọng và ước mơ về một cuộc sống công bằng, quyền được hưởng hạnh phúc gia đình của con người đặc biệt là người phụ nữ . Khát vọng hạnh phúc của con người: Ước mơ về cuộc sống tốt đẹp, bình đẳng, quyền được hưởng hạnh phúc của con người.

e/Tinh thần nhân đạo của truyện còn thể hiện ở bài học nhân sinh sâu sắc mà Nguyễn Dữ muốn gửi đến bạn đọc muôn đời: Bài học giữ gìn và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Có hạnh phúc đã là sự may mắn nhưng giữ gìn, duy trì hạnh phúc còn khó hơn. Vợ và chồng dù có yêu nhau đến mấy mà chẳng biết tính của nhau thì bi kịch sớm muộn cũng xảy ra. Và điều quan trọng hơn hết để có được hạnh phúc là phải thực sự hiểu được nhau, tôn trọng lẫn nhau và tránh xa những ngộ nhận đáng tiếc.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 67

Một trong những phương diện thể hiện tài năng của người nghệ sĩ ngôn từ là am hiểu và miêu tả thành công thế giới nội tâm của nhân vật trong tác phẩm văn học. Bằng những kiến thức đã học về đoạn trích: “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” (Trích Truyện Kiều của Nguyễn Du) em hãy làm sáng tỏ điều đó?

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kỹ năng:

- Biết cách làm bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.
- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, khuyến khích các bài viết sáng tạo.

II/ Yêu cầu về kiến thức: Trên cơ sở những kiến thức đã học về *Truyện Kiều*, đặc biệt là đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” cần làm rõ được sự am hiểu và miêu tả thành công thế giới nội tâm nhân vật Thúy Kiều là một phương diện thể hiện tài năng của Nguyễn Du với các nội dung sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến:

- Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng nghệ thuật, chủ yếu là hình tượng nhân vật trong tác phẩm. Một trong những phương diện thể hiện tài năng của nhà văn – người nghệ sĩ ngôn từ là am hiểu và miêu tả thành công thế giới nội tâm nhân vật.
- Miêu tả nội tâm trong tác phẩm văn học là tái hiện những suy nghĩ, cảm xúc, những băn khoăn trăn trở, những day dứt, suy tư, những nỗi niềm thâm kín và cả diễn biến tâm trạng của nhân vật.

Đó là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, làm cho nhân vật hiện lên sinh động, có hồn hơn. Nhà văn có thể miêu tả trực tiếp nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả qua cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục của nhân vật.

2.2. Chứng minh qua đoạn trích:

a. Hoàn cảnh – Tình huống để Nguyễn Du miêu tả nội tâm nhân vật Kiều.

b. Miêu tả nội tâm trực tiếp qua những lời độc thoại nội tâm:

- Tài năng của Nguyễn Du trước hết là để Kiều nhớ Kim Trọng trước nhớ cha mẹ sau rất hợp tâm lý của con người, hợp lô gic tình cảm.
- Cùng là nỗi nhớ nhưng cách nhớ khác nhau với những lí do khác nhau nên cách thể hiện cũng khác nhau. Nỗi nhớ Kim Trọng chủ yếu là liên tưởng, hình dung và tưởng tượng. Nhớ cha mẹ chủ yếu là xót xa lo lắng thể hiện trách nhiệm và bổn phận của đạo làm con.

c. Miêu tả nội tâm gián tiếp qua cảnh vật thiên nhiên (bút pháp tả cảnh ngụ tình):

– Cảnh thiên nhiên mênh mông hoang vắng và rợn ngợp qua 6 câu đầu thể hiện nỗi buồn và cô đơn của Kiều;

– Cảnh thiên nhiên trong 8 câu cuối thực sự là khung cảnh của bi kịch nội tâm. Mỗi cảnh vật thiên nhiên gợi những tâm trạng khác nhau trong lòng Kiều. Bức tranh thiên nhiên cũng là bức tranh tâm trạng.

d. Vai trò của nghệ thuật miêu tả nội tâm trong việc xây dựng thành công hình tượng nhân vật Kiều: Vẻ đẹp lòng hiếu thảo, thủy chung, ý thức về danh dự phẩm hạnh và thân phận cô đơn hoảng sợ của Kiều trước một tương lai đầy cam bẫy

3/ Kết bài:

Thành công trong việc miêu tả nội tâm nhân vật là một phương diện để thể hiện tài năng của nhà văn, làm nên sức sống cho hình tượng nhân vật, cho tác phẩm văn học. Có lẽ Truyện Kiều sống mãi một phần bởi nghệ thuật miêu tả nội tâm sâu sắc của Nguyễn Du.

ĐỀ SỐ 68

Bản về văn chương, Hoài Thanh viết:

Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.

(Trích Ý nghĩa văn chương- SGK Ngữ văn 7, tập hai)

Bằng hiểu biết của em về bài thơ *Bếp lửa* của nhà thơ Bằng Việt, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu chung:

- HS làm được bài văn nghị luận về tác phẩm văn học có gắn với một nhận định, xác định đúng luận điểm, có khả năng phân tích- bình DC.

- Trình bày bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, có chất văn, ít mắc lỗi.

II/ Yêu cầu cụ thể:

1- Mở bài:

Giới thiệu ý kiến của Hoài Thanh gắn với nội dung cơ bản của bài thơ Bếp lửa: Bài thơ thể hiện tình cảm bà cháu thiêng liêng, sâu nặng.

2- Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định:

- Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có: tức là khẳng định các tác phẩm văn chương có khả năng khơi gợi những tình cảm, rung cảm đẹp để cho mỗi người khi tiếp cận tác phẩm. Văn chương luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có: tức là nhân mạnh khả năng văn chương bồi đắp tâm hồn, tình cảm của mỗi người thêm sâu sắc, thêm đẹp đẽ, bền vững.

=> Nhận định đã khái quát một cách sâu sắc hai vấn đề: Khái quát quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương: Đề xuất phát từ tình cảm, cảm xúc của tác giả và bạn đọc; khái quát chức năng giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với con người.

- Hoàn cảnh tác giả sáng tác bài thơ: Viết 1963 khi tg đang du học ở Liên xô (cũ), nơi lạnh giá xứ người xa quê hương, xa người bà đã khơi gợi nỗi nhớ thương về quê hương, về bếp lửa ấm nồng cùng với hình ảnh bà yêu dấu.

- Khẳng định: Bài thơ khơi dậy, bồi đắp thêm cho tình cảm gia đình (tình bà cháu thiêng liêng, sâu nặng), tình yêu thương con người, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi con người. Bài thơ là minh chứng cho nhận định của Hoài Thanh.

2.2. Phân tích, chứng minh:

- Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình cho mỗi người đọc qua dòng hồi tưởng của cháu về kỷ niệm tuổi thơ bên bà, bên bếp lửa – qua tình cảm bà cháu của nhân vật trữ tình (3 điểm)

- Hồi tưởng của cháu bắt đầu từ hình ảnh bếp lửa và hình ảnh bà.

+ Nhân vật trữ tình hồi tưởng lại những kỷ niệm: Kỷ niệm những năm đói khổ; kỷ niệm tám năm sống bên bà; kỉ niệm những năm giặc dã, chiến tranh. Trong dòng hồi tưởng đó luôn có hình ảnh bà tần tảo, hi sinh, yêu thương cháu, có tình bà ấm áp. (phân tích- chứng minh)

+ Hồi tưởng về bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa, bếp lửa là biểu tượng cho tình bà ấm áp, biểu tượng cho ý chí, nghị lực, niềm tin của bà. (Phân tích – chứng minh)

- Cháu khôn lớn, trưởng thành thấm thía cuộc đời bà vất vả, gian khổ, tần tảo, chịu thương chịu khó; công lao của bà mệnh mông, sâu nặng (Phân tích – Chứng minh)

+ Cháu tâm nguyện: luôn trân trọng, nhớ bà, biết ơn bà (Phân tích – Chứng minh)

+ Trong suy ngẫm, tâm nguyện của cháu cũng vẫn hiện lên hình ảnh bếp lửa bình dị mà thiêng liêng: Bếp lửa là biểu tượng cho tình bà cháu, biểu tượng của gia đình, quê hương.

+ Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm gia đình gắn bó hài hòa trong tình yêu quê hương đất nước- qua những suy ngẫm của cháu về bà, về đất nước, dân tộc, nhân dân mình. (3 điểm)

+ Tình cảm bà cháu là cội nguồn của tình cảm gia đình, tình cảm với quê hương, đất nước: Mỗi kỉ niệm của cháu với bà gắn với những thời kì lịch sử khó quên của đất nước, dân tộc; gắn với tình làng nghĩa xóm (Phân tích- chứng minh)

+ Người cháu nhớ về bà, biết ơn bà, nhờ hiểu bà mà thêm hiểu nhân dân, đất nước, dân tộc mình. Bếp lửa và bà đã trở thành biểu tượng của quê hương, xứ sở. (phân tích- chứng minh)

+ Khẳng định sự tác động của bài thơ đến tình cảm mỗi người đọc, sự đồng cảm của người đọc với bài thơ. (2 điểm)

+ Với hình tượng bếp lửa và hình tượng người bà, bài thơ bếp lửa đã khơi dậy trong lòng mỗi người đọc tình cảm bà cháu đẹp đẽ, tình cảm gia đình thiêng liêng. Tình cảm của nhân vật trữ tình, của tác giả đã làm sâu sắc, đẹp đẽ, bền vững thêm tình cảm

gia đình trong mỗi người đọc. Điều đó chứng minh nhận định của Hoài Thanh là đúng đắn.

+ Bài thơ nhận được sự đồng cảm của bạn đọc, bạn đọc tìm được sự đồng điệu tâm hồn với tác giả. Bài thơ là một minh chứng cho quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương, minh chứng cho vai trò quan trọng và chức năng của văn chương, đặc biệt là chức năng giáo dục và thẩm mỹ.

2.3. Đánh giá, mở rộng:

- Bài thơ Bếp lửa với hình tượng thơ độc đáo, ngôn từ biểu cảm, bình dị mà sâu sắc, sử dụng hồi tưởng và hiện tại trong mạch cảm xúc, sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật đặc sắc đã thể hiện xúc động tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp, tình cảm yêu gia đình, quê hương, đất nước trong sáng, đẹp đẽ.

- Bài thơ đã làm sáng tỏ những quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương; minh chứng cho những tác dụng to lớn của văn chương: Văn chương làm đẹp thêm tình người, hướng con người đến chân, thiện, mỹ.

- Liên hệ đến các tác phẩm ngợi ca tình cảm gia đình: Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh), Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ (Nguyễn Khoa Điềm), Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)...

3/ Kết bài:

- Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ tác động đến mỗi người: là lời nhắc nhở mỗi con người luôn biết trân trọng, giữ gìn những tình cảm trong sáng, đẹp đẽ.

- Liên hệ nhận thức và hành động của bản thân.

ĐỀ SỐ 69

Cảm nhận của em về *"Sự giao thoa cảm hứng về thiên nhiên, vũ trụ và cảm hứng về lao động"* trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận (SGK Ngữ văn 9 , tập một).

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kỹ năng:

- Biết cách làm bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.
- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, khuyến khích các bài viết sáng tạo.

II/ Yêu cầu về kiến thức

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: *"Sự giao thoa giữa cảm hứng về thiên nhiên, vũ trụ và cảm hứng về lao động"* trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận.

2/ Thân bài:

** Cảm hứng trước cảnh hoàng hôn trên biển và khúc hát ra khơi của đoàn thuyền đánh cá (hai khổ đầu).*

- Nhà thơ mở ra trước mắt người đọc cảnh biển đẹp, kì vĩ, tráng lệ. mênh mang không gian bao la, mặt trời đang từ từ xuống biển đỏ như quả cầu lửa khổng lồ. Sóng đan trên mặt nước lung linh ánh vàng như cài then, sập cửa khép lại nửa chu kì nhật nguyệt. Cảnh biển trước hoàng hôn không nặng nề, tăm tối mà mang vẻ đẹp tráng lệ của thiên nhiên tạo vận trong quy luật vận động của nó. Tác giả miêu tả với cảm hứng vũ trụ, nếu trước Cách Mạng, *Vũ trụ ca* còn mênh mang trời nước một nỗi buồn ảo não bơ vơ thì giờ đây niềm vui tràn ngập âm áp giao thoa trong cảnh và người.

- Nổi bật lên bức tranh thiên nhiên kì vĩ ấy là hình ảnh đoàn thuyền đánh cá căng buồm lướt sóng ra khơi. Tâm trạng náo nức của người lao động hòa trong khúc hát lên đường đầy khí thế, nhiệt tình và khấn trương. Họ hát cho buồm căng gió, cho cá bạc đầy khoang, cho cá thu như đoàn thoi đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!

** Cảm hứng trước cảnh biển đêm trăng và cảnh đánh bắt cá của đoàn thuyền (4 khổ tiếp),.*

- Khi sóng đã cài then, đêm sập cửa thì hình ảnh vũ trụ lại chuyển sang một cảnh khác – cảnh biển đêm trăng. Không gian bao la lại tạo ra bức tranh trời nước với những ngôi sao lấp lánh, trăng chan hòa sắc vàng không gian, mây cao, gió lồng buồm căng thấm đẫm ánh trăng. Biển đẹp và sóng động: *"Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long", "gỗ thuyền đã có nhịp trăng cao"*.

- Sự giao thoa hai nguồn cảm hứng ở 4 khổ thơ này rất rõ, Cảm hứng lãng mạn cách mạng và cảm hứng vũ trụ đã tạo ra cảnh bắt cá của đoàn thuyền dưới đêm trăng tuyệt đẹp, hùng tráng, mơ mộng: *"Thuyền ta lướt gió với buồm trắng/ Lướt giữa mây cao với biển bằng"*. Thật bay bổng, lãng mạn, con thuyền nhỏ nhoi trước vũ trụ bao la trở nên kì vĩ, mang tầm vóc vũ trụ, lướt giữa gió, mây, trăng sao và cánh buồm thấm đẫm ánh trăng.

- Hình ảnh con người càn khôn khoáng, lồng lộng giữa biển khơi, ra thăm dò bụng biển, tìm luồng cá, dần dần thể trận, bủa lưới vây giăng.....vừa làm vừa hát khiến công việc đánh bắt cá trên biển vốn đầy nặng nhọc, gian khổ, nguy hiểm thành bài ca lao động hào hứng, vui tươi.

- Hình ảnh con người lao động là trung tâm của bức tranh được nhà thơ khắc họa bằng nét bút giàu chất tạo hình. Thân hình chắc khỏe, gân guốc, cơ bắp cuộn cuộn, kéo lên những mẻ lưới trĩu nặng cá bạc, vàng. Trăng soi, chiếu xuống mặt biển, sóng xô bóng trắng gõ vào mạn thuyền, tạo nên nhịp sóng lấp lánh ánh trắng như xua cá vào lưới. Thiên nhiên – con người giao hòa, tạo nên bức tranh đánh bắt cá trên biển đêm trăng vừa hùng tráng vừa thơ mộng.

** Cảnh biển bình minh và đoàn thuyền đánh cá trở về trong chiến thắng (khổ cuối)*

- Cảnh bình minh lên, mặt trời đội biển xòe những ngón tay hồng xua đi màn đêm còn sót lại. Biển trời bao la, sự vận động của thiên nhiên trên biển thật kì vĩ, mát mẻ, trong trẻo, tinh khôi, khoáng đãng. Gió khơi lồng lộng đưa đoàn thuyền trở về trong niềm vui chiến thắng cá đầy khoang, khép lại 1 chu trình lao động vất vả trên biển đêm. Con người lúc ra đi đẹp hào hùng đầy hứng khởi thì lúc trở về vẫn trong niềm vui chiến thắng ấy. Ánh dương đã tô điểm cho thành quả của họ thêm rực rỡ: "*Mặt cá huy hoàng muôn dặm khơi*".

- Sự giao thoa giữa hai nguồn cảm hứng: vũ trụ và cảm hứng cách mạng – ca ngợi người lao động đã tạo cho bài thơ những hình ảnh thiên nhiên rộng lớn, tráng lệ, độc đáo, thực mà mộng, biểu hiện niềm say sưa, hào hứng và những ước mơ bay bổng của con người muốn hòa hợp với thiên nhiên, chinh phục thiên nhiên.

- Đây cũng là niềm vui của nhà thơ trước cuộc sống mới, con người lao động mới. Tâm hồn Huy Cận không còn ảo não, bơ vơ trong cái tôi lẻ loi trước vũ trụ mà đã thực sự hòa vào cái ta chung của đất nước, con người. Có thể nói đây là bài thơ hay nhất của Huy Cận trong thời kì đó.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 70

Cảm nhận về tình yêu thiên nhiên của thi nhân qua bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải và bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kỹ năng:

- Biết cách làm bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.
- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, khuyến khích các bài viết sáng tạo.

II/ Yêu cầu về kiến thức

1. Mở bài:

- Tình yêu thiên nhiên là một trong những nội dung nổi bật của văn học Việt Nam.
- Các nhà thơ Việt Nam hiện đại đã góp vào đề tài này bằng những nét riêng độc đáo. Người đọc sẽ cảm nhận tình yêu thiên nhiên tha thiết của hai thi nhân: Thanh Hải qua Mùa xuân nho nhỏ, Hữu Thỉnh qua Sang thu.

2. Thân bài:

2.1. Tình yêu thiên nhiên của thi nhân qua bài thơ Mùa xuân nho nhỏ: Tình yêu thiên nhiên – thiên nhiên mùa xuân xứ Huế của nhà thơ thể hiện thật tinh tế.

- Nghệ thuật phối sắc thể hiện cái đẹp hài hòa của thiên nhiên: bông hoa tím biếc, dòng sông xanh.
- Biện pháp đối trật tự cú pháp trong câu thơ vắt dòng:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc*

đã nhấn mạnh sự vươn lên trời dậy của thiên nhiên khi mùa xuân về; đã vẽ nên một sắc xuân riêng của thiên nhiên xứ Huế. Bông hoa tím biếc khiến bức tranh xuân trở nên bình dị, thân thiết.

- Hai câu thơ kế tiếp đã mở rộng không gian nghệ thuật bức tranh xuân. Tín hiệu xuân còn là tiếng hót vang trời của con chim chiền chiện:

*Oi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời*

- + Thành phần gọi – đáp ơi đã nhân hóa con chim chim trở thành người bạn.
- + Từ ngữ hót chi – từ ngữ địa phương tăng tính biểu cảm của câu thơ.
- Hai câu thơ 5, 6 trong khổ thơ xuất hiện bóng dáng nhân vật trữ tình trong bài thơ:

*Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng*

+ Từng giọt long lanh có nhiều cách hiểu: giọt sương treo đầu ngọn cỏ;/giọt mưa xuân/ giọt âm thanh tiếng chim

=>Theo mạch cảm xúc, người đọc có thể nhận ra đây là âm thanh tiếng chim. Phép tu từ ẩn dụ (chuyển đổi cảm giác) làm cho bức tranh xuân mang vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình với hành động đưa tay hứng âm thanh tiếng hót chim chiền chiện của nhà thơ – nhân vật trữ tình trong bài thơ.

➔Đoạn thơ đẹp như bức tranh – bức tranh có dòng sông, hoa cỏ, có chim hót, có bầu trời, sương mai, có ánh xuân, có con người.

Bức tranh có sắc xuân, tình xuân và có cả khúc nhạc xuân đã thể hiện tình yêu thiên nhiên – thiên nhiên mùa xuân của thi nhân!

2.2. Tình yêu thiên nhiên của thi nhân qua bài thơ Sang thu: Đọc Sang thu của Hữu Thỉnh, thêm một lần ta được thưởng thức vẻ đẹp của sự cảm nhận tinh tế, những rung động của một tâm hồn nhạy cảm nghệ sĩ lúc thu sang.

- Sự độc đáo bắt đầu bằng hương ổi – hương thu:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

+ Hai chữ phả vào vừa gợi ra cái bất chợt trong cảm nhận, vừa gợi ra một cách thực thể cái hương thơm của ổi, lại vừa gợi ra sự vận động nhẹ nhàng của gió.

+ Từ láy chùng chình đã nhân hóa sương gợi ra sự lay động của cây lá, vẻ tư lự của lòng người, cái man mác của không gian chớm thu.

+ Thành phần biệt lập – thành phần tình thái hình như thể hiện một chút nghi hoặc, một chút bàng khuâng, có cái gì đó không thật rõ ràng của bước chân mùa thu dù tín hiệu thu sang đã rõ.

- Cảm xúc của thời điểm chuyển giao tiếp tục lan tỏa, mở ra trong cái nhìn xa hơn, rộng hơn:

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã*

*Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

+ Từ láy dềnh dàng đã nhân hóa sông dòng sông không còn chảy cuộn cuộn, gấp gáp như trong những ngày mưa lũ mùa hạ nữa mà trở nên chậm chạp, thông thả.

+ Đối lập với sự dềnh dàng của dòng sông là sự vội vã của những cánh chim bay «Chim bắt đầu vội vã». Từ láy vội vã đã nhân hóa những cánh chim – những cánh chim đang chuẩn bị bay về phương Nam để tránh rét.

=> Sự đối lập này đã gợi lên sự vận động của sự vật trong giây phút giao mùa.

- Đẹp nhất, giàu sức biểu cảm nhất là hình ảnh thơ:

*Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

+ Phép nhân hóa được sử dụng trong câu thơ tạo nên sự bất ngờ thú vị, tinh tế. Áng mây băng khuâng là hình ảnh thực nhưng cái ranh giới mùa là hư - sản phẩm của trí tưởng tượng nhà thơ.

+ Đám mây đang trôi trên bầu trời một nửa là hạ một nửa là thu để rồi một lúc nào đó nó bỗng ngỡ ngàng nhận ra mình đang trôi trong một bầu trời thu trọn vẹn.

=> Hình ảnh thơ tự nhiên, không trau chuốt mà giàu sức gợi cảm, thể thơ năm chữ vắt dòng tạo ra những liên tưởng thú vị đã thể hiện một cách đặc sắc những xúc cảm tinh tế trước bước chuyển giao của mùa; đã diễn tả cụ thể, tinh tế, nhạy cảm tình yêu thiên nhiên tha thiết của Hữu Thỉnh. Cách cảm nhận và miêu tả của tác giả: tinh tế, nhạy cảm, sự liên tưởng độc đáo. Nhà thơ làm cho mùa thu trong thơ ca Việt Nam mang một hương sắc mới.

2.3. Đánh giá chung:

a/ Điểm chung:

- Cả hai thi nhân đều yêu thiên nhiên.

- Tình yêu thiên nhiên của hai nhà thơ đều nhẹ nhàng, tinh tế nên cảnh sắc thiên nhiên trong hai bài thơ không bị hòa lẫn vào cảnh sắc thiên nhiên của các bài thơ khác.

b/ Điểm riêng:

***Mùa xuân nho nhỏ:**

- Đối trật tự cú pháp, ẩn dụ;

- Bức tranh thiên nhiên mùa xuân xứ Huế;
- Xúc cảm của thi nhân nghiêng về hình ảnh đầy sắc xuân đẹp đẽ của thiên nhiên, đất trời – thể hiện tình yêu tha thiết với cuộc sống.

*** Sang thu:**

- Hình ảnh đặc trưng, giàu sức biểu cảm; phép nhân hóa;
- Cảnh vườn thu, ngõ xóm của đồng bằng Bắc bộ;
- Xúc cảm của thi nhân nghiêng về cảm nhận giây phút nhẹ nhàng – tình cảm gắn bó tha thiết với quê hương.

3/ Kết bài:

- Tình yêu thiên nhiên – mùa xuân, mùa thu của hai thi nhân thật thiết tha đã bồi đắp thêm cảm xúc, tình cảm yêu mến thiên nhiên cho mỗi người đọc.
- Hai bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ, Sang thu cùng với hai hồn thơ – Thanh Hải, Hữu Thỉnh – đã làm đẹp những trang thơ – thơ hiện đại Việt Nam.

ĐỀ SỐ 71

Có người cho rằng: “*Thơ bắt rễ từ lòng người, nở hoa từ từ ngữ*”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng sự hiểu biết của em về bài thơ “*Bếp lửa*” của Bằng Việt, hãy làm sáng tỏ điều đó.

GỢI Ý LÀM BÀI

I- Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp nghị luận tác phẩm văn học, thể hiện sự cảm nhận tinh tế...
- Bố cục hợp lý, luận điểm rõ ràng, dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu. Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp....
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận “ *Thơ bắt rễ từ lòng người, nở hoa từ từ ngữ*”.
- Giới thiệu bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt.

2/ Thân bài:

2.1.Giải thích

- *Thơ bắt rễ từ lòng người*: thơ là tiếng nói chân thành của tình cảm, thơ do tình cảm mà sinh ra, thơ luôn thể hiện những rung cảm tinh tế, thấm sâu của tác giả...
 - *Nở hoa nơi từ ngữ*: Lời thơ bao giờ cũng chặt chẽ, giàu hình tượng, gợi cảm xúc...=> vẻ đẹp ngôn từ chính là yêu cầu bắt buộc với thơ ca...
- => Thơ khơi nguồn từ cảm xúc của tác giả trước cuộc sống, và tình cảm ấy thăng hoa nơi từ ngữ biểu hiện...

2.2. Phân tích, chứng minh.

- * *Thơ khơi nguồn từ cảm xúc của tác giả trước cuộc sống*: Bài thơ là dòng cảm xúc của nhà thơ về bếp lửa, về bà và những kỉ niệm tuổi thơ...
 - + Mạch cảm xúc bắt đầu từ hồi tưởng: bếp lửa, hình ảnh người bà, những kỉ niệm tuổi thơ...(Phân tích dẫn chứng)
 - + Từ kỉ niệm, người cháu nay đã trưởng thành, suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị mà cao quý của bà...(Phân tích dẫn chứng)
 - * *Tình cảm ấy “nở hoa” nơi từ ngữ biểu hiện*: Qua việc phân tích, HS phát hiện, bình luận, đánh giá... chiều sâu tư tưởng của các hình tượng thơ: bếp lửa - ngọn lửa; Bà - người nhóm lửa- người giữ lửa - người truyền lửa...
- => Bài thơ chứa đựng một triết lí thâm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời...

2.3.Khái quát, đánh giá

- Ý kiến đã khẳng định: một tác phẩm chân chính phải khởi phát từ tình cảm dạt dào của tác giả và được thể hiện bằng ngôn từ chặt chẽ, trau chuốt.
- Người nghệ sĩ phải có trái tim nhạy cảm, tinh tế và khả năng lao động nghệ thuật nghiêm túc thì mới tạo được những vần thơ hay, lay động lòng người...

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 72

Sự khám phá và cách thể hiện **hình ảnh ánh trăng** trong các tác phẩm : Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận); Đồng chí (Chính Hữu); Ánh trăng (Nguyễn Duy).

GỢI Ý LÀM BÀI

I- Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp nghị luận tác phẩm văn học, thể hiện sự cảm nhận tinh tế...
- Bố cục hợp lý, luận điểm rõ ràng, dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu. Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp....
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh cần trình bày được một số yêu cầu sau :

1/ Mở bài : Hình ảnh ánh trăng trong thơ ca...đặc biệt ở 3 bài thơ : Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận), Đồng chí (Chính Hữu), Ánh trăng (Nguyễn Duy)

2/ Thân bài :

- Sự khám phá ánh trăng ở những góc nhìn và cảm nhận khác biệt nhưng 3 nhà thơ đều gặp nhau ở một điểm đó là xem trăng như là người bạn gần gũi để bộc lộ tâm tư tình cảm, người bạn chứng kiến mọi hoàn cảnh của cuộc sống.

- Dẫn chứng :

- + Trăng xuất hiện trong lao động sản xuất trên biển
- + Trăng xuất hiện trong cảnh chiến đấu chờ quân thù
- + Trăng xuất hiện trong cuộc sống hàng ngày

- Học sinh phân tích từng tác phẩm cụ thể :

*** Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận**

“Thuyền ta lái gió với *buồm trăng*”

“ Cái đuôi em quẫy *trăng vàng chóc*”

“ Gõ thuyền đã có *nhip trăng cao* ”

Trăng ở đây giúp gọi lên một không gian bao la của trời biển, trong đó trung tâm là con người. Bằng nghệ thuật nhân hóa, ánh trăng trong bài thơ giúp ta hình dung ra một bức tranh hài hòa, lồng lẩy giữa vẻ đẹp của con người và biển cả , bởi vì nền của bức tranh ấy được dát bạc bởi ánh vàng của trăng, ánh sáng lung linh của muôn loài cá...

*** Đồng chí của Chính Hữu :**

Hình ảnh “ *Đầu súng trăng treo* ”

Người lính trong khi làm nhiệm vụ có thêm vầng trăng làm bạn, tâm hồn người chiến sĩ tràn ngập ánh trăng tạo niềm tin chiến thắng trong chận chiến với quân thù.

*** Ánh trăng của Nguyễn Duy :**

- Khi lớn lên, đi bộ đội, vầng trăng như người bạn đồng hành và nhanh chóng trở thành tri kỉ

“ Hồi chiến tranh ở rừng
Vầng *trăng* thành tri kỉ.”

- Khi cuộc chiến kết thúc sống trong điều kiện hòa bình, cuộc sống với đầy đủ tiện nghi :

“ Từ ngày về thành phố
Quen ánh điện cửa gương
Ánh trăng đi qua ngõ
Ngõ người dung qua đường”

- Thực tế làm thức tỉnh một tư duy, điện tắt sẽ thấy trăng. Ánh trăng làm sáng lên góc tối của con người, đánh thức sự ngủ quên, lãng quên quá khứ trong điều kiện sống của con người hoàn toàn khác trước; từ đó rút ra bài học đạo lí làm người. Ánh trăng thực sự như một tấm gương soi để thấy được mặt thật của mình và tìm lại cái đẹp tinh khôi mà đôi khi chúng ta để mất.

3/ Kết bài:

Nêu nhận xét, đánh giá về hình ảnh ánh trăng trong thơ ca nói chung và ở 3 bài thơ trên về cách khám phá và thể hiện.

Mối quan hệ giữa bếp lửa đời và Bếp lửa trong thơ Bằng Việt.

GỢI Ý LÀM BÀI

I- Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp nghị luận tác phẩm văn học, thể hiện sự cảm nhận tinh tế...
- Bố cục hợp lý, luận điểm rõ ràng, dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu. Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp....
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể viết theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo những ý sau:

1/ Mở bài:

Cảm nhận chung nhất về bài thơ và tình cảm bà cháu đằng sau hình ảnh bếp lửa.

2/ Thân bài:

- Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc về bà, về những hồi ức đẹp đẽ của tuổi thơ, về tình bà cháu
- *Bếp lửa đời*:
 - + Là hình ảnh quen thuộc trong mỗi gia đình Việt Nam
 - + Gợi sức sống, tình cảm gia đình và sự bình yên, no ấm.
- *Bếp lửa trong thơ Bằng Việt*:
 - + Hình ảnh bếp lửa gắn liền với bà khiến cho người đọc liên tưởng đến mối quan hệ kì lạ, thiêng liêng.
 - + Nỗi nhớ về bếp lửa được gợi nhớ bằng nhiều giác quan, bằng trí tưởng tượng: thị giác, cảm giác, khứu giác, xúc giác... Mọi hình ảnh gắn với bếp lửa đã được tái hiện chân thật, rõ ràng từ một thời kí ức xa xôi.
 - + Bếp lửa gắn với bà: hình ảnh bếp lửa ấp iu... chính là sự hóa thân của tình cảm bà dành cho cháu... Nếu bếp lửa củi rơm gắn với cảm nhận về mùi khói, với dư vị sống mũi còn cay, thì bà gắn với tuổi thơ cháu vừa như người chăm sóc vừa như một người bạn lớn.... (dẫn chứng)
 - + Những kí ức tuổi thơ ùa về trong tâm tưởng cháu... Nhớ về bếp lửa, nhắc về bếp lửa là nhắc về bà với những công việc xoay quanh bếp lửa, và tình cảm của một người bà đôn hậu, tần tảo.... (dẫn chứng)
 - + Qua dòng hồi tưởng hình ảnh bếp lửa không còn là bếp lửa bình thường mà là một hình ảnh biểu tượng cứ trở đi trở lại trong bài thơ, trong tâm trí cháu với sự hòa quyện tuyệt vời giữa cái ấm áp của bếp lửa đời và bếp lửa lòng người.

(dẫn chứng)

+ Từ bếp lửa, tình cảm của bà đã được hình tượng hóa trở thành ngọn lửa, là một hành trình từ cái đơn sơ giản dị đến những cái thiêng liêng cao cả, từ cái thực đến cái linh hồn...Bếp lửa trong kí ức tuổi thơ chính là hiện hữu của một tình yêu nồng nàn, đượm đà mà bà dành cho cháu.

+ Trong tình cảm của bà có tình yêu quê hương, đất nước của những người xa quê, nhớ bà là nhớ quê hương đất nước.

3/Kết bài:

- Hành trình từ bếp lửa đời đến bếp lửa trong thơ Bằng Việt là hành trình của tình yêu, nỗi nhớ, sự biết ơn và sức sống mãnh liệt.

- Bếp lửa trong dòng hồi tưởng nhưng sẽ rực sáng với ngọn lửa tình yêu và niềm tin mãnh liệt, không bao giờ vụt tắt.

ĐỀ SỐ 74

Sự giản dị, xúc động và ám ảnh của bài thơ **Ánh trăng** (Nguyễn Duy, SGK Ngữ văn 9, Tập một).

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về kĩ năng

Biết cách viết bài văn nghị luận văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận. Bố cục hợp lí, chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

II/ Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả Nguyễn Duy và bài thơ *Ánh trăng*.
- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Sự giản dị, xúc động và ám ảnh của bài thơ *Ánh trăng*.

2/ Thân bài:

*** Giải thích vấn đề:**

- *Giản dị*: Sự bình dị, mộc mạc, không cầu kì, hoa mỹ. Giản dị trong văn chương không đồng nhất với đơn giản, dễ dãi.
- *Xúc động*: Là tiếng lòng, sự dồn nén cao độ của cảm xúc được chính nhà thơ gửi gắm trong tác phẩm. Từ tiếng lòng của thi nhân, bằng thơ và qua thơ đến với người đọc, khơi gợi trong lòng người đọc những rung cảm, tình cảm đẹp đẽ.

– *Ấm ảnh*: những giá trị sâu sắc gợi cho người đọc những trăn trở nghĩ suy, những cảm xúc không thể nào quên.

-> Bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy là một bài thơ hội tụ đầy đủ ba yếu tố: giản dị, xúc động và ấm ảnh.

*** Chứng minh:**

+ *Sự giản dị trong Ánh trăng*:

– *Đề tài*: Bài thơ lấy đề tài ánh trăng, vầng trăng- một đề tài quen thuộc trong thơ ca dân tộc.

– *Bài thơ có chủ đề* rất quen thuộc, bắt nguồn từ truyền thống đạo lí của dân tộc: “Uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ. Để thể hiện nội dung chủ đề, nhà thơ chọn *trăng* – hình ảnh thiên nhiên đẹp đẽ, hồn nhiên, khoáng đạt, tươi mát, làm biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, cho vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống, gợi nhắc con người có thái độ sống ân nghĩa, thủy chung.

– *Thể thơ và cấu trúc*: Bài thơ được viết theo thể ngũ ngôn rất bình dị. Bài thơ mang dáng dấp của một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian, theo dòng cảm nghĩ của tác giả, có sự kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa tự sự và trữ tình.

– *Giọng điệu, ngôn ngữ* tự nhiên như lời tâm tình sâu lắng, nhịp thơ khi thì trôi chảy, nhịp nhàng theo lời kể, khi thì ngân nga thiết tha cảm xúc.

+ *Những xúc động và ấm ảnh của bài thơ Ánh trăng chủ yếu thể hiện qua nội dung tư tưởng bài thơ*:

– Tình cảm giữa người và trăng trong quá khứ: tình cảm giữa người và trăng chân thành, sâu nặng. Mạch thơ khiến người đọc xúc động, ấm ảnh bởi một quá khứ gian lao nhưng đẹp đẽ, nghĩa tình.

– Tình cảm giữa người và trăng theo thời gian:

Theo thời gian, cách cư xử của con người khiến ta trăn trở, day dứt. Cuộc sống hiện đại, hào nhoáng nơi thị thành đã khiến con người quên đi quá khứ, quên đi người bạn nghĩa tình năm xưa.

Vầng trăng, ánh trăng đã được nhân cách hóa như con người, có tâm hồn, có lẽ sống. Trăng khiến chúng ta xúc động và ấm ảnh bởi lối sống tình nghĩa, thủy chung, nhân ái, vị tha mà cũng rất nghiêm khắc.

Trăng đưa người trở về với quá khứ, để gợi nhắc bài học sâu sắc, thấm thía về lẽ sống cao đẹp, ân tình, thủy chung, nghĩa tình với quá khứ.

*** Đánh giá:**

– Bài thơ giản dị từ đề tài, chủ đề đến hình ảnh, câu chữ, giọng điệu...

– Bài thơ là bức thông điệp mà tác giả gửi đến cho những người lính vừa bước ra khỏi chiến trường, đồng thời cũng là thông điệp cho tất cả chúng ta: hãy trân trọng quá khứ, hãy sống trọn đạo nghĩa: *Uống nước nhớ nguồn*.

3/ Kết bài:

- Khẳng định lại nội dung bàn luận.
- Liên hệ: cần kế thừa, phát huy truyền thống đạo đức *Uống nước nhớ nguồn*.

ĐỀ SỐ 75

Trong bài thơ “Con cò”, Chế Lan Viên đã viết:

“Lớn lên, lớn lên, lớn lên ...

Con làm gì?

Con làm thi sĩ!

Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ

Trước hiên nhà và trong hơi mát câu văn ...”

Theo em, vì sao trong lời ru thấm hơi xuân ấy, người mẹ lại mong con con lớn lên làm thi sĩ? Từ mong ước của người mẹ trong bài thơ, em có suy nghĩ gì về vai trò của văn chương trong việc bồi đắp tâm hồn con người?

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về kĩ năng

Biết cách viết bài văn nghị luận văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận. Bố cục hợp lí, chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

II/ Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến: Vì sao người mẹ lại mong con mình lớn lên làm thi sĩ?

- Vì muốn làm thi sĩ để mang lòng từ tâm như một thứ hương hoa thuần khiết dâng cho cõi đời, để lưu giữ cái đẹp, cội nguồn nhân bản cho cuộc đời.
- Làm thi sĩ để cánh cò trong trắng của con lại bay hoài trong cõi thơ mênh mông, đánh thức những xao động tế vi và ngọt ngào của tâm hồn con người, của tâm hồn nhân loại.
- Mẹ mong con làm thi sĩ là để thoát khỏi những toan tính trần tục để hướng vào thế giới nội tâm của tâm hồn.

– Nếu con không thể trở thành một nhà thơ thì mẹ cũng mong con sẽ có trái tim của một thi sĩ đích thực ...

2.2. Từ mong ước của người mẹ trong bài thơ, suy nghĩ về vai trò của văn chương trong việc bồi đắp tâm hồn con người:

- Nếu các bộ môn Khoa học tự nhiên như Toán, Lí, Hóa ... bồi đắp cho con người trí tuệ thì văn chương lại bồi đắp cho tâm hồn con người:
 - Giúp con người biết yêu cái tốt, cái thiện, cái cao cả; căm ghét cái xấu xa, cái ác, cái thấp hèn ...
 - Biết đồng cảm, chia sẻ với nỗi đau của đồng loại
 - Biết nuôi dưỡng ước mơ và hi vọng sống tốt đẹp
 - Biết phê phán, đấu tranh, loại bỏ sự bất công, ngang trái, chà đạp lên nhân phẩm và quyền sống con người
 - Biết sống có lòng tin, lòng tốt và lòng yêu thương con người trong cuộc sống
- > Nói tóm lại, văn chương chân chính sẽ làm cho tâm hồn con người phong phú hơn, tinh tế hơn, sâu lắng hơn, nhân bản hơn và giúp con người hướng thiện, góp phần cho cuộc đời này ngày càng trở nên tươi đẹp hơn.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 76

Nhà thơ Pháp Andre Chanien từng nói: "*Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ.*"

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua *Mùa xuân nho nhỏ* của nhà thơ Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2004.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về kĩ năng

Biết cách viết bài văn nghị luận văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận. Bố cục hợp lí, chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

II/ Về kiến thức

Với những suy nghĩ độc lập, sáng tạo của bản thân, thí sinh có thể kết hợp nhiều thao tác lập luận để làm bài văn nghị luận. Sau đây là một số gợi ý định hướng:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề.

2/ Thân bài:

a. Giải thích:

- Nghệ thuật: Là những đặc sắc về hình thức (ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu...)
- Trái tim: Là thế giới của đời sống tâm hồn, tình cảm, tâm nguyện... với những rung động thẩm mỹ nhạy cảm thể hiện thiên chức của người nghệ sĩ.
- +Để có những bài thơ hay đòi hỏi người nghệ sĩ vừa phải có tài, vừa phải có tâm.
- Đây là ý kiến nhằm khẳng định, đề cao thiên chức của nhà văn và quá trình sáng tạo nghệ thuật.

b. Làm sáng tỏ qua Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải:

- Những đặc sắc về nghệ thuật: thể thơ năm tiếng, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, hình ảnh thơ đẹp, giản dị, sáng tạo...
- "Trái tim" của thi sĩ: mặc dù sống những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời trên giường bệnh nhưng tiếng lòng nhà thơ vẫn tha thiết yêu mến và gắn bó với thiên nhiên, đất nước, với cuộc đời; ước nguyện chân thành được cống hiến, được góp một "mùa xuân nho nhỏ" vào mùa xuân lớn của dân tộc...

c. Đánh giá:

- Mùa xuân nho nhỏ là một bài thơ vừa đặc sắc về nghệ thuật, vừa tiêu biểu cho "trái tim" của nhà thơ.
- Ý kiến của Andre Chenien giúp ta cảm nhận sâu sắc và trân trọng tài năng, trái tim của người nghệ sĩ...

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề.

ĐỀ SỐ 77

Có ý kiến cho rằng: *Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng thể hiện tình yêu và khát vọng được cống hiến cho đời của Thanh Hải. Hãy phân tích bài thơ để làm sáng tỏ ý kiến trên.*

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng: Biết làm kiểu bài nghị luận văn học, phân tích bài thơ để làm sáng tỏ một nhận định. Lập luận chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát có cảm xúc, ngôn ngữ có chọn lọc, không mắc các loại lỗi.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, dẫn dắt vấn đề nghị luận.

2/ Thân bài: Giải quyết vấn đề

- *Tiếng lòng thể hiện tình yêu thiên nhiên, đất nước:*

+ Tình yêu mùa xuân của thiên nhiên: Bức tranh mùa xuân tươi tắn, thơ mộng với những hình ảnh: *dòng sông xanh, bông hoa tím, chim chiền chiện hót vang trời...* => Nhà thơ đã cảm nhận bằng mọi giác quan, hình ảnh thơ trở nên lung linh, đa nghĩa; mùa xuân được đón nhận bằng một tình yêu tha thiết, tâm hồn lạc quan

+ Cảm xúc trước mùa xuân đất nước, tác giả hướng tình cảm của mình đến những con người cụ thể của quê hương dân tộc: các điệp từ “*mùa xuân*”, “*lộc*”, “*ngươi*” có ý nghĩa khái quát về cuộc sống, chiến đấu, lao động của nhân dân; nghệ thuật lặp cấu trúc “*tất cả như*” và lối so sánh trực tiếp diễn tả không khí khẩn trương, rộn ràng, náo nức.

Từ những con người cụ thể nhà thơ suy ngẫm về đất nước trong cảm nhận khái quát cùng cái nhìn suốt chiều dài lịch sử vừa xúc động vừa tự hào (*Đất nước như vì sao....*)

- *Khát vọng cống hiến cho đời:*

+ Nhà thơ tâm niệm về mùa xuân riêng của mỗi cuộc đời với khát vọng hòa nhập và dâng hiến cho mùa xuân chung của đất nước: nguyện làm *con chim hót, cành hoa, nốt trầm* trong bản hòa ca chung của đất nước, “*Mùa xuân nho nhỏ*” - một sáng tạo bất ngờ độc đáo, ẩn dụ về khát vọng, lẽ sống, ý thức cao đẹp => quan niệm sống đẹp, có trách nhiệm, việc cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên, thầm lặng, khiêm tốn như con chim cho tiếng hót, bông hoa dâng sắc hương....

+ Nhà thơ bộc lộ niềm yêu mến tự hào với cuộc đời trong tiếng hát tự nguyện – muốn hát lên điệu hát của quê hương xứ Huế.

- Thể thơ 5 chữ mang âm hưởng gần gũi với dân ca; hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị, giàu ý nghĩa khái quát biểu trưng; ngôn ngữ thơ trong sáng, giàu nhạc điệu; sử dụng nhiều biện pháp tu từ; cấu tứ chặt chẽ; giọng điệu thơ linh hoạt...

=> Bài thơ như một sự tổng kết đánh giá về cuộc đời nhà thơ, một cuộc đời dâng hiến trọn vẹn cho dù bệnh tật, ốm đau thậm chí cái chết kề cận. Điều đó thể hiện một bản lĩnh, một tình yêu cuộc sống mãnh liệt, một khát vọng sống đẹp.

3/ Kết bài: Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 78

So sánh ước nguyện của Thanh Hải trong Mùa xuân nho nhỏ và ước nguyện của Viễn Phương trong Viếng lăng Bác

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng: Biết làm kiểu bài nghị luận văn học, phân tích bài thơ để làm sáng tỏ một nhận định. Lập luận chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát có cảm xúc, ngôn ngữ có chọn lọc, không mắc các loại lỗi.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Mở bài:

Giới thiệu chung về 2 tác giả và 2 tác phẩm
Ai cũng có những ước muốn của riêng mình, ước muốn ấy có thể bình thường, giản dị nhưng cũng có thể là khao khát nguyện vọng thực hiện được khi thoát khỏi cái tôi cá nhân hóa thân, hòa nhập vào cộng đồng. Đứng trước thiên nhiên tươi đẹp của mùa xuân xứ Huế, Thanh Hải đã thể hiện khát vọng dâng hiến mùa xuân của mình vào mùa xuân chung đất nước qua bài thơ Mùa Xuân nho nhỏ. Hay đó là niềm thành kính, nỗi xúc động chân thành của Viễn Phương lần đầu ra thăm lăng Bác được bộc lộ qua bài thơ Viếng lăng Bác.

2. Thân bài:

Khổ 4,5 của bài Mùa xuân nho nhỏ: màu xuân gọi cho con người niềm tha thiết và hi vọng, dù ở cái tuổi gần đất xa trời và những ngày trên giường bệnh nhưng Thanh Hải vẫn bộc bạch tâm niệm của mình:

*Ta làm con chim hót,
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca,
Một nốt trầm xao xuyến*

- Điệp ngữ “*ta làm*” cộng với nhịp thơ dồn dập diễn tả khát vọng thôi thúc mãnh liệt trong lòng nhà thơ. Đó là khát vọng góp một phần nhỏ bé của mình để tô điểm cho mùa xuân quê hương.

Ước nguyện làm con chim để mang tiếng hát cho đời thêm rộn ràng, một cảnh hoa để khoe sắc trước ánh mặt trời tô điểm cho vẻ đẹp của cuộc sống, một nốt trầm góp nên bản hòa ca xao xuyến. Những nguyện ước ấy không cao xa, không ồn ào chứng tỏ nhà thơ rất khiêm tốn và mong muốn được cống hiến lặng thầm đời mình. Tiếng chim ấy, cảnh hòa ấy, khúc ca ấy đều là tấm lòng của nhà thơ để mừng cho ngày xuân thống nhất của quê hương, mừng cho xứ Huế thanh bình, mỗi ngày càng phát triển.

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc.

- Thái độ sống tích cực, lạc quan của một nhà thơ đã nhiều đóng góp cho nền thơ ca Việt Nam và cho cả cuộc kháng chiến vẫn cho sự cống hiến của mình là lặng lẽ. Dầu qua cái tuổi xuân của cuộc đời vẫn muốn cống hiến sức lực của mình.

- Điệp ngữ “*dù là*” là lời nhắc nhở bản thân luôn cố gắng để đối đầu với tuổi già, bệnh tật. Theo nhà thơ, không chỉ tuổi trẻ mới có nghĩa vụ đóng góp cho xã hội mà đó là nghĩa vụ của tất cả mọi người.

- Hình ảnh thơ gần gũi, mộc mạc, giọng thơ nhẹ nhàng, ngọt ngào như tiếng lòng thủ thỉ của chính nhà thơ. Ước nguyện đó là ước nguyện cao đẹp không cho riêng mình mà dành riêng cho cuộc đời.

Khổ thơ cuối Viếng lăng Bác

Mai về miền Nam, thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hát quanh lăng

Muốn làm bông hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

- Mặc dù đang đứng trước hình hài người lãnh tụ nhưng Viễn Phương đã lo sợ khi mai phải lìa xa nơi này. Nỗi thôi thúc trong lòng thành kính và tình cảm vô bờ đối với người lãnh tụ đã khiến nhà thơ bật lên thành tiếng khóc “*thương trào nước mắt*” ý thơ mộc mạc mà chân thành.

- Điệp ngữ “*muốn làm*” nhấn mạnh khát vọng được hóa thân để ở bên cạnh Người. Viễn phượng muốn làm con chim để hót chào bình minh thức dậy trước lừng và mang tiếng hát say sưa cho Bác ngủ yên bình, muốn làm đóa hoa trước lừng khoe sắc, muốn làm cây tre cạnh giữ sự thiêng liêng. Hình ảnh cây tre Việt Nam được lặp lại phân đầu thêm vào phẩm chất trung hiếu để hoàn thiện tính cách của người Việt Nam: kiên cường, bất khuất, trung hiếu.

- Viễn Phương sử dụng ngôn ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi cảm, tinh tế và khéo léo trong chọn lựa hình ảnh để bày tỏ tấm lòng thành kính của đứa con miền Nam khi đứng trước lừng Bác. Bài thơ truyền cho người đọc tình yêu mến vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân và thái độ sống ơn nghĩa, trung hiếu đối với đất nước.

*** So sánh:**

- *Điểm giống nhau:*

+ Cả hai đoạn thơ đều thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết được hoà nhập, cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước, nhân dân... Ước nguyện khiêm nhường, bình dị muốn được góp phần dù nhỏ bé vào cuộc đời chung.

+ Các nhà thơ đều dùng những hình ảnh đẹp của thiên nhiên là biểu tượng thể hiện ước nguyện của mình.

– *Khác nhau :*

+ Thanh Hải viết về đề tài thiên nhiên đất nước và khát vọng hoà nhập dâng hiến cho cuộc đời.

+ Viễn Phương viết về đề tài lãnh tụ, thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính khi tác giả từ miền Nam vừa được giải phóng ra viếng Bác Hồ.

3. Kết bài: Dù ngày Viễn Phương ra viếng lừng Bác đã rất xa, Thanh Hải thì không còn nhìn thấy mùa xuân quê hương mình nữa. Nhưng mỗi nhà thơ đều để lại những dòng thơ chan chứa, âm áp về tình người, tình cảm sâu nặng với quê hương, xứ sở.

ĐỀ SỐ 79

Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, tình yêu làng của nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” được nhà văn Kim Lân viết lại thật chân thành và cảm động.

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, tình yêu làng của những người con yêu quê hương được thể hiện như thế nào? Hãy viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ về tình cảm thiêng liêng đó?

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Có kĩ năng nghị luận về một vấn đề văn học, có lí lẽ thuyết phục và thể hiện được suy nghĩ cá nhân về tình yêu làng trong cuộc sống hiện đại.
- Bố cục hợp lí, rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc.

II. Yêu cầu về nội dung:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.

2/ Thân bài:

*** Tình yêu làng của ông Hai trong truyện ngắn “ Làng”:**

- Ông Hai có tình yêu làng thật đặc biệt:
 - + Ông rất tự hào về ngôi làng của mình, đi đến đâu ông cũng khoe làng (dẫn chứng)
 - + Trong thời gian tản cư nghe tin làng theo giặc ông đau khổ tận cùng, khi nghe tin cải chính ông vui sướng vô cùng (dẫn chứng)
- Tình yêu làng của ông Hai giản dị mà sâu sắc, gắn bó với tình yêu nước.

*** Suy nghĩ về tình yêu làng trong cuộc sống hiện tại:**

- Có điểm giống với ông Hai: yêu mến, tự hào về làng quê của mình
- Nhưng cũng có điểm khác:
 - + Người dân hôm nay không phải chiến đấu với giặc để bảo vệ làng quê của mình

+ Sống trong hòa bình, độc lập, người dân đã hăng hái phát triển kinh tế, tích cực tham gia các hoạt động....làm thay đổi diện mạo quê hương (dẫn chứng)

+ Có những người xa quê vẫn nhớ về quê hương, bản quán, họ vẫn hướng về quê bằng tình yêu và bằng cả những hành động thiết thực như quyên góp, công đức để xây dựng làng xã..... (dẫn chứng)

- Tuy nhiên tình yêu làng ở một số người bị phai nhạt: khinh miệt làng quê nghèo đói, tự bỏ quê hương, không nhớ tới quê hương đâu đã thành đạt-> đáng lên án.

=> Đánh giá chung: Dầu ở thời đại nào, tình yêu làng cũng là một biểu hiện giản dị mà sâu sắc của tình yêu đất nước.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 80

Hình ảnh con người Việt Nam trong chiến tranh qua hai truyện ngắn “ Làng “(của Kim Lân) và “ Chiếc lược ngà “ (của Nguyễn Quang Sáng).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Có kĩ năng nghị luận về một vấn đề văn học, có lí lẽ thuyết phục và thể hiện được suy nghĩ cá nhân về hình ảnh con người Việt Nam trong chiến tranh qua hai truyện ngắn “ Làng “(của Kim Lân) và “ Chiếc lược ngà “

- Bố cục hợp lí, rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Văn viết trong sáng, có cảm xúc.

II. Yêu cầu về nội dung:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu về truyền thống yêu nước, yêu làng quê của dân tộc VN.
- Giới thiệu hai tác phẩm: “ Làng “ (Kim Lân) và “ Chiếc lược ngà “ (Nguyễn Quang Sáng) → viết về hình ảnh con người Việt Nam và tình cảm của họ trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt.
- Nhận xét chung về phẩm chất, tình cảm, vẻ đẹp tâm hồn của con người Việt Nam trong hoàn cảnh chiến tranh được thể hiện qua hai tác phẩm trên.

2/ Thân bài:

(Có thể phân tích lần lượt từng tác phẩm hoặc gộp chung)

2.1. Con người Việt Nam hiện lên trong truyện ngắn “Làng ” của nhà văn Kim Lân (với nhân vật chính: Ông Hai)

- Yêu làng, tự hào về làng mình giàu đẹp. Say mê kể về làng - khoe làng một cách say mê, náo nức lạ thường.
- Yêu làng, ông Hai tự hào về những thành tích trong kháng chiến của làng, tự hào về tinh thần chiến đấu dũng cảm của làng ông trong chiến tranh.
- Khi xa làng đi tản cư, ông bồn chồn, ray rứt, tiếc nuối về những ngày tham gia chiến đấu cùng anh em đồng chí ở lại làng. Luôn quan tâm theo dõi tin tức của làng mình và mong ước được trở lại làng chiến đấu cùng anh em đồng chí.
- Khi nghe tin “ Làng ông theo Tây “→Ông đau xót, tủi hổ, dằn vặt , rồi dần đến tuyệt vọng khi chủ nhà có ý đuổi gia đình ông đi, không cho ở nữa, vì gia đình ông là người làng theo Tây, việt gian bán nước(được miêu tả qua những diễn biến tâm lí phức tạp).
- Khi nghe tin “làng ông theo giặc ” được cải chính, ông mừng rỡ đi khoe với nhiều người, đến nhiều gia đình khoe làng ông chiến đấu kiên cường, rằng làng ông không phải theo Tây, rằng nhà ông bị giặc Tây đốt nhẵn...

➔ Tóm lại, ở Ông Hai ,tình yêu làng quê hoà quyện, gắn chặt với tình yêu đất nước, thống nhất với tình cảm kháng chiến. Ông Hai là một điển hình cho những người nông dân sống mộc mạc, chân chất nhưng tâm hồn chứa đựng biết bao tình cảm đáng trân trọng: yêu làng quê, yêu đất nước, ủng hộ công cuộc kháng chiến của cả dân tộc. Tình cảm gắn bó với làng quê bộc lộ và trỗi dậy trong hoàn cảnh chiến tranh thật đặc biệt . Và họ luôn đặt quyền lợi của gia đình, tình yêu làng dưới tình yêu đất nước và quan trọng hơn bao giờ hết đối với họ là góp phần cho cuộc kháng chiến của dân tộc mau chóng đi đến thắng lợi.

2.2. Hình ảnh con người Việt Nam trong chiến tranh qua tác phẩm “ Chiếc lược ngà”:

- Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của đất nước, họ rời xa làng quê, rời xa người thân để ra đi, mang theo cả những tâm tư nỗi niềm, những nguyện ước đang canh cánh bên lòng. Anh Sáu ra đi khi con còn rất nhỏ. Tình cha con bị chia cắt bởi chiến tranh ác liệt.

- Chính hoàn cảnh chiến tranh nghiệt ngã đã gây nên những bi kịch trong tình cha con của Anh Sáu, mà anh là người phải chấp nhận những đòn đau. Anh Sáu về phép mấy ngày nhưng đứa con gái yêu quý của Ông (Bé Thu) không nhận cha. Bom đạn, khói lửa của chiến tranh đã làm thay đổi một phần trên nét mặt của người cha, làm cho Bé Thu không nhận ra được, vì không giống với người trong tấm ảnh . Thật cảm động , khi mà Bé Thu nhận ra cha thì đó cũng là lúc Anh Sáu phải ra đi... Chiến tranh không những gây nên những vết thương trên thân thể người lính mà còn gây nên cả những vết thương trong trái tim của họ. Dù đau đớn, nhưng họ vẫn hướng về phía trước, về cuộc chiến đấu, và Tổ quốc thân yêu...

- Khi con đã trưởng thành, đã hiểu ra được ý nghĩa của cuộc chiến đấu của thế hệ cha anh và sẵn sàng chờ đợi ngày chiến thắng để được đoàn tụ gia đình, thì đó chính là lúc người cha mãi mãi nằm lại nơi chiến trường xa xôi. Chiến tranh đã gây chia cắt và mất mát trong cuộc sống gia đình, trong tình cha con. Thế nhưng họ vẫn vượt qua để phụng sự Tổ quốc . Họ đã sống vì Tổ quốc, vì nhân dân mà quên mình...

3/ Kết bài: Tóm lại, hình ảnh con người Việt Nam trong hoàn cảnh chiến tranh thật đẹp đẽ. Dù trong hoàn cảnh đen tối như thế nào, họ vẫn vươn lên , vẫn hướng về Tổ quốc thân yêu với một tình yêu thiêng liêng ,cao cả...

ĐỀ SỐ 81

Truyện ngắn “*Làng*” của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp?

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Có kĩ năng nghị luận về một vấn đề văn học, có lí lẽ thuyết phục.
- Bố cục hợp lí, rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc.

II. Yêu cầu về nội dung:

1/ Mở bài: nêu vấn đề nghị luận: Những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp mà tiêu biểu là nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng”.

Ví dụ: Kim Lân là nhà văn am hiểu cuộc sống nông thôn và người dân Miền Bắc. Ông có sở trường viết truyện ngắn và truyện của ông thường viết về đề tài nông dân. Truyện ngắn “Làng” được ông sáng tác trong lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang bùng nổ trên quy mô toàn quốc. Đây là một tác phẩm xuất sắc thể hiện thành công hình ảnh người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến mà tình yêu làng quê đã hoà nhập trong lòng yêu nước và tinh thần của người dân kháng chiến. Nhân vật ông Hai trong truyện có những nét tình cảm cao đẹp và đáng quý đó.

2/ Thân bài:

Luận điểm 1 : Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi đi tản cư.

– Cũng như bao con người Việt Nam khác ông Hai cũng có một quê hương để yêu thương, gắn bó. Làng chợ Dầu luôn là niềm tự hào, kiêu hãnh của ông. Kháng chiến bùng nổ, người dân phải dời làng đi sơ tán, ông Hai cũng theo dòng người ấy sơ tán đến một miền quê xa xôi, hẻo lánh. Ông Hai thực sự buồn khi phải xa làng. Ở nơi tản cư, lòng ông đau đáu nhớ quê, cứ “*nghĩ về những ngày làm việc cùng anh em*”, ông nhớ làng quá.

– Ông Hai luôn khoe và tự hào về cái làng Dầu không chỉ vì nó đẹp mà còn bởi nó tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc.

– Ông luôn tìm cách nghe tin tức về kháng chiến “*chẳng sót một câu nào*”. Nghe được nhiều tin hay , những tin chiến thắng của quân ta, ruột gan ông cứ múa cả lên, náo nức, bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc.

Luận điểm 2: Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc:

(Nhưng khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc thì bao nhiêu tình cảm tốt đẹp ấy trong ông Hai bỗng nhiên biến thành những nỗi lo âu, dằn vặt)

– Khi nghe tin quá đột ngột, ông Hai sững sờ, xấu hổ và uất ức: “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”. Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông còn cố chưa tin cái tin ấy”. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên” làm ông không thể không tin. Niềm tự hào về làng thế là sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quý nhất nay cũng đã lại quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như chết mất một nửa.

– Từ lúc ấy trong tâm trí ông Hai chỉ còn có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh day dứt. Ông tìm cách lảng tránh những lời bàn tán và cúi gằm mặt xuống ra về. Nghe

tiếng chửi bọn Việt gian, ông “*cúi gằm mặt mà đi*”, về đến nhà ông nằm vật ra giường, rồi tủi thân nhìn đàn con, “*nước mắt ông lão cứ giàn ra*”. Bao nhiêu câu hỏi dồn về xoắn xuýt, bủa vây làm tâm trạng ông rối bời trong cơn đau đớn, hụt hẫng đến mê dại, dữ dằn và gay gắt.. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.

– Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu. Ông quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài. “Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Thoảng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam –nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”

– Nhưng chính lúc này, tình cảm đẹp trong con người ông Hai lại càng được bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Những đau đớn, dằn vặt, sự hồ thẹn đến tột cùng đã đẩy ông Hai vào một tình huống phải lựa chọn. Quê hương và Tổ Quốc, bên nào nặng hơn? Quê hương đáng yêu, đang tự hào... Nhưng giờ đây.... dường như mới chỉ nghĩ tới đó, lòng ông Hai đã nghẹn đắng lại. Tình yêu quê hương và tình yêu tổ quốc xung đột dữ dội trong lòng ông. Một ý nghĩ tiêu cực thoáng qua trong đầu: Hay là quay về làng. Nhưng rồi ông cảm thấy “rợn cả người”. Ông đã từng nhớ làng da diết, từng ao ước được trở về làng. Nhưng “vừa chớm nghĩ, lập tức ông *lảo đảo ngay*” bởi vì “*về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ*”. Cuối cùng ông đã quyết định: “không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Như vậy, tình yêu làng dẫu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu, cũng không thể mạnh hơn tình yêu đất nước.

– Chuẩn mực cho tình yêu và niềm tự hào về quê hương, đối với ông Hai lúc bấy giờ là cuộc kháng chiến. Tuy đau xót tưởng chừng bế tắc nhưng trong cội thẳm sâu của tấm lòng, người nông dân ấy vẫn hướng về kháng chiến, vẫn tin ở những điều tốt đẹp, cố giữ cho tâm hồn không vẩn đục, để đón đợi một điều gì đỡ đau đớn, tuyệt vọng hơn.

+ Khi tâm sự với đứa con nhỏ còn rất ngây thơ, nghe con nói: “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”, nước mắt ông Hai cứ giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má, giọng ông như nghẹn lại: “ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ?”. Phải chăng, trong tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn không phút nào nguôi ngoai nỗi nhớ quê hương, yêu quê hương và nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương rời xa công việc chiến đấu chung của đất nước bấy giờ? Tâm sự với đứa con, ông Hai muốn bảo con nhớ câu “nhà ta ở làng chợ Dầu”. Đồng thời ông nhắc con- cũng là tự nhắc mình “ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”. Tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng thật sâu nặng, bền vững và thiêng liêng: “Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”.

Luận điểm 3: Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng được cải chính.

– Đến khi biết đích xác làng Dầu yêu quý của ông không phải là làng Việt gian, nỗi vui mừng của ông Hai thật là vô bờ bến: “*Ông cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi*

người”, mặt ông “tươi vui, rạng rỡ hẳn lên”. Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời, vậy mà ông sung sướng hể hả loan báo cho mọi người biết cái tin “*Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ*” một cách tự hào như một niềm hạnh phúc thực sự của mình. Đó là nỗi lòng sung sướng trào ra hồn nhiên như không thể kìm nén được của người dân quê khi được biết làng mình là làng yêu nước đầu cho nhà mình bị giặc đốt. Tình yêu làng của ông Hai thật là sâu sắc và cảm động.

– So với lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao trước cách mạng tháng Tám, rõ ràng ta thấy ông Hai có những điểm tiến bộ vượt bậc trong nhận thức, tâm hồn, tình cảm và tính cách. Đó chính là nhờ vào đường lối giác ngộ cách mạng của Đảng, Bác Hồ mà học có được. Lão Hạc và ông Hai có những điểm tính cách khác nhau nhưng họ vẫn có những phẩm chất của những người nông dân giống nhau, đều hiền lành, chất phác, lương thiện. Khi cách mạng tháng Tám thành công đã đem đến sự đổi đời cho mỗi người nông dân. Từ một thân phận nô lệ phụ thuộc họ trở thành một người tự do làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước. Từ đó đã củng cố và làm nền tảng vững chắc cho tình yêu quê hương, đất nước, trở thành một tình cảm vững bền, thiêng liêng sâu nặng, nồng cháy. => Trong hoàn cảnh toàn dân đang hướng tới cuộc kháng chiến chống pháp, bảo vệ độc lập dân tộc, ông Hai đã biết đặt tình yêu đất nước lên trên tình yêu cá nhân của mình với làng chợ Dầu, ông dành tất cả cho cách mạng. Đó chính là nét đẹp trong con người ông Hai nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung.

– Văn hào I-E- ren - bua có nói: ... “*Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu tổ quốc*”. Ông Hai đúng là một con người như thế. Niềm vui, nỗi buồn của ông đều gắn bó với làng. Lòng yêu làng của ông chính là cội nguồn của lòng yêu nước.

Luận điểm 4: Nghệ thuật xây dựng nhân vật ông Hai

– Nhà văn Kim Lân đã khá thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai, một lão nông cần cù, chất phác, yêu mến, gắn bó với làng quê như máu thịt.

+ Nhà văn đã chọn được một tình huống khá độc đáo là sự thử thách bên trong bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

+ Tâm lý nhân vật được nhà văn miêu tả cụ thể, gợi cảm qua các diễn biến nội tâm, qua các ý nghĩ, cảm giác, hành vi, ngôn ngữ. Đặc biệt là nhà văn đã diễn tả đúng và gây được ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật.

VD1 (tâm trạng) : Khi nghe tin làng theo giặc thì bị dằn vặt, đau khổ : « Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng. thôi lại chuyện ấy rồi ». Khi tin đồn được cải chính thì « cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên ».

VD2 : Miêu tả đúng các « phản ứng » bằng hành động của một người nông dân hiền lành, chất phác và chưa đọc thông, viết thạo : Khi muốn biết tin tức thì : « ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm ». Khi nghe tin làng theo giặc thì « ông Hai cứ cúi gằm mặt xuống mà đi » rồi « nắm chặt hai bàn tay mà rít lên : « chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này ». Khi tin đồn được cải chính thì « ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin đồn ấy với mọi người.

VD3 : Ngoài ra còn phải kể đến các hành động, lời nói, suy nghĩ của nhân vật ông Hai trong mối quan hệ với các nhân vật khác như : Bà Hai, các con, mẹ chủ nhà....

+ Các hình thức trần thuật (đối thoại, độc thoại....)

3/ Kết bài

– Sức hấp dẫn của hình tượng nhân vật ông Hai.

– Thành công của nhà văn khi xây dựng nhân vật ông Hai.

Ví dụ: Qua truyện ngắn “Làng”, tác giả đã khắc hoạ thành công hình tượng một người nông dân yêu làng, yêu nước hồn nhiên chất phác nhưng xúc động. Hình tượng nhân vật ông Hai vừa phản ánh chân thực những nếp cảm, nếp nghĩ của người nông dân Việt Nam trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, vừa có ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với nhiều thế hệ bạn đọc. Qua truyện ngắn này, ta có thể hiểu được một cách sâu sắc thêm về hình ảnh những người dân kháng chiến Việt Nam với tình yêu quê hương đất nước.

ĐỀ SỐ 82

Với truyện ngắn « Làng », Kim Lân muốn nói với chúng ta : *Cách mạng và kháng chiến chẳng những không làm mất đi tình yêu làng quê truyền thống mà còn đưa đến cho tình cảm ấy những biểu hiện hoàn toàn mới mẻ.*

Hãy làm rõ nhận định trên qua việc phát triển niềm hãnh diện của ông Hai về làng chợ Dầu và nỗi đau buồn tủi hổ khi ông lầm tưởng làng ông theo giặc.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Có kĩ năng nghị luận về một vấn đề văn học, có lí lẽ thuyết phục.

- Bố cục hợp lí, rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc.

II. Yêu cầu về nội dung:

1/ Mở bài :

- Giới thiệu ngắn gọn về tác giả và tác phẩm
- Trích dẫn ý kiến

2/ Thân bài

2.1. Tình yêu, niềm hãnh diện của ông Hai với làng chợ Dầu, một tình cảm truyền thống của người nông dân VN.

- Ông luôn khoe làng, nhớ về làng, nhớ anh em xẻ đất ụ, hào.... nhớ khóa bình dân học vụ ở làng....

=> Làng chợ Dầu luôn là ruột thịt, gắn bó, là nỗi nhớ của ông.

2.2. Biểu hiện mới mẻ.

- Tình yêu làng gắn bó máu thịt với cuộc kháng chiến ở làng chợ Dầu.
- Tất cả buồn vui của ông đều gắn với làng, với cách mạng. Những lời tuyên truyền của ông đều liên quan đến làng quê, đến kháng chiến, đến cách mạng.
- + Vừa nghe tin -> quay phắt lại, lắp bắp – ý nghĩ làng quê luôn thường trực, ám ảnh -> nói nhanh trong tâm trạng lo lắng.
- + Cổ nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân -> cảm giác bàng hoàng, sững sờ khi nghe tin dữ, tủi hổ đến tê dại.
- + Tin đột ngột + nỗi đau xót khiến ông Hai lạng người đi tưởng như không thở được.
- => Kim Lân đã diễn tả rất cụ thể nỗi đau đớn xót xa của ông khi làm tướng làng ông theo tây. Càng yêu làng bao nhiêu, ông Hai càng tủi hổ bấy nhiêu trước cái tin dữ ấy.
- ông đứng lảng ra chỗ khác, không dám nhận mình là người làng chợ Dầu. Cảm giác tủi hổ đeo bám -> ông cúi gằm mặt xuống mà đi.

– Ông lão đau khổ, nước mắt cứ giàn ra, không biết trút nỗi đau khổ vào đâu, ông đau đớn rít lên :...

– Suy nghĩ , tâm trạng chủ yếu của ông được thể hiện qua hành động, câu nói, cử chỉ – những yếu tố miêu tả bên ngoài. Có độc thoại nội tâm nhưng rất ít-> phù hợp với ông Hai,một nông dân chất phác, giản dị -> thể hiện tình cảm rất mộc mạc, giản dị, rất nông dân.

– Tin làng theo giặc cứ ám ảnh ông -> ông không dám đi đâu

– Không có ai để thổ lộ tâm sự _ trò chuyện với đứa con để vơi bớt nỗi khổ tâm, dằn vặt trong lòng ông. ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình oan cho lòng mình nữa, cho vơi bớt nỗi nhớ thương.

– Lời của trẻ nhỏ hay chính là tấm lòng của ông với cách mạng, với kháng chiến -> cảm động, nước mắt giàn ra, nói với con hay chính là tự nhủ lòng mình.

=> Khẳng định tình cảm sắt son của ông, của người dân làng chợ Dầu với cách mạng. ông muốn mình oan cho mình hay cho làng quê, nơi chôn rau cắt rốn của ông.

=> Kim Lân đã thể hiện hết sức mộc mạc, chân quê nhưng sâu sắc tình yêu làng quê, yêu kháng chiến, cách mạng của người nông dân.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 83

Trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long), nhân vật người họa sĩ nghĩ rằng: “*Ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật (...) trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời*”.

Em có đồng ý với suy nghĩ trên không? Bằng những hiểu biết về mối quan hệ giữa nghệ thuật (nói chung) và văn học (nói riêng) với hiện thực cuộc sống, em hãy viết bài văn đối thoại với nhân vật người họa sĩ.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng

– Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

– Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

– Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

– Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ; trình bày bài rõ ràng.

II/ Yêu cầu về nội dung

Học sinh có thể đưa ra ý kiến đồng tình, phản bác hoặc đồng tình một phần và có bổ sung các quan điểm, suy nghĩ khác. Dưới đây là một hướng làm bài:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích: Từ suy nghĩ của nhân vật người họa sĩ, học sinh có thể rút ra một trong hai nội dung sau:

+ Cuộc đời đa chiều, đa diện, vô cùng phong phú, phức tạp (cuộc hành trình vĩ đại), vì thế nghệ thuật không dễ gì phản ánh được tất cả mọi phương diện, khía cạnh của cuộc đời (sự bất lực của nghệ thuật).

(+ Nghệ thuật cũng có nhiều hạn chế trong việc tác động đến con người và cuộc sống.)

2.2. Bày tỏ suy nghĩ của bản thân:

+ Ý kiến của người họa sĩ khi nói về giới hạn của nghệ thuật là đúng. Là một hình thái ý thức xã hội, một sản phẩm thẩm mỹ độc đáo nảy sinh trong quá trình sáng tạo theo quy luật cái đẹp, nhiệm vụ của nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng là phản ánh đời sống. Tuy nhiên, thực chất của việc phản ánh hiện thực là phản ánh cách nghĩ của nhà văn về hiện thực. Mặt khác, cuộc sống luôn biến đổi không ngừng, “sự thật hôm nay không thật đến ngày mai” (Xuân Diệu), mọi biểu hiện của cuộc sống là vô cùng đa dạng, khó có thể nắm bắt. Do đó chẳng dễ gì để nghệ thuật thể hiện hết mọi góc, mọi mảng, mọi màu, mọi vẻ của đời sống.

(+ Cũng vậy, do phụ thuộc vào người đọc, nghệ thuật rất khó tác động đến đời sống.)

+ Tuy nhiên với tài năng sáng tạo nghệ thuật và tâm huyết đối với cuộc đời, các nghệ sĩ vẫn không ngừng lao tâm khổ tứ để sáng tạo nên những tác phẩm vừa miêu tả sâu sắc hiện thực vừa thể hiện rõ nét tư tưởng, tình cảm của người sáng tác. Cần thấy rằng nghệ thuật tuy không tái hiện được tất cả những thứ hiện diện trong đời sống nhưng nghệ thuật vẫn khắc họa được bản chất của cuộc đời với những nét cốt lõi, đáng chú ý nhất.

(+ Cũng thế, qua con đường tác động đến tình cảm con người, qua bạn đọc tích cực, nghệ thuật cũng có những tác động một cách hiệu quả đến cuộc sống.)

Phân tích một số tác phẩm nghệ thuật (nói chung) và văn học (nói riêng) để đối thoại với nhân vật người họa sĩ về mối quan hệ giữa nghệ thuật với hiện thực cuộc sống. Cần thấy được nghệ thuật (nói chung) và văn học (nói riêng) đã giúp ta thấy được hiện thực xã hội lẫn hiện thực tâm trạng của con người. Ví dụ: Truyện Kiều cho thấy sự thối nát của xã hội phong kiến, bên cạnh đó là bi kịch và vẻ đẹp tâm hồn của nàng Kiều, Lặng lẽ Sa Pa vẽ ra không khí hăng say xây dựng đất nước và những tình cảm đẹp của con người với quê hương, với người xung quanh,...

2.3. Đánh giá, nhận xét:

+ Nhận định của nhân vật người họa sĩ cho thấy ý thức về những giới hạn của nghệ thuật trong việc phản ánh cuộc đời. Thế nên, mỗi nghệ sĩ phải không ngừng cố gắng rèn ngòi bút, luyện tài năng để rút ngắn những giới hạn ấy.

+ Nghệ thuật phản ánh cuộc sống chứ không phải chạy theo cuộc sống. Người nghệ sĩ nên chú ý đến chiều sâu của hiện thực được phản ánh hơn là bề rộng của hiện thực được phản ánh.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 84

Đọc truyện *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, tuổi trẻ chúng ta cảm nhận được bao điều bổ ích, thú vị: cuộc đời thật đẹp và đáng yêu; chung quanh ta có biết bao con người đẹp, tâm hồn họ, việc làm của họ làm ta cảm phục, kính yêu.

Em có suy nghĩ gì về ý kiến trên? Liên hệ với thực tế cuộc sống hiện nay.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.
- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ; trình bày bài rõ ràng.

II/ Yêu cầu về nội dung

1/ Mở bài:

- Giới thiệu về Nguyễn Thành Long và truyện ngắn *Lặng Lẽ Sa Pa*.
- Bày tỏ sự tán đồng về ý kiến nêu ở đề bài.

2/ Thân bài:

- Những con người trong *Lặng Lẽ Sa Pa* là những con người đẹp, tâm hồn họ, việc làm của họ làm ta cảm phục, kính yêu.

+ Anh thanh niên có một hoàn cảnh sống và làm việc thật đặc biệt: một mình trên đỉnh Yên Sơn, cao 2600 mét, thách thức lớn nhất của anh đó là sự cô độc. anh yêu công việc, tự giác và có tinh thần trách nhiệm cao. Anh có những suy nghĩ sâu sắc về cuộc sống và công việc. anh tự tạo cho mình cuộc sống ngăn nắp, thú vị và chủ động. anh sống hồn nhiên, chân thực, cởi mở và khiêm tốn (dẫn chứng, phân tích)

+ Ông kĩ sư vườn rau lặng lẽ nghiên cứu cách tạo ra su hào to hơn, ngọt hơn để phục vụ nhân dân. người cán bộ khoa học 11 năm ròng lập bản đồ sét...

+ Họ là những con người lao động bình dị, lặng lẽ, sống và cống hiến hết mình cho đất nước. nhờ có họ, chúng ta thấy cuộc đời đẹp hơn, đáng yêu hơn.

- Liên hệ với cuộc sống hiện nay: cuộc sống hiện nay thay đổi rất nhiều so với năm 1970. Thời buổi kinh tế thị trường, một bộ phận không nhỏ sống bon chen, giành giật, vun vén cá nhân... làm rạn nứt nhiều mối quan hệ tốt đẹp.
- Tuy nhiên, có rất nhiều người tốt, việc tốt đáng quý, đáng khâm phục (dẫn chứng)

3/ Kết bài:

- Rút ra bài học cho bản thân: xác định cách sống đúng đắn
- Có niềm vui, niềm tin vào cuộc đời.

ĐỀ SỐ 85

Có người nhận xét “*Lặng lẽ Sa pa*” là một bài thơ bằng văn xuôi ngợi ca vẻ đẹp trong sự lặng lẽ tỏa hương của thiên nhiên và con người.

Phân tích truyện ngắn “ *Lặng lẽ sa pa*” của Nguyễn Thành Long để làm rõ ý kiến trên

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.
- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ; trình bày bài rõ ràng.

II/ Yêu cầu về nội dung

1/ **Mở bài:** Giới thiệu được tác giả, tác phẩm và vấn đề sẽ phân tích .

2/ Thân bài:

2.1. **Giải thích ngắn gọn nhận xét của đề.** Bài thơ bằng văn xuôi, áng văn xuôi giàu chất thơ, ca ngợi vẻ đẹp lặng lẽ thơ mộng của thiên nhiên và con người.

2.2. **Phân tích chất thơ của truyện.**

a/ Vẻ đẹp thiên nhiên SaPa

- Hình ảnh mây rơi xuống đường, luồn cả vào gầm xe, khiến ta có cảm tưởng như đi trên mây.

- Hình ảnh nắng chiều mạ bạc cả con đèo, đất trời như tỏa sáng.

b/ Vẻ đẹp của con người SaPa.

- Nhân vật chính, anh thanh niên , và một số nhân vật phụ; ông họa sĩ, cô kĩ sư mới ra trường, ông kĩ sư chờ rét.....
- Cái lặng lẽ của công việc âm thầm ít ai biết đến trong một không gian vắng lặng.
- Trong cái lặng lẽ của đất trời, công việc là những con người, những tâm hồn không lặng lẽ, vì họ đang làm những công việc có ý nghĩa quan trọng đối với đất nước; là sự hăng say trong công việc, hiến mình cho công việc cho, đất nước, cho nhân dân.

Đó chính là vẻ đẹp tâm hồn bình dị, khiêm tốn và hồn nhiên của những con người ở SaPa.

2.3.Đánh giá chung.

Khẳng định lại vấn đề và giá trị của tác phẩm “*Lặng lẽ SaPa*” là một áng thơ bằng văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động, nhưng tri thức mới đang thầm lặng hiến dâng tất cả sức lực và tuổi trẻ cho nhân dân, cho đất nước

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 86

Hình ảnh người lao động mới trong các tác phẩm : “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long, “*Đoàn thuyền đánh cá*” của Huy Cận.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.
- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ; trình bày bài rõ ràng.

II/ Yêu cầu về nội dung

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề: Hình ảnh người lao động mới trong hai tác phẩm : “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long, “*Đoàn thuyền đánh cá*” của Huy Cận.

2/ Thân bài:

2.1. Giới thiệu chung : Họ là những người có trái tim giàu tình yêu lao động , yêu con người, yêu quê hương đất nước. Ở họ tràn đầy niềm lạc quan, niềm tin yêu cuộc sống, đang âm thầm lặng lẽ đem hết tài năng và sức lực của mình cống hiến cho công cuộc xây dựng đất nước trên bước đường đi lên CNXH ở miền Bắc trong giai đoạn lúc bấy giờ.

2.2. Phân tích cụ thể :

a- Anh thanh niên trong truyện ngắn “ *Lặng lẽ Sa Pa*”:

- Yêu thích công việc, gắn bó, không rời khỏi vị trí làm việc một giờ nào, mặc dù nơi anh sống và làm việc là một đỉnh núi cao trên hai nghìn sáu trăm mét, quanh năm không một bóng người. Có lúc anh “ thèm người” đến độ cháy bỏng.
- Anh luôn vượt qua những khó khăn trong cuộc sống để hoàn thành tốt công việc của mình, góp phần dự báo chính xác về thời tiết toàn miền Bắc, phục vụ sản xuất và chiến đấu.
- Anh luôn tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc thật sự từ trong công việc của mình, nhất là khi công việc của anh mang lại kết quả cho công việc chung .
- Anh còn là người luôn có ý thức học tập không ngừng(qua sách báo), biết sắp xếp cuộc sống của mình ngăn nắp, cẩn thận. Anh biết tự chăm sóc cho cuộc sống vật chất và tinh thần cho bản thân: trồng hoa, nuôi gà... Đặc biệt, biết quý trọng, chân thành cởi mở và luôn quan tâm đến người khác.

=> Đó là những con người lao động đang ngày đêm lặng lẽ cống hiến cho đất nước.

b- Hình ảnh những ngư dân đánh cá giữa biển đêm trong bài thơ “*Đoàn thuyền đánh cá* “ của Huy Cận:

- Họ say sưa làm việc trong tiếng hát thâu đêm: hát ra khơi, hát gọi cá vào lưới, tiếng hát gõ nhịp cùng trăng trời, hát căng buồm trở về khi cá đã đầy ắp khoang thuyền... Chính tình yêu , niềm say mê lao động đã tiếp thêm sức mạnh cho họ, giúp họ vượt qua bao lớp sóng điệp trùng . Họ rất khoẻ khoắn, vươn xa, làm chủ biển cả, “Ra đậu dặm xa dò bụng biển, dàn đan thế trận lưới vây giăng”. Tầm vóc của họ trở nên phi thường , kì vĩ, lớn ngang tầm với vũ trụ bao la...
- Họ làm việc trong niềm say mê và phấn khởi tự hào: tự hào về cuộc đời mới, làm chủ đất nước, làm chủ cuộc đời mình, tự hào về đất nước đang chuyển mình từng ngày trên con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tự hào về sự giàu đẹp của biển cả quê hương.
- Họ chiến đấu với sóng gió muôn trùng bằng nhiệt tình lao động, bằng niềm lạc quan tin tưởng vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Trong trái tim của những người lao động

ấy luôn chất chứa tình yêu đất nước, niềm lạc quan tin tưởng về những bước phát triển đi lên của đất nước...

3/ Kết luận: Hình ảnh của những người lao động trong hai tác phẩm đó thật tuyệt vời, thật đáng trân trọng. Hình ảnh của họ chính là vóc dáng của dân tộc một thời hào hùng đáng nhớ.

ĐỀ SỐ 87

Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình qua các tác phẩm Bếp lửa (Bằng Việt), Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)

(Ngữ văn 9, NXB Giáo dục, 2009)

GỢI Ý LÀM BÀI.

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Biết làm bài nghị luận về một vấn đề văn học, kết hợp các thao tác lập luận để tìm hiểu những khám phá và thể hiện của các nhà thơ qua vẻ đẹp hình tượng văn học của ba thi phẩm; kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở hiểu biết về giả, tác phẩm và vẻ đẹp tình cảm gia đình trong tác phẩm Bếp lửa (Bằng Việt), Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng) học sinh có thể có nhiều cách làm bài khác nhau, song cần đáp ứng được nội dung cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề.

2/ Thân bài:

2.1. Giới thiệu chung vài nét về đề tài tình cảm gia đình và sự khám phá thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong các tác phẩm văn học: đó là tình cảm của những thành viên, thế hệ trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh em dành cho nhau); tình cảm của sự sinh thành, nuôi dưỡng, chở che, đùm bọc và tấm lòng ứng xử của những con người trong gia đình với nhau; vẻ đẹp tình cảm gia đình được các nhà văn, nhà thơ khám phá và thể hiện vừa có nét gần gũi vừa khác biệt; tình cảm gia đình lại được hoà quyện với tình yêu quê hương đất nước...

2.2. Phân tích sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình qua hai tác phẩm:

a. Vẻ đẹp tình bà cháu

- Khám phá về tình bà cháu:

+ Tình yêu bà dành cho cháu - tình cảm hết sức bình dị và thiêng liêng, một cuộc đời vất vả, tần tảo, giàu đức hy sinh vì con cháu, trải qua bao khó khăn nhưng ngọn lửa của tình yêu thương, niềm tin hy vọng bà luôn nhen nhóm trong người cháu thân yêu.

+ Vẻ đẹp của tình cảm người cháu dành cho bà qua sự hồi tưởng được thể hiện trong thi phẩm: yêu, hiểu, biết ơn, luôn nhớ tới bà.

- Cách thể hiện trong tác phẩm:

+ Xây dựng hình ảnh thơ vừa cụ thể, gần gũi, vừa gợi nhiều liên tưởng, mang ý nghĩa biểu tượng (hình ảnh bếp lửa).

+ Viết theo thể thơ tám chữ phù hợp với giọng điệu cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm.

+ Kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận.

b. Vẻ đẹp tình cha con

- Khám phá về tình cha con:

+ Tình yêu thương sâu nặng người cha dành cho con: nhớ con, khao khát gặp con, nôn nao sung sướng khi được về thăm con; trong những ngày đoàn tụ luôn quan tâm, gần gũi chăm sóc con, mong chờ tiếng gọi cha của con; ở nơi chiến trường nhớ con, ân hận day dứt vì đánh con, dồn tình yêu, nỗi nhớ vào việc thực hiện lời hứa làm chiếc lược cho con, chỉ yên lòng nhắm mắt khi đồng đội nhận trao tận tay con chiếc lược.

+ Tình yêu thương mãnh liệt của người con dành cho cha: Kiên quyết, chối từ không nhận ông Sáu vì nghĩ rằng ông không phải là cha mình, trong lòng luôn tôn thờ yêu thương người cha trong tấm ảnh; khi hiểu ra, ân hận, tự hào về cha, bộc lộ tình cảm yêu cha một cách tự nhiên chân thành, mãnh liệt (qua tiếng gọi và hành động).

- Cách thể hiện trong tác phẩm :

+ Tạo tình huống truyện để thể hiện tình cha con trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh.

+ Cốt truyện chặt chẽ mang yếu tố bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý.

+ Lựa chọn nhân vật kể chuyện thích hợp khiến câu chuyện chân thực, thể hiện xúc động tình cha con.

+ Nghệ thuật miêu tả tâm lý, tính cách nhân vật, nhất là nhân vật trẻ em rất sinh động.

2.3. So sánh, đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề:

a. So sánh

- Những nét giống nhau trong việc khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình qua hai tác phẩm : tình yêu thương của sự chăm sóc, ân cần dạy dỗ, tấm lòng vị tha, đức hy sinh vì cháu, con - một tình cảm mang tính phổ quát.

- Những nét riêng trong việc khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình qua hai tác phẩm: hoàn cảnh, tình cảm, xuất phát từ mối quan hệ, tình cảm bà - cháu, cha-con..., và nét riêng trong hình thức thể hiện...

b. Đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề:

- Tình cảm gia đình là một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và quý giá của mỗi con người, mỗi tác giả bằng sự khám phá và thể hiện của mình đã đem đến cho văn học những tác phẩm giàu giá trị nhân bản, nhân văn sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục và lay thức tình cảm tốt đẹp của con người.

- Vẻ đẹp của tình cảm gia đình trong hai tác phẩm như những nét vẽ góp phần hoàn thiện bức chân dung gia đình của mỗi con người. Tình cảm ấy lại được hoà quyện thống nhất, gắn bó chặt chẽ với tình yêu quê hương đất nước. Đây cũng là một mạch nguồn tình cảm được lưu chuyển qua dòng chảy truyền thống của văn học dân tộc nhưng luôn có những khám phá, phát hiện và cách thể hiện theo những nét riêng, một đặc trưng quan trọng trong sáng tạo nghệ thuật.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề.

ĐỀ SỐ 88

Trong đoạn trích “ *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*”, Nguyễn Đình Chiểu đã đề cho Lục Vân Tiên trả lời Kiều Nguyệt Nga khi nàng tỏ ý muốn mời chàng về nhà để đền ơn cứu mạng:

“ *Làm ơn há để trông người trả ơn*”

Câu trả lời trên đã nêu lên một lẽ sống tốt đẹp ở đời như thế nào?

Theo em, lý tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu có giá trị đến ngày nay không ? Hãy trình bày ý kiến của em.

GỢI Ý LÀM BÀI

1/Đặt vấn đề.

- Giới thiệu nhân vật Nguyễn Đình Chiểu và quan niệm sống của ông.
- Giới thiệu câu nói của Lục Vân Tiên.
- Nêu nội dung bình luận: giúp người không cần đền đáp.

2/ Giải quyết vấn đề.

2.1.Giải thích

- Trên đường lên kinh đô thi, Lục Vân Tiên đã đánh tan bọn cướp Phong Lai cứu Kiều Nguyệt Nga, khi nàng chứng tỏ ý muốn đền ơn. Lục Vân Tiên đã từ chối

“ Làm ơn há để trông người trả ơn ”.

- Người anh hùng, kẻ trượng phu làm ơn, làm điều nghĩa không cần đền đáp. **2.2.Khẳng định vấn đề trên là đúng:**

- Lời từ chối thẳng thắn đã thể hiện phẩm chất cao đẹp của Lục Vân Tiên vì:
 - + Chàng là người xứng đáng được hưởng sự đền ơn, đáp nghĩa của Kiều Nguyệt Nga.
 - + Chàng “ *tả đột hữu xung*” đánh bọn cướp để cứu nàng.
 - + Nhưng Lục Vân Tiên không nhận sự đền đáp – bởi chàng là một người hào hiệp, đầy nghĩa khí lấy việc nhân nghĩa làm lẽ sống của đời mình.
 - + Lục Vân Tiên đã xác định lý tưởng sống của đời mình là:

“ Nhớ câu kiến ngãi bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”

Người anh hùng giữa đường gặp chuyện bất bình phải dẹp tan. Đó là nghĩa cử cao đẹp của Lục Vân Tiên. Vì thế không nhận của người đền ơn là một nét đẹp trong tình cảm, phù hợp với tính cách của nhân vật này.

2.3.Bàn luận mở rộng

- Qua nhân vật Lục Vân Tiên ta hiểu thêm về lý tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu. Ông luôn ca ngợi đề cao đạo đức tốt đẹp của nhân dân.

- Những nhân vật trong tác phẩm của ông đều là những người luôn luôn lấy việc nhân nghĩa làm lẽ sống, vô tư, không tính toán, khước từ mọi sự đền đáp.

+ Nhân vật ông Ngự cứu sống Lục Vân Tiên chẳng cần phải đền đáp: *“Dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn”*.

- Đặt trong hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ, một xã hội đầy rẫy những xấu xa, thối nát, không ít những kẻ như Bùi Kiệm, Trịnh Hâm thì quan niệm đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu là cao cả, đẹp đẽ, trong sáng tuyệt vời.

2.4. Liên hệ thực tế

- Ngày nay, quan điểm sống của Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành quan điểm sống trong mỗi người:

+ Ở gia đình: Hàng loạt việc làm nhân nghĩa của bản thân, của bố mẹ, anh chị như dắt một em bé qua đường, giúp kẻ tàn tật đến nhà, cứu người bị tai nạn...(1điểm)

+ Ở trường lớp: Hàng loạt phong trào thể hiện nghĩa cử cao đẹp: mua tấm ủng hộ người mù, tấm áo tặng bạn, quyên góp sách vở, quần áo cho các bạn nghèo, giúp đỡ các bạn nghèo trong lớp...(1điểm)

+ Ở địa phương: dưới sự lãnh đạo của Đảng, của địa phương đã thực hiện hàng loạt chính sách nhân nghĩa: giúp đỡ người nghèo thoát nghèo trong làm ăn; xây dựng nhà tình thương cho các hộ nghèo; các hộ gia đình thương binh liệt sĩ; có công với cách mạng; chính sách khuyến khích người khuyết tật...(1điểm)

3/ Kết thúc vấn đề:

- Khẳng định lại giá trị của câu thơ.

- Ngày nay, quan điểm sống của Nguyễn Đình Chiểu vẫn là nét đẹp trong tình cảm đạo đức của nhân dân ta. Đạo lý ấy cần được phát huy để xây dựng một xã hội giàu đẹp và văn minh.

ĐỀ SỐ 89

Vẻ đẹp của người anh hùng tài hoa, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài qua đoạn trích **Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga** (Nguyễn Đình Chiểu- Truyện Lục Vân Tiên).

GỢI Ý LÀM BÀI

1/ Mở bài:

- Truyện “Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu là một tác phẩm có sức sống mạnh mẽ và lâu bền trong lòng nhân dân, đặc biệt là nhân dân Nam Bộ.
- Nhân vật chính trong tác phẩm là Lục Vân Tiên, một người anh hùng tài hoa, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài.
- Đoạn trích “Lục Vân Tiên” nằm ở phần đầu của truyện.

2/ Thân bài:

a/ Lục Vân Tiên là người anh hùng tài hoa, dũng cảm:

- Trên đường xuống núi, về kinh đô ứng thi Vân Tiên đã đánh cướp để cứu dân lành:

“ Tôi xin ra sức anh đào

Cứu người cho khỏi lao đao buổi này”

- Mọi người khuyên chàng không nên chuốc lấy hiểm nguy vì bộm cướp thì quá đông mà lại hung hãn.

“Dân rằng lẽ nó còn đây

Qua xem tướng bậu thơ ngây đã đành

E khi họa hổ bắt thành

Khi không mình lại xô mình xuống hang”

- Trước một đối thủ nguy hiểm như vậy nhưng Vân Tiên không hề run sợ.

“Vân Tiên ghé lại bên đàng

Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”

- Vân Tiên đã quát vào mặt bọn chúng:

“ Kêu rằng: “ Bớ đảng hung đồ

Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”

- Tướng cướp Phong Lai thì mặt đỏ phừng phừng trông thật hung dữ. Vậy mà Vân Tiên vẫn xông vô đánh cướp. Hình ảnh Vân Tiên đánh cướp được miêu tả rất đẹp.

“Vân Tiên tả đột hữu xông

Khác nào Triệu Tử phá vòng Dương Dang”

Hành động của Vân Tiên chứng tỏ là người vì việc nghĩa quên mình, cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bênh vực kẻ yếu, chiến thắng những thế lực bạo tàn.

b/ Vân Tiên là người chính trực, trọng nghĩa khinh tài:

- Thái độ cư xử với Kiều Nguyệt Nga sau khi đánh cướp lại bộc lộ tư cách con người chính trực hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, cũng rất từ tâm, nhân hậu của Lục Vân Tiên. Khi thấy hai cô gái chưa hết hãi hùng, Vân Tiên động lòng tìm cách an ủi họ và ân cần hỏi han.

Vân Tiên nghe nói động lòng

Đáp rằng: “Ta đã trù dòng lâu la”

— Khi nghe họ nói muốn được lạy tạ ơn, Vân Tiên đã cười và khiêm nhường trả lời: “*Là ơn há để trông người trả ơn*”.

- Quan niệm sống của Vân Tiên là cách cư xử mang tính thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán. Vân Tiên quan niệm:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng

3/ Kết bài:

- Vân Tiên là người tài hoa, dũng cảm, chính trực hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài.

- Hình ảnh Lục Vân Tiên là hình ảnh đẹp, hình ảnh lí tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin và ước vọng của mình.

- Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị gần với lời nói thông thường trong nhân dân và mang đậm màu sắc địa phương Nam Bộ. Ngôn ngữ thiếu phần trau chuốt uyển chuyển nhưng lại phù hợp với ngôn ngữ người kể chuyện, rất tự nhiên, dễ đi vào quần chúng.

ĐỀ SỐ 90

“ Văn học trung đại nước ta sau những vấn đề đấu tranh xã hội, còn thường đề cập đến vấn đề đạo đức gia đình, đặc biệt là luôn đề cao những tấm gương hiếu thảo với cha mẹ ”

Qua một số tác phẩm văn học trung đại mà em đã học trong chương trình ngữ văn 9 hãy làm sáng tỏ nội dung “ *Văn học nước ta luôn đề cao những tấm gương hiếu thảo đối với cha mẹ*”.

Theo em, trong thời đại ngày nay, vấn đề đạo đức gia đình có còn quan trọng không? Vì sao?

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kỹ năng :

- Làm đúng kiểu bài văn nghị luận : văn học

Biết cách xây dựng và hệ thống luận điểm chặt chẽ dẫn chứng phong phú và phân tích có chọn lọc ,hợp lý

-Bố cục rõ ràng kết cấu chặt chẽ diễn đạt lưu loát

-Không mắc lỗi chính tả ,dùng từ ,ngữ pháp

II/ Yêu cầu nội dung :

1/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề.

2/ Thân bài:

2.1.Phân tích chứng minh làm rõ “ Văn học trung đại nước ta luôn đề cao những tấm gương hiếu thảo đối với cha mẹ ”

Học sinh có thể có dẫn chứng và phân tích khác nhau nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản sau đây :

- Văn học cổ luôn là tấm gương trung thực phản ánh những cuộc đấu tranh của dân tộc chống xâm lược ,những cuộc đấu tranh xã hội chống áp bức bất công. Nhưng bên cạnh đó ,văn học trung đại còn đề cập đến vấn đề đạo đức gia đình .Không ít tác phẩm trung đại đã nêu cao những hình ảnh cảm động ,những tình cảm đẹp đẽ về mối quan hệ giữa con cái và cha mẹ :

- Vũ Nương trong chuyện “ người con gái Nam Xương ” của Nguyễn Dữ đã thay chồng ở nhà phụng dưỡng mẹ chồng khi chồng đi lính ,chăm sóc chu đáo ,dùng lời ngon ngọt khuyên lơn khi mẹ bị bệnh nặng ,khi mẹ chồng lâm chung lo ma chay tế lễ như cha mẹ đẻ mình .

- Nàng Thúy Kiều trong “Truyện Kiều ”của Nguyễn Du ,trong cơn gia biến đã hy sinh mọi tình đầu vừa chớm nở để làm tròn chữ hiếu ,Kiều quyết định bán mình chuộc cha và em trai thoát khỏi những trận đòn roi nơi chốn lao ngục

- Trong những ngày lưu lạc nơi đất khách Kiều không nguôi nhớ thương cha mẹ

Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ

- Chàng Lục Vân Tiên trong “Truyện Lục Vân Tiên ”, Hăm hở đi thi thố nhưng lúc sắp vào trường thi được tin mẹ mất phải bỏ thi trở về ,trên đường về nhớ thương mẹ khóc đến mù đôi mắt .

- Nàng Kiều Nguyệt Nga trong truyện “ Lục Vân Tiên ” thân gái một mình vượt xa xôi vạn dặm lo bề nghi gia theo lời dạy của cha “Làm con dâu dám cãi cha, ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành”

2.2. Vai trò đạo đức gia đình trong thời đại ngày nay :

Đạo đức gia đình trong thời đại ngày nay đóng vai trò vô cùng quan trọng :

- Đạo đức gia đình, đặc biệt là tấm gương hiếu thảo giúp con người sống tốt đẹp hơn có nghĩa có tình

- Đạo đức gia đình là thước đo nhân cách con người

- Đạo đức gia đình còn làm cho xã hội văn minh

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề.

ĐỀ SỐ 91

Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh từng nhận xét: “ *Thơ không cần nhiều từ ngữ. Nó cũng không quan tâm đến hình xác của sự sống. Nó chỉ cần cảm nhận và truyền đi một chút linh hồn của cảnh vật thông qua linh hồn thi sỹ* ”. Em hiểu câu nói trên như thế nào? Bằng một tác phẩm văn chương trong chương trình Ngữ văn lớp 9 em hãy làm sáng tỏ?

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Hình thức và kĩ năng:

- Đúng hình thức một bài nghị luận văn học gắn với một nhận định: bố cục rõ ràng, hợp lý. Diễn đạt trôi chảy, cảm xúc, không sai chính tả.
- Cần đạt những kĩ năng về cắt nghĩa, phân tích, chứng minh. Khuyến khích sự sáng tạo của học sinh trong cảm, hiểu tác phẩm

II/ Nội dung: Học sinh có thể trình bày theo các cách nhưng phải bám sát văn bản để làm sáng tỏ vấn đề

1. Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận

- Giới thiệu ý kiến của Nguyễn Đình Thi và nội dung cơ bản của một tác phẩm trích dẫn.

2. Thân bài:

2.1 Giải thích nhận định

+ *Thơ không cần nhiều từ ngữ*: Thơ không chú trọng miêu tả cụ thể, chi tiết hiện thực đời

sống như đời sống vốn có mà chỉ nắm bắt lấy cái hồn vía, thần thái của cảnh vật.

+ Hiện thực được phản ánh trong thơ bao giờ cũng mang tâm sự, nỗi niềm của nhà thơ.

+ Mỗi nhà thơ phải có tài sử dụng nghệ thuật ngôn từ, ngôn ngữ phải cô đọng, hàm súc, giàu tính tạo hình.

=> Nhận định đã khái quát được tính hàm súc, cái thần thái, linh hồn của thơ ca.

2.2 Chứng minh qua một tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn lớp 9 để làm sáng tỏ ba đặc điểm của nhận định bằng các luận điểm.

2.3 Đánh giá mở rộng.

- Khẳng định nội dung, nghệ thuật của tác phẩm đó.

- Tác phẩm làm sáng tỏ nhận định.

- Liên hệ một số tác phẩm cùng chủ đề.

3. Kết bài.

- Khẳng định ý nghĩa của tác phẩm đến tư tưởng, tình cảm của chúng ta.

- Liên hệ bản thân.

ĐỀ SỐ 92

“Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người.”
(Nguyễn Ngọc, “*Báo văn nghệ*” số ra ngày 21/10/1987)

Em hãy chọn hai trong bốn tác phẩm sau: *Bếp lửa* (Bằng Việt), *Ánh trăng* (Nguyễn Duy), *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải), *Nói với con* (Y Phương) để bày tỏ ý kiến của mình về quan niệm trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kỹ năng:

- Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học, cụ thể là nghị luận về một vấn đề bàn về văn học.

- Vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận, kiến thức lí luận và cảm thụ tác phẩm để làm sáng tỏ vấn đề.

- Bố cục khoa học, hành văn trong sáng, biểu cảm, không mắc lỗi diễn đạt, chính tả.

II. Yêu cầu về nội dung:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo một số vấn đề chính như sau:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề: *“Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người.”*

- Chọn tác phẩm phân tích.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định:

- Nghệ thuật chỉ phạm trù lớn, bao gồm cả văn học và các ngành nghệ thuật khác.
- Sự vươn tới, sự hướng về...tính người: Muốn nói tới sự khám phá, phản ánh vẻ đẹp nhân bản, nhân văn của nghệ thuật chân chính.
- “*Nghệ thuật là... sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người*”, đó là vai trò cảm hóa, tác động tích cực, chức năng bồi bổ tâm hồn con người của văn học nghệ thuật.
- Tóm lại, ý kiến của Nguyên Ngọc muốn đề cao nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng: luôn mang thiên chức cao cả là phản ánh, ngợi ca vẻ đẹp nhân tính của con người và vì thế, văn học nghệ thuật đảm nhận chức năng nhân đạo hoá con người, giúp con người hoàn thiện hơn.

2.2. Chọn hai trong bốn tác phẩm để phân tích: *Bếp lửa* (Bằng Việt), *Ánh trăng* (Nguyễn Duy), *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải), *Nói với con* (Y Phương).

* Cơ sở lí luận:

- + Ý kiến đúng đắn, có sở từ lí luận về bản chất của nghệ thuật: Nghệ thuật chân chính bao giờ cũng vươn tới các giá trị: chân, thiện, mỹ - phục vụ cho những nhu cầu chính đáng của con người...
- + Văn học nghệ thuật vừa là sản phẩm phản ánh đời sống một cách khách quan vừa là một hình thức biểu hiện tư tưởng tình cảm chủ quan, cũng là phương tiện giao tiếp quan trọng của con người. Nó có nhiều chức năng trong đó có chức năng nhận thức và quan trọng hơn cả là chức năng giáo dục, nhân đạo hoá con người...
- + Là sản phẩm tinh thần của con người, do con người tạo ra để đáp ứng những nhu cầu trong đời sống nhất là đời sống tâm hồn, văn học chỉ thực sự có giá trị khi nói lên tiếng nói của tâm hồn con người, thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca, bảo vệ con người. Vì vậy hướng về tính nhân văn, tinh thần nhân đạo bao giờ cũng là vấn đề cốt yếu làm nên giá trị lâu bền của văn học chân chính...
- + Tác phẩm văn học thể hiện tính nhân văn và tinh thần nhân đạo qua nhiều phương diện: phê phán, tố cáo tội ác của những thế lực đã chà đạp quyền sống con người, tập trung ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp, thấu hiểu, cảm thông tâm tư tình cảm, nguyện vọng ước mơ của con người giúp con người bày tỏ ước nguyện... Sự đa dạng này tùy thuộc ở cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật, phương pháp sáng tác của nghệ sĩ...

* Cơ sở thực tiễn – qua hai tác phẩm vừa chọn:

- Trình bày sơ lược nội dung tư tưởng nhân văn, vẻ đẹp trong tâm hồn con người Việt Nam qua hai tác phẩm ấy.
- Chỉ ra được điểm tương đồng, sự đồng điệu giữa các nhà thơ trong cách khám phá và cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn con người. Học sinh phải phân tích làm rõ được cách thể hiện độc đáo của các nhà thơ trong việc phản ánh, *niều giữ tính người cho con người* qua tác phẩm của họ.

- Những tư tưởng trong tác phẩm của các nhà thơ có gì khác biệt nhau: tư tưởng, tình cảm mà mỗi nhà thơ gửi gắm qua tác phẩm của mình; những biện pháp nghệ thuật độc đáo trong việc truyền tải nội dung tư tưởng nhân văn, tình cảm của con người Việt Nam.

*** Khái quát, đánh giá vấn đề bàn luận.**

(Trong cả hai tác phẩm, thí sinh cần phân tích được các dẫn chứng tiêu biểu, bình luận bám sát nhận định)

2.3. Mở rộng, nâng cao vấn đề:

- Ý kiến của Nguyên Ngọc trở thành phương châm, nguyên tắc sáng tạo của người nghệ sĩ chân chính; Đòi hỏi nhà văn phải có tầm nhìn sâu rộng, có tư tưởng nhân văn, nhân đạo...

- Quan điểm này cũng trở thành tiêu chí đánh giá văn học nghệ thuật đối với bạn đọc... Nguyên Ngọc đã góp phần khẳng định giá trị lớn lao, phong phú của văn học nghệ thuật đối với đời sống nhân sinh, đặc biệt là thiên chức cao cả: thanh lọc tâm hồn, nhân đạo hóa con người...

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề qua 2 tác phẩm đã phân tích.

ĐỀ SỐ 93

Trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*, nhà văn Nguyễn Thành Long đã đề cho ông họa sĩ nghĩ về anh thanh niên như sau:

Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ trong cái vắng vẻ vùi vùi hai nghìn sáu trăm mét trên mặt biển, cuộn cuộn tuôn ra khi gặp người. Những điều suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có những vang âm, khơi gợi bao điều suy nghĩ khác trong óc người khác, có sẵn mà chưa rõ hay chưa được đúng.

(*Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long)

Nêu rõ những điều anh suy nghĩ và những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh trong truyện ngắn.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng trình bày :

Đảm bảo một văn bản nghị luận có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách logic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, không có quá 3 lỗi về chính tả, dùng từ, diễn đạt...

II/ Yêu cầu về kiến thức

1. Mở bài: Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm, đoạn trích

Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) là cây bút chuyên về truyện ngắn và kí. Truyện của ông thường có khuynh hướng ca ngợi tình yêu Tổ quốc, nhân dân. *Lặng lẽ Sa Pa* được viết vào mùa hè 1970 trong chuyến đi Lào Cai, in trong tập *Giữa trong xanh* (1971). Với chất thơ nhẹ nhàng, trầm lắng, thiết tha, *Lặng lẽ Sa Pa* ca ngợi những con người sống giữa non xanh lặng lẽ nhưng vô cùng sôi nổi, hết lòng vì Tổ quốc thân yêu .

2. Thân bài:

2.1. Những điều anh suy nghĩ

-Anh suy nghĩ về hoàn cảnh làm việc, công việc mình làm: *(Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được; công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất)*. Anh đã vượt lên hoàn cảnh bằng những suy nghĩ rất đẹp, giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Anh thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình.

-Anh thực sự cảm thấy hạnh phúc khi biết những việc mình làm đã góp một phần nhỏ giúp cho không quân bắn rơi máy bay Mỹ *(từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc)*. Điều này giúp anh hiểu được ý nghĩa lớn lao của cuộc sống.

-Anh suy nghĩ về những con người đang sống xung quanh anh: ông kĩ sư nông nghiệp cần mẫn ngày này qua ngày khác thụ phấn cho hàng vạn cây su hào với mong ước để *củ su hào nhân dân toàn miền Bắc nước ta ăn được to hơn, ngọt hơn trước*; anh cán bộ nghiên cứu sét mười một năm không một ngày xa cơ quan để quyết tâm hoàn thành cho được bản đồ sét. Đó là những con người làm cho anh thanh niên thấy cuộc đời đẹp quá. Và anh mơ ước được làm việc trên trạm đỉnh Phan xi phăng, nơi lí tưởng để làm công việc khí tượng.

-> Qua những suy nghĩ của anh thanh niên, nhà văn đã ca ngợi và khẳng định vẻ đẹp của con người lao động, của lí tưởng sống dựng xây Tổ quốc.

2.2. Những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh

Với ông họa sĩ già: anh đã làm cho ông *xúc động mạnh*, khiến ông đi hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác và làm cho trái tim mệt mỏi của ông trở nên khao khát, yêu thêm cuộc sống. Ông quyết định quay trở lại nơi này để hoàn thành bức vẽ chân dung anh.

Với cô kĩ sư trẻ: Anh đã làm cho cô *cảm động và bị cuốn hút* ngay từ giây phút đầu tiên gặp, làm cho cô hiểu thêm *cuộc sống một mình cũng cảm tuyệt đẹp* của anh, hiểu thêm cái *thế giới những con người như anh*. Anh đã giúp cô nhìn nhận lại bản thân mình, giúp cô *yên tâm hơn về quyết định của mình*, và trên tất cả là những *hào hức và mơ mộng mà anh đã trao cho cô*.

Cô gái chia tay anh bằng một ấn tượng hàm ơn khó tả.

-> Qua những suy nghĩ của các nhân vật ông họa sĩ, cô kĩ sư, nhà văn nhấn mạnh ý nghĩa lớn lao của những công việc thầm lặng. Đó là những suy nghĩ đẹp, cách sống đẹp.

2.3. Mở rộng, nâng cao

Những điều anh suy nghĩ và những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh

chính là những suy tư trăn trở của nhà văn trước cuộc đời. Ý nghĩa ấy được gửi gắm qua hình thức một câu chuyện nhẹ nhàng, giàu chất thơ.

Từ những **suy nghĩ** ấy, rút ra cho bản thân những bài học về cách sống cao đẹp.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề.

Sang thu, ngoài ý nghĩa về sự giao mùa của thiên nhiên và buổi giao thời của đất nước, còn gợi ra một ý tưởng về nhân sinh mang tính quy luật phổ quát: trạng thái giao thời trong đời người, từ tuổi tráng niên hăm hở, sôi sục sang độ tuổi đã từng trải thực sự trưởng thành.

(Theo Nguyễn Văn Long, *Tạp chí Hồng Lĩnh*, số 65 tháng 9 năm 2011, tr.110)

Bằng việc cảm nhận bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh (Ngữ văn 9, tập hai), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học.
- Lý lẽ rõ ràng, dẫn chứng xác thực.
- Văn viết giàu cảm xúc, diễn đạt trôi chảy.
- Bố cục ba phần rõ ràng, cân đối.
- Trình bày sạch đẹp; ít sai lỗi câu, từ, chính tả.

II/ Yêu cầu về kiến thức: đảm bảo được các ý sau:

1.Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và trích dẫn nhận định.

- Mùa thu là đề tài muôn thuở của thơ ca. Biết bao nhà thơ đã dành tình yêu cho mùa thu của đất trời, mùa thu của lòng người. Mỗi nhà thơ viết về mùa thu với vẻ đẹp riêng của nó. Hữu Thỉnh cũng viết về mùa thu, nhưng lại là thời khắc giao mùa từ hạ sang thu.
- Bài *Sang thu* được Hữu Thỉnh sáng tác vào cuối năm 1977, in lần đầu tiên trên báo Văn nghệ, sau đó được in lại nhiều lần trong các tập thơ.
- Nhận xét về bài thơ, có ý kiến cho rằng: **Sang thu**, ngoài ý nghĩa về sự giao mùa của thiên nhiên và buổi giao thời của đất nước, còn gợi ra một ý tưởng về nhân sinh mang tính quy luật phổ quát: trạng thái giao thời trong đời người, từ tuổi tráng niên hăm hở, sôi sục sang độ tuổi đã từng trải thực sự trưởng thành.

2. Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định: Nhận định bao gồm 2 vế đề cập đến 2 nội dung chính trong bài thơ *Sang thu*.

- Sự giao mùa của thiên nhiên và buổi giao thời của đất nước. => Cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước những hình ảnh, hiện tượng thể hiện thời khắc giao mùa hạ sang thu

- Bài thơ gợi ra một ý tưởng về nhân sinh mang tính quy luật phổ quát: trạng thái giao thời trong đời người, từ tuổi tráng niên hăm hở, sôi sục sang độ tuổi đã từng trải thực sự trưởng thành => Tâm trạng và sự suy ngẫm của nhà thơ về trạng thái giao thời trong đời người

2.2. Phân tích, chứng minh:

Luận điểm 1: Sự giao mùa của thiên nhiên và buổi giao thời của đất nước

* Sự giao mùa của thiên nhiên:

- Hương ổi lan vào không gian, phả vào gió se.
- Sương thu nhẹ mỏng.
- Dòng sông trôi chậm rãi gợi lên sự yên bình trong khi những cánh chim đã bắt đầu vội vã.
- Những đám mây nửa là của mùa hạ, nửa lại vắt sang thu.
- Nắng vẫn còn nồng nhưng những cơn mưa mùa hạ đã bớt dần.

=> Nhà thơ đã nhận ra vẻ đẹp của đất trời trong thời khắc giao mùa bằng các giác quan và bằng sự rung động tinh tế của tâm hồn. Chỉ một bài thơ ngắn mà tác giả đã vẽ nên một bức tranh giao mùa bằng ngôn từ. Bức tranh có màu sắc, đường nét, âm thanh,... thật đẹp và sống động. Bức tranh mang theo nét dịu dàng, êm ả của làng quê Việt Nam vào lúc sang thu.

* Buổi giao thời của đất nước:

- Bài *Sang thu* được Hữu Thỉnh sáng tác vào cuối năm 1977.
- Đất nước lúc đó vừa qua thời đạn bom bước vào cuộc sống hòa bình. Những tháng năm sôi động, hào hùng cũng lắng lại, thay vào đó là nhịp sống mới. Phải chăng đất nước cũng “sang thu”?

Luận điểm 2: Bài thơ gợi ra một ý tưởng về nhân sinh mang tính quy luật phổ quát: trạng thái giao thời trong đời người, từ tuổi tráng niên hăm hở, sôi sục sang độ tuổi đã từng trải thực sự trưởng thành

- Ý nghĩa ẩn dụ trong hai câu thơ: *Sấm cũng bớt bất ngờ - Trên hàng cây đứng tuổi.*
- + *Sấm* chỉ những vang động bất thường của ngoại cảnh, cuộc đời, những khó khăn, trắc trở.

+ *Hàng cây đứng tuổi* là cách nói ẩn dụ chỉ con người đã từng trải, đã “sang thu”.

=> Con người khi đã từng trải thì cũng vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.

- Con người nhiều khi bận mải với cuộc sống mưu sinh để rồi bất chợt nhận ra cảnh “sang thu” của tạo vật mà giật mình nhận ra sự “sang thu” của đời người.

+ Con người lúc “sang thu” không còn bông bột, sôi nổi, ào ạt như thời thanh xuân nhưng sâu sắc, chín chắn, đúng mực hơn.

+ Con người lưu luyến, bịn rịn nhưng cũng khản trương, gấp gáp hơn; có băng khuâng, bồi hồi nhưng trang nghiêm, chững chạc, tâm hồn vừa sâu lắng vừa rộng mở.

3. Kết bài:

- Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của nhận định.

ĐỀ SỐ 95

“Một trong những sứ mệnh của người nghệ sĩ là phát hiện cho được cái âm thanh kì diệu của cuộc sống vốn dĩ rất đổi bình thường”

Ý kiến trên giúp gì cho em khi lắng nghe những vang âm từ “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long (SGK Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2011), từ đó rút ra thiên chức của người nghệ sĩ trong sáng tác văn chương.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học.
- Lý lẽ rõ ràng, dẫn chứng xác thực.
- Văn viết giàu cảm xúc, diễn đạt trôi chảy.
- Bố cục ba phần rõ ràng, cân đối.
- Trình bày sạch đẹp; ít sai lỗi câu, từ, chính tả.

II/ Yêu cầu về kiến thức: đảm bảo được các ý sau:

1. Mở bài: Giới thiệu chung

- Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) là cây bút chuyên viết truyện và kí.
- Giới thiệu về tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác: *Lặng lẽ Sa Pa* được viết năm 1970 trong chuyến đi thực tế Lào Cai của nhà văn. Truyện ngắn đã khắc họa thành công vẻ đẹp cuộc sống và con người, với tài năng và tấm lòng của người viết đã để lại những rung động qua nhiều thế hệ bạn đọc.
- Trích dẫn ý kiến: “*Một trong những sứ mệnh của người nghệ sĩ là phát hiện cho được cái âm thanh kì diệu của cuộc sống vốn dĩ rất đời thường*”

2. Thân bài:

2.1. Giải thích và chứng minh vấn đề

a. Giải thích ý kiến:

- Sứ mệnh của người nghệ sĩ: trách nhiệm và nghĩa vụ cao cả của người sáng tạo nghệ thuật, trong đó có nhà văn.
 - Âm thanh kì diệu: những điều sâu lắng, tốt đẹp, khác lạ trong cuộc sống, trong mỗi con người mà chỉ những người nghệ sĩ có những năng lực đặc biệt mới có thể nghe thấy được.
- => Ý kiến trên là hoàn toàn đúng đắn vì nó bàn đến bản chất của sáng tạo nghệ thuật và thiên chức người cầm bút là phát hiện những điều kì diệu từ cuộc đời ở ngay cái chỗ mà không ai ngờ đến nhất.

b. Chứng minh vấn đề

* *Vang âm từ những con người nơi “Lặng lẽ Sa Pa”:*

- Vang âm ở đây là những âm thanh ngân vang kì diệu trong lòng, những suy nghĩ đúng đắn, được khơi gợi từ những điều tốt đẹp của cuộc sống con người. Nguyễn Thành Long đã trăn trở, lắng nghe và gửi gắm vào thế giới nghệ thuật trong truyện ngắn của mình. Cái hay chính là tác giả đã lắng nghe được cái vang âm kì diệu đó từ trong chón lặng lẽ, rất đời bình thường.
- Đi tìm những vang âm trong *Lặng lẽ Sa Pa* cũng chính là tìm chất thơ của văn xuôi, vẻ đẹp độc đáo, sức quyến rũ đặc biệt của truyện ngắn này.

- Trước hết đó là vang âm dịu êm của tình người. Đó là tình huống gặp gỡ bất ngờ thú vị và đầy xúc động bởi mối duyên kì ngộ của những tâm lòng nhân ái.

+ Tình cảm yêu mến trân trọng mà bác lái xe dành cho anh thanh niên – nhân vật chính của câu chuyện: *“Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hẩn.”*

+ Tình yêu thương, quan tâm của anh thanh niên dành cho bác lái xe, cho người họa sĩ và cô kỹ sư nông nghiệp vừa quen biết,...

+ Tình cảm mến phục, trân trọng, tự hào của người họa sĩ đối với anh thanh niên, đem đến khoảnh khắc thăng hoa sáng tạo cho nhà nghệ sĩ: *“người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm cho ông nhọc quá”*.

+ Tình cảm trong sáng của cô kỹ sư nông nghiệp dành cho anh thanh niên: vừa nể phục vừa yêu mến, dẫn đến một quyết tâm lựa chọn con đường tương lai hào hứng.

=> Cuộc gặp giữa các nhân vật nơi Sa Pa lạnh lẽo mà ấm áp tình người. Dư âm ấm lòng này còn theo ta mãi.

- Vang âm của khát vọng sống:

+ Điểm nhấn của “âm thanh kì diệu” nơi lặng thầm này chính là vẻ đẹp lí tưởng của anh thanh niên với khát khao mãnh liệt được cống hiến.

Là người có suy nghĩ đúng đắn về công việc, cuộc đời và hạnh phúc. Là người chân thành, cởi mở, quý trọng mọi người. Là người có trách nhiệm trong công việc. Là người có nếp sống đẹp: ngăn nắp, có những thú vui lành mạnh để cân bằng đời sống tinh thần: đọc sách, trồng hoa,...

+ Bên cạnh đó là cái khát vọng lớn lao của ông họa sĩ già đến cuối cuộc đời vẫn mong muốn đi tìm cái đẹp thật sự cho nghệ thuật. Ông đã chớp được mẫu hình cái đẹp chính là anh thanh niên. Có thể đây sẽ là bức tranh đắt nhất trong đời nghệ sĩ của ông.

+ Đó còn là vẻ đẹp tâm hồn của cô kỹ sư nông nghiệp trẻ dám vượt qua chính mình để đi tìm một lẽ sống mới. Nỗi buồn và sự hoang mang do dự đã qua nhanh khi cô hòa vào giai điệu sống của anh thanh niên và hiểu rằng sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.

* *Vang âm từ thiên nhiên đẹp đẽ.*

Ngay từ khi bác lái xe giới thiệu đã vào đất Sa Pa, vang âm của sự sống đã hiện lên ngân nga nhẹ nhàng qua cảnh thiên nhiên thơ mộng. Cảnh Sa Pa hiện dần, mỗi lúc một đẹp đẽ, mơ màng. Đó là một bức họa lung linh kỳ ảo: *“Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tí trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương...”*. Đó chính là cái dư ngân xôn xao của tâm hồn con người khi trải lòng với cảnh trí tự nhiên nơi Sa Pa. Sự sống đẹp và đáng sống, đáng yêu quá.

** Những nét nghệ thuật đặc sắc:*

+ Mỗi câu, mỗi chữ trong tác phẩm có hình khối, đường nét, màu sắc ... đậm chất hội họa. (Đoạn đầu của văn bản hay hình ảnh cuối cùng: “Ông xách cái làn, cô ôm bó hoa. Lúc bấy giờ nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hùng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa thêm rực rỡ”)

+ Ngôn ngữ văn xuôi giàu nhịp điệu, âm thanh êm ái mang âm hưởng của một bài thơ. Truyện có sự kết hợp tự nhiên giữa tự sự, trữ tình và bình luận.

2.2. Rút ra thiên chức của người nghệ sĩ trong sáng tác văn chương.

+ Ý kiến này bàn về thiên chức của nhà văn là đi tìm tiếng vọng của cuộc sống, nghe trong đó những giai âm rung ngân về tình yêu cuộc sống. Đó cũng là mối quan hệ đặc biệt giữa nhà văn đối với cuộc sống. Từ hiện thực tưởng như không có gì, vậy mà nghe được những điều kì diệu để người đọc đồng cảm, lắng lòng, được cảm hóa và say mê. Đó chính là phát hiện, sáng tạo xuất phát từ tấm lòng của nhà văn.

+ Ý kiến này vừa gợi ý cho người sáng tác trẻ cần có tấm lòng đam mê, vừa là cánh cửa mở cho bạn đọc đi vào thế giới nghệ thuật.

3. Kết bài:

- Giá trị tác phẩm: Những vang âm trong *Lặng lẽ Sa Pa* ngân lên từ vẻ đẹp hình ảnh những người lao động bình thường với những công việc thầm lặng mà họ đang đóng góp cho Tổ quốc.

- Khẳng định vị trí nhà văn: Những ngân vang ấy xuất phát từ những khám phá riêng, từ tình yêu cuộc sống, từ một cây bút tài hoa và giọng văn chân thành giàu sức gợi cảm của Nguyễn Thành Long. Chính những dư vang từ vùng đất lặng lẽ ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc tình yêu con người, tình yêu một miền quê, tình yêu Tổ quốc.

ĐỀ SỐ 96

"Vượt qua bi kịch của chiến tranh, Nguyễn Quang Sáng đã cất cao bài ca thiêng liêng về tình phụ tử". Hãy chứng minh qua tác phẩm Chiếc lược ngà.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học.
- Lý lẽ rõ ràng, dẫn chứng xác thực.
- Văn viết giàu cảm xúc, diễn đạt trôi chảy.
- Bố cục ba phần rõ ràng, cân đối.
- Trình bày sạch đẹp; ít sai lỗi câu, từ, chính tả.

II/ Yêu cầu về kiến thức: đảm bảo được các ý sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, trích dẫn ý kiến.

Chiến tranh đã đi qua nhưng những dư âm của nó vẫn đọng lại mãi trong tâm hồn của mỗi người dân Việt Nam. Điều kì diệu là, khi viết về đề tài chiến tranh, người con yêu nước của Nam Bộ - Nguyễn Quang Sáng đã gạt vơi những dòng nước mắt đau thwong để sưởi ấm tâm hồn người đọc bằng tình cảm phụ tử thiêng liêng, cao cả. Phải chăng chính vì thế mà khi nhận xét về truyện ngắn "Chiếc lược ngà", có ý kiến cho rằng: "Vượt qua bi kịch của chiến tranh, Nguyễn Quang Sáng đã cất cao bài ca thiêng liêng về tình phụ tử"

2/ Thân bài

2.1. Giải thích ý kiến:

- Nói đến bi kịch chiến tranh là nói đến những mất mát đau thương mà đồng bào ta phải gánh chịu trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ngoài những tổn thất nặng nề về kinh tế, về của cải vật chất, chiến tranh còn để lại trong lòng mỗi người dân những vết thương không bao giờ hàn gắn nổi. Đó là những nỗi đau về thể xác, những ám ảnh về tinh thần

- Thế nhưng bằng sự trải nghiệm của cuộc đời người lính, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã gạt vơi những dòng nước mắt đau thương, khép lại những màn kịch đen tối của chiến tranh, đưa người đọc về với mái ấm của tình cảm gia đình qua tình phụ tử thiêng liêng cao cả. Điều kì diệu là bài ca về tình phụ tử ấy đã được Nguyễn Quang Sáng (NQS) cất cao ngay trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Phải chăng điều đó thay cho một lời khẳng định đanh thép rằng: "Chiến tranh có thể phá hủy mọi thứ trên trái đất này nhưng có một sợi chỉ đỏ xuyên suốt tâm hồn con người Việt Nam mà bom đạn kẻ thù không bao giờ tàn phá nổi, ấy là tình cảm gia đình và tình yêu quê hương đất nước"

2.2. Chứng minh nhận định

Vượt qua bi kịch của chiến tranh:

- Trở về với không khí của những năm cuối thập kỉ 60 của thế kỉ XX, lúc tác phẩm "Chiếc lược ngà" (CLN) ra đời, ta sẽ được cảm nhận một không khí khét nồng bom đạn của chiến tranh. Biết bao mất mát đau thương mà người dân Nam Bộ phải hứng chịu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Trước hết là sự xa cách chia lìa trong mái ấm gia đình. Gia đình ông Sáu nói riêng và gia đình các đồng bào Nam Bộ nói chung phải chấp nhận cảnh biệt li đằng đẵng suốt hàng chục năm trời, bao "trụ cột" của gia đình đều phải xa nhà đi kháng chiến, để lại nỗi nhớ nhung sâu muợn cho những người ở lại quê hương.

- Bên cạnh sự chia lìa xa cách, chiến tranh còn gây ra bao nỗi đau cho con người. Ông Sáu đã từng chịu đựng nỗi đau đớn vô cùng về thể xác, khi bom đạn đế quốc Mỹ đã cướp đi một phần trên cơ thể của ông, khiến khuôn mặt ông trở nên dị dạng. Giờ đây khi gặp lại bé Thu, ông lại chịu sự đau đớn về mặt tinh thần, vì "vết sẹo" dài trên má mà bé Thu kiên quyết không chịu nhận ông là ba.

- Nhắc đến chiến tranh, con người ta lại liên tưởng đến những cuộc chia li mãi mãi không hẹn ngày tái ngộ. Nhân vật ông Sáu trong truyện là hiện thân cho nỗi ám ảnh này. Không chỉ chịu sự đau đớn về thể xác lẫn tinh thần, trong lần trở lại chiến trường thế hai, khi đã làm được chiếc lược một cách tỉ mỉ nhưng chưa kịp trao cho bé Thu thì ông đã hy sinh trong trận càn của địch. Bom đạn đế quốc Mỹ đã cướp đi của bé Thu một người bố đáng yêu, cướp đi của đồng bào Nam Bộ một người con ưu tú. Đây có thể nói là đỉnh cao của bi kịch chiến tranh khiến người đọc không thể không nghẹn ngào.

2.3. Đánh giá chung:

Thế nhưng tất cả những bi kịch chiến tranh đều dễ dàng lìa xa, dễ dàng đi vào quá khứ để nhường lại cho một tình cảm có sức lan tỏa mãnh liệt - tình phụ tử thiêng liêng. Mục đích của NQS là trong khói lửa của chiến tranh, trong cảnh ngộ éo le như thế, tình phụ tử vẫn là

điểm sáng, là sợi chỉ đỏ mà bom đạn của đế quốc không thể nào dập tắt nổi. Xưa nay, văn học cổ, kim, Đông, Tây từng có những trang văn bất hủ về tình mẫu tử. Đó là trang hồi kí tuổi thơ cay đắng của Nguyên Hồng, đó là sự ngọt ngào của tình mẹ trong tập thơ "trăng non" của Ta-go... Tình phụ tử hầu như còn vắng bóng trên thi đàn văn học nhân loại. Chỉ đến khi truyện ngắn CLN của NQS ra đời, người đọc mới ngỡ ngàng cảm nhận được sự thiêng liêng cao cả, sự diệu vợi bao la của tình cha con

3/ Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.
- Rút ra bài học liên hệ.

ĐỀ SỐ 97

Nhận xét về bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy, có ý kiến cho rằng:

Bài thơ mượn chuyện ánh trăng để nói chuyện đời, chuyện nghĩa tình, nhắc nhở mỗi người ý thức sống thủy chung, tình nghĩa.

Phân tích bài thơ để làm sáng tỏ nhận định trên và nêu suy nghĩ của em về bài học cuộc sống được gợi ra từ thi phẩm.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm một bài nghị luận văn học kết hợp với nghị luận xã hội đúng và trúng theo yêu cầu của đề bài.

Bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục, viết có cảm xúc, biết vận dụng linh hoạt các thao tác nghị luận, không mắc các loại lỗi.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày và lí giải khác nhau, song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài: Dẫn dắt vấn đề nghị luận: giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, trích dẫn ý kiến

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định:

Ý kiến đã đề cập đến sự sáng tạo của Nguyễn Duy trong bài thơ 'Ánh trăng', mượn chuyện trăng để nói chuyện đời, chuyện người, chuyện nghĩa tình. Ánh trăng, cuộc gặp gỡ giữa người với trăng là một ẩn dụ nghệ thuật chuyển tải một thông điệp tư tưởng sâu sắc, nhắc nhở con người về đạo lí sống thủy chung ân nghĩa.

2.2. Phân tích bài thơ để chứng minh nhận định:

- Bài thơ mang dáng dấp một câu chuyện nhỏ, Nguyễn Duy kể chuyện mình mà như tâm tình cùng bạn đọc về một điều vô tình mà dễ gặp trong cuộc sống: khi hoàn cảnh sống thay đổi, con người dễ quên đi quá khứ, trở nên vô tình, vô tâm...
- Trăng là một hình ảnh ẩn dụ đa nghĩa: là thiên nhiên hồn nhiên tươi mát, người bạn tri kỉ, quá khứ nghĩa tình, vẻ đẹp bình dị mà vĩnh hằng của đời sống.
- Tình cảm của con người và vầng trăng trong quá khứ (từ thời thơ ấu đến quãng thời gian đi bộ đội, sống chiến đấu nơi rừng núi...) là quan hệ gắn bó tự nhiên thân thiết, chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ.
- Quan hệ của người với trăng trong hiện tại: Hoàn cảnh sống thay đổi làm cho con người đổi thay, trăng từ người bạn tri kỉ nghĩa tình thành "người dung qua đường". Cuộc sống đủ đầy, tiện nghi, hào nhoáng hiện tại khiến con người lãng quên quá khứ, trở nên vô tình, bội bạc, đánh mất chính mình...
- Tình huống người đối diện với trăng là sự bất ngờ đột ngột, thức tỉnh con người về quá khứ đầy ắp kỉ niệm. Đối diện với trăng là đối diện với chính mình. Người vô tình mà trăng vẫn thủy chung tròn đầy, bao dung độ lượng. Cái giật mình của người là sự bừng tỉnh, tự vấn, day dứt đầy ân hận; giật mình để tự hoàn thiện mình...
- Bài thơ giản dị nhưng mang triết lí sâu sắc, nhắc nhở con người về đạo lí ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ, "uống nước nhớ nguồn", biết trân trọng những giá trị tinh thần tốt đẹp, bồi đắp tình cảm với thiên nhiên, quê hương đất nước...
- Vài nét về nghệ thuật: Thể thơ 5 chữ, kết hợp phương thức tự sự và biểu cảm, giọng điệu tâm tình, hình ảnh thơ mang tính biểu tượng đa nghĩa...

2.3. Suy nghĩ về bài học cuộc sống được gọi ra từ bài thơ:

- Con người cần sống ân nghĩa thủy chung, trân trọng quá khứ (đạo lí uống nước nhớ nguồn) và những giá trị tinh thần tốt đẹp, sống chậm lại để nhìn nhận bản thân mình

- Trong cuộc sống, ai cũng có thể có lúc mắc sai lầm, vô tâm, vô tình, điều quan trọng là biết “giật mình” tự thức tỉnh, nhận ra góc khuyết của mình để tự hoàn thiện, tìm lại chính mình...
- Con người không được lãng quên quá khứ nhưng cũng không thể mãi đắm chìm trong quá khứ mà quên đi hiện tại và không hướng tới phần đầu cho tương lai...
- Phê phán lối sống vô tình vô nghĩa bội bạc, “có mới nới cũ”, quay lưng lại với quá khứ, chạy theo đời Sống vật chất mà lãng quên những giá trị tinh thần cao đẹp...
- Rút ra bài học cho bản thân: chân thành sâu sắc, thiết thực...

3/ Kết bài:

- Đánh giá lại ý kiến.
- Đánh giá thành công của tác phẩm.

ĐỀ SỐ 98

“Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người.”

(Nguyễn Ngọc, “Bảo văn nghệ” số ra ngày 21/10/1987)

Qua hai tác phẩm : Bếp lửa (Bằng Việt), Ánh trăng (Nguyễn Duy) em hãy bày tỏ ý kiến của mình về quan niệm trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm một bài nghị luận văn học.

Bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục, viết có cảm xúc, biết vận dụng linh hoạt các thao tác nghị luận, không mắc các loại lỗi.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày và lí giải khác nhau, song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu chức năng của nghệ thuật.
- Giới thiệu, dẫn dắt vào tác giả, tác phẩm.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định:

- Nghệ thuật chỉ phạm trù lớn, bao gồm cả văn học và các ngành nghệ thuật khác.
- Sự vươn tới, sự hướng về...tính người: Muốn nói tới sự khám phá, phản ánh vẻ đẹp nhân bản, nhân văn của nghệ thuật chân chính.
- “Nghệ thuật là... sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”, đó là vai trò cảm hóa, tác động tích cực, chức năng bồi bổ tâm hồn con người của văn học nghệ thuật.
- Tóm lại, ý kiến của Nguyên Ngọc muốn đề cao nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng: luôn mang thiên chức cao cả là phản ánh, ngợi ca vẻ đẹp nhân tính của con người và vì thế, văn học nghệ thuật đảm nhận chức năng nhân đạo hoá con người, giúp con người hoàn thiện hơn.

2.2. Cơ sở lí luận:

- Ý kiến đúng đắn, có sở từ lí luận về bản chất của nghệ thuật: Nghệ thuật chân chính bao giờ cũng vươn tới các giá trị: chân, thiện, mỹ - phục vụ cho những nhu cầu chính đáng của con người...
- Văn học nghệ thuật vừa là sản phẩm phản ánh đời sống một cách khách quan vừa là một hình thức biểu hiện tư tưởng tình cảm chủ quan, cũng là phương tiện giao tiếp quan trọng của con người. Nó có nhiều chức năng trong đó có chức năng nhận thức và quan trọng hơn cả là chức năng giáo dục, nhân đạo hoá con người...
- Là sản phẩm tinh thần của con người, do con người tạo ra để đáp ứng những nhu cầu trong đời sống nhất là đời sống tâm hồn, văn học chỉ thực sự có giá trị khi nói lên tiếng nói của tâm hồn con người, thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca, bảo vệ con người. Vì vậy hướng về tính nhân văn, tinh thần nhân đạo bao giờ cũng là vấn đề cốt yếu làm nên giá trị lâu bền của văn học chân chính...
- Tác phẩm văn học thể hiện tính nhân văn và tinh thần nhân đạo qua nhiều phương diện: phê phán, tố cáo tội ác của những thế lực đã chà đạp quyền sống con người, tập trung ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp, thấu hiểu, cảm thông tâm tư tình cảm, nguyện vọng ước mơ của con người giúp con người bày tỏ ước nguyện... Sự đa dạng này tùy thuộc ở cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật, phương pháp sáng tác của nghệ sĩ...

2.3. Cơ sở thực tiễn – qua hai tác phẩm vừa chọn:

- Trình bày sơ lược nội dung tư tưởng nhân văn, vẻ đẹp trong tâm hồn con người Việt Nam qua hai tác phẩm ấy.

- Chỉ ra được điểm tương đồng, sự đồng điệu giữa các nhà thơ trong cách khám phá và cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn con người. Học sinh phải phân tích làm rõ được cách thể hiện độc đáo của các nhà thơ trong việc phản ánh, níu giữ tính người cho con người qua tác phẩm của họ.

- Những tư tưởng trong tác phẩm của các nhà thơ có gì khác biệt nhau: tư tưởng, tình cảm mà mỗi nhà thơ gửi gắm qua tác phẩm của mình; những biện pháp nghệ thuật độc đáo trong việc truyền tải nội dung tư tưởng nhân văn, tình cảm của con người Việt Nam.

a/ Bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt

+ Hoàn cảnh tác giả sáng tác bài thơ: Viết 1963 khi tg đang du học ở Liên xô (cũ), nơi lạnh giá xứ người xa quê hương, xa người bà đã khơi gợi nỗi nhớ thương về quê hương, về bếp lửa ấm nồng cùng với hình ảnh bà yêu dấu.

Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình cho mỗi người đọc qua dòng hồi tưởng của cháu về kỷ niệm tuổi thơ bên bà, bên bếp lửa – qua tình cảm bà cháu của nhân vật trữ tình (3điểm)

+ Hồi tưởng của cháu bắt đầu từ hình ảnh bếp lửa và hình ảnh bà.

- Nhân vật trữ tình hồi tưởng lại những kỷ niệm: Kỷ niệm những năm đói khổ; kỷ niệm tám năm sống bên bà; kỉ niệm những năm giặc dã, chiến tranh. Trong dòng hồi tưởng đó luôn có hình ảnh bà tần tảo, hi sinh, yêu thương cháu, có tình bà ấm áp. (phân tích- chứng minh)

- Hồi tưởng về bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa, bếp lửa là biểu tượng cho tình bà ấm áp, biểu tượng cho ý chí, nghị lực, niềm tin của bà.

(Phân tích – chứng minh)

+ Cháu khôn lớn, trưởng thành thấm thía cuộc đời bà vất vả, gian khổ, tần tảo, chịu thương chịu khó; công lao của bà mệnh mông, sâu nặng

(Phân tích – Chứng minh)

- Cháu tâm nguyện: luôn trân trọng, nhớ bà, biết ơn bà

(Phân tích – Chứng minh)

- Trong suy ngẫm, tâm nguyện của cháu cũng vẫn hiện lên hình ảnh bếp lửa bình dị mà thiêng liêng: Bếp lửa là biểu tượng cho tình bà cháu, biểu tượng của gia đình, quê hương.

Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm gia đình gắn bó hài hòa trong tình yêu quê hương đất nước- qua những suy ngẫm của cháu về bà, về đất nước, dân tộc, nhân dân mình

- Tình cảm bà cháu là cội nguồn của tình cảm gia đình, tình cảm với quê hương, đất nước: Mỗi kỉ niệm của cháu với bà gắn với những thời kì lịch sử khó quên của đất nước, dân tộc; gắn với tình làng nghĩa xóm (Phân tích- chứng minh)

- Người cháu nhớ về bà, biết ơn bà, nhờ hiểu bà mà thêm hiểu nhân dân, đất nước, dân tộc mình. Bếp lửa và bà đã trở thành biểu tượng của quê hương, xứ sở.(phân tích- chứng minh)

Khẳng định sự tác động của bài thơ đến tình cảm mỗi người đọc, sự đồng cảm của người đọc với bài thơ

- Với hình tượng bếp lửa và hình tượng người bà, bài thơ bếp lửa đã khơi dậy trong lòng mỗi người đọc tình cảm bà cháu đẹp đẽ, tình cảm gia đình thiêng liêng. Tình cảm của nhân vật trữ tình, của tác giả đã làm sâu sắc, đẹp đẽ, bền vững thêm tình cảm gia đình trong mỗi người đọc.

- Bài thơ nhận được sự đồng cảm của bạn đọc, bạn đọc tìm được sự đồng điệu tâm hồn với tác giả. Bài thơ là một minh chứng cho quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương, minh chứng cho vai trò quan trọng và chức năng của văn chương, đặc biệt là chức năng giáo dục và thẩm mỹ

- Bài thơ Bếp lửa với hình tượng thơ độc đáo, ngôn từ biểu cảm, bình dị mà sâu sắc, sử dụng hồi tưởng và hiện tại trong mạch cảm xúc, sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật đặc sắc đã thể hiện xúc động tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp, tình cảm yêu gia đình, quê hương, đất nước trong sáng, đẹp đẽ.

- Bài thơ đã làm sáng tỏ những quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương; minh chứng cho những tác dụng to lớn của văn chương: Văn chương làm đẹp thêm tình người, hướng con người đến chân, thiện, mỹ.

- Bài thơ cũng là lời nhắc nhở mỗi con người luôn biết trân trọng, giữ gìn những tình cảm trong sáng, đẹp đẽ “ nín giữ mãi mãi tính người cho con người.”

b/ Bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy

Nguyễn Duy là gương mặt tiêu biểu của lớp nhà thơ trẻ thời chống Mỹ và có nhiều đóng góp quan trọng cho thơ Việt Nam sau 1975. Thơ Nguyễn Duy dung dị, chất phác mà thâm trầm, lắng đọng những triết lí suy tư. Bài thơ Ánh trăng được viết năm 1978 và in trong tập thơ cùng tên.

* “Ánh trăng” là bài thơ chất chứa tâm sự sâu kín trong tâm hồn Nguyễn Duy – một người lính vừa bước ra khỏi cuộc chiến, trở về với cuộc sống thời bình.

- Hoài niệm về sự gắn bó nghĩa tình với vầng trăng trong những năm tháng tuổi thơ và khi ở chiến trường.

- Nghĩ về sự lãng quên, thờ ơ, vô tình của mình với vầng trăng trong hiện tại.

- Xúc động nhớ thương và giật mình thức tỉnh khi bắt gặp vầng trăng xưa vẫn tròn đầy vẹn nguyên.

- > Bài thơ là lời tự nhắc nhở của nhà thơ về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu.

* “Ánh trăng” là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người.”

- Bài thơ đã đưa tiếng lòng riêng của Nguyễn Duy đến với tiếng lòng chung của bao người: Giật mình trước sự nông nổi, bạc bẽo của chính mình, tự nhìn lại mình để hoàn thiện chính mình

- Bài thơ Ánh trăng đã giúp chúng ta hiểu rõ hơn về giá trị của tác phẩm trong việc thể hiện tâm hồn tác giả và níu giữ mãi mãi tính người cho con người.”.

- Lắng nghe lời tự nhắc của nhà thơ về đạo lí sống uống nước nhớ nguồn, biết trân trọng ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ, người đọc nhận ra những triết lí sống sâu sắc cho mình. Bài thơ của Nguyễn Duy không chỉ là chuyện riêng của nhà thơ mà là chuyện của mọi người, không chỉ là bài thơ của một thời mà là bài thơ của mọi thời, mọi đời, nó luôn nhắc nhở mọi người về đạo lí ân nghĩa thủy chung, uống nước nhớ nguồn

2.4. Mở rộng, nâng cao vấn đề:

- Ý kiến của Nguyên Ngọc trở thành phương châm, nguyên tắc sáng tạo của người nghệ sĩ chân chính; Đòi hỏi nhà văn phải có tầm nhìn sâu rộng, có tư tưởng nhân văn, nhân đạo...

- Quan điểm này cũng trở thành tiêu chí đánh giá văn học nghệ thuật đối với bạn đọc...

- Nguyên Ngọc đã góp phần khẳng định giá trị lớn lao, phong phú của văn học nghệ thuật đối với đời sống nhân sinh, đặc biệt là thiên chức cao cả: thanh lọc tâm hồn, nhân đạo hóa con người

3/ Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

- Rút ra bài học liên hệ.

ĐỀ SỐ 99

Trong một lần tâm sự về nghề, nhà văn Bùi Hiền đã rất tâm huyết bày tỏ *Khát vọng qua những trang viết*:

Mỗi truyện ngắn phải là một sự phát triển bất ngờ về con người.

(Theo *Nhà văn nói về tác phẩm*, NXB Giáo dục 2004)

Giải thích ngắn gọn ý kiến trên và làm rõ “sự phát triển bất ngờ về con người” ở một truyện ngắn Việt Nam trong chương trình Ngữ văn THCS mà em yêu thích.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm một bài nghị luận văn học.

Bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục, viết có cảm xúc, biết vận dụng linh hoạt các thao tác nghị luận, không mắc các loại lỗi.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày và lí giải khác nhau, song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu ý kiến.
- Dẫn dắt vấn đề.

2/ Thân bài:

2.1/ Giải thích ý kiến:

- Nhà văn Nguyễn Minh Châu đã từng nhận xét: “*Văn học và cuộc sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người*”. Thật vậy, con người là trung tâm của văn học, là đối tượng chủ yếu mà các nhà văn, nhà thơ khao khát hướng đến. Và sứ mệnh cao cả của văn chương là phản ánh một cách sinh động và trung thực về con người.

- “*Mỗi truyện ngắn phải là một sự phát hiện bất ngờ về con người*”:

+ “*Sự phát hiện bất ngờ về con người*”: đó là sự phát hiện về vẻ đẹp trong tâm hồn, trong tính cách, những phẩm chất tiềm tàng, đáng quý trong con người họ. Những vẻ đẹp ấy thường bị số phận, hoàn cảnh, vẻ bề ngoài, hoặc hiểu lầm mà che khuất.

+ Muốn phát hiện được những điều bất ngờ về con người trong truyện ngắn, nhà văn cần phải có tấm lòng đồng cảm, thấu hiểu, sẻ chia, có cái nhìn yêu mến, trân trọng, cần phải quăng mình vào trong cuộc sống để nhìn thấu những số phận cuộc đời.

+ Vẻ đẹp con người cần phải được nhìn nhận ở “*bề sâu, bề sau, bề xa*”, bởi ống kính máy ảnh – dù hiện đại, tinh vi đến mấy cũng không thể “chụp” nổi chiều sâu số phận con người.

=> Ý kiến của nhà văn Bùi Hiền không chỉ là một quan điểm, mà trên hết nó là một sứ mệnh cao cả, một nhiệm vụ quan trọng của văn học hướng đến con người. Văn chương trước hết là câu chuyện của con người, với muôn mặt phức tạp phong phú, với tất cả chiều sâu của nó.

2.2/ Phân tích 1 truyện ngắn để làm sáng tỏ ý kiến:

HS chọn một truyện ngắn đã học trong chương trình Ngữ văn THCS mà mình yêu thích để phân tích và phải làm nổi bật được “*sự phát triển bất ngờ về con người*” trong tác phẩm đó. Dưới đây là 1 ví dụ về truyện “*Lão Hạc*”:

a/ Giới thiệu chung:

- Nam Cao là một cái tên không thể thiếu khi nhắc tới những nhà văn hiện thực nhân đạo. Tham gia vào dòng văn học 1930-1945 tuy là muộn so với các nhà văn khác nhưng bằng cách “*khơi những nguồn chưa ai khơi*” Nam Cao đã ghi vào lòng độc giả những ấn tượng riêng và có một vị trí đứng vững chắc.

- “*Lão Hạc*” là một trong những truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao về đề tài người nông dân trước CMT8.1945. Truyện đem đến cho ta nhiều cái nhìn bất ngờ về con người.

b/ Phân tích:

Những khám phá riêng của nhà văn về con người được thể hiện rõ nét qua nhân vật lão Hạc.

*** Lão Hạc điển hình cho cuộc sống nghèo khổ của người nông dân trước CMT8.1945:**

- Cuộc sống cày thuê, cuốc mướn, vợ lão vì làm nhiều, lao lực mà chết.

- Lão nghèo không có tiền cưới vợ cho con khiến con lão phần chĩ bỏ đi đồn điền cao su.

- Lão bị ốm đồng thời làng mất nghề ve sợi nên không kiếm được việc làm, sống tạm bợ ăn củ chuối quả sung qua ngày, cuối cùng phải bán con chó vàng là người bạn duy nhất của lão.

- Bán chó xong, với những day dứt lương tâm cùng những tính toán của người lương thiện, lúc tuổi già lão đã tìm đến cái chết bằng liều bả chó. Cái chết của lão phản ánh sự cùng quẫn bế tắc của người nông dân trong xã hội đương thời, việc làm, cái đói, miếng ăn đè nặng lên vai người nông dân.

*** Giữa đói khổ cùng cực, lão Hạc vẫn giữ được tấm lòng lương thiện, tự trọng và tình yêu thương con sâu sắc:**

- Lão yêu con với nỗi niềm day dứt của người cha chưa làm tròn bổn phận, chưa lo cưới vợ được cho con nên trong các câu chuyện với ông giáo hay cậu Vàng lão đều nhắc tới con với nỗi nhớ nhung cùng những tính toán cho con khi nó trở về.

- Lão bòn vườn, bán chó, gửi tiền và vườn nhờ hàng xóm trông nom cho con rồi ra đi chứ quyết không tiêu của con lấy một hào. Sự hi sinh của lão âm thầm mà cao thượng.

- Lão tìm đến cái chết để khẳng định nhân cách cao thượng của mình bởi lão đã từ chối sự giúp đỡ của mọi người, lão sợ sống nữa sẽ không giữ mình mà đi theo gót Binh Tư chẳng ?

- Cảnh lão âu yếm con chó vàng cùng những cách chăm sóc, tâm sự của lão với nó, cảnh lão khóc như con nít khi bán nó khiến người đọc cảm động và thương cảm ngậm ngùi cho số phận của lão.

c/ Nhân vật lão Hạc mang đến cho người đọc nhiều bất ngờ, khơi dậy ở chúng ta nhiều suy ngẫm:

- Giữa đói khổ cùng cực, lão Hạc chấp nhận cái chết, không đụng đến cái vườn của con trai, lão thà chết chứ không bán rẻ lương tâm và lòng tự trọng, không chấp nhận lối sống tha hóa như Binh Tư. Ngay cả khi chết, lão cũng tự chuẩn bị tiền mai táng, quyết không phiền đến xóm làng.

- Lão thà chết để giữ tiếng thơm cho con chứ không để nó mang nỗi nhục về một người cha tha hóa.

=> Vẻ đẹp tiêu biểu của người nông dân Việt Nam trước CMT8: *"đói cho sạch, rách cho thơm"*. Nam Cao đã gạn đục khơi trong, phát hiện trong những cuộc đời đen tối ấy thứ ánh sáng của lương tri, của tình thương làm người ta thấy tin yêu cuộc đời hơn.

- Cái chết của lão khiến ông giáo phải thốt lên đầy chua xót: "*Cuộc đời chưa hẳn đáng buồn hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác*". Đó cũng là những ngậm ngùi đọng lại, trở thành ám ảnh trong lòng những người đọc hôm nay.

=> Tác phẩm có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc.

2.3/ Đánh giá:

- Khẳng định lại vai trò, sứ mệnh của văn học, nghệ thuật: khám phá con người, nuôi dưỡng tâm hồn con người.

- Từ đó, đề cao vai trò sáng tạo, tìm tòi của các nhà văn.

3/ Kết bài:

- Đánh giá lại ý kiến.

- Nêu cảm nhận, suy nghĩ của bản thân.

ĐỀ SỐ 100

“*Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học*” (Tố Hữu). Em hãy chọn một số bài thơ trong chương trình Ngữ văn 9 để chứng minh cho nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm một bài nghị luận văn học.

Bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục, viết có cảm xúc, biết vận dụng linh hoạt các thao tác nghị luận, không mắc các loại lỗi.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày và lí giải khác nhau, song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài:

Văn học nghệ thuật có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Mỗi tác phẩm văn học đều có một sinh mệnh riêng, một đời sống riêng. Tác phẩm đến từ đâu và hướng tới nơi nào, tất cả đều do người nghệ sĩ và bạn đọc quyết định. Bàn về điều này, nhà thơ Tố Hữu từng khẳng định: “*Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học*” (Tố Hữu)

2/Thân bài:

2.1.Giải thích:

- “*Cuộc đời là nơi xuất phát của văn học*” : Nội dung của các tác phẩm phản ánh được hiện thực, khám phá những vấn đề của cuộc sống.

-“*Cuộc đời cũng là nơi đi tới của văn học*”: Văn học tác động trở lại cuộc đời, làm thay đổi nhận thức và tình cảm của con người để cuộc sống chung tốt đẹp hơn.

Nhà thơ Tố Hữu khẳng định: Văn học vị nhân sinh – vì cuộc đời mà văn học được sinh ra và cũng vì cuộc đời, vì con người mà văn học tiếp tục sứ mệnh xây dựng những thành lũy vững chắc cho tâm hồn con người. Trong đó, vai trò của người nghệ sĩ khá quan trọng.

2.2.Chứng minh:

a/ Cuộc đời đúng là nơi xuất phát của văn học:

Nhà thơ, nhà phê bình văn học Nguyễn Đình Thi cũng đồng quan điểm với nhà thơ Tố Hữu khi cho rằng: “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng mượn vật liệu ở thực tại”. Người sáng tác chiêm nghiệm cuộc sống, lựa chọn đề tài từ hiện thực góp nên trang viết của mình. Họ phản ánh đời sống bằng cái tâm của người nghệ sĩ chân chính không tô hồng hay bôi đen hiện thực đó. Tuy nhiên, người sáng tác không bê nguyên thực tại vào trang viết của mình, qua lăng kính nghệ sĩ, hiện thực trở nên lung linh sinh động hơn và có ý nghĩa hơn.

** Văn học là nơi in bóng của thời đại, nhà văn là thư kí trung thành của thời đại:*

Tác phẩm văn học, nghệ thuật, tự thân nó không thể xa rời hiện thực đời sống. Nhưng phản ánh hiện thực như thế nào, thì không phải là câu hỏi dễ trả lời. Không đơn giản chỉ là sự tả chân một cách cơ học, chưa nói rằng, tả chân đôi lúc cũng chưa hẳn là thấu đáo; và thực tiễn văn học, nghệ thuật cho thấy, thành tựu văn học, nghệ thuật phụ thuộc vào tài năng, quan niệm thẩm mỹ và sự thăng hoa cảm xúc của người nghệ sĩ.

- Mỗi nhà văn cũng là một thư kí trung thành của thời đại bởi nếu không có hiện thực cuộc sống, mỗi nhà văn cũng không thể tự tưởng tượng ra những điều mới mẻ để viết. Kể cả chương viễn tưởng cũng là chiết xuất từ hiện thực những chất liệu cần thiết để hình thành nên. Không có tác phẩm nào mà không phản ánh hiện thực, cũng không có nhà văn nào có thể bước ra khỏi cuộc sống để viết.

+ *Đọc bài thơ Đồng chí của Chính Hữu*, người đọc nhận ra ngay hoàn cảnh chiến đấu chống thực dân Pháp của quân và dân ta thời kì đầu: thiếu thốn, trăm nghìn gian khó chưa thể giải quyết được, người lính còn chiến đấu trong tình trạng mất cân đối với kẻ thù. Đó là

những ngày đầu khi ta chưa võ trang. Người đọc cũng nhận ra tinh thần vượt khó kiên cường, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù, một lòng trung thành với đất nước của các chiến sĩ, dẫu gian nguy cũng không chịu lùi bước hay than vãn.

+*Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải* ra đời năm 1980, khi đất nước vừa đi qua chiến tranh. Nhưng cuộc sống chung vẫn còn nhiều khó khăn : chiến tranh lại nổ ra ở hai đầu biên giới phía Bắc và Tây Nam Tổ quốc, bữa cơm còn độn khoai, nhiều nơi còn loang lổ hố bom ... Hiện thực ấy đi vào trang thơ của Thanh Hải, ông viết:

Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tắt cả như hồi hã

Tắt cả như xô xao

Ấn tượng nghệ thuật ở đoạn thơ này là cách dùng điệp ngữ “mùa xuân”, “lộc”, “tắt cả” khiến cho lời thơ nhịp nhàng, hình ảnh mùa xuân tràn đầy sức sống hiện ra rõ nét. Hình ảnh hoán dụ “người cầm súng”, “người ra đồng” gọi lên mùa xuân đất nước, người người hồi hã tay súng, tay cày; vừa xây dựng vừa bảo vệ biên cương Tổ quốc. Từ láy “hồi hã”, “xô xao” diễn tả không khí rộn ràng, khẩn trương, náo nức của cả nước.

Nhà thơ viết những dòng thơ lúc đang nằm trên giường bệnh, tai không thể nghe được âm thanh mùa xuân đất nước, mắt không thể nhìn thấy người người ra trận, ra đồng. Nhưng tác giả vẫn cảm nhận được hiện thực cuộc sống và thể hiện trên trang viết của mình.

b/ Cuộc đời cũng là nơi đi tới của văn học:

- Tiếng nói của văn học nghệ thuật sẽ đồng hành cùng con người đi đến tương lai. Bởi trong mỗi tác phẩm, người nghệ sĩ gửi vào đó những lời nhắn, những thông điệp sống, giúp con người nhận ra mình để sống tốt đẹp hơn. Cho nên nghệ sĩ còn mang thiên chức “kĩ sư tâm hồn”. Tuy nhiên, những bài học về lẽ sống gửi trong mỗi tác phẩm không đơn thuần là thuyết lí khô khan; nhà văn, nhà thơ nói bằng hình ảnh, bằng nhạc điệu, bằng các tình huống độc đáo. Và họ thắp lên trong lòng bạn đọc những ngọn lửa ấm, ngọn lửa hướng thiện.

- Đến với bài thơ “Nói với con ”của nhà thơ miền núi Y Phương, tấm lòng của người nghệ sĩ dân tộc Tày dành cho con, cho quê hương; đem tiếng thơ của mình góp vào đời sống một

viên đá con làm nên thành lũy tâm hồn con người trong những năm 1980. Ở đoạn thơ thứ hai, người cha nói với con về phẩm chất của đồng bào mình và cũng là lời trao gửi niềm tin của một thế hệ dành cho một thế hệ.

“Người đồng mình thương lắm con ơi

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn

Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc”

Y Phương đã không hề rời xa hiện thực đời sống, cách nghĩ, cách làm của “người đồng mình”. Tất cả đã được phản ánh chân thực, sinh động trong những vần thơ tha thiết. Đồng thời tiếng thơ quay trở lại bồi dưỡng tâm hồn con người, làm đẹp cho quê hương, đất nước. Nghĩa là nó trở lại với nguồn cội đã sản sinh ra nó. Nghĩa là văn học đã đi tới với hiện thực cuộc sống sinh động và tái sinh một cuộc sống mới.

Qua phần phân tích trên, ta thấy rõ, *“cuộc đời là nơi xuất phát và cũng là nơi đi tới của văn học”*.

2.3. Đánh giá – mở rộng:

Trong cuộc sống muôn màu muôn vẻ, người nghệ sĩ phải có con mắt tinh tường, có trái tim giàu cảm xúc mới nhận ra những vẻ đẹp của con người, của thiên nhiên, mới nghe được, cảm được những âm thanh sống động và những vang động âm thầm của cuộc sống để đưa lên trang viết mình. Người nghệ sĩ cũng phải có khả năng sáng tạo đặc biệt, lao động không mệt mỏi để dệt nên tác phẩm có sức sống vượt thời gian.

3/ Kết bài:

Văn học không đơn thuần là phản ánh hiện thực mà là sự nghiền ngẫm về hiện thực. Văn học thoát ra từ hiện thực cuộc sống để sau đó trở lại phục vụ cuộc sống. Nhận định của nhà thơ Tố Hữu có ý nghĩa đề cao vai trò văn học trong sống con người đồng thời nhắc nhở

người sáng tác và bạn đọc cần có sự đồng điệu để tác phẩm văn học tiếp thêm sức mạnh cho cuộc đời.

ĐỀ SỐ 101

Một truyện ngắn hay là truyện mà ở đó nhà văn sáng tạo được những chi tiết độc đáo. Em hãy chọn và phân tích một chi tiết trong tác phẩm *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng (phần trích trong *Ngữ văn 9*, Tập một, NXB Giáo dục 2015) mà theo em là độc đáo và có nhiều ý nghĩa trong việc làm nổi bật chủ đề tác phẩm.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm một bài nghị luận văn học.

Bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục, viết có cảm xúc, biết vận dụng linh hoạt các thao tác nghị luận, không mắc các loại lỗi.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày và lí giải khác nhau, song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

(Học sinh có thể lựa chọn chi tiết "*vết thẹo*")

1/ Mở bài:

- Nguyễn Quang Sáng là một trong những nhà văn tiêu biểu của nền văn học cách mạng Việt Nam.
- "*Chiếc lược ngà*" là tác phẩm gắn liền với tên tuổi của ông. Truyện viết về tình cảm gia đình, tình cảm cha con trong chiến tranh thật cảm động mà sâu sắc.
- Giới thiệu chi tiết "*vết thẹo*" trên khuôn mặt của ông Sáu.

2/ Thân bài:

2.1. Vai trò của "*chi tiết*" trong truyện ngắn:

- *Chi tiết* là một trong những yếu tố nhỏ nhất tạo nên tác phẩm. Để làm nên một chi tiết có giá trị đòi hỏi nhà văn phải có sự thăng hoa về cảm hứng và tài năng nghệ thuật.

- Vai trò: "*Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn*", tức là chi tiết giàu giá trị biểu đạt, góp phần đắc lực trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm, quan niệm nghệ thuật của mình.

2.2. Phân tích chi tiết "*vết thẹo*":

- Chi tiết “vết thẹo” xuất hiện 3 lần trong tác phẩm. Lần thứ nhất, phút đầu bé Thu gặp ba; lần thứ hai, qua cuộc trò chuyện với bà ngoại; lần thứ ba, Thu nhận ra ba, hôn cùng khắp, hôn cả vết thẹo.

- Chi tiết này góp phần tạo sự hoàn chỉnh, chặt chẽ cho cốt truyện. Vết thẹo trên mặt ông Sáu là chi tiết nghệ thuật đặc sắc, nối kết các tình tiết trong truyện, tạo nên nghệ thuật thắt nút, mở nút bất ngờ, hợp lý:

+ Chi vì "vết thẹo" mà bé Thu không nhận ra ba, đối xử với ba một cách lạnh lùng, cự tuyệt.

+ Khi được bà ngoại giải thích về "vết thẹo" trên gương mặt ba, mối nghi ngờ của bé Thu về ông Sáu đã được giải tỏa, khiến bé Thu nhận ra ba.

+ Khi nhận ra ba, tình cảm, thái độ của em đã thay đổi hoàn toàn. Thu nhận cha, yêu cha, yêu vết thẹo, không muốn chia tay cha.

=> Như vậy, chi tiết "vết thẹo" đã tạo nên kịch tính, tình huống truyện làm nên sức hấp dẫn, lôi cuốn của tác phẩm.

** Chi tiết nghệ thuật "vết thẹo" góp phần quan trọng làm rõ vẻ đẹp của các nhân vật:*

- Ông Sáu yêu nước, dũng cảm, dám chấp nhận hi sinh.

- Bé Thu có cá tính mạnh mẽ, có tình yêu thương cha sâu sắc, mãnh liệt.

** Chi tiết "vết thẹo" còn thể hiện chủ đề, nội dung tư tưởng của tác phẩm:*

- Vết thẹo là chứng tích của chiến tranh, chiến tranh đã gây ra nỗi đau về thể xác và tinh thần cho con người, đã chia cắt nhiều gia đình.

- Chứng tỏ chiến tranh có thể hủy diệt tất cả nhưng không thể hủy diệt được tình cảm con người: cụ thể là tình cha con, tình phụ tử thiêng liêng, sâu nặng.

2.3/ Nhận xét, đánh giá:

- Chi tiết "vết thẹo" trong tác phẩm không chỉ đặc sắc về nội dung, mà còn độc đáo về nghệ thuật.

- Chi tiết cũng góp phần làm cho tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng sống mãi cùng thời gian.

3/ Kết bài:

- Đánh giá lại vấn đề.
- Đánh giá sự thành công của tác phẩm.

ĐỀ SỐ 102

Có người cho rằng một truyện ngắn hay vừa là chứng tích của một thời, vừa là hiện thân cho chân lí giản dị của mọi thời. .

Em hiểu ý kiến trên như thế nào ? Qua truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, hãy làm sáng tỏ điều đó.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm một bài nghị luận văn học.

Bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục, viết có cảm xúc, biết vận dụng linh hoạt các thao tác nghị luận, không mắc các loại lỗi.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày và lí giải khác nhau, song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Giới thiệu nhận định->Mối quan hệ giữa nhận định với *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích:

- Nhận định bày tỏ quan niệm, yêu cầu đối với một truyện ngắn hay: *Truyện ngắn hay* là truyện ngắn để lại những ấn tượng sâu đậm về giá trị nội dung, nghệ thuật và tạo được những suy nghĩ sâu sắc trong lòng bạn đọc.

- *Là chứng tích của một thời*: phản ánh chân thực hiện thực thời đại, đặt ra những vấn đề quan trọng, bức thiết của cuộc sống, con người đương thời (bản chất hiện thực, số phận con người, nổi trăn trở nhân sinh...).

+ Là hiện thân của một chân lí giản dị của mọi thời: tác phẩm đặt ra, chạm tới được những chân lí giản dị – những vấn đề bình dị nhưng đúng đắn, là cốt lõi, bản chất, mang tính quy luật phổ quát, lâu dài của nhân sinh muôn thuở.

- Như vậy nhận định khẳng định tiêu chuẩn một tác phẩm truyện ngắn hay là những tác phẩm hài hòa hai giá trị: vừa soi bóng thời đại, ghi dấu những vấn đề lớn, cốt lõi của thời đại – vừa có ý nghĩa lâu dài, chạm đến những chân lí bình thường, phổ quát, muôn đời..

2.2. Bình luận:

Đây là nhận định đúng đắn, sâu sắc, đặt ra yêu cầu tất yếu đối với một tác phẩm có giá trị và sức sống lâu dài.

- Đặc trưng về đối tượng phản ánh của văn học nói chung, truyện ngắn nói riêng là khám phá, miêu tả, soi bóng thời đại mà nó ra đời: hiện thực cuộc sống, đời sống con người, đặt ra những vấn đề nhân sinh phong phú, phức tạp...

- Đặc trưng của truyện ngắn: thể loại tự sự cỡ nhỏ, dung lượng ngắn, thường chỉ kể về một tình huống đặc biệt của đời sống, với số lượng không nhiều các nhân vật, tình tiết, chi tiết, qua đó gửi gắm những thông điệp tư tưởng, tình cảm của tác giả.

- Truyện ngắn hay phải là những tác phẩm kết tinh hài hòa hai giá trị:

+ Là chứng tích của một thời: tác phẩm phải phản ánh được bức tranh sâu rộng về hiện thực thời đại, xây dựng được những chân dung nhân vật vừa chân thực vừa điển hình của thời đại, đặt ra được những vấn đề cốt lõi, quan trọng, bức thiết nhất đương thời. “*Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời*” (Tô Hoài)

+ Là hiện thân của một chân lí giản dị của mọi thời: khi tác phẩm chạm đến được chiều sâu của hiện thực, đặt ra được một hoặc nhiều vấn đề tuy giản dị, bình thường nhưng là bản chất, cốt lõi, có tính quy luật, là chân lí phổ quát muôn đời. Khi đó, tác phẩm là kết quả của sự gắn bó, trăn trở sâu sắc với thời đại và nhân sinh, thực sự có giá trị và sức sống lâu dài.

- Giá trị và sức sống ấy chỉ có được khi tác phẩm có chất lượng nghệ thuật cao: tuy dung lượng ngắn, tình huống độc đáo, nhân vật không nhiều, chi tiết cô đúc ... nhưng có độ dồn nén, hàm súc, khả năng khái quát, điển hình.

2.3. Chứng minh qua tác phẩm “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

Thí sinh làm sáng tỏ nhận định qua các dẫn chứng diện và điểm, trong đó đi sâu phân tích cụ thể truyện ngắn được nêu ở đề bài.

Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, song cần bám sát định hướng của đề.

2.4. Bàn bạc, mở rộng vấn đề:

Nhận định chủ yếu khẳng định giá trị, vẻ đẹp, sức sống của thể loại truyện ngắn ở phương diện ý nghĩa nội dung tư tưởng, song cũng cần nhắc tới những yêu cầu, phẩm chất về nghệ thuật của thể loại: dựng truyện, kể chuyện hấp dẫn; xây dựng nhân vật; lựa chọn sáng tạo chi tiết, giọng điệu, lời văn...

- Ý kiến được nêu cũng gợi nhắc những đòi hỏi, yêu cầu:

+ Đối với người sáng tác: phải gắn bó, hiểu biết sâu sắc, trăn trở và nói lên những vấn đề thiết cốt nhất của thời đại để tác phẩm của mình thực sự là chứng tích của một thời; đồng thời đào sâu vào những vấn đề bản chất, chân lí của nhân sinh để tác phẩm có ý nghĩa và sức sống lâu dài, vượt tầm thời đại.

+ Đối với người đọc: tiếp nhận, trân trọng giá trị của những tác phẩm hay giúp ta hiểu sâu rộng hơn về cuộc sống, con người một thời và thấy được ý nghĩa của tác phẩm với muôn đời, muôn người, trong đó có chúng ta và thời đại mình đang sống.

3/ Kết bài:

- Đánh giá lại vấn đề.

- Khẳng định sự thành công của tác phẩm.

ĐỀ SỐ 103

Bàn về truyện ngắn, nhà văn Nguyễn Kiên cho rằng “ *một truyện ngắn hay vừa là chứng tích của một thời, vừa là hiện thân cho chân lí giản dị của mọi thời*”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào ? Qua truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê (Ngữ Văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam) , hãy làm sáng tỏ điều đó.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm một bài nghị luận văn học.

Bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục, viết có cảm xúc, biết vận dụng linh hoạt các thao tác nghị luận, không mắc các loại lỗi.

II/ Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày và lí giải khác nhau, song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Giới thiệu nhận định->Mối quan hệ giữa nhận định với *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích:

- Nhận định bày tỏ quan niệm, yêu cầu đối với một truyện ngắn hay: *Truyện ngắn hay* là truyện ngắn để lại những ấn tượng sâu đậm về giá trị nội dung, nghệ thuật và tạo được những suy nghĩ sâu sắc trong lòng bạn đọc.

- *Là chứng tích của một thời*: phản ánh chân thực hiện thực thời đại, đặt ra những vấn đề quan trọng, bức thiết của cuộc sống, con người đương thời (bản chất hiện thực, số phận con người, nổi trăn trở nhân sinh...).

+ Là hiện thân của một chân lí giản dị của mọi thời: tác phẩm đặt ra, chạm tới được những chân lí giản dị – những vấn đề bình dị nhưng đúng đắn, là cốt lõi, bản chất, mang tính quy luật phổ quát, lâu dài của nhân sinh muôn thuở.

- Như vậy nhận định khẳng định tiêu chuẩn một tác phẩm truyện ngắn hay là những tác phẩm hài hòa hai giá trị: vừa soi bóng thời đại, ghi dấu những vấn đề lớn, cốt lõi của thời đại – vừa có ý nghĩa lâu dài, chạm đến những chân lí bình thường, phổ quát, muôn đời..

2.2. Bình luận:

Đây là nhận định đúng đắn, sâu sắc, đặt ra yêu cầu tất yếu đối với một tác phẩm có giá trị và sức sống lâu dài.

- Đặc trưng về đối tượng phản ánh của văn học nói chung, truyện ngắn nói riêng là khám phá, miêu tả, soi bóng thời đại mà nó ra đời: hiện thực cuộc sống, đời sống con người, đặt ra những vấn đề nhân sinh phong phú, phức tạp...

- Đặc trưng của truyện ngắn: thể loại tự sự cỡ nhỏ, dung lượng ngắn, thường chỉ kể về một tình huống đặc biệt của đời sống, với số lượng không nhiều các nhân vật, tình tiết, chi tiết, qua đó gửi gắm những thông điệp tư tưởng, tình cảm của tác giả.

- Truyện ngắn hay phải là những tác phẩm kết tinh hài hòa hai giá trị:

- + Là chứng tích của một thời: tác phẩm phải phản ánh được bức tranh sâu rộng về hiện thực thời đại, xây dựng được những chân dung nhân vật vừa chân thực vừa điển hình của thời đại, đặt ra được những vấn đề cốt lõi, quan trọng, bức thiết nhất đương thời. *“Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời”* (Tô Hoài)

- + Là hiện thân của một chân lí giản dị của mọi thời: khi tác phẩm chạm đến được chiều sâu của hiện thực, đặt ra được một hoặc nhiều vấn đề tuy giản dị, bình thường nhưng là bản chất, cốt lõi, có tính quy luật, là chân lí phổ quát muôn đời. Khi đó, tác phẩm là kết quả của sự gắn bó, trộn lẫn sâu sắc với thời đại và nhân sinh, thực sự có giá trị và sức sống lâu dài.

- Giá trị và sức sống ấy chỉ có được khi tác phẩm có chất lượng nghệ thuật cao: tuy dung lượng ngắn, tình huống độc đáo, nhân vật không nhiều, chi tiết cô đúc ... nhưng có độ dồn nén, hàm súc, khả năng khái quát, điển hình.

2.3. Chứng minh qua tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

a/ Khái quát về tác giả, tác phẩm.

b/ Chứng minh:

Luận điểm 1: Truyện ngắn hay là những chứng tích một thời.

Truyện ngắn *“Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê là chứng tích của khí thế và hiện thực cuộc chiến đấu chống Mĩ của bộ đội ta, đặc biệt trên tuyến đường Trường Sơn.

- Hiện thực hoàn cảnh sống và chiến đấu của những nữ thanh niên xung phong trong tổ trinh sát mặt đường.

Khí thế hào hùng của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

- Hiện thực cuộc chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn vô cùng khốc liệt.
- Truyện đã phản ánh hiện thực cuộc chiến đấu chống Mĩ gian khổ, ác liệt với nhiều mất mát hy sinh nhưng vô cùng oanh liệt của quân dân ta.

(Học sinh lấy dẫn chứng trong tác phẩm phân tích, chứng minh)

Luận điểm 2: Truyện ngắn hay còn là hiện thân của một chân lý giản dị của mọi thời: không khó khăn, gian khổ hay sức mạnh bom đạn nào có thể hủy diệt vẻ đẹp trong phẩm chất và tâm hồn của con người.

- Vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, mơ mộng, đáng yêu.
- Vẻ đẹp của tình đồng đội keo sơn, gắn bó.
- Vẻ đẹp của tinh thần trách nhiệm cao, dũng cảm, không sợ hy sinh, gian khổ.

=>Chính những vẻ đẹp ấy đã tạo sức mạnh cho họ trên tuyến đầu chiến trường, làm nên vẻ đẹp của thế hệ Việt Nam thời chống Mĩ.

(Học sinh lấy dẫn chứng trong tác phẩm phân tích, chứng minh)

Luận điểm 3: Để thể hiện những giá trị ấy phải là một hình thức nghệ thuật độc đáo.

- Ngôi kể thứ nhất, người kể chuyện là Phương Định, tạo tính khách quan, sinh động, chân thực.
- Ngôn ngữ trần thuật, câu văn ngắn, nhịp điệu dồn dập thể hiện không khí ác liệt của chiến trường.
- Nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc biệt là ngòi bút phân tích tâm lý.

2.4. Đánh giá:

- Truyện ngắn đã tái hiện hiện thực cuộc chiến đấu gian khổ, khốc liệt thời chống Mĩ trên tuyến đường Trường Sơn nhưng cũng làm ngời sáng một chân lý của mọi thời đại đó là vẻ đẹp của con người, của thế hệ trẻ Việt Nam, vẻ đẹp đó không một sức mạnh nào có thể hủy diệt được.

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm, lòng yêu mến, tự hào trước những vẻ đẹp của con người trong chiến tranh, gợi suy nghĩ về ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay.

- Nhận định chủ yếu khẳng định giá trị, vẻ đẹp, sức sống của thể loại truyện ngắn ở phương diện ý nghĩa nội dung tư tưởng, song cũng cần nhắc tới những yêu cầu, phẩm chất về nghệ thuật của thể loại: dựng truyện, kể chuyện hấp dẫn; xây dựng nhân vật; lựa chọn sáng tạo chi tiết, giọng điệu, lời văn...

- Ý kiến được nêu cũng gợi nhắc những đòi hỏi, yêu cầu:

+ Đối với người sáng tác: phải gắn bó, hiểu biết sâu sắc, trải nghiệm và nói lên những vấn đề thiết cốt nhất của thời đại để tác phẩm của mình thực sự là chứng tích của một thời; đồng thời đào sâu vào những vấn đề bản chất, chân lí của nhân sinh để tác phẩm có ý nghĩa và sức sống lâu dài, vượt tầm thời đại.

+ Đối với người đọc: tiếp nhận, trân trọng giá trị của những tác phẩm hay giúp ta hiểu sâu rộng hơn về cuộc sống, con người một thời và thấy được ý nghĩa của tác phẩm với muôn đời, muôn người, trong đó có chúng ta và thời đại mình đang sống.

3/ Kết bài:

-Đánh giá lại vấn đề.

-Khẳng định sự thành công của tác phẩm.

ĐỀ SỐ 104

Có ý kiến cho rằng: *Tác phẩm văn học giúp cho tâm hồn con người trở nên phong phú hơn, tinh tế và sâu sắc hơn.* Hãy chứng minh qua một số tác phẩm văn học mà em đã học.

GỢI Ý LÀM BÀI

1. Mở bài

- Giới thiệu ý kiến
- Dẫn dắt vấn đề

2. Thân bài

2.1. Giải thích ý kiến

- Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ: tác phẩm không chỉ phản ánh cuộc sống thực tại khách quan (ghi lại cái đã có rồi) mà còn là nơi thể hiện những suy nghĩ chủ quan, hay nói cách khác là tâm tư tình cảm, là tư tưởng của

người nghệ sĩ. Đây chính là một điều gì mới mẻ luôn xuất hiện trong sáng tác của họ.

- Tác phẩm nghệ thuật bao giờ cũng phản ánh thực tại và là nơi nhà văn nhấn gửi, thể hiện thế giới tình cảm cũng như tư tưởng, quan điểm nhân sinh của mình. Đây cũng là đặc trưng của các tác phẩm văn chương, tạo nên sức cuốn hút, sự lay động tâm hồn, là Tiếng nói của văn nghệ.

2.2. Chứng minh

- Tác phẩm văn học là nơi nhà văn nhấn gửi, thể hiện tình cảm cũng như tư tưởng, quan điểm nhân sinh của mình (muốn nói một điều gì mới mẻ):

+ “Truyện Kiều” của Nguyễn Du thể hiện rõ nét sự bất bình, căm ghét đối với xã hội phong kiến, thái độ xót thương vô hạn của nhà văn đối với những người phụ nữ;

+ “Lão Hạc”, Nam Cao nói lên niềm yêu mến, cảm phục đối với những người nông dân nghèo khổ mà giữ được phẩm chất tốt đẹp;

+ “Làng” của Kim Lân chẳng những thể hiện cái nhìn yêu mến, trân trọng mà còn nói lên được sự biến chuyển trong nhận thức và tình cảm của người nông dân trong bối cảnh chống Pháp;

+ “Bên quê” của Nguyễn Minh Châu gửi gắm suy nghĩ, bài học nhân sinh về cuộc đời của mỗi con người.

3. Kết bài

- Đánh giá chung

- Suy nghĩ của bản thân

ĐỀ SỐ 105

Từ quan niệm của Chế Lan Viên về chất muối trong mỗi vần thơ:

“Cái kết tinh của một vần thơ và muối bể

Muối lắng ở ô nê và thơ đọng ở bề sâu”

(*Đối thoại mới* – Chế Lan Viên)

Em hãy tìm thứ “*muối thơ*” qua một số bài thơ mà em biết.

GỢI Ý LÀM BÀI

1. Mở bài:

- Giới thiệu nhận định, chức năng của thơ.

- Giới thiệu một số bài thơ mà em biết.

2. Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định

- *Chất muối bể*: được hình thành từ sự lắng đọng, chất lọc, kết tinh,...những gì tinh túy nhất từ đại dương bao la.

- *Chất muối thơ*: được sáng tạo bởi trí tuệ, tài năng và chiều sâu tâm hồn của nhà thơ. Chất muối thể hiện ở các phương diện như: nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

- Câu thơ của Chế Lan Viên để nói về hành trình sáng tạo nghệ thuật và giá trị của thơ ca chân chính.

+ Tác giả dùng hình ảnh muối kết tinh để nói về hành trình sáng tạo nghệ thuật. Để có một hạt muối trắng trẻo, có giá trị phải trải qua biết bao công đoạn nhọc nhằn. Sáng tạo nghệ thuật cũng tương tự như vậy, người nghệ sĩ phải lao động nghiêm túc, không ngừng sáng tạo nên có được những bài thơ kết tinh về nội dung và nghệ thuật. Chất thơ cũng chính là kết tinh tài năng, tư tưởng của người nghệ sĩ.

=> Nhận định đã khẳng định giá trị của một tác phẩm chân chính phải hội tụ đầy đủ ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật

2.2. Phân tích, chứng minh.

Học sinh có thể lựa chọn vài tác phẩm đã học trong chương trình lớp 9 để chứng minh cho nhận định: *Làng, Sang thu, ...*

Với mỗi tác phẩm học sinh cần phát hiện những điểm mới mẻ trên cả hai phương diện Nội dung và Nghệ thuật.

Ví dụ: Tác phẩm *Làng* – Kim Lân

- *Nội dung*

+ Niềm tự hào, nỗi nhớ về làng cũng mang nét mới: Xa làng đi tản cư, ông Hai nhớ làng, vẫn giữ thói quen khoe làng, tự hào về làng.

+ Ông gắn danh dự của mình với danh dự của làng, cho thấy sự gắn bó sâu sắc với làng, với nước bằng tất cả niềm vui, nỗi buồn.

+ Thái độ thù làng Chợ Dầu theo Tây, làm Việt gian thể hiện tình cảm với làng, với nước rất rạch ròi, quyết liệt: làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù. Đó là một nhận thức mới mẻ, sáng suốt, cho thấy người nông dân đã biết đặt danh dự, lợi ích của dân tộc lên trên hết.

+ Người nông dân còn biết hi sinh đến tận cùng cho cuộc kháng chiến, dù tài sản bị đốt nhưng ông vẫn vô cùng hạnh phúc bởi danh dự của làng của bản thân đã được khôi phục.

- *Nghệ thuật*

+ Xây dựng tình huống truyện tự nhiên, bất ngờ, cảm động, tạo ra bước ngoặt về tâm lí, làm nổi bật nhân vật...

+ Miêu tả tâm lí nhân vật chân thực, phong phú, sống động, điển hình.

+ Lựa chọn chi tiết tự nhiên, chân thực nhưng rất tinh tường khiến cho nhân vật hiện lên có những nét ấn tượng riêng (kể cả ngoại hình và nội tâm).

+ Ngôn ngữ dân dã, bình dị, tự nhiên rất phù hợp với nhân vật: có sự hài hòa giữa ngôn ngữ độc thoại và đối thoại làm nổi bật tâm trạng nhân vật.

=> Truyện ngắn Làng đã phát hiện ra những nét mới mẻ trong lòng yêu nước của nhân vật ông Hai. Để có những phát hiện mới mẻ này tác giả đã phải tìm tòi, nghiên cứu một cách cẩn trọng. Đồng thời có sự gắn bó, am hiểu tâm lí người nông dân sâu sắc.

2.3. Bàn luận

- Đây là quan điểm hết sức chính xác về hành trình sáng tạo của người nghệ sĩ.

- Để có những tác phẩm giàu cảm xúc, có giá trị đòi hỏi người nghệ sĩ phải lao động nghệ thuật nghiêm túc, say mê và không ngừng sáng tạo.

- Mọi sáng tạo phải bắt rễ, đào sâu từ hiện thực cuộc sống và đem những gì tinh túy nhất của cuộc sống vào trong tác phẩm.

3/ Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

- Rút ra bài học liên hệ.

ĐỀ SỐ 106

Nhà thơ Chế Lan Viên từng viết: "*Hãy biết ơn vị muối của đời cho Thơ chắt mặn*". Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua tác phẩm thơ *Quê hương* của Tế Hanh

GỢI Ý LÀM BÀI

1. Mở bài

- Dẫn dắt vấn đề
- Nêu ý kiến
- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

2. Thân bài

2.1. Giải thích

- "*Vị muối*" cuộc đời ấy là hiện thực cuộc sống, là những trần trở, lo âu, buồn phiền, sung sướng, hạnh phúc.
- "*Cái chất mặn*" của những vần thơ ấy chính là cái tình của tác giả gửi gắm, là những rung động sâu xa trước hiện thực cuộc sống.....

2.2. Bình luận

- Nếu chỉ là "vị muối của đời" mà không có tài năng, không có con tim nhạy cảm hơn người của nhà thơ thì cũng khó làm nên những vần thơ nóng bỏng.
- Một nhà thơ vĩ đại phải là một nhà thơ có tài và trên hết, phải là người có vốn sống.

2.3. Phân tích tác phẩm

a. Khung cảnh bức tranh quê hương

- Tác giả sử dụng hình ảnh so sánh: "con tuần mã"
- Cùng với những động từ mạnh: "phăng, hăng, vượt"
- Tính từ: "mạnh mẽ"

=> Tái hiện lại thật ấn tượng khí thế dũng mãnh của con thuyền ra khơi. Toát lên một bức tranh lao động đầy hứng khởi với sức sống mãnh liệt, một vẻ đẹp hùng tráng nên thơ.

- Miêu tả bức tranh lao động tấp nập, hối hả, đầy ắp niềm vui, niềm hân hoan của những người dân chài đang háo hức thu hoạch những thành quả của mình.
- Miêu tả cảnh người dân chài và con thuyền nằm nghỉ ngơi sau một chuyến ra khơi. Với nghệ thuật nhân hóa "con thuyền" từ một vật vô tri đã trở nên có hồn.

b. Nỗi lòng của nhà thơ

- Xa quê đã lâu nên nỗi nhớ càng trở nên da diết, chân thành, mộc mạc và giản dị như được thốt ra từ trái tim với cái "mùi mặn nồng".
- Chỉ có một tâm hồn yêu thương gắn bó thật sâu nặng với người dân làng chài thì nhà thơ mới cảm nhận được tinh tế như thế.

3. Kết bài

- Đánh giá chung

- Nêu cảm nghĩ của bản thân.

ĐỀ SỐ 107

Từ quan niệm của Chế Lan Viên về chất muối trong mỗi vần thơ:

Cái kết tinh của một vần thơ và muối bể.

Muối lắng ở ô nê và thơ đọng ở bề sâu.

(Đối thoại mới – Chế Lan Viên)

Em hãy tìm chất muối trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải.

(Ngữ văn 9 – tập 2)

GỢI Ý LÀM BÀI

1. Mở bài:

- Giới thiệu nhận định, chức năng của thơ.
- Giới thiệu một số bài thơ mà em biết.

2. Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định

- *Chất muối bể*: được hình thành từ sự lắng đọng, chất lọc, kết tinh,...những gì tinh túy nhất từ đại dương bao la.

- *Chất muối thơ*: được sáng tạo bởi trí tuệ, tài năng và chiều sâu tâm hồn của nhà thơ. Chất muối thể hiện ở các phương diện như: nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

- Câu thơ của Chế Lan Viên để nói về hành trình sáng tạo nghệ thuật và giá trị của thơ ca chân chính.

+ Tác giả dùng hình ảnh muối kết tinh để nói về hành trình sáng tạo nghệ thuật. Để có một hạt muối trắng trẻo, có giá trị phải trải qua biết bao công đoạn nhọc nhằn. Sáng tạo nghệ thuật cũng tương tự như vậy, người nghệ sĩ phải lao động nghiêm túc, không ngừng sáng tạo nên có được những bài thơ kết tinh về nội dung và nghệ thuật. Chất thơ cũng chính là kết tinh tài năng, tư tưởng của người nghệ sĩ.

=> Nhận định đã khẳng định giá trị của một tác phẩm chân chính phải hội tụ đầy đủ ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật

2.2. Phân tích, chứng minh qua bài thơ Mùa xuân nho nhỏ.

Qua bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, chất muối được biểu hiện ở những phương diện sau:

Về nghệ thuật: Chất muối thơ thể hiện ở một số sáng tạo trong hình thức nghệ thuật của bài thơ.

- Thể thơ 5 chữ gần với các điệu dân ca, đặc biệt là dân ca miền Trung, có âm hưởng nhẹ nhàng, tha thiết tạo nên chất giọng riêng cho bài thơ.
- Hình ảnh thơ: giản dị, gần gũi, vừa cụ thể vừa mang tính biểu tượng.
- Ngôn từ: tự nhiên, tinh tế, giàu ý vị. Đặc biệt là những thán từ đậm chất Huế.
- Giọng điệu: giàu cảm xúc, nhiều cung bậc, phù hợp với tâm trạng (vui, say sưa ở đoạn đầu; trầm lắng, trang nghiêm mà tha thiết ở đoạn bộc bạch tâm niệm; sôi nổi, nhiệt tình ở đoạn cuối.)
- Cách sáng tạo trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... khiến bài thơ có sức hấp dẫn, thú vị riêng.

[HS chọn lọc và phân tích được một số dẫn chứng tiêu biểu]

-> Bài thơ nói đến vấn đề lẽ sống, khát vọng sống của con người nhưng không khô khan, giáo huấn bởi tất cả ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu đều rất chân thành, khiêm nhường, tha thiết.

Về nội dung: HS tập trung làm sáng rõ các ý sau:

- Chất muối thơ kết tinh trong tình yêu tha thiết cảnh sắc quê hương.

[Tập trung phân tích từ ngữ, hình ảnh làm nổi bật vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên xứ Huế: bức tranh xuân tươi tắn, thơ mộng, mang đậm phong vị đất kinh thành. (phần đầu bài thơ)]

- Chất muối thơ kết tinh trong cảm xúc tự hào về sức sống dân tộc.

[Chọn và phân tích được những hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ nhằm ca ngợi những con người cụ thể làm nên lịch sử, làm nên mùa xuân đất nước, ca ngợi sức sống kiên cường, bền bỉ của dân tộc...(phần thứ hai của bài thơ)]

- Chất muối thơ kết tinh trong ước nguyện được cống hiến cho đất nước những gì đẹp nhất của cuộc đời mình.

[Tập trung phân tích một số hình ảnh, từ ngữ (mùa xuân nho nhỏ, lặng lẽ dâng,...), biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ ... để thể hiện quan niệm sống đẹp, đầy trách nhiệm của một tấm lòng khao khát được dâng hiến, được sống có ích cho đời. (phần cuối của bài thơ)]

-> Mùa xuân nho nhỏ không chỉ là một cách sống mà còn là một quan niệm sống thể hiện triết lí nhân sinh sâu sắc. Đặt trong hoàn cảnh sống của nhà thơ (được sáng tác trước khi mất không lâu) ta càng yêu quý, trân trọng hơn thái độ sống này của nhà thơ. Đây chính là

thứ muối thơ của tác phẩm. Thứ muối được kết tinh từ một tinh thần lạc quan, một tâm hồn trong sáng và một tình yêu đất nước vô cùng thiết tha và sâu sắc.

2.3. Bàn luận

Khẳng định: chất muối thơ làm nên giá trị, sức sống của tác phẩm, mang lại cho bạn đọc nhiều bài học quý giá.

3/ Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.
- Rút ra bài học liên hệ..

ĐỀ SỐ 108

Xuân Diệu khẳng định: "*Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài*". Hãy chứng minh qua bài thơ Quê hương của Tế Hanh.

GỢI Ý LÀM BÀI

1/ Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề.
- Giới thiệu bài thơ Quê hương và tác giả Tế Hanh.

Đã bao lần tôi băn khoăn tự hỏi: điều gì khiến mỗi tác phẩm văn học mang hình hài một chiếc lá thả mình vào dòng chảy miên viễn của thời gian? Một cốt truyện li kỳ, hấp dẫn? Một vần thơ sâu chảy tự tâm hồn? Để rồi ngày kia khi tìm đến nhận định của Xuân Diệu: "*Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài*" tôi chợt hiểu rằng dáng lá chao mình ấy chính là vẻ đẹp của cả nội dung lẫn hình thức nghệ thuật mà tác phẩm chứa đựng.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến của Xuân Diệu

- Có nhiều cách định nghĩa về thơ, có thể nói khái quát: thơ là một hình thức sáng tác văn học nghiêng về thể hiện cảm xúc thông qua cách tổ chức ngôn từ đặc biệt, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh và gợi cảm
- Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài. Hồn: Tức là nội dung, ý nghĩa của bài thơ. Xác: Tức là nói đến hình thức nghệ thuật của bài thơ thể hiện ở thể loại, việc tổ chức ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu, cấu tứ

- Như vậy, theo Xuân Diệu thơ hay là có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc. Chỉ khi đó thơ mới đạt đến vẻ đẹp hoàn mỹ của một chỉnh thể nghệ thuật.

- Ý kiến của Xuân Diệu hoàn toàn xác đáng bởi nó xuất phát từ đặc thù sáng tạo của văn chương nghệ thuật. Cái hay của một tác phẩm văn học được tạo nên từ sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức. Một nội dung mới mẻ có ý nghĩa sâu sắc phải được truyền tải bằng một hình thức phù hợp thì người đọc mới dễ cảm nhận, tác phẩm mới có sức hấp dẫn bền lâu.

2.2. Chứng minh qua bài Quê hương: Phân tích theo nội dung và nghệ thuật

a) Nội dung

b) Nghệ thuật

2.3. Đánh giá chung

- Bài học cho người nghệ sĩ: Những bài thơ hay góp phần làm phong phú thêm cho thơ ca nhân loại. Vì vậy, bằng tài năng và tâm huyết của mình, nhà thơ hãy sáng tạo nên những thi phẩm hay và giàu sức hấp dẫn từ nội dung đến hình thức. Điều đó vừa là thiên chức vừa là trách nhiệm của nhà thơ, là yêu cầu thiết yếu, sống còn của sáng tạo nghệ thuật

- Sự tiếp nhận ở người đọc thơ: Cần thấy thơ hay là hay cả hồn lẫn xác. Từ đó có sự tri âm, sự đồng cảm với tác phẩm, với nhà thơ để có thể sẻ chia những tình cảm đồng điệu. Khi ấy, thơ sẽ có sức sống lâu bền trong lòng người đọc nhiều thế hệ.

3/ Kết bài:

Như vậy, với nhận định của mình, Xuân Diệu đã nêu ra một chân lí sống còn của văn học, của nghệ thuật. Đó là phải có nội dung đặc sắc cùng một hình thức thể hiện hợp lí “*Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và khám phá về nội dung*”. (Léonit Léonop). Đồng thời đây cũng là kim chỉ nam cho mỗi người nghệ sĩ muốn tác phẩm của mình bất tử cùng thời gian.

ĐỀ SỐ 109

Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài. Qua bài "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

1/ Mở bài:

- Giới thiệu tác giả Thanh Hải và bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ"

- Trích dẫn ý kiến

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến

- Có nhiều cách định nghĩa về thơ, có thể nói khái quát : thơ là một hình thức sáng tác văn học nghiêng về thể hiện cảm xúc thông qua cách tổ chức ngôn từ đặc biệt, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh và gợi cảm...

- Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài. Hồn: Tức là nội dung, ý nghĩa của bài thơ. Xác: Tức là nói đến hình thức nghệ thuật của bài thơ thể hiện ở thể loại, việc tổ chức ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu, cấu tứ...

- Như vậy, theo Xuân Diệu thơ hay là có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc. Chỉ khi đó thơ mới đạt đến vẻ đẹp hoàn mỹ của một chỉnh thể nghệ thuật.

- Ý kiến của Xuân Diệu hoàn toàn xác đáng bởi nó xuất phát từ đặc thù sáng tạo của văn chương nghệ thuật. Cái hay của một tác phẩm văn học được tạo nên từ sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức. Một nội dung mới mẻ có ý nghĩa sâu sắc phải được truyền tải bằng một hình thức phù hợp thì người đọc mới dễ cảm nhận, tác phẩm mới có sức hấp dẫn bền lâu.

2.2. Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải là bài thơ hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài.

2. Phân tích, chứng minh

a. Về nội dung

- Bài thơ là cảm xúc mãnh liệt, chân thành của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước.

+ Chỉ bằng vài nét vẽ đơn sơ mà đặc sắc, với những hình ảnh thân quen, bình dị, nhà thơ đã gợi lên một phong cảnh mùa xuân tươi tắn, thơ mộng, đậm phong vị xứ Huế: Dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, chim chiền chiện hót vang trời. Bức tranh xuân có không gian thoáng đãng, có màu sắc tươi tắn hài hòa, có âm thanh rộn rã tươi vui, cảnh vật tràn đầy sức sống. Nhà thơ có cái nhìn trìu mến với cảnh vật. Đặc biệt, cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân được thể hiện trong một động tác trữ tình đón nhận, vừa trân trọng vừa tha thiết trìu mến: “Từng giọt...tôi hứng”. Hình ảnh thơ trở nên lung linh đa nghĩa, vừa là thơ vừa là nhạc, vừa là họa, thể hiện được cảm xúc say sưa, ngây ngất của tác giả trước cảnh đất trời xứ Huế vào xuân. Phải có một tình yêu tha thiết, một tâm hồn lạc quan với cuộc sống mới có thể đón nhận mùa xuân và viết về mùa xuân như vậy.

+ Từ mùa xuân của thiên nhiên, đất trời, tác giả cảm nhận về mùa xuân của đất nước. Hình ảnh lộc xuân theo người ra trận, theo người ra đồng làm đẹp ý thơ với cuộc sống lao động

và chiến đấu, xây dựng và bảo vệ - hai nhiệm vụ không thể tách rời. Có thể nói, chính con người đã tạo nên sức sống của mùa xuân thiên nhiên, đất nước. Sức sống của đất nước, của dân tộc cũng được tạo nên từ sự hồi hã, náo nức của người cầm súng, người ra đồng. Nhà thơ bộc lộ niềm tự hào về một đất nước anh hùng và giàu đẹp. Đất nước mãi trường tồn, vĩnh cửu cùng vũ trụ, sẽ tỏa sáng như những vì sao trong hành trình đi đến tương lai rực rỡ, đi đến bến bờ hạnh phúc. Đó là ý chí quyết tâm, niềm tin sắt đá, niềm tự hào lạc quan của cả dân tộc. - Trước mùa xuân lớn của đất nước, nhà thơ tâm niệm về mùa xuân riêng của mỗi cuộc đời và dạt dào khát vọng hiến dâng :+ Nhà thơ nguyện ước làm con chim hót dâng cho đời tiếng ca vui, làm bông hoa trong hương sắc của muôn hoa, làm nốt trầm xao xuyến trong bản hòa tấu muôn điệu, muôn lời ca, làm một mùa xuân nho nhỏ để hòa góp chung vào mùa xuân lớn lao của đất nước. Đó là khát vọng sống hòa nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung. Đây là một quan niệm sống đẹp và đầy trách nhiệm. Làm một mùa xuân là sống đẹp, giữ mãi sức xuân để cống hiến, cống hiến khi ở tuổi thanh xuân – Khi tóc bạc, bất chấp thời gian, tuổi tác: “Một mùa xuân...tóc bạc”. Đây không chỉ là khát vọng của mỗi con người mà là khát vọng của mọi lớp người, mọi lứa tuổi, tất cả đều phấn đấu không mệt mỏi cho đất nước. + Những câu thơ này không chỉ là lời tự nhắc nhở bản thân mình mà còn như một sự tổng kết, đánh giá của tác giả về cuộc đời. Vượt lên đôn đau của bệnh tật, Thanh Hải vẫn sáng lên một bản lĩnh, một tình yêu cuộc sống mãnh liệt, một khát vọng mạnh mẽ được cống hiến cả cuộc đời mình, được hóa thân vào mùa xuân đất nước.

b. Về hình thức

- Nhan đề Mùa xuân nho nhỏ là một sáng tạo bất ngờ, độc đáo mà rất hợp lí, chứa đựng chiều sâu chủ đề tư tưởng mà tác giả muốn gửi gắm qua thi phẩm. - Mạch cảm xúc, mạch ý tạo thành tứ thơ tự nhiên mà chặt chẽ, lô gích, dựa trên sự phát triển của hình ảnh mùa xuân. Từ mùa xuân của đất trời sang mùa xuân của đất nước và mùa xuân của mỗi người góp vào mùa xuân lớn của cuộc đời chung.
- Bài thơ được viết bằng thể thơ ngũ ngôn không ngắt nhịp trong từng câu, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca miền Trung, xứ Huế. Sử dụng cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo sự liền mạch của dòng cảm xúc.
- Hình ảnh thơ: Kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát. Điều đáng chú ý là những hình ảnh biểu trưng này thường được phát triển từ những hình ảnh thực, tạo nên sự lặp lại mà nâng cao, đổi mới của hệ thống hình ảnh (cành hoa, con chim, mùa xuân).
- Ngôn ngữ thơ hàm súc, gợi hình, gợi cảm. Có những câu thơ cứ như câu nói tự nhiên, không trau chuốt từ ngữ nhưng vẫn mang âm hưởng thi ca. Cách sử dụng nghệ thuật đảo cấu trúc ngữ pháp, câu hỏi tu từ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ngữ pháp độc đáo, giàu ý nghĩa. Cách sử dụng đại từ nhân xưng: “tôi – ta”...

- Giọng điệu bài thơ thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả. Giọng điệu có sự biến đổi phù hợp với nội dung từng đoạn: Vui tươi, say sưa ở đoạn đầu; trầm lắng, thiết tha ở đoạn bộc bạch những tâm niệm; sôi nổi và tha thiết ở đoạn kết.

3/ Kết bài:

- Khẳng định ý kiến trên là vô cùng xác đáng
- Khẳng định "*Mùa xuân nho nhỏ*" là một bài thơ hay và mang giá trị sâu sắc.

ĐỀ SỐ 110

Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dùng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc, không phải chỉ có trí thức (...). Cho đến một câu thơ kia, người đọc nghe thì thấm mãi trong lòng, mắt không rời trang giấy.

(Trích *Tiếng nói của văn nghệ* - Nguyễn Đình Thi, Ngữ văn 9, tập hai, NXBGD, 2014)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Cảm nhận của em về cái hay trong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận.

GỢI Ý LÀM BÀI

1/Mở bài:

- Giới thiệu chung:
- Trích dẫn nhận định của Nguyễn Đình Thi.
- Huy Cận là một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới với những tác phẩm nổi tiếng như *Lửa thiêng*, *Vũ trụ ca*,... Sau Cách mạng, ông nhanh chóng hòa nhập vào công cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc chống thực dân Pháp xâm lược. Hòa bình lập lại, từng trang thơ Huy Cận ấm áp hơi thở của cuộc sống mới đang lên.
- Bài thơ "*Đoàn thuyền đánh cá*" nằm trong tập "*Trời mỗi ngày lại sáng*", được sáng tác ở Hòn Gai, năm 1958, nhân một chuyến tác giả đi thực tế dài ngày. Ra đời giữa bối cảnh miền Bắc mới hoà bình, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân thực sự được làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước, bài thơ được đánh giá là một trong những bài thơ hay của thơ ca Việt Nam hiện đại.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định:

- Thơ hay là thơ ngay từ lần đọc đầu tiên đã ám ảnh độc giả, nó khiến người đọc phải trầm trở suy tư, càng đọc càng khám phá ra nhiều điều hấp dẫn. Đó là một bài thơ có sự sáng tạo độc đáo về mặt nội dung cũng như hình thức nghệ thuật. Nó có khả năng lay động rung cảm trong sâu thẳm trái tim người đọc, khơi gợi những tình cảm cao đẹp và để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc.

- Nhận định trên đề cập đến cách đọc, tiếp nhận và cảm thụ thơ. Khi người đọc đọc thơ bằng tất cả tâm hồn, trí tuệ bài thơ sẽ tỏa sáng, làm rung lên những cung bậc tình cảm trong lòng người đọc.

=> Phải yêu thơ và am hiểu thơ mới có khả năng đọc, tiếp nhận cảm thụ thơ một cách sâu sắc và toàn diện.

2.2. Cảm nhận về cái hay của bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*:

2.2.1. Bài thơ hay, độc đáo trong nội dung cảm xúc:

a/ Vẻ đẹp của thiên nhiên:

- Cảnh hoàng hôn trên biển tràn đầy sắc màu rực rỡ, kỳ vĩ, huy hoàng.

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa

-> Nhân hóa, so sánh: *Mặt trời xuống biển như hòn lửa* -> Gợi tả hình dáng, màu sắc rực rỡ, vẻ đẹp kì vĩ, tráng lệ của mặt trời lúc hoàng hôn. Liên tưởng, tưởng tượng độc đáo qua phép nhân hóa: *Sóng đã cài then đêm sập cửa* -> làm cho cảnh biển đêm trở nên gần gũi, bớt cảm giác bí hiểm.

- Cảnh biển đêm đẹp lung linh huyền ảo, thơ mộng, đặc biệt là hình ảnh các loài cá làm toát lên vẻ đẹp giàu có, trù phú của biển cả quê hương.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé

...

Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long

Liệt kê tên các loài cá, thể hiện sự phong phú của các loài cá biển, gợi liên tưởng đến hình ảnh những đàn cá bơi hàng đàn, chen nhau lấp lóa dưới làn nước, sự giàu có của biển. So

sánh: *Cá song lấp lánh/đuốc đen hồng*, các tính từ chỉ màu sắc: *đen hồng, vàng chóa* -> gợi tả màu sắc của cá, vẻ đẹp lung linh, huyền ảo, tráng lệ của biển.

Nhân hóa: *Đêm thở, sao lùa* -> Thiên nhiên dường như cũng thức dậy hòa nhịp vào không khí lao động khẩn trương mê say của con người. Hình ảnh thơ bay bổng, giàu liên tưởng -> Làm khung cảnh biển đêm trở nên gần gũi, đẹp như bức tranh sơn mài lộng lẫy.

- Cảnh bình minh khi đoàn thuyền trở về tươi sáng, tinh khôi, tràn đầy sức sống.

Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông

Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng

Hình ảnh *vẩy bạc, đuôi vàng, lóe* là hình ảnh đẹp, vừa hiện thực vừa lãng mạn. Những con cá vừa được kéo từ biển lên, ăm ắp khoang thuyền dưới ánh nắng hồng ban mai, chúng quẫy, đập làm ánh lên những sắc màu rực rỡ, tươi vui; đó còn là hình ảnh ẩn dụ gợi sự giàu có của thiên nhiên, sự tươi đẹp của cuộc sống mới. Các từ chỉ màu sắc góp phần làm bức tranh thiên nhiên thêm lộng lẫy, rực rỡ.

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

Hai câu thơ gợi cảnh bình minh nắng hồng rực rỡ ngập tràn biển cả.

=> Bức tranh thiên nhiên biển cả quê hương thể hiện tình yêu, niềm tự hào sâu sắc của tác giả về vẻ đẹp của quê hương, đất nước, của sự nghiệp cách mạng.

b/ Vẻ đẹp của con người:

Cảm hứng về lao động và cảm hứng lãng mạn cách mạng làm nên hình ảnh người lao động nổi bật trên nền của thiên nhiên biển cả quê hương tươi đẹp, hùng vĩ:

- Khi ra khơi: Con người hào hứng, phấn khởi, hăng say và tràn đầy hi vọng

+ *Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*

Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Phó từ tiếp diễn "*lại*" gợi công việc đánh cá đêm là công việc thường nhật, làm nổi bật tinh thần chủ động vượt khó. Hình ảnh tương phản giữa trạng thái nghỉ ngơi của thiên nhiên vũ trụ (*Sóng đã cài then đêm sập cửa*) với hoạt động của người ngư dân (*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*) tạo ấn tượng về tư thế chủ động hăng hái chinh phục thiên nhiên của người lao động.

Hình ảnh ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và biện pháp nói quá: *Câu hát căng buồm* -diễn tả niềm vui phơi phới, sự phấn chấn của người lao động. Tiếng "oi" khép lại khổ thơ mà mở ra niềm vui, sự hứng khởi tràn ngập cả không gian.

+ *Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng*

...

Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!

Điệp ngữ "hát" thể hiện niềm vui phơi phới, sự lạc quan trong lao động. Nhân hóa: *Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!* -> Niềm ước vọng về một chuyến ra khơi sẽ thu về những mẻ lưới trữu năng

- Khi đánh cá trên biển đêm:

+ Khí thế hăng hái, tư thế hùng dũng, mạnh mẽ như những chiến sỹ xung trận:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng

...

Dàn đan thế trận lưới vây giăng

Hình ảnh thơ vừa thực vừa lãng mạn: *lái gió, buồm trăng, lướt giữa mây cao, ra đậu dẫm xa,dò bụng biển, dàn đan thế trận, vây giăng* đã tạo sự khỏe khoắn của những con thuyền đánh cá đêm trên biển. Đoàn thuyền lướt đi trên mặt biển như đang lướt giữa trời mây. Một loạt động từ chỉ hoạt động: *lái, lướt, ra, dò, vây giăng, dàn đan* gợi tả hoạt động tích cực, khẩn trương, hăng hái của đoàn thuyền như đang bước vào trận chiến. Bút pháp phóng đại khoa trương khiến con thuyền nhỏ bé trở thành con thuyền kì vĩ, khổng lồ ngang tầm vũ trụ. Miêu tả hình ảnh đoàn thuyền nhà thơ làm nổi bật tư thế, sức mạnh của con người trước thiên nhiên, vũ trụ.

+ Khí thế lao động đậm chất thơ:

Ta hát bài ca gọi cá vào,

...

Nuôi lớn đời ta tự thuở nào

Từ "hát" tiếp tục được láy lại, bộc lộ niềm vui phơi phới, lạc quan, yêu đời, tràn đầy niềm tin yêu vào cuộc sống mới. Hình ảnh thơ bay bổng, lãng mạn "*hát gọi cá, gõ thuyền, nhịp trăng*" tô đậm vẻ đẹp của người ngư dân: hăng say lao động, biến công việc nặng nhọc

thành công việc nhẹ nhàng, đầy chất thơ. Hai câu thơ sau là tiếng lòng yêu mến và biết ơn vô hạn với biển cả, thiên nhiên.

+ Kết thúc đêm đánh cá với ý chí quyết tâm, nỗ lực, khấn trương, sức mạnh phi thường:

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,

...

Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng

Hình ảnh *sao mờ* gợi sự chuyển giao về thời gian, một đêm lao động sắp kết thúc. Cả đoạn thơ toát lên khí thế lao động khấn trương, tích cực, chạy đua cùng thời gian để thu về những mẻ lưới bội thu giữa bức tranh thiên nhiên thêm rực rỡ sắc màu.

- Khi trở về: Khí thế vẫn khấn trương, tràn đầy niềm tự hào, tư thế lớn lao sánh ngang tầm vũ trụ

Câu hát căng buồm với gió khơi,

...

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

Hình ảnh *Câu hát, mặt trời, đoàn thuyền* được lặp lại nhưng có sự thay đổi vị trí các hình ảnh tạo thành kết cấu đầu cuối tương ứng gợi hoạt động nhịp nhàng, chạy đua của con người với sự tuần hoàn của thiên nhiên vũ trụ. Phép nói quá, hình ảnh thơ lãng mạn: *Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời* tái hiện không khí lao động khấn trương, tràn ngập niềm vui của con người dường như đã đánh thức, làm bừng tỉnh cả thiên nhiên vũ trụ.

=> Vẻ đẹp của những người lao động mới làm chủ quê hương, làm chủ biển trời với tình yêu lao động, yêu quê hương đất nước sâu sắc. Đó chính là cái hay, cái đẹp làm nên sức hấp dẫn cho bài thơ.

2.2.2. Bài thơ hay ở nghệ thuật biểu hiện:

- Âm hưởng thơ khỏe khoắn, sôi nổi vừa phơi phới, bay bổng vừa ngọt ngào, tha thiết.

- Nhịp điệu thơ như khúc hát say mê, hào hứng của người lao động.

- Thể thơ 7 chữ, cách gieo vần biến hóa linh hoạt: vần trắc tạo sức mạnh khỏe khoắn, vần bằng tạo vang xa, bay bổng.

- Hình ảnh thơ kì vĩ, tráng lệ được sáng tạo bằng cảm hứng lãng mạn và cảm xúc về thiên nhiên vũ trụ. Đặc biệt là những hình ảnh so sánh, nhân hóa đẹp.

- Kết cấu đầu cuối tương ứng thể hiện trọn vẹn hành trình ra khơi đánh cá và trở về.

=> Cảm hứng lãng mạn cách mạng, cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng về lao động cùng những hình ảnh liên tưởng phong phú, giọng thơ khỏe khoắn, hào hùng đã làm nên đặc sắc nghệ thuật tác phẩm.

2.3. Đánh giá chung:

Khẳng định lại cái hay, sức hấp dẫn của bài thơ:

+ Bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn, sáng tạo nhiều hình ảnh thơ gợi cảm, mới lạ...

+ Bài thơ đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, khơi gợi trong ta tình yêu đối với biển, với quê hương đất nước. Vì thế, đọc bài thơ ta không chỉ một lần mà hiểu được, cần đọc bằng cả tâm hồn, trái tim của mình mới thấm hết cái hay, cái đẹp của nó.

3/ Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

- Liên hệ, suy ngẫm của bản thân về trách nhiệm của thế hệ trẻ với đất nước, biển đảo quê hương...

ĐỀ SỐ 111

Trong tiểu luận “*Tiếng nói văn nghệ*” Nguyễn Đình Thi đã viết: “*Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được, ta sẽ dùng tay trên trang sách đáng lẽ sẽ lật đi và đọc lại bài thơ, tất cả tâm hồn chúng ta đọc*”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ “*Ánh trăng*” của Nguyễn Duy” .

GỢI Ý LÀM BÀI

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề, Giới thiệu bài thơ “*Ánh trăng*” của Nguyễn Duy”.

- Tác phẩm thơ là kết tinh những rung cảm của trái tim người nghệ sỹ trước cuộc đời, là tiếng nói của tình cảm, là tấm gương của tâm hồn.

- Thơ tác động đến người đọc bằng tình cảm chân thành, mang đến cho người đọc những liên tưởng, tưởng tượng phong phú.....
- Vì vậy khi đọc « một bài thơ hay ta không bao giờ đọc qua một lần mà bỏ xuống được, ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc »
- Đến với bài thơ « Ánh trăng » của Nguyễn Duy chúng ta không thể đọc một lần mà bỏ xuống được, ta sẽ đọc bằng cả tâm hồn chúng ta.

2. Thân bài:

2.1. Giải thích nhận xét:

*** Thơ và cuộc sống :**

- + Nhà thơ Sóng Hồng đã nhận định về thơ : « *Thơ là nghệ thuật kì diệu bậc nhất của trí tưởng tượng* » song ông cũng khẳng định « *Thơ biểu hiện cuộc sống một cách cao đẹp* ». Thế có nghĩa thơ gốc rễ của thơ vẫn là cuộc sống.
- + Thơ tác động đến của người đọc : vừa bằng sự nhận thức cuộc sống vừa bằng khả năng gợi cảm sâu sắc, vừa trực tiếp với những cảm xúc, suy nghĩ cụ thể, vừa gián tiếp qua những liên tưởng tưởng tượng độc đáo.
- + Thơ gắn liền với chiều sâu tâm hồn, thế giới nội tâm sâu kín của con người vừa gắn với cuộc sống khách quan – chiều sâu của sự phong phú trong đời sống xã hội nên thơ có khả năng lay động tâm hồn người đọc một cách kì diệu.

*** Giải thích một bài thơ hay và cách thưởng thức một bài thơ hay :**

- Bàn về thơ hay nhà thơ Xuân diệu đã nói : « *Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài* ». Nói thế có Nghĩa một bài thơ hay là hay từ cảm hứng sáng tác, tình ý trong thơ, đến ngôn ngữ, đến nghệ thuật biểu hiện.
- Bài thơ hay là bài thơ có sự sáng tạo độc đáo về mặt nội dung cũng như hình thức nghệ thuật.
- Bài thơ hay là bài thơ có khả năng lay động, đánh thức những rung cảm sâu thẳm trong lòng người đọc ,có khả năng khơi gợi những tình cảm cao đẹp trong tâm hồn con người.
- Chính vẻ đẹp tình ý sâu sa, và cách biểu hiện độc đáo, sắc sảo mà mà thơ hay có sức lôi cuốn kì lạ khiến người ta không thể đọc qua một lần mà bỏ xuống được, nó khiến người ta phải dừng tay lại trên trang giấy đáng lẽ sẽ lật đi để đọc lại, và lần đọc lại ấy người đọc phải đọc bằng cả tâm hồn.

*** Vậy thế nào là đọc bằng cả tâm hồn :**

+ Thơ là sản phẩm của cảm xúc, được viết ra bằng thứ ngôn ngữ tinh lọc, hàm súc, nhiều tầng, đẹp như hoa nhưng không dễ nhìn thấy như hoa. Vì vậy để cảm nhận hết được cái hay cái đẹp của một bài thơ ta phải « dùng tay trên trang vở đáng lẽ sẽ lật đi để đọc lại bài thơ, đọc bằng cả tâm hồn » như vậy ta mới thấy hết cái hay, cái đẹp, cái tinh túy sâu sa, sức lan tỏa, lay động của nó.

2.2. Chứng minh bài thơ « Ánh Trăng » của Nguyễn Duy là một bài thơ hay.

- Đến với bài thơ Ánh trăng của Nguyễn duy để có thể cảm nhận hết cái hay của bài thơ ta phải đặt bài thơ vào hoàn cảnh sáng tác, cảm nhận tấm lòng của nhà thơ đối với quê hương đất nước, với quá khứ, nét độc đáo trong sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, trong nghệ thuật biểu hiện ...

a. Cái hay và độc đáo của bài thơ ánh trăng trước hết được thể hiện qua nghệ thuật của bài thơ :

- Bài thơ được viết theo thể thơ năm chữ kết hợp tự sự, miêu tả, trữ tình, bình luận rất phù hợp với mạch cảm xúc vừa kể chuyện vừa bộc lộ tình cảm: Đây là Câu chuyện về mối tình giữa người và trăng được kể với ba mốc thời gian: Một thời khó khăn, gian khổ

- Trăng và người gắn bó như tri kỉ; thời hòa bình về thành phố

- Trăng thành người dung; khi mất điện Trăng hiện ra “im phăng phắc” khiến cho người giật mình. Chính thời gian và hoàn cảnh đã cho người đọc thấy được sự đổi thay từ tri kỉ thành người dung, và sự đổi mặt khi mất điện làm cho nhân vật rung rung rồi giật mình, Từ những cảm xúc, những kỉ niệm gần gũi, bình dị ấy mà nâng lên thành lẽ sống ân nghĩa thủy chung với quá khứ thể hiện rõ tư tưởng chủ đề của bài thơ.

- Ngôn ngữ thơ giản dị mộc mạc nhưng giàu hình ảnh, cô đọng, hàm súc, ý tứ sâu sa có sức quyến rũ kì lạ :

- Giọng thơ kể chuyện nhỏ nhẹ, như là một lời tâm tình, trong đó không dùng từ nhân xưng. Nhân vật trữ tình kể chuyện nhưng trong suốt bài thơ không dùng một từ nhân xưng nào. Các câu thơ không chủ ngữ nối tiếp nhau xuất hiện trong toàn bài. Suốt các khổ thơ có một chủ thể như là vô danh đã sống, đã nghĩ, đã về thành phố, đã bật tung cửa sổ, đã ngửa mặt lên nhìn mặt. Chỉ đến dòng thơ cuối cùng mới có một từ nhân xưng. “ta”: *Ánh trăng im phăng phắc/Đủ cho ta giật mình* Như vậy tác giả đã thành công khi để cho câu chuyện này là chuyện không phải của riêng ai. Có thể là của tôi, của bạn, của các bạn và rộng ra là của chúng ta. Vì mỗi người đều từng có quá khứ của mình.

*** Nhan đề bài thơ cũng rất hay :**

+ Trong bài thơ tác giả bốn lần nhắc đến vầng trăng:

- vầng trăng thành tri kỉ

- cái vầng trăng tình nghĩa

- vầng trăng đi qua ngõ

- đột ngột vầng trăng tròn đến cuối bài thơ tác giả dùng :

- ánh trăng im phăng phắc. Ánh trăng được dùng làm nhan đề Phải chăng, tác giả muốn đem phần tốt đẹp, phần nhân ái, thủy chung của vầng trăng tượng trưng cho ánh sáng để soi vào chỗ bóng tối, soi rọi vào sự lãng quên, vô tình trong tâm hồn con người, khiến người ta nhìn rõ mình, khiến người ta giật mình để rồi từ đó sống ân nghĩa, thủy chung với quá khứ dù quá khứ đó nhọc nhằn, gian khổ và trần trụi? Đây là những nét nghệ thuật làm nên sự khác biệt và làm nên thành công của bài thơ Ánh trăng.

b. Cái hay và độc đáo của bài thơ ánh trăng được thể hiện trong nội dung cảm xúc.

- Ánh trăng là bài thơ hay chứa đựng nội dung tình cảm, cảm xúc phong phú, trong đó có những lớp nghĩa hàm ẩn không dễ nhận ra :

+ Bài thơ là lời thủ thi tâm tình của nhà thơ về những năm tháng gian lao của cuộc đời người lính sống gắn bó với thiên nhiên đất nước hiền hậu và bình dị.

+ Bài thơ ánh trăng chứa đựng những suy ngẫm và chiêm nghiệm của nhà thơ về những đổi thay của lòng người trước những biến thiên của cuộc sống.

+ Bài thơ ánh trăng là lời nhắc nhở người đọc về thái độ sống uống nước nhớ nguồn, ân nghĩa thủy chung với quá khứ, đặc biệt là quá khứ nhọc nhằn, gian lao.

=> Với những ý nghĩa đó bài thơ đã tác động sâu sắc đến bạn đọc bao thế hệ, khơi gợi từ tình cảm cá nhân đến cộng đồng, từ quá khứ đến hiện tại. Từ câu chuyện tâm tình giữa người và trăng mà nâng lên thành lẽ sống đẹp : Sống có nghĩa có tình, có trước có sau, ân nghĩa trọn vẹn. Vì thế mà khi đọc bài thơ ta không thể đọc một lần mà bỏ xuống được ta phải dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi.....

3/ Kết bài: Mở rộng và nâng cao vấn đề

- Thơ cũng như bất cứ thể loại nghệ thuật nào đều có mối quan hệ chặt chẽ với đời sống.

- Tiếp nhận một bài thơ hay là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm để cảm nhận nó. Lúc ấy trái tim người đọc hòa cùng một nhịp với những rung cảm của nhà nghệ sỹ. Qua đó độc giả không chỉ hiểu được tác lòng của nhà nghệ sỹ đối với cuộc đời mà còn tham gia đồng hành vào quá trình sáng tạo
 - Đọc tác phẩm văn học là ta đang được sống những cuộc đời ta chưa từng được sống và đó là cách bồi dưỡng tâm hồn tình cảm của ta thêm phong phú.
-

ĐỀ SỐ 112

Về *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, có ý kiến cho rằng: Tác phẩm không chỉ phản ánh số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến mà còn khẳng định vẻ đẹp truyền thống đáng quý của họ.

Theo em, ý kiến trên thể hiện như thế nào qua nhân vật Vũ Nương?

GỢI Ý LÀM BÀI

1/ Mở bài: Giới thiệu nhận định, tác giả, tác phẩm.

- Nguyễn Dữ sống vào khoảng thế kỉ XVI, quê ở Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Ông nổi tiếng học rộng, tài cao.

- "*Chuyện người con gái Nam Xương*" rút trong tác phẩm "*Truyền kì mạn lục*", áng văn xuôi viết bằng chữ Hán của Nguyễn Dữ trong thế kỉ 16 - một kiệt tác văn chương cổ được ca ngợi là "*thiên cổ kì bút*". Tác phẩm không chỉ phản ánh số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến mà còn khẳng định vẻ đẹp truyền thống đáng quý của họ.

2/ Thân bài:

2.1. Phân tích nhân vật Vũ Nương để làm sáng tỏ nhận định:

a/ Số phận bất hạnh:

* *Phải sống trong nỗi cô đơn, vất vả:*

- Nỗi vất vả của Vũ Nương: Một mình gánh vác gia đình, nuôi dạy con thơ, chăm sóc mẹ già.

- Nỗi cô đơn tinh thần (phải vượt lên):

+ Cảnh sống lẻ loi.

+ Nỗi nhớ thương khắc khoải.

+ Nỗi lo lắng cho chồng đang chinh chiến nơi xa.

** Phải gánh chịu nỗi oan lạ lùng và phải tìm đến cái chết:*

- Nguyên nhân (của nỗi oan):

+ Do lời nói ngây thơ của bé Đản.

+ Do Trường Sinh vốn đa nghi, hay ghen lại đang buồn vì mẹ mất.

+ Do chiến tranh gây ra 3 năm xa cách, niềm tin vào Vũ Nương ị thử thách, bị lung lay.

+ Có thể do cuộc hôn nhân bất bình đẳng giữa Vũ Nương và Trường Sinh, do xã hội phong kiến trọng nam, khinh nữ cho phép Trường Sinh được đối xử rẻ rúng, tàn tệ với vợ mình.

- Hậu quả (của nỗi oan):

+ Trường Sinh nghi ngờ, gạt đi lời thanh minh của Vũ Nương, mắng nhiếc, đánh đuổi Vũ Nương đi.

+ Cùng đường Vũ Nương nhảy xuống sông Hoàng Giang tự tận. Đây là phản ứng dữ dội, quyết liệt của Vũ Nương để bảo vệ nhân phẩm nhưng cũng là cho thấy nỗi bất hạnh tột cùng của nàng.

** Phải sống không hạnh phúc thực sự dưới thủy cung:*

- Vũ Nương tuy được cứu sống, sống bất tử, giàu sang, đã được minh oan trên bến Hoàng Giang nhưng nàng không hạnh phúc thực sự:

+ Vẫn nhớ thương gia đình.

+ Vẫn mong trở về dương thế mà không thể.

=> Nhận xét: Số phận Vũ Nương tiêu biểu cho phận bạc của biết bao người phụ nữ trong xã hội phong kiến bất công, tàn bạo, nặng nề lễ giáo, hà khắc.

b/ Vẻ đẹp của Vũ Nương:

** Mang vẻ đẹp toàn vẹn nhất của người phụ nữ xã hội phong kiến.*

- Chi tiết Trường Sinh xin mẹ “*đem 100 lạng vàng cưới về*” càng tô đậm hơn vẻ đẹp nhan sắc, phẩm chất của nàng.

** Là người vợ, người mẹ đảm đang, người con dâu hiếu thảo:*

- Đảm đang (khi chồng đi lính):

+ Một mình gánh vác gia đình.

+ Chăm sóc mẹ chồng già yếu.

+ Nuôi dạy con thơ.

- Hiếu thảo (khi mẹ chồng ốm):

+ Nàng hết lòng chăm sóc như với cha mẹ đẻ của mình (com cháo, thuốc thang, an ủi...)

+ Lễ bái thần phật cầu cho bà tai qua, nạn khỏi.

+ Lời trăng trối của bà trước khi mất đã khẳng định lòng hiếu thảo, tình cảm chân thành của Vũ Nương. (phút lâm chung bà cảm tạ công lao của nàng -> mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu của xã hội phong kiến xưa thường chỉ mang tính chất ràng buộc của lễ giáo phong kiến. Những lời cảm tạ của bà mẹ đã cho thấy Vũ Nương yêu thương bà thực lòng nên bà cũng yêu quý, biết ơn nàng thực lòng như vậy)

+ Bà mất: nàng lo tang ma chu đáo.

** Là người vợ nét na, thủy chung, giàu lòng vị tha:*

- Nét na, thủy chung:

+ Khi mới cưới: nàng hết sức giữ gìn khuôn phép.

+ Ngày tiễn chồng ra trận, trong lời từ biệt ta thấy nàng không màng công danh phú quý, chỉ mong chồng trở về bình yên.

+ Ba năm xa chồng, Vũ Nương buồn nhớ khôn nguôi, nàng bỏ cả điểm trang, toàn tâm toàn ý chăm sóc gia đình, làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ trong gia đình.

+ Thậm chí, ngày Trường Sinh trở về, bị nghi ngờ, Vũ Nương chỉ biết khóc rồi thanh minh bằng những lời lẽ tha thiết, dịu dàng.

=> Tấm lòng son sắt, thủy chung sáng ngời của nàng.

- Giàu lòng vị tha:

+ Khi bị chồng đổ oan, mắng nhiếc, đánh đuổi đi, Vũ Nương chỉ đau khổ, thanh minh mà chẳng hề oán hận, căm ghét chồng. Nàng vẫn bao dung với người chồng hẹp hòi, ích kỉ.

+ Sống dưới thủy cung nàng vẫn một lòng nhớ thương gia đình, quê hương. Việc nàng gửi vật làm tin chứng tỏ nàng vẫn sẵn sàng tha thứ cho chồng.

+ Khoảnh khắc gặp lại Vũ Nương không trách móc mà còn hết lời cảm tạ Trường Sinh. Lời nói ấy cho thấy Vũ Nương hoàn toàn tha thứ cho chồng. Trường Sinh đã được giải thoát khỏi nỗi ân hận, day dứt vì sự hàm hồ, hẹp hòi, tàn nhẫn của mình.

=> Nhận xét: Vũ Nương trở thành hiện thân cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam thảo hiền, đức hạnh.

2.2. Đánh giá:

- Bằng việc xây dựng tình huống truyện độc đáo - xoay quanh sự ngộ nhận, hiểu lầm lời nói của bé Đản; nghệ thuật kể chuyện đặc sắc, kết hợp hài hòa yếu tố hiện thực và kì ảo; khắc họa nhân vật thông qua lời nói trần thuật, lời thoại; hành động...; Nguyễn Dữ đã xây dựng thành công nhân vật Vũ Nương - một điển hình cho số phận và vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

- Qua đó, bày tỏ niềm trân trọng và cảm thương sâu sắc, tiếng nói bênh vực người phụ nữ trong xã hội xưa; tố cáo xã hội phong kiến nam quyền, nhiều lễ giáo hà khắc, tố cáo chiến tranh phi nghĩa đã đẩy người phụ nữ vào những bi kịch đớ đau.

3/ Kết bài:

- Khẳng định vấn đề nghị luận.

- Liên hệ.

ĐỀ SỐ 113

“Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung tư tưởng, cảm xúc mà còn đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ.”

(Ngữ văn 9, tập 2, trang 200, NXB GD, 2004)

Em hãy làm sáng rõ nhận định trên qua tác phẩm *Ánh trăng* của Nguyễn Duy.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lời văn trong sáng; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo những nội dung sau:

1. Mở bài:

- Dẫn dắt từ mối quan hệ giữa văn học và đời sống.
- Trích dẫn nhận định và giới thiệu tác phẩm *Ánh trăng* của Nguyễn Duy.

2. Thân bài:

2.1. Giải thích nhận định.

- Khái niệm *thơ hiện đại*: được xác định từ đầu thế kỷ XX khi văn học tiếp thu, chịu ảnh hưởng của các trào lưu văn học phương Tây và ánh sáng cách mạng của Đảng soi đường. Đặc biệt, sau năm 1975 đất nước hoàn toàn thống nhất, thơ ca nói riêng và văn học nói chung có sự giao lưu, tiếp xúc, hội nhập với nền văn học thế giới.
- Xã hội, con người, tư tưởng thay đổi theo thời đại. Việc phản ánh tâm tư, tình cảm mới đòi hỏi văn học, thơ ca hiện đại cũng phải thay đổi để phù hợp với sự tinh tế, nhạy cảm và phong phú đa dạng trong đời sống tinh thần của thế hệ, con người Việt Nam.

2.2. Chứng minh qua bài thơ *Ánh trăng*.

a. Hoàn cảnh ra đời của bài thơ:

- Bài thơ được viết năm 1978, đất nước Việt Nam bước sang trang mới sau chiến thắng huy hoàng trong công cuộc bảo vệ đất nước. Bắc Nam sum họp một nhà. Ba năm trôi qua, con người Việt Nam vẫn ở trong trạng thái hưởng niềm vui chiến thắng nên nhiều khi quên mất quá khứ gần bó, vất vả đau thương. Và nhiều khi chợt nhận ra sự vô tình lãng quên của mình... “*Ánh trăng*” thể hiện những trăn trở, suy ngẫm của nhà thơ và xu hướng đổi mới của thơ ca Việt Nam hiện đại. *Ánh trăng*, một bài thơ nhỏ - một bài học lớn.

b. Bài thơ *Ánh trăng* thể hiện cái mới về nội dung, tư tưởng, cảm xúc.

- Bài thơ phản ánh tâm trạng của người chiến sĩ - một lớp người rất đông trong xã hội vừa trải qua giai đoạn chiến tranh ác liệt. Trong niềm vui hân hoan chiến thắng, cuộc sống hiện đại văn minh đôi khi con người đã lãng quên quá khứ của mình, lãng quên quá khứ vất vả đau thương của dân tộc. Dòng cảm xúc đó được thể hiện theo thời gian từ quá khứ đến hiện tại và nâng lên thành suy ngẫm mang tính triết lý.

- Kỷ niệm gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị hiền hậu trong quá khứ hiện về trong hai thời điểm của nhân vật trữ tình: thời thơ ấu và thời chiến tranh. Dù ở đâu trên quê hương, đồng, sông, rừng bể người lính vẫn gắn bó với ánh trăng với thiên nhiên như người bạn tri kỉ. Sự gắn bó ân tình, thủy chung ấy khiến con người nghĩ rằng cả cuộc đời sẽ không bao giờ quên người bạn tình nghĩa.

- Đạo lí sống nghĩa tình và thủy chung với quá khứ đã bị quên lãng một cách vô tình bởi hoàn cảnh sống hiện tại. Nơi đô thị, con người làm quen với tiện nghi hiện đại, văn minh “ánh điện, cửa gương” nên cứ vô tình quên lãng vàng trăng tri kỉ. Đêm nào trăng cũng sáng trên đầu nhưng bị mờ đi bởi ánh điện rực rỡ. Vô tình trăng và người cứ dừng đọng như người xa lạ, chưa hề quen biết với nhau dù trước đây là tri âm, tri kỉ.

- Một tình huống giản dị bình thường trong cuộc sống đã khiến nhân vật trữ tình tỉnh ngộ nhận ra sự thay đổi bội bạc đáng lên án đó của mình - thành phố mất điện. Giây phút ngắn ngủi bất ngờ nhưng thực sự có ý nghĩa như một bước ngoặt trong dòng tư tưởng của con người để giúp họ thay đổi.

- Việc đối diện với vàng trăng - người bạn tri kỷ đã giúp người lính nhớ về kỷ niệm xưa gắn bó, tươi đẹp và rồi ân hận, xúc động xôn xang. Nỗi ân hận được thể hiện trong dòng nước mắt rưng rưng, nhẹ nhàng xót xa. Chính mình đã đổi thay và bản thân không thể chấp nhận được.

- Con người suy ngẫm về mối quan hệ của trăng với mình và giạt mình, bừng tỉnh, xót xa... Dù thời gian qua đi, dù đất trời thay đổi, trăng vẫn nguyên vẹn, tình nghĩa thủy chung với con người, không hề trách cứ con người đã đổi thay. Trăng vẫn vị tha, nhân hậu tỏa sáng cho con người. Sự cao thượng của vàng trăng khiến con người thức tỉnh lối sống về đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc để sống tốt hơn, người hơn.

=> Ánh trăng không chỉ là chuyện của riêng nhà thơ, chuyện của một người mà có ý nghĩa với cả một thế hệ. Hơn thế, bài thơ còn có ý nghĩa với nhiều người, nhiều thời bởi tác phẩm đặt ra vấn đề thái độ đối với quá khứ, với những người đã khuất và đối với chính mình.

c. Bài thơ Ánh trăng thể hiện những đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ.

- Bài thơ như một câu chuyện riêng, có sự kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa tự sự và trữ tình.
- Giọng điệu tâm tình với nhịp thơ khi trôi chảy tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi ngân nga thiết tha cảm xúc (khổ 5), lúc lại trầm lắng biểu hiện suy tư (khổ cuối).
- Kết cấu, giọng điệu của bài thơ có tác dụng làm nổi bật chủ đề, tạo nên tính chân thực, chân thành, sức truyền cảm sâu sắc cho tác phẩm, gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc.
- Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc. Đặc biệt hình ảnh ánh trăng là hình tượng đa nghĩa, vừa cụ thể vừa khái quát mang ý nghĩa triết lí sâu sắc.
- Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng sáng tạo. Mỗi khổ chỉ viết hoa chữ cái đầu dòng thứ nhất. Tác phẩm chỉ có một dấu chấm ở câu thơ cuối. Nghệ thuật viết câu, đặt câu, sử dụng dấu chấm câu đã diễn tả mạch cảm xúc dạt dào tuôn chảy liên mạch trong một tình huống bất ngờ, giản dị đời thường.

2.3. Đánh giá chung.

- Ánh trăng của Nguyễn Duy là một sáng tác thể hiện rõ nét tinh thần đổi mới của thơ ca hiện đại. Đề tài trăng, thể thơ ngũ ngôn là nét truyền thống của Đường thi song bài thơ thể hiện cái mới trong việc phản ánh nội dung câu chuyện nhỏ của người chiến sĩ vừa trải qua chiến tranh, sống trong hòa bình, hiện đại. Ánh trăng mang vẻ đẹp hình tượng thiên nhiên, đồng thời cũng là biểu tượng của quá khứ - nhân dân, đất nước trong quá khứ và hiện tại, mãi mãi vẹn nguyên, vĩnh hằng, bất biến, thủy chung, nghĩa tình, bao dung, độ lượng. Con người hãy biết sống ân tình, thủy chung với quá khứ. Tác phẩm như lời giáo huấn đạo đức nhẹ nhàng nhưng rất sâu sắc. Ánh trăng là bài thơ của những phút giật mình, giật mình để thức tỉnh, để sống nhân văn hơn.
- Từ những đổi mới và sáng tạo của bài thơ Ánh trăng trên hai phương diện nội dung, tư tưởng và hình thức nghệ thuật bình luận về mối quan hệ giữa cuộc sống - tác giả - tác phẩm: Nền tảng của bất kì tác phẩm nào phải là chân lí được khắc họa bằng tất cả tài nghệ của nhà văn. Cần phải hát đúng giai điệu về thời đại mình và phải miêu tả nó một cách trung thực bằng những hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo.

3/ Kết bài:

- Khẳng định vấn đề nghị luận.
- Khẳng định sự thành công của tác phẩm thơ hiện đại.

Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình - tình cha con - qua hai tác phẩm: “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng và “Nói với con” của Y Phương.

GỢI Ý LÀM BÀI

1. Mở bài: Dẫn dắt vào vấn đề nghị luận: Tình cảm gia đình, tình cha con và sự khám phá thể hiện vẻ đẹp tình cảm ấy trong hai tác phẩm văn học: Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng và Nói với con của Y Phương).

2. Thân bài:

2.1. Khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng:

- Tình cảm của người cha – ông Sáu dành cho con sâu sắc:
 - + Những năm tháng chinh chiến khiến cho nỗi nhớ con luôn khắc khoải trong lòng ông.
 - + Ngay khi về quê, ông đã vội lên bờ để có thể ôm hôn con cho thỏa nỗi nhớ
 - + Khi con không nhận cha, ông vẫn kiên nhẫn chờ đợi, ân cần giúp đỡ cho con để bù lại những tháng ngày xa cách nhưng bé Thu lại hiểu lầm và có thái độ không phải phép với ông
 - Tình cảm của người cha dành cho con trong sự hy sinh thầm lặng:
 - + Vào thời điểm ra đi, ông chỉ dám lặng lẽ nhìn con mà không dám lại gần để nói lời tạm biệt
 - + Khi bé Thu nhận ra ba và nhảy lên ôm chặt lấy cổ ba, lúc bấy giờ nước mắt ông mới trào ra.
 - + Những ngày ở căn cứ, lúc rảnh rỗi là ông gửi hết tình thương con vào việc làm chiếc lược ngà.
 - + Trước lúc hy sinh, điều mà ông nghĩ tới duy nhất là nhờ đồng đội mang chiếc lược về cho con bởi nó chính là mối liên kết duy nhất của ông với con gái mình.
- ==> Tình phụ tử sâu nặng của ông Sáu với bé Thu làm người người thấm hơn nỗi đau thương cay nghiệt do chiến tranh gây ra. Nhưng điều đáng quý nhất trong cái mất mát ấy đó là tình cảm cha con luôn bất diệt giữa biển trời bom đạn của chiến tranh

2.2. Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong “Nói với con” của Y Phương:

- Vẻ đẹp về tình cha con:

+ Tình yêu người cha dành cho con thể hiện qua lời tâm sự, nhắc nhở về nguồn cội sinh dưỡng, cho con thấy được sự đầm ấm của gia đình và sức sống mạnh mẽ, bền bỉ về truyền thống tốt đẹp của quê hương.

+ Là tình yêu mà người cha muốn thắp sáng ý chí, nghị lực và niềm tin cho con mình trong cuộc sống để kế thừa, tự hào và phát huy truyền thống của “người đồng mình”

Cách thể hiện:

+ Mượn lời mộc mạc mà gợi cảm, mạnh mẽ, người cha đã thể hiện khung cảnh núi rừng quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. Thiên nhiên ấy đã chở che nuôi dưỡng con cả tâm hồn và lối sống.

+ Dùng cách nói giàu hình ảnh, cụ thể, mộc mạc mà có tính khái quát, giàu chất thơ, người cha đã truyền đến con thái độ sống nghĩa tình, biết chấp nhận, vượt qua thử thách; giúp con hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của dân tộc mình - gợi nhắc tình cảm gia đình luôn gắn bó với truyền thống quê hương.

2.3. So sánh, đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề

a. So sánh

- Những nét giống nhau: Tình yêu thương của sự chăm sóc, ân cần dạy dỗ, tấm lòng vị tha, đức hy sinh một đời vì con của cha, một tình cảm mang tính gia đình cao cả. Đây cũng là truyền thống đạo lý của dân tộc, cần kế thừa và gìn giữ.

- Những nét riêng: Hoàn cảnh, tình cảm, xuất phát từ mối quan hệ, tình cảm cha - con và nét riêng trong hình thức thể hiện

b. Đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề:

- Tình cảm gia đình – tình cha con là một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và quý giá của mỗi người. Mỗi nhà thơ, nhà văn bằng sự khám phá và thể hiện của mình đã đem đến cho văn học những tác phẩm giàu giá trị nhân bản, nhân văn sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục và lay thức tình cảm tốt đẹp của con người về tình cảm gia đình.

- Vẻ đẹp của tình cảm gia đình – tình cha con trong hai tác phẩm như những nét vẽ góp phần hoàn thiện bức chân dung gia đình của mỗi con người. Tình cảm ấy lại được hoà quyện thống nhất, gắn bó chặt chẽ với tình yêu quê hương đất nước. Đây cũng là một mạch nguồn tình cảm được lưu chuyển qua dòng chảy truyền thống của thơ ca dân tộc nhưng luôn có những khám phá, phát hiện và cách thể hiện theo những nét riêng - một đặc trưng quan trọng trong sáng tạo nghệ thuật.

3/ Kết bài:

- Khẳng định lại nội dung của hai tác phẩm: Tình cha đối với con ở hai hoàn cảnh khác nhau, cách biểu hiện khác nhau nhưng đều có điểm chung là tình thương yêu hết sức sâu sắc, đầm thắm, thâm lặng và đầy sự hy sinh.

- Liên hệ bài học cho bản thân:

+ Tình cảm cha con nói riêng, tình cảm gia đình nói chung là tình cảm quý báu, mỗi người cần biết trân trọng, giữ gìn, phát huy.

+ Con người phải sống và làm việc sao cho xứng đáng với các tình cảm cao quý đó.

ĐỀ SỐ 115

“Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài...” (Hoài Thanh, Ý nghĩa văn chương)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* (Trích “Truyện kỳ mạn lục”) của Nguyễn Dữ và đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Trích “Truyện Kiều”) của Nguyễn Du.

GỢI Ý LÀM BÀI

1/ Mở bài:

- Giới thiệu ý kiến của Hoài Thanh về văn chương.

- Dẫn dắt vấn đề qua hai tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* (Trích “Truyện kỳ mạn lục”) của Nguyễn Dữ và đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Trích “Truyện Kiều”) của Nguyễn Du.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích ý kiến:

Hoài Thanh đã đưa ra vấn đề quan trọng, được coi là nguồn gốc cốt yếu của văn chương: lòng thương người mà rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.

+ Văn chương là chỉ các tác phẩm thơ văn. Đối tượng phản ánh của tác phẩm văn chương là con người và vạn vật. Nhà văn sáng tác tác phẩm, một mặt phản ánh hiện thực, mặt khác

bày tỏ tình cảm với con người và vạn vật. Tác phẩm là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc của người sáng tác, được hình thành, nảy nở từ tình cảm của tác giả đối với cuộc sống, con người, quan trọng nhất là tình thương.

+ Tình thương người, thương cả muôn vật, muôn loài là lòng nhân ái – một tình cảm rộng lớn, cao cả, mang tầm nhân loại. Tình cảm ấy không chỉ là cội nguồn của văn chương mà còn là thước đo giá trị của tác phẩm văn chương chân chính. Đó chính là giá trị nhân đạo, là những ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm.

+ Nói đến giá trị nhân đạo, đến ý nghĩa nhân văn là nói đến vấn đề con người, vấn đề nhân sinh đặt ra trong tác phẩm. Ở đó, con người luôn được đặt ở vị trí hàng đầu, trong mối quan tâm thường trực của các nhà văn.

Ý kiến của Hoài Thanh là một nhận định về giá trị tư tưởng của tác phẩm văn chương, khẳng định nguồn gốc cốt yếu của các tác phẩm văn chương chính là giá trị nhân đạo.

+ Biểu hiện của giá trị nhân đạo trong tác phẩm rất đa dạng song thường tập trung vào những mặt cụ thể sau: lòng thương yêu, sự cảm thông, xót xa trước những hoàn cảnh, những số phận bất hạnh; lên án, tố cáo các thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người; ngợi ca, đề cao những vẻ đẹp, phẩm giá cao quý; trân trọng, nâng niu khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc của con người.

2.2. Chứng minh ý kiến của Hoài Thanh qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* và đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*:

“*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ và đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” (trích *Truyện Kiều*) của Nguyễn Du là minh chứng rõ nhất cho quan điểm: nguồn gốc cốt yếu của văn chương chính là lòng thương người.

– Tấm lòng yêu thương, đồng cảm, xót xa cho những số phận người phụ nữ tài sắc mà bất hạnh, gặp nhiều bi kịch trong cuộc đời: số phận của Kiều bị ném vào nhà chứa, rồi giam lỏng trong lầu Ngưng Bích với nỗi cô đơn, buồn tủi, thương thân, xót phận; là tình cảnh oan khiên nghiệt ngã của Vũ Nương, đến mức nàng phải dùng cái chết để chứng tỏ tấm lòng trong trắng, tiết hạnh của mình.

– Qua bi kịch thân phận của Kiều và Vũ Nương, cả hai nhà văn gián tiếp lên án, tố cáo xã hội phong kiến bất công, tàn bạo đã tước đi quyền sống, chà đạp lên con người. Đó là chiến tranh phi nghĩa, là chế độ nam quyền (*Chuyện người con gái Nam Xương*), là bọn quan lại tham lam, là lũ buôn thịt bán người dồn đẩy con người vào cảnh ngộ đau thương (*Truyện Kiều*).

– Khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp, phẩm chất cao quý của người phụ nữ, dù cuộc đời của họ bất hạnh, khổ đau, oan trái, truân chuyên. Đó là lòng chung thủy, sự hiếu hạnh, giàu tình yêu thương, luôn sống vì người khác, nghĩ cho người khác của Kiều và Vũ Nương.

– Trân trọng, đề cao những khát vọng nhân văn của người phụ nữ: khát vọng về tình yêu, hạnh phúc, về một mái ấm gia đình bình dị, sum vầy.

2.3. Đánh giá về ý kiến của Hoài Thanh:

- Ý kiến của Hoài Thanh về nguồn gốc, phẩm chất của văn chương là ý kiến đúng đắn, khoa học bởi nó đã nói lên đặc trưng, thuộc tính quan trọng nhất của văn học: Văn học là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc; văn học mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc “*Văn học là nhân học*” (M. Gorki).

- Tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương (Trích Truyền kỳ mạn lục) của Nguyễn Dữ và đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích (Trích Truyện Kiều) của Nguyễn Du đã thể hiện rõ nét quan niệm văn học của Hoài Thanh. Bởi cả hai đều là những tác phẩm mang giá trị nhân đạo cao cả, hướng tới con người, vì con người.

3/ Kết bài:

- Khẳng định vấn đề nghị luận.
- Rút ra bài học liên hệ.

ĐỀ SỐ 116

“*Mỗi nghệ sĩ có thể đến với văn chương và cuộc đời bằng con đường riêng của mình. Nhưng.... tư duy nghệ thuật dù có đổi mới đến đâu đi nữa thì cũng không thể vượt ra ngoài các quy luật của chân thiện mỹ, quy luật nhân bản*” (Lã Nguyên – Về tác gia và tác phẩm, NXBGD).

Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua một vài tác phẩm văn học 9 mà em đã học.

GỢI Ý LÀM BÀI

1/ Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề, trích dẫn ý kiến.
- Giới thiệu tác phẩm cần chứng minh.

2. Thân bài:

2.1. Giải thích:

– *Con đường riêng*: chỉ cách thức khác nhau trong lao động sáng tạo văn học nghệ thuật của người nghệ sĩ.

- Quy luật của chân thiện mỹ, quy luật nhân bản: là những giá trị văn học (nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ....) có khả năng nhân đạo hóa con người. Đó là bản chất mang ý nghĩa nhân văn muôn đời của văn học.
- Ý kiến khẳng định vai trò của hướng đi riêng trong khám phá, sáng tạo nhưng đích đến muôn đời của văn chương vẫn là chân thiện mỹ, nhân bản.

2.2. Bàn luận:

- Mỗi nghệ sĩ có thể đến với văn chương và cuộc đời bằng con đường riêng của mình, bởi vì:
 - + Vì đời sống là đối tượng khám phá của nghệ thuật, của văn chương. Cuộc đời là nơi xuất phát của văn học. Đứng trước hiện thực cuộc sống phong phú, mỗi nhà nghệ sĩ có những cảm xúc, suy ngẫm, lí giải khác nhau, lựa chọn những mảng đề tài khác nhau, cách xử lí đề tài khác nhau để đặt ra những vấn đề khác nhau. Và đó là con đường riêng họ tạo ra cho mình. Đó cũng là yêu cầu xuất phát từ đặc trưng của văn học nghệ thuật: lĩnh vực của sự sáng tạo. Đó cũng là lương tâm, là trách nhiệm của mỗi người nghệ sĩ. Nam Cao tâm niệm: “Văn chương không cần những người thợ khéo tay...”.
 - + Đặc trưng của văn học là lĩnh vực sáng tạo. Đứng trước hiện thực phong phú, mỗi nghệ sĩ có những cảm xúc, suy ngẫm, lí giải khác nhau, chọn những mảng đề tài khác nhau, cách xử lí khác nhau.
 - + Lựa chọn con đường riêng sẽ tạo ra sự đa dạng, mới lạ trong sáng tạo nghệ thuật, khẳng định được vị trí, phong cách của nhà văn.
- Tư duy nghệ thuật dù có đổi mới đến đâu đi nữa cũng không thể vượt ra ngoài quy luật của chân thiện mỹ, quy luật nhân bản, bởi vì:
 - + Chân thiện mỹ, nhân bản là đích hướng đến, tâm điểm của mọi khám phá sáng tạo nghệ thuật. Nếu không tạo ra con đường riêng của mình thì tác phẩm của họ sẽ trở thành sự sao chép, sẽ chết, dẫm lên vết chân của người đi trước.
 - + Quy luật chân thiện mỹ, nhân bản có khả năng soi rọi cho người đọc ánh sáng của lí tưởng, khơi gợi tình yêu cuộc sống, nuôi dưỡng sự đồng cảm, bồi đắp và thanh lọc tâm hồn con người....làm cho người gần người hơn.

– Tác dụng: Tạo ra con đường riêng của mình người nghệ sĩ sẽ tạo ra sự đa dạng trong sáng tạo nghệ thuật, khẳng định sức sống của mỗi tác phẩm, vị trí, phong cách của nhà văn, cái lí để nhà văn đứng được với cuộc đời.

*** Tư duy nghệ thuật.... quy luật chân thiện mỹ, quy luật nhân bản:**

– Đây là vấn đề đổi mới tư duy nghệ thuật – một vấn đề đặt ra như một nhu cầu bức thiết, sống còn của nghệ thuật. Nhà văn luôn phải tự làm mới mình góp phần đổi mới nghệ thuật. Đổi mới cái gì? Đổi mới đề tài, chủ đề, cảm hứng, văn phong... Quan trọng là đổi mới tư duy, cách nhìn nhận của nhà văn trước cuộc đời.

– Nhưng mọi sự đổi mới đều không vượt ra ngoài quy luật chân, thiện, mỹ. Cái chân, cái thiện, cái mỹ, cái nhân bản vẫn là cái đích hướng đến của mọi khám phá, sáng tạo nghệ thuật. Quy luật chân thiện mỹ, nhân bản giống như sợi dây neo giữ, là giới hạn mà bán kính sáng tạo nhà văn quay chiều nào cũng không thể vượt qua. Nói cách khác, nó cũng là một tâm điểm của mọi khám phá sáng tạo nghệ thuật.

– Văn học sở dĩ là nhu cầu, là món ăn tinh thần không thể thiếu của con người, vì nó là lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sống của con người. Văn học có nhiều chức năng (nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, dự báo, giải trí...); có nhiều quan niệm cổ kim đông tây, nhưng điểm giao thoa gặp gỡ vẫn cứ là cái chân – thiện – mỹ, những vấn đề mang tính nhân bản nhân văn của đời sống con người. Cái chân, là muốn nói đến chức năng nhận thức của văn học; văn học phải chân thực. Cái thiện là nói đến chức năng giáo dục, cảm hóa của văn học. Cái mỹ, là nói đến chức năng thẩm mỹ, chức năng cơ bản nhất, chất keo kết dính các chức năng khác. Khi đạt tới chân thiện mỹ là văn học đạt tới chiều sâu nhân bản, hướng về con người, vì con người.

*** Sứ mệnh nhà văn chân chính... đại dương nhân bản mênh mông:**

– Đây là vấn đề trăn trở của nhiều cây viết. Chữ dùng có thể khác nhau, nhưng thực chất vẫn là một. Đó là vấn đề cái tâm của người cầm bút. Ở đây người nói đặt vấn đề: “khơi nguồn dòng sông văn học đổ ra đại dương nhân bản mênh mông” – ý tưởng độc đáo. Mọi dòng sông đều đổ về biển rộng, cũng như mọi khám phá sáng tạo đều có đích hướng về, những vấn đề thuộc về con người, nhân sinh, nhân bản. Bởi lẽ, con người là một trung tâm khám phá của văn học nghệ thuật. Văn học có thể viết về mọi vấn đề của đời sống, mọi hình thức sáng tạo, nhưng đều hướng tới là để đặt ra và cắt nghĩa những vấn đề của nhân sinh. Văn học chân chính phải là thứ văn chương vị đời, nhà văn chân chính phải là nhà văn vì con người, tác phẩm mới đạt tới tầm nhân bản.

2.3. Chứng minh qua một vài tác phẩm.

* Truyện Kiều – Nguyễn Du:

– Truyện Kiều có nguồn gốc từ Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài nhân, nhưng bằng tài năng và sự sáng tạo của mình, Nguyễn Du đã khoác lên cho cốt truyện ấy một gương mặt hoàn toàn mới mẻ. Đó là sự thay đổi, cách tân cả về hình thức và nội dung.

– Tác phẩm “Truyện Kiều” của Nguyễn Du khiến con người ta biết:

+ Yêu thương, cảm thông cho số phận bất hạnh của Thúy Kiều, vì cứu cha, cứu gia đình mà phải bán mình, chịu nỗi khổ 15 năm phiêu dạt nơi đất khách quê người. Đồng thời cũng cảm thông cho số phận của những người phụ nữ sống dưới chế độ phong kiến.

+ Không chỉ vậy, tác phẩm cũng khiến ta căm ghét, phẫn nộ trước sự tàn ác của chế độ phong kiến, cướp đi quyền sống, hạnh phúc, quyền được tự do,... của con người. Đẩy con người ta đến đường cùng.

* Ánh trăng – Nguyễn Duy:

– Viết về trăng không phải điều mới mẻ trong văn học, nhưng đến với Nguyễn Duy ông đã phú cho nó một hình thức mới:

+ Thể thơ năm chữ giàu nhịp điệu.

+ Bài thơ chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi khổ và không sử dụng dấu câu khi kết thúc câu, chỉ dùng dấu câu khi kết thúc khổ thơ đó. Với hình thức như vậy đã giúp bài thơ được liền mạch cảm xúc, thể hiện quan điểm, tư tưởng của tác giả.

– Đồng thời tác phẩm còn là những bài học về chân – thiện – mỹ cho người đọc: bài học về sự thủy chung, tình nghĩa, là nối tiếp truyền thống dân tộc “uống nước nhớ nguồn”. Không được quên đi nghĩa tình quá khứ.

+ Khép lại bài thơ Ánh trăng, Nguyễn Duy đã thể hiện rất rõ ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và từ đó tác giả nêu ra bài học triết lí gợi nhắc thái độ sống đối với mỗi người

*“Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.”*

+ Trăng xưa vẫn vậy, vẫn tròn đầy, vẹn nguyên thủy chung, từ “cứ”, “kể chi” còn cho thấy thái độ bao dung, độ lượng của vàng trăng nhưng đối lập với hình ảnh trăng tròn vành vạnh là con người vô tình, đổi thay.

+ Trăng như một người bạn với ánh nhìn im phăng phắc, đó là cái nhìn nghiêm nghị dù rất bao dung, không một lời trách cứ.

+ Đến đây “Vàng trăng” đã được thay bằng “Ánh trăng” để nhấn mạnh về ánh sáng. Ánh sáng của lương tri con người soi rọi những góc khuất tối trong tâm hồn người. Ánh sáng soi đường cho con người trở về về với con đường thủy chung, tình nghĩa.

+ Trước cái nhìn nghiêm nghị, bao dung của người bạn thủy chung, ân tình, trước ánh sáng kì diệu của vàng trăng, con người phải “giật mình”. Giật mình để nhìn lại chính mình. Giật mình để tự vấn lương tâm, để soi vào chính mình, để thấy những tháng ngày qua mình đã vô tình bạc bẽo, để hoàn thiện bản thân. Đây là cái giật mình vô cùng đáng quý, đáng trân trọng.

=> Như vậy, qua khổ thơ cuối, hình ảnh vàng trăng mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa.

Trăng là vẻ đẹp vĩnh hằng của thiên nhiên, trăng là đồng chí, đồng đội, là tấm lòng bao dung, nhân hậu của nhân dân. Trăng là quá khứ vất vả, gian lao nhưng tình nghĩa. Trăng là cội nguồn, là quê hương, đất nước. Từ hình ảnh vàng trăng, tác giả gợi nhắc người đọc một bài học triết lí sâu xa, đó là thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung.

*** Bến quê – Nguyễn Minh Châu.**

– Bến quê là một tác phẩm giàu triết lí của nhà văn Nguyễn Minh Châu, tác phẩm đã thức tỉnh hàng triệu con người, hàng triệu trái tim về lối sống, cách ứng xử:

+ Nhĩ đã cho ta thấy quê hương là nơi ấm áp gần gũi nhất với chúng ta. Nơi có người vợ luôn tảo tần, hi sinh thầm lặng, có những đứa trẻ tay chua lòn mùi dưa nhưng vô cùng đáng yêu... Nơi đó mới là bến đỗ bình yên của cuộc đời mà chúng ta phải trân trọng.

+ Tác phẩm cũng cho ta thấy, trong cuộc đời này có nhiều cái chùng chình, vòng vèo chúng ta cần phải tỉnh táo để không sa vào những cái chùng chình đó. Và cũng là để biết trân quý những giá trị đích thực của cuộc sống.

* Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long

- Tác phẩm là bài ca ca ngợi về anh thanh niên với nhiều phẩm chất đẹp đẽ, đáng quý:
- + Quan niệm đúng đắn về hạnh phúc, hạnh phúc đối với anh là được làm việc, được phục vụ cộng đồng.
- + Anh thanh niên là người trung thực, biết quan tâm, chăm sóc người khác và là người rất khiêm tốn.
- + Có lý tưởng nghề nghiệp đúng đắn.
- + Xây dựng cuộc sống ngăn nắp, khoa học, tự làm giàu tri thức bản thân và làm phong phú đời sống tinh thần.
- Hình ảnh của anh thanh niên cũng chính là một bài học về chân – thiện – mỹ cho người đọc. Anh thanh niên hướng con người đến với lối sống giản dị, hòa mình vào thiên nhiên. Hướng chúng ta đến với quan điểm đúng đắn về nghề nghiệp, lao động để cống hiến cho đất nước. Và anh thanh niên cũng giúp chúng ta nhận thấy cần sống chân thành, yêu thương với mọi người và sống thành thực, khiêm tốn,...

3. Kết bài: Tổng kết vấn đề

- Văn học khuyến khích người nghệ sĩ đổi mới, cách tân nhưng cần có sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa dấu ấn riêng và giá trị chung.
- Yêu cầu đối với người nghệ sĩ trong sáng tác phải là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy, phải có sự trải nghiệm sâu sắc, đứng trên lập trường nhân sinh vì con người.

ĐỀ SỐ 117

Trong buổi thảo luận về bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy, một bạn học sinh cho rằng: *Bài thơ được người đọc yêu thích bởi Nguyễn Duy đã tìm về một đề tài thi vị, quen thuộc.* Một bạn khác lại đưa ý kiến: *Bài thơ sống trong lòng người đọc bởi Nguyễn Duy đã chọn cho mình một lối đi riêng.*

Em hãy bàn luận về các ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

Yêu cầu: Hiểu bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy; có kĩ năng làm bài văn nghị luận ý kiến bàn về tác phẩm. Thí sinh có thể kết cấu bài viết theo các cách khác nhau song cần đảm bảo những nội dung sau:

1/ Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận; trích dẫn các ý kiến.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích:

- *Đề tài thi vị, quen thuộc:* Trăng là đề tài quen thuộc của các tao nhân mặc khách, với ánh sáng huyền diệu, với sự tròn khuyết lạ lùng, trăng là nguồn cảm hứng bất tận của thi nhân.

- *Chọn cho mình một lối đi riêng:* Viết về đề tài quen thuộc nhưng tác giả có cách viết riêng, mang phong cách riêng.

2.2. Chứng minh

a/ Bàn luận về ý kiến: “Bài thơ được người đọc yêu thích bởi Nguyễn Duy đã tìm về một đề tài thi vị, quen thuộc.”

– Ý kiến cho rằng: sở dĩ người đọc yêu thích bài thơ là ở đề tài thi vị, quen thuộc.

– Bày tỏ quan điểm của bản thân về ý kiến đã nêu:

+ Khẳng định ý kiến đã nêu:

++ *Trăng* là đề tài muôn thuở của thơ ca từ cổ chí kim. Các thi nhân tìm đến *trăng* là để mở lòng ra với thiên nhiên, mượn *trăng* để gửi gắm bầu tâm sự. Có biết bao vần thơ viết về *trăng* làm say lòng độc giả muôn đời (nêu dẫn chứng những thi phẩm viết về *trăng* trong thơ cổ, thơ hiện đại).

++ Sự thể hiện của đề tài trong bài thơ: qua nhan đề *Ánh trăng*; *trăng* là hình tượng xuyên suốt toàn bài (có mặt trong tất cả các khổ thơ).

++ Như vậy, Nguyễn Duy đã đưa thơ mình hòa nhập vào nguồn mạch thơ truyền thống, đưa người đọc đến với vẻ đẹp ngàn đời để đánh thức tình yêu, sự nhạy cảm với cái đẹp. Đây là lí do khiến người đọc yêu thích bài thơ.

+ Bổ sung ý kiến: Ý kiến trên đúng nhưng chưa đủ. Bởi:

++ Đề tài hay cũng chưa đủ để tạo nên giá trị của thi phẩm.

++ Đứng trước một đề tài nhiều người đã khai thác, nếu nhà văn không có sự sáng tạo thì tác phẩm sẽ lẫn với vô vàn những ánh trăng khác trong thi ca và thi phẩm không có chỗ đứng trong lòng người đọc.

b. Bàn luận về ý kiến “Bài thơ sông trong lòng người đọc bởi Nguyễn Duy đã chọn cho mình một lối đi riêng.”

– Giải thích ý kiến: Nguyên nhân tạo nên sức sống của bài thơ là bởi sự sáng tạo của Nguyễn Duy .

– Bày tỏ quan điểm của bản thân về ý kiến đã nêu

+ Khẳng định ý kiến đã nêu: Cần chỉ ra và phân tích sự sáng tạo của Nguyễn Duy trong bài thơ *Ánh trăng* ở các phương diện sau:

++ Nguyễn Duy đã chọn thể thơ 5 chữ, không có dấu chấm ngắt câu, mỗi khổ thơ chỉ viết hoa chữ cái đầu khổ khiến nhịp kể và nhịp cảm xúc tuôn chảy tự nhiên và sâu lắng

++ Nguyễn Duy đã sáng tạo trong việc kết hợp hài hòa giữa tự sự và trữ tình: Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian và theo dòng tự sự ấy, cảm xúc của nhân vật trữ tình được bộc lộ; tạo nên giọng tự bạch, tâm tình

++ Nguyễn Duy dụng công trong việc tạo tứ thơ: Từ tình huống mất điện trong thành phố, con người đột ngột gặp lại vầng trăng và bao cảm xúc, suy tư ứa về.

++ Hình tượng *trăng* được Nguyễn Duy xây dựng mang nhiều tầng ý nghĩa: *trăng* là hình ảnh của thiên nhiên tươi mát; là người bạn tri kỉ nhân hậu, nghĩa tình, trong sáng, thủy chung; là quá khứ gian lao, tình nghĩa; là vẻ đẹp vĩnh hằng của cuộc sống...

++ Hình tượng cái “tôi” trữ tình trong bài thơ hiện lên thật đặc biệt: người lính vừa đi qua chiến tranh, sống giữa thời bình có chiều sâu nội tâm, sống ân nghĩa thủy chung (phân tích cái *giật mình* ở cuối bài)

++ Tìm đến với một đề tài quen thuộc nhưng Nguyễn Duy đã chọn cho mình một chủ đề riêng: Trên nền của một câu chuyện riêng tư, *Ánh trăng* như một lời tự nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Bài thơ có ý nghĩa gợi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

(Trong quá trình phân tích cần so sánh với những thi phẩm khác cùng đề tài để thấy sự sáng tạo của Nguyễn Duy trong *Ánh trăng*).

++ Như vậy, viết *Ánh trăng* Nguyễn Duy đã chọn cho mình một *lối đi riêng* ở cả phương diện hình thức và nội dung tư tưởng. Sự sáng tạo ấy làm giàu có cho đề tài đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc về con người, cuộc sống. Đồng thời tạo nên sức sống

của thi phẩm, khẳng định được dấu ấn riêng của Nguyễn Duy – điều vô cùng cần thiết đối với người nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật.

+ Bổ sung ý kiến: Nhà thơ chọn cho mình một *lối đi riêng* là vô cùng cần thiết trong sáng tạo nghệ thuật. Tuy nhiên, *lối đi* ấy không được xa rời giá trị tốt đẹp của cuộc sống con người.

2.3. Đánh giá chung về các ý kiến:

– Hai ý kiến là những cách nhìn ở những phương diện khác nhau nhưng bổ sung cho nhau để khẳng định giá trị của bài thơ.

– Các ý kiến tranh luận gợi ra nhiều suy nghĩ cho người làm thơ và đọc thơ trên con đường sáng tác và thưởng thức (ví dụ như: làm thế nào để có thơ hay và thưởng thức được cái hay của thơ...)

3/ Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị vấn đề.

- Rút ra bài học liên hệ.

ĐỀ SỐ 118

Người xưa có nói: “*Thi trung hữu họa*” (trong thơ có tranh).

Hãy phân tích hai đoạn thơ sau để làm sáng tỏ ý kiến trên.

Ngày xuân con én đưa thoi,

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

(Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du,

Ngũ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Oi con chim chiến chiến.

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

(Trích *Mùa xuân nho nhỏ* - Thanh Hải,

Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

GỢI Ý LÀM BÀI

1/ Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề

+ Giới thiệu ý kiến của cổ nhân: “*Thi trung hữu họa*”

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích

Cắt nghĩa ý kiến:

– Thi: thơ. Thơ là một hình thức sáng tác văn học nghiêng về thể hiện cảm xúc thông qua tổ chức ngôn từ đặc biệt, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh và gợi cảm.

– Thi trung hữu họa: Trong thơ có họa (có tranh, có cảnh).

=> Ý kiến trên của người xưa nói đến đặc trưng của thơ trữ tình là giàu hình ảnh -> Ý kiến của cổ nhân hoàn toàn đúng đắn và xác đáng.

** Lí giải:*

Thi trung hữu họa bởi vì: Văn học phản ánh hiện thực cuộc sống, thơ ca cũng không nằm ngoài quy luật đó. Thơ ca phản ánh cuộc sống qua hệ thống ngôn từ giàu hình ảnh. Không ở thể loại văn học nào ta bắt gặp nhiều hình ảnh, biểu tượng (hình ảnh có ngụ ý), hình tượng (hình ảnh có ngụ ý xuyên suốt tác phẩm) nổi bật như thơ ca. Hình ảnh trong thơ là sự khách thể hóa những rung cảm nội tâm bởi thế giới tinh thần vốn vô hình nên nhất thiết phải dựa vào những điểm tựa tạo hình cụ thể để hữu hình hóa. Hình ảnh trong thơ nổi bật vì còn mang màu sắc của cảm xúc mãnh liệt và trí tưởng tượng phong phú.

2.2. Chứng minh qua hai đoạn thơ

a. Trong đoạn thơ Truyện Kiều:

- Chỉ với bốn câu thơ ngắn gọn, Nguyễn Du đã vẽ nên khung cảnh tuyệt diệu của mùa xuân để lưu truyền cho muôn đời

**2 câu đầu:*

+ Hình ảnh “con én đưa thoi” gợi ra các cách hiểu khác nhau, có thể hiểu là những cánh cò chao liệng trên bầu trời như thoi đưa, bởi chim én là tín hiệu của mùa xuân. Hay ta còn có thể hiểu là thời gian trôi rất nhanh chẳng khác nào thoi đưa. Nếu hiểu theo cách hai thì câu thơ không chỉ đơn thuần là câu thơ tả cảnh mà ngầm chứa trong đó bước đi vội vàng của thời gian.

+ Cách hiểu này dường như rất lô gích với câu thơ tiếp theo: “Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”. Nhà thơ Nguyễn Du đã đưa ra những con số rất cụ thể. Mùa xuân có chín mươi ngày thì đã trôi đi quá nửa (đã ngoài sáu mươi). Câu thơ ẩn chứa sự nuối tiếc khôn nguôi của con người trước sự chảy trôi của thời gian.

**2 câu sau:* miêu tả thời gian thì hai câu sau nhà thơ tập trung miêu tả cảnh sắc:

+ “Cỏ non xanh tận chân trời”, ông đã đem đến cho người đọc cảm nhận về hình ảnh, màu sắc, đường nét, sức sống của cỏ... Tất cả đều hài hòa, lắng đọng trong chiều sâu câu thơ 6 chữ tạo nên nét xuân riêng rất Nguyễn Du.

+ Miêu tả những bông hoa lê trắng trong, tinh khiết, nhà thơ không viết là “điểm trắng” mà sử dụng đảo ngữ “trắng điểm” khiến cho màu trắng càng được nhấn mạnh. Chỉ “một vài bông hoa” nhưng cũng đủ làm nên thần thái của bức tranh xuân.

b. Trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ

Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp trong tưởng tượng của tác giả;

+ Hình ảnh vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế được khắc họa qua: hoa tím, sông xanh, bầu trời cao rộng

+ Âm thanh tiếng chim chiền chiện báo xuân về như kết tinh thành “*từng giọt long lanh*”

+ Vẻ đẹp của mùa xuân thể hiện qua góc nhìn của tác giả cũng như tấm lòng trân trọng của tác giả trước thiên nhiên, cuộc đời

+ Lời trò chuyện thân mật cùng tự nhiên và sự trân trọng sự sống được thể hiện qua hành động “đưa tay hứng” của tác giả

+ Giọt long lanh được hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, từ chỗ âm thanh được cảm nhận bằng thính giác chuyển sang cảm nhận bằng thị giác và xúc giác “đưa tay hứng”

→ Tác giả say đắm trong mùa xuân của thiên nhiên đất trời với tâm thế đón nhận trân trọng.

2.3. Đánh giá, nâng cao vấn đề

– Khẳng định câu nói của cô nhân là hoàn toàn đúng với thơ ca và được minh chứng rõ qua hai đoạn thơ trong *Truyện Kiều* và *Mùa xuân nho nhỏ*.

– Hai đoạn thơ đều giàu chất họa, thể hiện tài năng của hai nhà thơ trong việc sử dụng ngôn từ nghệ thuật.

– Bài học cho người nghệ sĩ và người tiếp nhận.

3/Kết bài :

- Khẳng định lại ý nghĩa của câu nói

- Khẳng định giá trị của hai bài thơ.

ĐỀ SỐ 119

Cùng viết về trăng nhưng ba bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu, *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận, *Ánh trăng* của Nguyễn Duy lại có những đặc sắc riêng.

Bằng những hiểu biết của mình, em hãy phân tích, so sánh để làm nổi bật những nét đặc sắc của mỗi bài thơ.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Yêu cầu về hình thức

- Đúng kiểu bài, bố cục rõ ràng, hợp lý.
- Lập luận chặt chẽ. Diễn đạt mạch lạc.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

II. Yêu cầu về nội dung

Trên cơ sở những hiểu biết về ba bài thơ học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau đây:

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận

2. Thân bài:

2.1. Phân tích chứng minh làm sáng tỏ vấn đề

a) Điểm giống nhau:

- Đều là hình ảnh thiên nhiên đẹp, trong sáng.
- Đều là người bạn tri kỉ với con người trong lao động, trong chiến đấu và trong sinh hoạt hàng ngày.

b) Điểm khác nhau:

*** Trăng trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu**

- + Trăng là biểu tượng đẹp của tình đồng chí gắn bó, keo sơn trong cuộc chiến đấu gian khổ ở giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- + Trăng là hình tượng hiện thực và lãng mạn, là biểu tượng cho cuộc sống hòa bình, là hình ảnh của quê hương đất nước.
- + Trăng còn là vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ lạc quan, lãng mạn.

***Trăng trong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận:**

- + Trăng như cánh buồm chèo chở và nâng lên niềm vui hào hứng của những người lao động.
- + Trăng là nét vẽ tài tình tạo nên bức tranh biển đêm tráng lệ, rực rỡ sắc màu.

***Trăng trong bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy:**

- + Trăng trong quá khứ: gắn bó với tuổi thơ hạnh phúc; là người bạn tri kỉ
- + Trăng trong hiện tại: là *người dung* đột ngột gặp lại trong một đêm thành phố mất điện khiến nhà thơ giật mình, day dứt, suy nghĩ về cách sống hiện tại của mình, trăng là vị quan tòa thức tỉnh lương tâm và nhắc nhở con người không lãng quên quá khứ, sống ân nghĩa, thủy chung.

2.2. Đánh giá chung

- Vàng trắng trong *Đồng chí* và *Đoàn thuyền đánh cá* chỉ hiện lên chốc lát còn vàng trắng trong *Ánh trăng* lại gắn bó với một đời người.

- Nếu vàng trắng trong *Đồng chí* và *Đoàn thuyền đánh cá* chỉ soi vào phần tươi đẹp của cuộc sống con người vào chính diện cuộc đời thì vàng trắng trong *Ánh trăng* lại soi rọi vào góc khuất tâm hồn con người để thức tỉnh lương tri giúp người ta biết sống tình nghĩa, thủy chung.

- Với sự sáng tạo tài tình của ba nhà thơ, hình ảnh trăng trong ba tác phẩm thật sự là những hình ảnh đẹp, để lại trong lòng độc giả những cảm xúc dạt dào, sâu lắng.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 120

Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp.
(Pautopxki)

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy viết về xứ sở cái đẹp mà Lê Minh Khuê mang đến cho bạn đọc qua truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi*.

GỢI Ý LÀM BÀI

1. Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về sứ mệnh cao cả của nhà văn chân chính.
- Trích dẫn ý kiến của K. Pautopxki và giới hạn phạm vi dẫn chứng: Tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* – Lê Minh Khuê.

2. Thân bài

2.1. Giải thích

- *Nhà văn chân chính*: Nhà văn có thái độ nghiêm túc trong lao động và sáng tạo nghệ thuật; có lương tâm, có trách nhiệm với nghề; tạo ra tác phẩm văn chương có giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc.
- *Người dẫn đường*: Là người định hướng tư tưởng, cảm xúc cho bạn đọc.

- *Xứ sở cái đẹp*: Là vẻ đẹp của một tác phẩm văn học được thể hiện ở hai phương diện nội dung và hình thức.

+ Vẻ đẹp nội dung là vẻ đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời mà nhà văn phản ánh trong tác phẩm. Đó là vẻ đẹp trong tự nhiên, trong con người, trong lao động, chiến đấu... mà nhà văn mang tới cho người đọc.

+ Vẻ đẹp hình thức là khả năng xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động, độc đáo, hấp dẫn, là khả năng kết cấu chặt chẽ, xây dựng tình huống hợp lí, khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện...

-> Ý kiến nhấn mạnh vai trò của nhà văn trong việc dẫn dắt, định hướng và bồi đắp tư tưởng, cảm xúc thẩm mĩ cho bạn đọc khi tiếp cận một tác phẩm văn chương.

***Bàn luận:**

- Con người luôn có nhu cầu cảm thụ, thưởng thức cái đẹp.

- Thiên chức cao cả của nhà văn là thông qua tác phẩm của mình để hướng con người tới các giá trị chân – thiện – mĩ. Nhà văn bằng năng lực của mình đã đưa cái đẹp vào tác phẩm một cách nghệ thuật, giúp người đọc vừa cảm nhận được cái đẹp cuộc đời, vừa cảm nhận được cái đẹp của chính tác phẩm.

- Giá trị thẩm mĩ là một trong ba giá trị cơ bản của văn học, là khả năng văn học có thể đem đến cho con người những rung động trước cái đẹp.

2.2. Chứng minh: Xứ sở cái đẹp mà Lê Minh Khuê mang đến cho bạn đọc qua truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.

2.2.1. “Xứ sở cái đẹp” trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi được thể hiện ở phương diện nội dung: Đó là vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mĩ qua hình ảnh ba nữ trinh sát mặt đường.

a. Hoàn cảnh sống và chiến đấu:

+ Sống và làm việc dưới chân một cao điểm, trên tuyến đường trọng điểm của Trường Sơn, giữa mênh mông khói bụi và bom đạn hủy diệt của kẻ thù : Đường bị đánh lở loét, hai bên đường không có lá xanh, những thân cây bị tước khô cháy ; đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay ầm ỉ...

-> Liệt kê, tả thực tái hiện hiện thực khốc liệt, tính chất ác liệt của cuộc chiến, đó là sự dã man, tàn bạo của kẻ thù; tàn phá thiên nhiên nặng nề, hủy diệt cả sự sống.

+ Công việc vô cùng hiểm nguy: Đo khối lượng đất đá, đếm bom chưa nổ, nếu cần thì phá bom. Phá bom một ngày năm lần, ít thì ba lần. Trong lúc đơn vị thường ra đường vào lúc mặt trời lặn và làm việc có khi suốt đêm thì các cô, tổ trinh sát mặt đường, phải chạy trên cao điểm cả ban ngày, dưới cái nóng trên ba mươi độ, thân chết rình rập xung quanh.

+ Phải đối diện với thân chết từng phút, từng giờ: thân kinh căng như chảo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ.

=> Nhiệm vụ công việc của họ rất quan trọng và đầy gian khổ, ác liệt, luôn luôn phải đối mặt với hiểm nguy và cái chết, đó cũng là hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn những năm đánh Mỹ.

b. Vẻ đẹp của ba cô gái thanh niên xung phong :

*** Vẻ đẹp chung:**

- Họ có lí tưởng sống cao đẹp:

+ Rời ghế nhà trường phổ thông, gác lại bao ước mơ, hoài bão của mình, ba nữ thanh niên xung phong ra mặt trận, cùng nhiều thanh niên xung phong khác: “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai” để giành độc lập, tự do của Tổ quốc.

+ Họ thuộc tổ Trinh sát mặt đường ở trên cao điểm - cái tên gọi bao khát khao cống hiến.

=> Lí tưởng sống của họ cũng là của cả thế hệ trẻ thời đại ấy, sẵn sàng tình nguyện đến những nơi khó khăn ác liệt nhất, nhiều thử thách nhất, sẵn sàng hi sinh cho Tổ quốc: “Đâu cần thanh niên có/ Đâu khó có thanh niên”. Họ có lòng yêu nước cháy bỏng, nhiệt huyết sôi sục.

** Họ là là những cô gái kiên cường, dũng cảm và có tinh thần trách nhiệm với công việc:*

- Sẵn sàng nhận nhiệm vụ, không hề e ngại, run sợ, chùn bước trước hiểm nguy: Phương Định sẵn sàng nhận nhiệm vụ phá bom dù trước đó bị thương và vết thương chưa lành miệng. Một ngày chúng tôi phá bom ba- năm lần. Quen rồi. Tôi, một quả.....dưới chân cái hầm ba-ri-e cũ...

=> Những câu văn ngắn, dạng câu đặc biệt là những thông báo giản dị, thản nhiên. Các cô đi làm nhiệm vụ đặc biệt hiểm nguy, đi vào chỗ chết, chia nhau cái chết mà bình tĩnh đến lạ thường.

- Bình tĩnh, dũng cảm trong công việc: Đến gần quả bom, không đi khom, đào đất dưới vỏ quả bom còn nóng, bỏ thuốc mìn, châm ngòi

- Cố gắng hoàn thành công việc, không ngại hy sinh: phải nhanh hơn chút nữa. Liệu mình có nổ, bom có nổ không? Làm thế nào để châm mìn lần thứ hai? ...thoáng nghĩ đến cái chết (nhưng chỉ là mờ nhạt, thoáng qua).

=> Nghệ thuật miêu tả nhân vật: đặt nhân vật trong tình huống cụ thể: đối mặt với quả bom có thể nổ bất cứ lúc nào - đối mặt với thân chết. Sử dụng một loạt động từ chỉ hành động gọi tả những hành động chính xác, nhanh nhẹn, thuần thục, khéo léo, khấn trương, đồng thời miêu tả cụ thể chân thực những trạng thái cảm xúc của nhân vật như lo lắng, căng thẳng, bình tĩnh... Mục đích hoàn thành nhiệm vụ luôn được họ đặt lên trên hết, sự từng trải và lòng gan dạ đã giúp họ chiến thắng nỗi sợ hãi của bản thân, không ngại hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ.

- Họ có tình đồng chí đồng đội cao đẹp

Họ quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau; thấu hiểu và tôn trọng sở thích của nhau:

+ Phương Định: Lo lắng cho chị Thao và Nho lên cao điểm chưa về đến nỗi “nói như gắt vào máy” khi đại đội trưởng hỏi tình hình. Phương Định hiểu chị Thao và Nho như hiểu về những chị em ruột thịt. Với Nho, cô em út của tổ trinh sát thì Phương Định rất muốn bế trên tay: Trông nó nhẹ mát như một que kem trắng. Biết bao trù mến, yêu thương trong cái nhìn ấy. Khi Nho bị thương, cô vỗ về và chăm sóc như một người y tá: moi đất, bế Nho đặt lên đùi, rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than, tiêm cho Nho, rồi pha sữa trong cái ca sắt... Đặc biệt, cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những chiến sĩ mà cô gặp ngày đêm trên con đường ra mặt trận. Với cô những người đẹp nhất, thông minh, cam đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ.

+ Chị Thao: cuống cuống khi Nho bị thương, giành khó khăn về mình (Phương Định bị thương, chị Thao phân công Phương Định ở nhà trực máy, còn mình cùng Nho đi trinh sát ...)

+ Nho: thấu hiểu đồng đội, bị thương cũng không kêu ca, biết trấn an tinh thần của đồng đội...

=> Tình đồng chí đồng đội của họ thật thiêng liêng, cao cả và đáng quý. Chính điều đó đã tiếp thêm sức mạnh để các cô hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Họ là những cô gái lạc quan, trẻ trung, trong sáng, mơ mộng:

+ Trước khó khăn, họ vẫn đùa vui, tếu táo: trên cao điểm về, khói bom nhem nhuốc, khi cười chỉ thấy hai hàm răng trắng lóa, gọi nhau là những con quỷ mắt đen... Phương Định thích hát, chị Thao thích chép bài hát..., với họ “tiếng hát át tiếng bom”...

+ Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt: Nho và chị Thao thích thêu thùa, Chị Thao tĩa lông mày nhỏ như que tăm, Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ màng, thích hát...

+ Cả ba đều hồn nhiên tươi trẻ: vui thích cuồng cuồng khi cơn mưa đá đến bất ngờ, tiếc nuối khi cơn mưa qua nhanh...

*** Nét đẹp riêng:**

- Nho: Là em út, tính nết trẻ con, thích ăn kẹo, có dáng vẻ bé nhỏ, nhẹ nhàng, xinh đẹp mát mẻ như một que kem trắng nhưng rất bản lĩnh, rắn rỏi.

- Chị Thao: Là người thích làm đẹp, ở chị có những nét tính cách tương trái ngược nhau: Thích chép bài hát, chép cả bài do Phương Định bịa ra nhưng lại không hát trôi chảy bài nào; dũng cảm, táo bạo, bản lĩnh, kiên quyết trong chiến đấu nhưng lại sợ máu, sợ vắt...

- Phương Định:

+ Là cô gái xinh đẹp, duyên dáng nhưng không biểu lộ tình cảm, tỏ ra kín

đáo trước đám đông, tưởng như kiêu kì nhưng lại tạo nên một sức hút tự nhiên.

+ Là cô gái Hà Nội, vào chiến trường ba năm, hay hoài niệm về quê hương, mẹ, mái trường...

+ Là cô gái hồn nhiên mơ mộng với nhiều nét tính cách thể hiện rất rõ ràng: thích hát, thuộc nhiều bài hát, say sưa tận hưởng cơn mưa hồn nhiên như chưa hề nghe thấy tiếng bom đạn nổ.

=> Họ là hình ảnh tiêu biểu cho vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ. Vẻ đẹp đó khơi gợi những rung động thẩm mỹ, bồi đắp tình cảm con người. Tác phẩm đã gọi lên trong người đọc sự yêu mến, ngưỡng mộ, cảm phục trước vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó là tấm gương cho thế hệ trẻ hôm nay soi vào để hoàn thiện bản thân và sống có trách nhiệm hơn với cuộc đời.

2.2.2 “Xứ sở cái đẹp” trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi được thể hiện ở phương diện nghệ thuật:

- Cốt truyện đơn giản, hấp dẫn. Tác giả thành công trong việc tạo dựng được rõ nét khung cảnh và không khí ở một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn bằng một vài nét miêu tả không rườm rà.

- Truyện kể theo ngôi thứ nhất – nhân vật Phương Định, tác giả đã diễn tả tự nhiên, sinh động những tâm trạng, cảm xúc, ý nghĩ của những cô gái ở giữa chiến trường, luôn đối mặt với cái chết mà vẫn sống hồn nhiên, lạc quan, giàu tình cảm mà không ít mơ mộng. Truyện kể tự nhiên, lôi cuốn người đọc. Nhân vật bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ của mình nên truyện kể khai thác được chiều sâu tâm lí nhân vật.
- Truyện kể chất lọc, chân thực, sinh động. Hình ảnh Phương Định và những nữ trinh sát mặt đường như ở ngoài đời thực của chiến trường bước vào trong tác phẩm.
- Ngôn ngữ và giọng điệu: Ngôn ngữ trần thuật phù hợp với nhân vật kể chuyện – cô gái người Hà Nội – tạo cho tác phẩm có giọng điệu và ngôn ngữ tự nhiên gần với khẩu ngữ, trẻ trung và có chất nữ tính, vui tươi, hóm hỉnh.
- Xây dựng nhân vật qua miêu tả tâm lí, ngoại hình, cử chỉ, hành động để bộc lộ tích cách và phẩm chất.
- Lời kể thường dùng câu ngắn, nhịp nhanh tạo được không khí khẩn trương trong hoàn cảnh chiến trường. Ở những đoạn hồi tưởng, nhịp kể chậm lại, gợi nhớ những kỉ niệm của tuổi niên thiếu hồn nhiên, vô tư và không khí thanh bình trước chiến tranh.

2.3.Đánh giá

- Nhận định của Pautopxki là một ý kiến xác đáng khi khẳng định sứ mệnh cao cả của nhà văn trong việc truyền tải cái đẹp của cuộc sống đến với người đọc. Điều này không chỉ đúng với tác phẩm Những ngôi sao xa xôi mà còn đúng với văn học và nghệ thuật nói chung.
- Nhà văn phải thâm nhập thực tế, trau dồi vốn sống, vốn hiểu biết và tài năng nghệ thuật để có thể tái hiện cái đẹp chân thực của đời sống trong tác phẩm của mình.
- Ý kiến cũng là một định hướng ý nghĩa cho việc chọn lọc và tiếp nhận văn chương của người đọc.

3. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.
- Liên hệ bản thân.

“Càng từng trải chiến tranh, càng chứng kiến nhiều hơn sức mạnh hủy diệt , sức mạnh biến tất cả thành tro bụi của nó, Kiên càng tin rằng chiến tranh không tiêu diệt được cái gì hết. Tất cả vẫn còn lại đó, vẫn y nguyên.”

(Bảo Ninh – Nỗi buồn chiến tranh, NXB Văn học 2006, Tr.279)

Từ những chiêm nghiệm trên, hãy nói về những điều “*chiến tranh không tiêu diệt được*” trong truyện ngắn “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê (SGK Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam 2017).

GỢI Ý LÀM BÀI

1. Mở bài

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận
- Trích dẫn nhận định

2. Thân bài

2.1. Khái quát

a. Giải thích ý kiến

- *Sức mạnh hủy diệt*: được hiểu là những tội ác do kẻ thù gây ra, những bom đạn, vũ khí do kẻ thù dội xuống.
- *Sức mạnh biến tất cả thành tro bụi của nó*: chiến tranh tàn phá mọi thứ trở nên hoang tàn, đổ nát, hủy hoại cuộc sống con người
- *Tất cả vẫn còn lại đó, vẫn y nguyên*: được hiểu là sức mạnh, tinh thần dân tộc vẫn còn mãi.

=> Chiến tranh với những thứ vũ khí có sức tàn phá lớn có thể gây ra đau thương, mất mát nhưng thực tế lại không hủy diệt được gì, đó là: dũng cảm, lòng yêu nước, tinh thần lạc quan của thế hệ trẻ

b. Khái quát văn bản

* *Giới thiệu tác giả Lê Minh Khuê và Những ngôi sao xa xôi*

- Thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Tác giả tham gia thanh niên xung phong và bắt đầu sáng tác vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX. Lê Minh Khuê thành công ở thể loại truyện ngắn. Sáng tác của Lê Minh Khuê cuốn hút người đọc nhờ lối

viết giản dị, tự nhiên, lối kể chuyện sinh động, khả năng phân tích tâm lí nhân vật chân thực, tinh tế.

- Tác phẩm được viết năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt.

2.2. Phân tích, chứng minh-

2.2.1. Điều không thể hủy diệt được Những ngôi sao xa xôi chính là *tinh thần lạc quan, sôi nổi, tinh nghịch, trẻ trung của những người lính*

- Nét nổi bật và cũng là điểm hấp dẫn nhất ở ba cô gái chính là vẻ đẹp của một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên và mơ mộng, đáng yêu:

+ Họ gọi nhau một cách tinh nghịch “những con quỷ mắt đen”.

+ Nơi chiến trường bom đạn, chị Thao vẫn rất đáng yêu: Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu. Chị lại hay tỉa đôi lông mày của mình, tỉa nhỏ như cái tăm...

+ Sau những giây phút căng thẳng ở cao điểm, xong việc là Phương Định thở phào chạy vào hang, là sà ngay vào một thế giới khác: nằm dài trên nền ẩm, lười biếng nheo mắt nghe ca nhạc từ cái đài bán dẫn nhỏ, có thể nghe, có thể nghĩ ngợi lung tung... Phương Định mê hát và thích nhiều bài hát: những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngã đường mặt trận; thích dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng; thích Ca-chiu-sa của hồng quân Liên Xô; thích ngồi bó gối mơ màng trước lời bài hát dân ca Ý trữ tình... Thích hát, Phương Định còn bịa ra lời mà hát, ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Rõ ràng, thích hát là nét tâm lí của thời đại - cái thời tiếng hát át tiếng bom, nhưng đây cũng là nét cá tính ở Phương Định hé lộ vẻ đẹp phong phú của tâm hồn. Trong tiếng hát, có ý thức về lý tưởng, có khao khát về quê hương, tình yêu của tuổi trẻ và có cả khát vọng được trở về cuộc sống thanh bình.

+ Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định ngời sáng nhất khi cơn mưa đá bất ngờ ập đến: Mưa đá! Cha mẹ ơi! Mưa đá! Chỉ một trận mưa đá vụt đi qua cũng đánh thức ở Phương Định rất nhiều kỉ niệm và nỗi nhớ về thành phố, quê hương, về gia đình, về tuổi thơ thanh bình của mình. Sau cái say sưa của niềm vui con trẻ là nỗi nhớ da diết khôn nguôi. Nhớ rất nhiều: nhớ mẹ, cái cửa sổ ngôi nhà, những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, cái cây, vòm trời của nhà hát, bà bán kém và đám trẻ háo hức vây quanh; con đường nhựa sau cơn mưa, những ngọn đèn trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong truyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên... Tất cả vừa rõ ràng, vừa mờ ảo; vừa đồng hiện, vừa vụt hiện trong tâm trí; vừa gần gũi, vừa xa xôi. Những hoài niệm làm dịu cơn khát - những nỗi nhớ cháy lòng, những hi vọng xa xôi. Tất cả ào đến, xoáy mạnh cũng mãnh liệt, dữ dội như cơn mưa đá. Tất cả làm thành hành trang tâm hồn của cô thanh niên xung phong, tiếp cho cô sức mạnh,

thấp cho cô niềm tin và tỏa sáng vẻ đẹp của người chiến sĩ Trường Sơn, của những ngôi sao xa xôi.

2.2.2. Chiến tranh không thể hủy diệt được *tình đồng chí, đồng đội gắn bó khăng khít của người lính.*

- Tình đồng đội keo sơn, gắn bó:

+ Sự nể phục, kính trọng của Phương Định với những chiến sĩ mà họ gặp trên đường ra trận.

+ Hiểu sở thích của đồng đội: Chị Thao thích ghi bài hát, thích tĩa lông mày nhỏ như que tăm nhưng lại rất sợ máu và vắt; Nho thích thêu thùa...

+ Luôn quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau: Phương Định lo lắng, bồn chồn khi chờ Thao và Nho đi trinh sát trên cao điểm; sự lo lắng, cử chỉ chăm sóc tận tình của Phương Định, sự luống cuống của chị Thao khi Nho bị thương...

2.2.3. Cuối cùng chiến tranh không hủy diệt được *lòng dũng cảm, nghị lực phi thường và lòng yêu nước nồng nàn của những người lính.*

- Có tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ:

+ Có lệnh là họ lên đường, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ phá bom mở đường cho những đoàn xe nối đuôi nhau ra tiền tuyến và về đích an toàn.

+ Trong khi phá bom họ chỉ quan tâm đến một điều duy nhất: Liệu mình có nổ? bom có nổ, nếu không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai. Như vậy, với họ nhiệm vụ còn quan trọng hơn tính mạng bản thân.

- Gan dạ, dũng cảm, không sợ hy sinh:

+ Cuộc sống trong bom đạn chiến tranh cái chết có thể ập đến bất cứ lúc nào, song họ chưa bao giờ thấy ám ảnh, chưa bao giờ phải trằn trọc đêm đêm, cái chết đối với họ là một khái niệm rất mờ nhạt, không cụ thể.

+ Chị Thao rất gan dạ, ai cũng phải phát bực về sự bình tĩnh đến lạ của chị khi đối mặt với hiểm nguy.

+ Khi Nho bị thương, máu thấm ra đỏ đất, vẫn bình tĩnh không một tiếng kêu, không cho ai được khóc, không cho ai gọi về đơn vị...

+ Đặc biệt Phương Định bình tĩnh gan, không hề e ngại, run sợ, chùn bước trước nhiệm vụ: bình tĩnh đến gần quả bom, không đi khom, đào đất dưới quả bom, bỏ thuốc mìn, châm

ngồi, thoáng nghĩ đến cái chết nhưng chỉ là ý nghĩ thoáng qua. Chính lòng gan dạ, dũng cảm giúp Phương Định vượt lên tất cả để hoàn thành nhiệm vụ.

2.3. Đánh giá, mở rộng

- Nghệ thuật

+ Những ngôi sao xa xôi: chuyện kể sinh động, chân thực, tự nhiên theo ngôi kể thứ nhất. Tình huống truyện bất ngờ tạo sự hấp dẫn. Miêu tả nhân vật sinh động thông qua ngoại hình, lời nói, hành động

- Nội dung: Cả hai tác phẩm đã tái hiện chân thực cuộc sống đầy khó khăn nơi chiến trường, nhưng đồng thời ánh lên vẻ đẹp ngời sáng của thế hệ trẻ Trường Sơn trong kháng chiến chống Mỹ, đó là lòng dũng cảm, tình đồng đội keo sơn và lòng yêu nước nồng nàn. Những tình cảm đẹp đẽ đó, bom đạn chiến tranh không thể xóa nhòa, vui lấp.

- Mở rộng: Hình ảnh người lính qua một số tác phẩm khác

3. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận là hoàn toàn đúng.

- Liên hệ bản thân.

ĐỀ SỐ 122

“Một trong những thành công xuất sắc của truyện ngắn Chiếc lược ngà là việc sáng tạo tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý đã thể hiện một cách cảm động tình cảm cha con sâu nặng và cao đẹp trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.”

Bằng những hiểu biết của em về văn bản Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/Yêu cầu về hình thức:

– HS biết cách làm một bài văn nghị luận văn học dựa trên một tác phẩm truyện, có năng lực cảm thụ, giải thích, chứng minh, đánh giá khái quát làm rõ ý kiến văn học.

– Trình bày mạch lạc, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có cảm xúc.

II/Yêu cầu về nội dung: Về cơ bản thể hiện được những ý sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận.

2/ Thân bài:

2.1. Tình huống truyện:

- Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách, nhưng thật bất ngờ bé Thu lại không nhận cha. Đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm mãnh liệt thì ông Sáu lại phải đi chiến đấu.
- Ở khu căn cứ ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và nỗi mong nhớ con vào việc làm cây lược ngà để tặng con như lời hứa, nhưng ông đã hi sinh khi chưa kịp trao cho con món quà đầy ý nghĩa và thiêng liêng ấy.
- *Nhận xét:* Tình huống truyện đầy bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí. Qua đó thể hiện hoàn cảnh éo le trong chiến tranh, đồng thời để nhân vật bộc lộ được tình cảm cha con sâu nặng, thiêng liêng, cảm động.

2.2. Tình cảm cha con:

a/ Tình cảm của người con đối với cha:

- Khi bé Thu chưa nhận cha: đối xử xa lạ, ngờ vực, lạnh nhạt, có lúc phản ứng rất quyết liệt, gay gắt.
- Khi bé Thu nhận ra cha: nghe lời bà ngoại giải thích em ân hận, biểu lộ tình yêu cha cuồng quýt, mãnh liệt, đầy cảm động.

Đánh giá: Thái độ và hành động của bé Thu ở cả hai thời điểm là không đáng trách mà rất đáng thương, đáng nhận được sự đồng cảm. Đó là cách biểu lộ tình yêu thương ba tuyệt đối của một đứa trẻ có cá tính, có tình yêu Ba sâu sắc, mãnh liệt mà cũng rất hồn nhiên, trong sáng.

b/ Tình cảm của người cha đối với con:

- Khi về thăm nhà: nóng vội, khao khát được gặp con, dành hết tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc cho con mà không được đền đáp nên ông rất đau khổ và bất lực.
- Khi trở lại chiến trường: ông day dứt, ân hận và dồn hết nỗi nhớ, tình yêu thương con vào việc làm cây lược ngà cho con. Trước lúc hi sinh lời trao gửi cuối cùng ông nhờ người bạn trao tận tay cho con gái cây lược ấy.
- Đánh giá: Tình cảm cha con ở người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh đau thương, mất mát đầy éo le của chiến tranh thật cao đẹp và cảm động biết nhường nào.

2.3. Đánh giá chung:

- Khẳng định giá trị đặc sắc của tình huống truyện góp phần làm nổi bật ý nghĩa chủ đề tác phẩm: tình cha con sâu nặng, thiêng liêng, thấm thiết trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.
- Từ đó gợi trong lòng người đọc nỗi xúc động thấm thía về những đau thương mất mát, những cảnh ngộ éo le mà con người phải gánh chịu do chiến tranh.

3/ Kết bài: khẳng định vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 123

Trong bài “*Độc Kiều*”, nhà thơ Chế Lan Viên viết:

“Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc

Sắc tài sao mà lắm truân chuyên”.

Dựa vào những hiểu biết của em về Truyện Kiều của Nguyễn Du, hãy giải thích và làm sáng tỏ nội dung ý hai câu thơ.

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về kĩ năng: H/s biết cách làm bài văn nghị luận tổng hợp về một hình tượng văn học được miêu tả trong tác phẩm, bố cục bài viết mạch lạc, diễn đạt lưu loát, văn viết có hình ảnh, cảm xúc.

II/ Về kiến thức: Giải thích được ý nghĩa hai câu thơ, dựa vào tác phẩm chứng minh được Kiều là người con gái có tài, có sắc, có phẩm hạnh đáng quý nhưng nàng lại có số phận bất hạnh.

1.Mở bài:

-Dẫn dắt trích dẫn nhận định

-Nêu vấn đề

2.Thân bài:

2.1-Giải thích ý nghĩa hai câu thơ:

-*Đời dân tộc:* Hoàn cảnh lịch sử của dân tộc ta: Một đất nước giàu đẹp cả về giá trị tài nguyên cùng những di sản quý báu về tinh thần nhưng trong suốt chiều dài lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước đã phải trải qua bao sóng gió, khó khăn trở ngại.

-*So sánh Kiều như đời dân tộc:* Là khái quát số phận và nhân phẩm của người con gái họ Vương: Người con gái có tài có sắc có cả phẩm hạnh đáng quý nhưng người con gái ấy lại có số phận bất hạnh long đong chìm nổi.

– Số phận của Kiều là điển hình tiêu biểu cho cuộc đời của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ: Tài, sắc, hiếu hạnh nhưng trắc trở khổ đau.

-Thái độ của tác giả qua hai câu thơ: Chạnh thương: Cảm thương cho nỗi khổ của người phụ nữ đồng thời trân trọng và khẳng định vẻ đẹp phẩm chất tâm hồn ở họ.

2.2-Phân tích chứng minh:

a-Vẻ đẹp tài sắc, đức hạnh của Kiều:

- Kiều là cô gái có nhan sắc tuyệt trần (D/c, phân tích)
- Kiều là cô gái thông minh tài hoa (D/c, phân tích)
- Kiều là cô gái có phẩm chất tâm hồn đáng quý (D/c, phân tích)

b- Kiều có cuộc sống khổ cực truân chuyên:

- Tình yêu sớm bị dập vùi tan nát (D/c, phân tích)
- Bản thân trở thành món hàng mua đi bán lại (D/c, phân tích)
- Bị đánh đập , lừa gạt, chà đạp tàn nhẫn đến mức tuyệt vọng (D/c, phân tích).

2.3. Đánh giá: Số phận của Kiều là số phận chung của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa . Số phận ấy có ý nghĩa tố cáo xã hội bất công, đặc biệt là đối với người phụ nữ.

Tác giả thể hiện rõ cái nhìn nhân đạo, tiến bộ đối với người phụ nữ trong xã hội phong kiến: Cảm thương, trân trọng.

3. Kết bài:

- Khẳng định hai câu thơ giúp người đọc thêm hiểu, thêm trân trọng nhân vật Thúy Kiều, về giá trị Truyện kiều của Nguyễn Du.
- Liên hệ: Người phụ nữ ngày nay có quyền bình đẳng, được tôn trọng, đã và đang phát huy vai trò đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.

ĐỀ SỐ 124

Nhà thơ Pháp Andre Chanien từng nói: "*Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ.*"

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua *Mùa xuân nho nhỏ* của nhà thơ Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2004.

GỢI Ý LÀM BÀI

Với những suy nghĩ độc lập, sáng tạo của bản thân, học sinh có thể kết hợp nhiều thao tác lập luận để làm bài văn nghị luận. Sau đây là một số gợi ý định hướng:

1/ Mở bài: giới thiệu vấn đề, giới thiệu bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của nhà thơ Thanh Hải.

2/ Thân bài:

2.1. Giải thích:

- *Nghệ thuật*: Là những đặc sắc về hình thức (ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu...)
 - *Trái tim*: Là thế giới của đời sống tâm hồn, tình cảm, tâm nguyện... với những rung động thẩm mỹ nhạy cảm thể hiện thiên chức của người nghệ sĩ.
 - Để có những bài thơ hay đòi hỏi người nghệ sĩ vừa phải có tài, vừa phải có tâm.
- => Đây là ý kiến nhằm khẳng định, đề cao thiên chức của nhà văn và quá trình sáng tạo nghệ thuật.

2.2. Làm sáng tỏ qua Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải:

- Những đặc sắc về nghệ thuật: thể thơ năm tiếng, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, hình ảnh thơ đẹp, giản dị, sáng tạo...
- "*Trái tim*" của thi sĩ: mặc dù sống những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời trên giường bệnh nhưng tiếng lòng nhà thơ vẫn tha thiết yêu mến và gắn bó với thiên nhiên, đất nước, với cuộc đời; ước nguyện chân thành được cống hiến, được góp một "*mùa xuân nho nhỏ*" vào mùa xuân lớn của dân tộc...

2.3. Đánh giá:

- Mùa xuân nho nhỏ là một bài thơ vừa đặc sắc về nghệ thuật, vừa tiêu biểu cho "*trái tim*" của nhà thơ.
- Ý kiến của Andre Chenien giúp ta cảm nhận sâu sắc và trân trọng tài năng, trái tim của người nghệ sĩ...

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề.

ĐỀ SỐ 125 Trong tác phẩm "*Chuyện người con gái Nam Xương*" (Nguyễn Dữ), nhân vật Trương Sinh vội tin câu nói ngây thơ của con trẻ đã nghi oan cho Vũ Nương, ruồng rẫy và đánh đuổi nàng đi. Vũ Nương bị oan ức nên nhảy xuống sông tự vẫn.

Theo em khi kể chuyện tác giả có hé mở chi tiết nào trong truyện để có thể tránh được thảm kịch đau thương cho Vũ Nương. Suy nghĩ của em về cái chết của Vũ Nương?

GỢI Ý LÀM BÀI

I/ Về kĩ năng:

Đảm bảo một văn bản hoàn chỉnh, không mắc lỗi diễn đạt về các mặt chính tả, dùng từ, đặt câu. Cách lập luận chặt chẽ, thuyết phục, khuyến khích những học sinh có những kiến giải sâu sắc, hợp lí.

II/ Về kiến thức: Bài viết đảm bảo các ý cơ bản sau:

1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận

2/ Thân bài:

2.1. Tóm tắt ngắn gọn câu chuyện

2.2. Nêu được những chi tiết hé mở trong truyện để có thể tránh được thảm kịch cho Vũ Nương:

- Truyện không phải không hé mở khả năng có thể tránh được thảm kịch đau thương của Vũ Nương:

+Lời con trẻ chứa đựng không ít điều vô lí không thể tin ngay được: "mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi", "chỉ nín thin thít", "chẳng bao giờ bế Đản cả",... Câu nói đó của đứa trẻ như là một câu đố, nếu Trương Sinh biết suy nghĩ thì cái chết của Vũ Nương sẽ không xảy ra. Nhưng Trương Sinh cả ghen, ít học, đã vô tình bỏ dở khả năng giải quyết tấm thảm kịch, dẫn tới cái chết oan uổng của người vợ.

- Bi kịch có thể tránh được khi vợ hỏi chuyện kia ai nói, chỉ cần Trương Sinh kể lại lời con nói mọi chuyện sẽ rõ ràng.

=>Thể hiện tài năng kể chuyện của Nguyễn Dữ (thắt nút truyện làm cho mâu thuẫn đẩy lên đỉnh điểm tăng sự li kỳ, hấp dẫn cho câu chuyện)

2.3. Suy nghĩ về cái chết của Vũ Nương:

- Tìm đến cái chết là tìm đến giải pháp tiêu cực nhất nhưng dường như đó là cách duy nhất của Vũ Nương. Hành động trầm mình tự vẫn của nàng là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự, đối với nàng phẩm giá còn cao hơn cả sự sống.

- Một phụ nữ đức hạnh, tâm hồn như ngọc sáng mà bị nghi oan bởi một chuyện không đầu ở một lời con trẻ, một câu nói đùa của mẹ với con mà phải tìm đến cái chết bi thảm, ai oán trong lòng sông thăm thẳm.

- Câu chuyện bắt đầu từ một bi kịch gia đình, một chuyện trong nhà, một vụ ghen tuông. Vũ Nương lấy phải người chồng cả ghen, nguyên nhân trực tiếp dẫn nàng đến cái chết bi thảm là "máu ghen" của người chồng nông nổi. Không phải chỉ vì cái bóng trên tường mà chính là cái bóng đen trong tâm hồn Trương Sinh đã giết chết Vũ Nương.

- Câu chuyện đau lòng vượt ra ngoài khuôn khổ của một gia đình, nó buộc chúng ta phải suy nghĩ tới số phận mong manh của con người trong một xã hội mà những oan khuất, bất công, tai họa có thể xảy ra bất cứ lúc nào đối với họ mà những nguyên nhân dẫn đến nhiều khi không thể lường trước được. Đó là xã hội phong kiến ở nước ta, xã hội đã sinh ra những

chàng Trương Sinh, những người đàn ông mang nặng tư tưởng nam quyền, độc đoán, đã chà đạp lên quyền sống của người phụ nữ. Hậu quả là cái chết thảm thương của Vũ Nương.

- Chiến tranh phong kiến cũng là một nguyên nhân dẫn đến bi kịch của Vũ Nương. Nó gây nên cảnh sinh li rồi góp phần dẫn đến cảnh tử biệt.

- Cái chết của Vũ Nương là lời tố cáo xã hội phong kiến đã dung túng cho cái ác, cái xấu xa đồng thời bày tỏ niềm cảm thông đối với số phận người phụ nữ.

- Bi kịch của Vũ Nương đem đến bài học thấm thía về việc giữ gìn hạnh phúc gia đình.

2.4. Đánh giá, liên hệ, mở rộng:

- Nghệ thuật xây dựng chi tiết có ý nghĩa trong tác phẩm, tạo tình huống có vấn đề .

- Nỗi đau, số phận của Vũ Nương cũng chính là hình ảnh cuộc sống của người phụ nữ xưa.

- Trân trọng, cảm thông, thấu hiểu của tác giả với người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Suy nghĩ của bản thân về cuộc sống gia đình hiện nay.

3/ Kết bài: Khẳng định vấn đề.

ĐỀ SỐ 126

Trong thơ ca Việt Nam, có nhiều bức tranh thiên nhiên đẹp được vẽ bằng ngôn từ.

Có vẻ đẹp tinh khôi, thanh khiết:

*Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Có vẻ đẹp nên thơ, tráng lệ:

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe.*

Đêm thơ: sao lìa nước Hạ Long.

(Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận)

Có vẻ đẹp sáng trong, bình dị:

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

(Sang thu - Hữu Thỉnh).

Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn và tài năng của mỗi thi nhân qua những bức tranh thiên nhiên trong các câu/đoạn thơ trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

Có thể viết bài văn theo định hướng sau :

1. Mở bài: Giới thiệu chung

- Trong thơ ca Việt Nam có nhiều bức tranh thiên nhiên đẹp được vẽ bằng ngôn từ.
- Tâm hồn và tài năng của mỗi thi nhân được biểu hiện qua những bức tranh thiên nhiên những câu thơ thuộc các đoạn trích *Cảnh ngày xuân*, *Đoàn thuyền đánh cá*, *Sang thu*.

2. Thân bài

a. Giống nhau

- Thiên nhiên được cảm nhận qua tâm hồn thi nhân và được thể hiện qua bút pháp nghệ thuật độc đáo.
- Qua thiên nhiên gửi gắm những tình cảm, tư tưởng của tác giả.

b. Khác nhau

Cảnh ngày xuân – Nguyễn Du: vẽ đẹp thiên nhiên tinh khôi, thanh khiết

- Hình ảnh “*cỏ non...*”:
 - + Tái hiện một không gian tràn đầy sắc xanh non của cỏ mùa xuân.
 - + Gợi: sự tươi non và sức sống dạt dào của mùa xuân.
 - Hình ảnh “*cành lê*”:
 - + Đảo ngữ “*trắng điểm*” -> tô đậm sắc trắng của đóa hoa lê.
 - + “*điểm*”: gợi ấn tượng về sự thanh thoát của hoa.
 - Màu sắc:
 - + Sắc xanh của cỏ.
 - + Màu trắng của hoa
- => Bức tranh thiên nhiên với vẻ đẹp hài hòa, gợi một không gian trong trẻo, tinh khôi, tràn trề nhựa sống.

=> Với bút pháp chấm phá tài tình, tác giả đã rất thành công khi phác họa một bức tranh mùa xuân khoáng đạt, tươi đẹp => Thế giới tâm hồn tràn đầy niềm vui, phấn chấn và có chút tiếc nuối của chị em Thúy Kiều.

Vẻ đẹp nên thơ, lặng lẽ trong khổ thơ thứ 4 Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận

- Liệt kê: “*cá nhụ*”, “*cá chim*”...:

+ Là những loài cá quý giá nhất -> sự hào phóng của biển cả.

+ Tô đậm ấn tượng về một vùng biển giàu có với sản vật phong phú.

- Hình ảnh miêu tả: “*cá song...đuốc đen hồng*”:

+ Tả thực cá song dài có những chấm nhỏ màu đen hồng.

+ Liên tưởng đến ngọn đuốc làm sáng cả biển đêm.

- Đại từ “*em*” -> nhân hóa câu thơ:

+ Cá không phải là đối tượng để đánh bắt mà là đối tượng để chinh phục.

+ Gợi hành trình chinh phục tự nhiên của con người.

- Nhân hóa: “*đêm thở*”, “*sao lùa*” -> Vẻ đẹp của đêm trăng trên biển. Ánh trăng sao lồng vào sóng nước nên khi cá quẫy ta có cảm giác không phải mặt nước đang xao động mà là màn đêm đang thở.

=> Với thể thơ 7 chữ trang trọng cùng các biện pháp tu từ, tác giả khắc họa bức tranh thiên nhiên biển khơi vừa giàu vừa đẹp. Đó là bức tranh biển khơi của đất nước nên thơ, lặng lẽ, đẹp vô ngần.

Vẻ đẹp sáng trong, bình dị trong hai câu thơ đầu bài thơ Sang thu – Hữu Thỉnh

Mùa thu trong thơ trung đại thường được nhận ra bằng một lá vàng rơi. Đến văn học đầu thế kỉ XX Bích Khê cũng có “*Ô hay buồn vương cây ngô đồng – Vàng rơi, vàng rơi, thu mệnh mông*”. Chỉ đến Hữu Thỉnh, mùa thu mới được nhận ra bằng dấu hiệu rất bình dị của đồng nội quê hương.

- “Hương ổi”: đi liền với từ “bỗng” gợi cảm giác đột ngột, ngỡ ngàng; “phả” – làn hương ngọt ngào, sánh đậm, mùi ổi chín như được cô lại, phả vào gió thu. “Hương ổi” gợi không gian thơ thân thuộc, yêu dấu của làng quê đất Việt với những khu vườn, lối ngõ đầy hoa trái, làm nên hương sắc mỗi mùa; gợi hương vị riêng của mùa thu trong thơ Hữu Thỉnh.

- “Gió se” là ngọn gió heo may mùa thu dịu nhẹ, thoáng chút se lạnh lúc thu về, giúp ta cảm nhận rõ hơn cái ngọt lành của hương ổi.

=> Thể thơ 5 chữ với những chất liệu thơ ca bình dị diễn tả những cảm nhận tinh tế của thiên nhiên vào lúc sung thu.

=> Những cảm nhận mới mẻ, tinh tế của tác giả lúc mùa sang. Ẩn sau những đổi thay của thiên nhiên đất trời lúc sang thu là niềm vui, niềm hạnh phúc của thi nhân.

3/ Kết bài:

- Mỗi thi nhân cảm nhận được vẻ đẹp thiên nhiên khác nhau.

ĐỀ SỐ 127

"Càng từng trải chiến tranh, càng chứng kiến nhiều hơn sức mạnh hủy diệt, sức mạnh biến tất cả thành tro bụi của nó, Kiên càng tin rằng chiến tranh không tiêu diệt được cái gì hết. Tất cả vẫn còn lại đó, vẫn y nguyên."

(Bảo Ninh – Nỗi buồn chiến tranh, NXB Văn học 2006, Tr.279)

Từ những chiêm nghiệm trên, hãy nói về những điều “chiến tranh không tiêu diệt được” trong bài thơ "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật (SGK Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017) và truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê (SGK Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam 2017).

GỢI Ý LÀM BÀI

Có thể viết bài văn theo định hướng sau :

1. Mở bài: Giới thiệu chung

* Giới thiệu về tác giả Phạm Tiến Duật:

- Là nhà thơ khoác áo lính, một gương mặt tiêu biểu cho thế hệ thơ trẻ kháng chiến chống Mỹ.

- Hình tượng trung tâm trong thơ ông là người lính và cô thanh niên xung phong.

- Nghệ thuật: giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc.

- Tác phẩm: Viết năm 1969, được in trong “Vàng trắng quàng lửa”. Đoạn trích là ba khổ thơ cuối bài, thể hiện tình đồng đội keo sơn, gắn bó và ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước của những người lính.

* Giới thiệu về tác giả Lê Minh Khuê

- Thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Tác giả tham gia thanh niên xung phong và bắt đầu sáng tác vào đầu những năm 70.

- Lê Minh Khuê thành công ở thể loại truyện ngắn:

+ Trong chiến tranh, hầu hết sáng tác tập trung viết về cuộc sống, chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn.

+ Sau 1975, sáng tác của Lê Minh Khuê bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới.

- Sáng tác của Lê Minh Khuê cuốn hút người đọc nhờ lối viết giản dị, tự nhiên, lối kể chuyện sinh động, khả năng phân tích tâm lí nhân vật chân thực, tinh tế.

- Tác phẩm được viết năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt.

2. Thân bài:

2.1. Giải thích

“Càng từng trải chiến tranh, càng chứng kiến nhiều hơn sức mạnh hủy diệt, sức mạnh biến tất cả thành tro bụi của nó, Kiên càng tin rằng chiến tranh không tiêu diệt được cái gì hết. Tất cả vẫn còn lại đó, y nguyên”.

→ Chiến tranh với những thứ vũ khí có sức tàn phá lớn, nó hủy diệt mọi thứ mà thực tế lại không hủy diệt được gì, đó là: đau thương, mất mát và hơn cả nó không thể hủy diệt sự dũng cảm, lòng yêu nước của thế hệ trẻ

2.2. Chứng minh

2.2.1. Không tiêu diệt được sự sôi nổi, trẻ trung, nhiệt huyết của tuổi trẻ

a. Bài thơ về tiểu đội xe không kính

- Tinh thần lạc quan, sôi nổi, tinh nghịch, trẻ trung

+ Giọng thơ tươi nhộn, hài hước: “Không có”, “ừ thì có”.

+ Hiện thực: gió, bụi, mưa vốn khắc nghiệt bỗng mờ đi dưới sắc thái tươi vui, hóm hỉnh.

+ Cái nhìn lạc quan, mưa ngừng, miệng cười ha ha, trời xanh thêm.

- Tâm hồn lãng mạn:

+ Cảm nhận thiên nhiên như một người bạn nồng hậu, phóng khoáng: sao trời, cánh chim.

+ Như nhìn thấy “trời xanh thêm” phía cuối con đường. Họ lái chiếc xe không kính đến một chân trời đẹp đẽ.

b. Những ngôi sao xa xôi

- Họ là ba cô gái trẻ có nội tâm phong phú. Ở họ có những nét chung của cô gái hay mơ mộng, dễ xúc động, dễ vui, dễ buồn.

- Họ cũng rất nữ tính, thích làm đẹp dù ở chiến trường khói lửa. Nho thích thêu thùa, Thao chăm chép bài hát, Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ màng và thích hát.

- Cuộc sống ở chiến trường rất khó khăn nhưng họ vẫn luôn bình tĩnh, lạc quan, yêu đời. Trong hang vắng vang lên tiếng hát của ba cô gái và những dự định về tương lai. Chiến tranh bom đạn không thể phá đi được những giây phút mơ mộng ấy. Đó còn là thời gian để nhớ về gia đình, về những kỉ niệm, là niềm vui của Nho và Phương Định khi thấy những cơn mưa đá.

2.2.2. Không tiêu diệt được tình đồng đội gắn bó khăng khít

a. Bài thơ về tiểu đội xe không kính

- Tình đồng đội sâu nặng:

+ Cử chỉ đơn sơ: “bắt tay” những người lính lái xe Trường Sơn đã chia sẻ cho nhau niềm tự hào, kiêu hãnh, đã bộc lộ sự đồng cảm sâu sắc, là lời động viên thăm lặng mà nồng nhiệt.

+ Sự gắn bó, đầm ấm, thân thương như trong một gia đình=> Đây là những khoảnh khắc bình yên, hạnh phúc hiếm hoi trong cuộc đời người lính. Họ được quây quần bên nồi cơm nấu vôi, được sống với những tình cảm êm đềm, ấm áp nhất.

- Bữa cơm thời chiến đã xóa mọi khoảng cách giữa họ khiến họ có cảm giác gần gũi như ruột thịt.

b. Những ngôi sao xa xôi

- Tình đồng đội keo sơn, gắn bó:

+ Tình cảm ấy nằm trong sự chân thành, dứt khoát khi ai cũng muốn giành phần nguy hiểm, gian khổ về mình. Phương Định lo lắng, bồn chồn khi chờ Thao và Nho đi trinh sát trên cao điểm với nỗi lo lắng hai bạn không về

+ Tình cảm ấy nằm trong sự lo lắng, cử chỉ chăm sóc khi Nho bị thương, Phương Định tận tình cứu chữa, chị Thao luống cuống không cầm được nước mắt.

+ Tình cảm ấy còn được thể hiện trong sự nể phục, kính trọng những chiến sĩ mà họ gặp trên đường.

2.2.3. Không tiêu diệt được lòng dũng cảm, sẵn sàng hi sinh và lòng yêu nước nồng nàn

a. Bài thơ về tiểu đội xe không kính

- Phong thái ung dung, hiên ngang, dũng cảm:

+ Đảo ngữ tô đậm sự ung dung, bình thản, điềm tĩnh đến kì lạ.

+ Điệp từ “nhìn”, thủ pháp liệt kê và lối miêu tả nhìn thẳng, không né tránh gian khổ, hy sinh, sẵn sàng đối mặt với gian nan, thử thách.

- Vẻ đẹp của lí tưởng cách mạng:

+ Vì miền Nam, vì một ngày chiến thắng không xa, nước nhà độc lập, đất nước thống nhất hai miền

+ Trái tim: Hoán dụ cho tất cả con người với sức lực, tâm huyết dành trọn cho đất nước. Đồng thời cũng là hình ảnh ẩn dụ cho tinh thần trách nhiệm, ý chí chiến đấu.

→ Tiêu biểu cho vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ, là một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời chống Mĩ.

b. Những ngôi sao xa xôi

- Có tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ:

+ Có lệnh là họ lên đường, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ phá bom mở đường cho những đoàn xe nối đuôi nhau ra tiền tuyến và về đích an toàn.

+ Trong khi phá bom họ chỉ quan tâm đến một điều duy nhất: Liệu bom có nổ không, nếu không thì làm cách nào để bom nổ. Như vậy, với họ nhiệm vụ còn quan trọng hơn tính mạng bản thân.

- Gan dạ, dũng cảm, không sợ hy sinh:

+ Cuộc sống trong bom đạn chiến tranh cái chết có thể ập đến bất cứ lúc nào, song họ chưa bao giờ thấy ám ảnh, chưa bao giờ phải trằn trọc đêm đêm, cái chết đối với họ là một khái niệm rất mờ nhạt, không cụ thể.

+ Lòng dũng cảm còn thể hiện qua sự kiên cường trong chiến đấu:

Chị Thao rất gan dạ, ai cũng phải phát bực về cái tính bình tĩnh đến lạ của chị.

Nho khi máu thấm ra đỏ đất, vẫn bình tĩnh không một tiếng kêu, không cho ai được khóc, không cho ai gọi về đơn vị

Phương Định bình tĩnh gan dạ, nhất định không chịu đi khom.

2.3. Tổng kết, đánh giá

- Cả hai tác phẩm đã tái hiện chân thực cuộc sống đầy khó khăn nơi chiến trường, nhưng đồng thời làm ánh lên vẻ đẹp phẩm chất người sáng đó là lòng dũng cảm, tình đồng đội keo

son và lòng yêu nước nồng nàn. Những tình cảm đẹp để đó, bom đạn chiến tranh mãi mãi không thể xóa nhòa, vui lấp.

- Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, giàu cảm xúc.

3/ Kết bài : Khẳng định vấn đề.
